BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 516 /TB-MĐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2018

THÔNG BÁO
Về việc phân công nhiệm vụ các đơn vị tham gia Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Căn cứ Nghị quyết công tác tháng 10/2018 của Đảng ủy Trường và Thông báo số 469/TB-MĐC ngày 01/10/2018 của Hiệu trưởng về việc thực hiện công tác tháng 10/2018, Nhà trường sẽ tổ chức Hội nghị Cán bộ viên chức Trường lần thứ 45 vào **8h00 thứ Ba, ngày 30/10/2018** tại **Hội trường 300**. Để công tác tổ chức Hội nghị diễn ra thuận lợi và hiệu quả cao, Nhà trường phân công nhiệm vụ cho các đơn vị như sau:

1. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo Hội nghị CBVC Trường lần thứ 45 theo mẫu đề cương ban hành kèm theo công văn số 442/MĐC-HCTH ngày 10/9/2018.
- Là đầu mối tổng hợp danh sách đại biểu tham dự Hội nghị.
- Tổ chức đón tiếp đại biểu, khách mời.
- Ăn trưa
- Lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định của Nhà trường.

2. Phòng Công tác Chính trị - Truyền thông

- Trang trí khánh tiết Hội trường 300; chụp ảnh và đưa tin bài lên website.
- Bố trí MC dẫn chương trình.
- Bố trí người chạy míc (là cán bộ)

3. Phòng Quản trị - Thiết bị

- Bố trí Hội trường 300, đảm bảo vệ sinh và sắp xếp chỗ ngồi theo yêu cầu.
- Có phương án đề phòng mất điện

4. Phòng Xuất bản

- Chuẩn bị in ấn tài liệu phục vụ Hội nghị.

5. Các Phòng/Ban trong Trường

- Chuẩn bị nội dung và trả lời ý kiến đề xuất của các đơn vị.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Các PHT (phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

PGS.TS Lê Hải An

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 574/MĐC-HCTH

V/v góp ý cho Dự thảo báo cáo tại Hội nghị CBVC lần thứ 46

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện Nghị quyết Đảng ủy trường và Kế hoạch công tác tháng 10/2019 của Ban Giám hiệu, Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức lần thứ 46 vào ***08h00 ngày 31/10/2019***.

Để hoàn thiện Báo cáo tại Hội nghị cán bộ, viên chức lần thứ 46, Nhà trường đề nghị các đơn vị nghiên cứu, đóng góp ý kiến cho bản Dự thảo báo cáo bằng văn bản (kể cả trường hợp đồng ý với nội dung của dự thảo) và gửi về phòng Hành chính - Tổng hợp trước ngày ***28/10/2019*** để tổng hợp chung cho toàn Trường.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO
TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC

LẦN THỨ 46

HÀ NỘI, THÁNG 10/2019

BÁO CÁO
TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ, VIÊN CHỨC LẦN THỨ 46
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Kính thưa các vị khách quý!
Kính thưa các quý vị đại biểu!

Năm học 2018 - 2019 đã kết thúc, toàn thể cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2019 - 2020. Hôm nay, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tổ chức Hội nghị cán bộ, viên chức lần thứ 46 nhằm tổng kết, đánh giá kết quả các hoạt động của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019 và triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2019 - 2020. Đồng thời, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về *"Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*; Chương trình hành động của ngành Giáo dục thực hiện *"Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam 2012 - 2020"* và thực hiện các cuộc vận động của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thay mặt Đoàn chủ tịch, tôi xin trình bày báo cáo. Báo cáo gồm 2 phần:

- **Phần thứ nhất:** Báo cáo tổng kết các hoạt động của Nhà trường năm học 2018 - 2019.
- **Phần thứ hai**: Nhiệm vụ của Nhà trường năm học 2019 - 2020.

Phần thứ nhất

BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2017 - 2018

Kính thưa quý vị đại biểu!

Năm học 2018 - 2019 diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục trở thành xu thế tất yếu, cách mạng công nghiệp 4.0, trước nhiều thách thức và cơ hội đối với giáo dục đại học, đòi hỏi phải liên tục đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu cùng sự phối hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội Cựu chiến binh, tập thể cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên của Nhà trường đã đoàn kết, nỗ lực vượt khó vươn lên, phấn đấu cơ bản hoàn thành 06 nhiệm vụ và 12 giải pháp trọng tâm mà Hội nghị cán bộ, viên chức lần thứ 45 của Trường đã đề ra, cụ thể như sau:

1. Công tác chính trị tư tưởng

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong hoạt động của Nhà trường. Thực hiện Chỉ thị số 2919/CT-BGDĐT ngày 10/8/2018 của Bộ GD&ĐT về nhiệm vụ năm học 2018- 2019, và Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học, nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học với phương châm ***"Mỗi giờ lên lớp là một bước tiến trong giảng dạy, mỗi ngày đến trường có một đổi mới trong công việc"***; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động, phấn đấu thực hiện hiệu quả mục tiêu chiến lược của Nhà trường ***"Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao".***

- Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*" và học tập chuyên đề năm 2019 "Xây dựng ý thức tôn trọng Nhân dân, phát huy dân chủ, chăm lo đời sống Nhân dân theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức học tập, nghiên cứu, phổ biến đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy đã triển khai phổ biến Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập*" và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về *"Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế*"; triển khai Quy định số 08-Qđi/TW ngày 25/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng

viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên ban Chấp hành Trung ương.

- Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình mới, Đảng ủy Trường đã lựa chọn, tổ chức sinh hoạt chuyên đề Quý III/2018 về "Phát triển hợp tác, liên kết doanh nghiệp trong và ngoài nước về việc triển khai nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất", chuyên đề Quý IV/2018 về "Đẩy mạnh công tác truyền thông trong tuyển sinh và đào tạo nâng cao vị thế và thương hiệu của Nhà trường", chuyên đề Quý III/2019 về "Triển khai xây dựng hệ thống KPIs trong đánh giá cán bộ viên chức và đề xuất các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ viên chức và người lao động" và đang chuẩn bị Hội nghị sinh hoạt chuyên đề Quý IV/2019 về "Tăng cường công tác tuyển sinh và xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã; rà soát, xây dựng Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất".

Đảng ủy Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội lựa chọn tham dự Hội thi "Dân vận khéo" do Thành ủy Hà Nội tổ chức và đã đạt giải Khuyến khích. Qua Hội thi phần nào đã nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, giảng viên, sinh viên trong Nhà trường, xác định đúng mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác dân vận trong giai đoạn hiện nay.

- Đảng ủy đã tổ chức các hội nghị quán triệt, học tập Nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị ngoại khóa cho đảng viên toàn Trường, các buổi nói chuyện thời sự cho cán bộ viên chức, sinh viên như Hội nghị học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7, lần thứ 8, lần thứ 10 BCH TW Đảng khóa XII và Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư; triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị; Hội nghị Sinh hoạt chính trị hè năm 2019 cho toàn thể đảng viên của Đảng bộ.

- Đảng ủy đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với cán bộ, viên chức trẻ (dưới 35 tuổi), qua đó các CBVC trẻ đã được trực tiếp lắng nghe, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường về công tác chăm lo, phát triển nguồn lực trẻ; đồng thời, đây cũng là dịp để các cán bộ trẻ bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất, những khó khăn trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học cũng như về đời sống. Qua đó, Nhà trường kịp thời có biện pháp điều chỉnh, hỗ trợ nguyện vọng chính đáng của các cán bộ trẻ.

Nhận xét, đánh giá chung

Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được Đảng ủy và Nhà trường quan tâm và coi trọng. Qua các buổi học tập quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Pháp luật của Nhà nước và triển khai các cuộc vận động đã giúp cho cán bộ, viên chức và sinh viên hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong các hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, đẩy lùi tiêu cực góp phần nâng cao chất lượng dạy và học trong Nhà trường. Cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường đã thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; các nội quy, quy định của Nhà trường và nơi cư trú, tạm trú.

Tuy nhiên, chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa thực sự nắm bắt được tâm tư, tư tưởng chính trị của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường.

2. Công tác đào tạo

2.1. Công tác tuyển sinh năm học 2018 – 2019

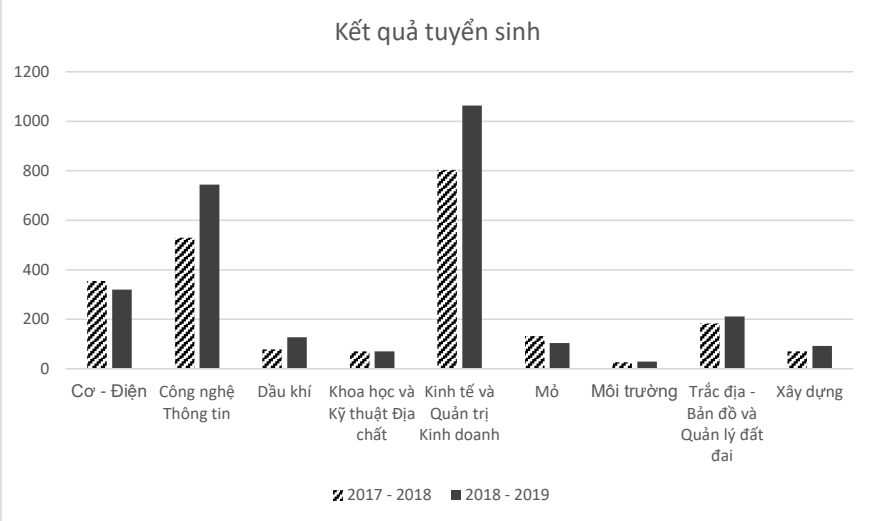
Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà Trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: Đại học chính quy; Liên thông đại học đợt 1; Đại học bằng 2 đợt 1; Vừa làm vừa học và Sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2018-2019 được thể hiện chi tiết ở *Bảng 1*.

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh năm học 2018- 2019

Khoa	**Tổng**	**ĐH**		**VLVH**		**VB2**	**LT**	**Sau ĐH**	
		Học bạ	**THPT QG**	**ĐH**	**VB2**			**Cao học**	**NCS**
Cơ - Điện	355 (320)	106 (0)	182 (274)	11 (14)	2 (3)	8 (5)	2 (2)	42 (38)	2 (1)
Công nghệ Thông tin	530 (744)	3 (0)	508 (741)	0 (0)	0 (0)	2 (0)	2 (3)	15 (-)	- (-)
Dầu khí	78 (128)	30 (43)	32 (59)	0 (0)	0 (0)	2 (2)	5 (1)	7 (23)	2 (0)
Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	70 (70)	10 (0)	8 (16)	1 (1)	1 (0)	9 (0)	0 (0)	39 (52)	2 (2)
Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	803 (1064)	67 (0)	474 (606)	27 (25)	14 (14)	4 (7)	1 (60)	214 (390)	2 (1)
Mỏ	132 (104)	16 (22)	23 (31)	40 (32)	10 (9)	11 (0)	1 (0)	29 (47)	2 (4)
Môi trường	26 (29)	8 (23)	1 (5)	1 (0)	0 (0)	0 (1)	1 (0)	15 (-)	- (-)
Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	183 (211)	21 (50)	25 (49)	1 (3)	0 (1)	16 (2)	2 (6)	118 (101)	0 (3)
Xây dựng	70 (92)	9 (62)	13 (21)	0 ()	0 (0)	32 (5)	10 (0)	5 (4)	1 (0)
Tổng	**2247 (2762)**	**270 (200)**	**1266 (1802)**	**81 (75)**	**27 (27)**	**84 (22)**	**24 (72)**	**484 (655)**	**11 (11)**

Ghi chú:

- *trong ngoặc ( ) là kết quả tuyển sinh của năm 2017-2018*
- *dấu trừ - thể hiện chưa tuyển sinh*



Hình 1. Kết quả tuyển sinh

a) Đại hoc chính quy: Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp. Kết quả này có nhiều nguyên nhân, chủ yếu từ thực trạng trong xã hội hiện tại.

b) Văn bằng 2, liên thông chính quy: Từ số liệu tuyển sinh đợt 1 năm 2019 cho thấy có sự sụt giảm mạnh về số lượng ở hệ liên thông so với năm trước. Nguyên nhân có thể đến từ thực tế hiện nay: bằng trung cấp, cao đẳng hiện tại dễ xin việc hơn bằng đại học. Tuy nhiên cũng có điểm tích cực đó là số lượng ở hệ văn bằng 2 tăng gần gấp 4 lần so với năm 2018. Điều này có thể lý giải là do xu hướng làm việc đa ngành ngày càng phổ biến trong xã hội. Vì vậy cần tiếp tục đa dạng hóa loại hình đào tạo như: đào tạo theo địa chỉ, theo yêu cầu của doanh nghiệp.

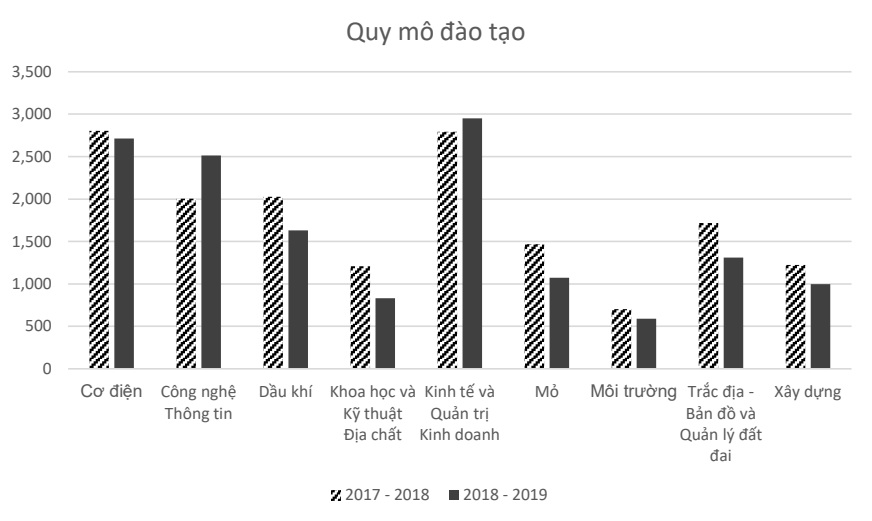
c) Vừa làm vừa học: Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề….

d) Sau đại học:

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2018 - 2019 (đợt 2 năm 2018 và đợt 1 năm 2019) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 484 học viên cao học và 11 nghiên cứu sinh. So với năm học 2017 - 2018, số lượng tuyển sinh cao học giảm mạnh so với năm học 2017 - 2018, giảm chủ yếu học viên của ngành Quản lý kinh tế. Số lượng NCS tuyển mới tương đương so với năm học trước.

2.2. Quy mô đào tạo

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2018 – 2019 là **14.615**, giảm 8,3% so với năm học 2017 – 2018 (**15.948** người).



Hình 2. Quy mô đào tạo

Hệ chính quy: Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **13.570**, giảm 7,8% so với năm học 2017 – 2018 (**14.723** sinh viên**)**, trong đó Đại học: **12.933**; Cao đẳng: **274** và Liên thông: **363**.

Bảng 2. Số lượng sinh viên Cao đẳng

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Cơ điện	92	69	
2	Công nghệ Thông tin	37	30	
3	Dầu khí	0	0	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	27	26	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	25	26	
6	Mỏ	58	50	
7	Môi trường	4	4	
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	37	41	
9	Xây dựng	26	28	
	Tổng	**306**	**274**	

Bảng 3. Số lượng sinh viên Đại học

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Cơ điện	2,613	2,525	
2	Công nghệ Thông tin	1,949	2,456	
3	Dầu khí	1,952	1,592	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	964	675	

5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	1,968	2,278	
6	Mỏ	1,236	930	
7	Môi trường	699	573	
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	1,293	985	
9	Xây dựng	1,076	919	
	Tổng	**13,750**	**12,933**	

Bảng 4. Số lượng sinh viên Liên thông

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Cơ điện	25	31	
2	Công nghệ Thông tin	18	11	
3	Dầu khí	4	4	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	70	36	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	194	116	
6	Mỏ	52	29	
7	Môi trường	0	0	
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	193	93	
9	Xây dựng	111	43	
	Tổng	**667**	**363**	

Hệ vừa làm vừa học: Tổng số SV tai các điểm đào tạo là **852** SV, năm học 2018-2019 một số chuyên ngành số lượng sinh viên quá ít lên khó khăn trong công tác quản lý và xây dựng kế hoạch đào tạo.

Bảng 5. Số lượng sinh viên VLVH

TT	Địa điểm đào tạo	Tổng	ĐH	VB2
1	Cẩm Phả	323	35	288
2	Hà Nội	132	36	96
3	Hòn Gai	120	7	113
4	Phú Yên	3	0	3
5	Tây Ninh	17	0	17
6	Thanh Hóa	87	0	87
7	Uông Bí	150	29	121
8	Vũng Tàu	20	0	20
	Tổng	**852**	**107**	**745**

Sau đại học: Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là 1030, trong đó có 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của

13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học giảm 15,9% (Năm học 2017 - 2018, quy mô đào tạo sau đại học là 1225, trong đó số lượng học viên cao học là 1073 và nghiên cứu sinh là 152). Số lượng NCS của Nhà trường nhìn chung giảm đều trong 2 năm gần đây. Số lượng học viên cao học tuy đã giảm nhưng đông nhất vẫn là ngành Quản lý kinh tế. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí, Kỹ thuật địa vật lý, Kỹ thuật hóa học, Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật tuyển khoáng, Địa chất học. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng HVCH đông hơn như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật địa chất, Khai thác mỏ, Kỹ thuật cơ khí động lực.

Bảng 6. Số lượng học viên Cao học

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Cơ điện	56	69	
2	Công nghệ Thông tin	0	15	Mới mở 5/2018
3	Dầu khí	60	23	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	108	63	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	589	499	
6	Mỏ	102	49	
7	Môi trường	0	15	2017-2018 chưa mở ngành
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	149	163	
9	Xây dựng	9	8	
	Tổng	**1073**	**904**	

Bảng 7. Số lượng Nghiên cứu sinh

TT	Khoa	2017-2018	2018-2019	Ghi chú
1	Cơ điện	18	20	
2	Công nghệ Thông tin	0	0	Chưa có
3	Dầu khí	12	11	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	39	33	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	17	14	
6	Mỏ	20	16	
7	Môi trường	0	0	Chưa có
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	45	30	
9	Xây dựng	1	1	
	Tổng	**152**	**125**	

2.3. Công tác giảng dạy và hướng dẫn đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp

Khối lượng giảng dạy đại học, liên thông, cao đẳng thực hiện được trong năm học 2018 - 2019 là 270.184 giờ được thực hiện bởi 547 cán bộ. Tổng số giờ vượt của toàn trường là 166.957 giờ (vượt khoảng 62% giờ chuẩn). Tuy nhiên, song song với các cán bộ vượt giờ vẫn còn những cán bộ thiếu giờ.

Bảng 8. Khối lượng giảng dạy năm học 2018 – 2109

Khoa	Số lượng cán bộ thực hiện	Tổng giờ thực hiện của cán bộ	Tổng giờ vượt của cán bộ vượt giờ	Tổng giờ thiếu của cán bộ thiếu giờ
Cơ điện	56	33.623	23.661	-32
Công nghệ thông tin	49	22.192	12.951	-523
Dầu khí	58	22.654	13.599	-115
Giáo dục quốc phòng	9	8.160	7.849	0
Khoa học cơ bản	90	37.790	18.780	-995
Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	53	17.517	8.447	-1.555
Kinh tế & QTKD	49	46.430	36.510	0
Lý luận chính trị	22	12.552	8.374	0
Mỏ	42	21.701	13.264	-488
Môi trường	27	10.481	5.115	-89
Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	68	27.674	13.293	-794
Xây dựng	24	9.695	5.114	0
Tổng	**547**	**270.442**	**166.957**	**-4.590**

Đào tạo Đại học:

Trong năm học 2018 – 2019, Số lượng sinh viên được xét tốt nghiệp là 4209, trong đó chỉ có 3343 sinh viên đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp, còn lại 866 sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học.

Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp

TT	Khoa	Đã in bằng tốt nghiệp					Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR
		Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	
1	Cơ điện	**381**	0	3	184	194	84
2	Công nghệ Thông tin	**260**	0	1	162	97	111
3	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	**352**	0	11	202	139	126
4	Dầu khí	**480**	5	46	341	88	124

5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	**469**	8	64	343	54	97
6	Mỏ	**355**	0	20	238	97	102
7	Môi trường	**231**	1	33	175	22	35
8	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	**521**	8	70	362	81	121
9	Xây dựng	**294**	0	7	162	125	66
	Tổng cộng	**3343**	**22**	**255**	**2169**	**897**	**866**

Bảng 10. Kết quả học tập hệ Cao đẳng

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	0	0	1	2	27	**30**
2	Cơ điện	0	0	2	15	52	**69**
3	Dầu khí	0	0	0	0	0	**0**
4	Kinh tế & QTKD	0	0	6	2	18	**26**
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	2	0	1	3	20	**26**
6	Mỏ	1	0	3	0	46	**50**
7	Môi trường	1	0	2	0	1	**4**
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	2	0	3	2	34	**41**
9	Xây dựng	0	2	1	0	25	**28**
	Tổng	**6**	**2**	**19**	**24**	**223**	**274**

Bảng 11. Kết quả học tập hệ Đại học

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	28	105	476	658	1189	**2456**
2	Cơ điện	30	133	671	636	1055	**2525**
3	Dầu khí	153	239	418	239	543	**1592**
4	Kinh tế & QTKD	47	172	669	495	895	**2278**
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	51	67	149	109	299	**675**
6	Mỏ	94	179	213	101	343	**930**
7	Môi trường	135	88	162	60	128	**573**
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	169	183	192	112	329	**985**
9	Xây dựng	43	103	210	134	429	**919**
	Tổng	**750**	**1269**	**3160**	**2544**	**5210**	**12933**

Bảng 12. Kết quả học tập hệ Liên thông

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	1	1	2	3	4	**11**
2	Cơ điện	0	0	0	2	29	**31**
3	Dầu khí	0	0	2	0	2	**4**
4	Kinh tế & QTKD	18	8	36	15	39	**116**
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	6	3	3	0	24	**36**
6	Mỏ	2	6	2	2	17	**29**
7	Môi trường	0	0	0	0	0	**0**
8	Trắc địa - Bản đồ và quản lý đất đai	35	3	9	5	41	**93**
9	Xây dựng	0	1	4	1	37	**43**
	Tổng	**62**	**22**	**58**	**28**	**193**	**363**

Đào tạo Sau đại học:

Với quy mô đào tạo 905 học viên cao học của 19 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 125 nghiên cứu sinh của 13 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, Phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo từng năm học.

Các bộ môn, các khoa và các giảng viên đã khắc phục khó khăn về thời gian, điều kiện đi lại, ăn ở trong quá trình giảng dạy và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho học viên và NCS có thời gian để học tập, nghiên cứu và hoàn thành luận văn, luận án. Các học kỳ được tổ chức theo lịch ổn định đã tạo sự chủ động trong kế hoạch cho cán bộ giảng dạy và học viên.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ và trao bằng cho 623 HVCH và tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường và trao bằng cho 22 NCS đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2018 - 2019 là 25.230 giờ chuẩn, tăng so với năm học trước do có các ngành đào tạo trình độ thạc sĩ được mở mới và đã được tuyển sinh (năm học 2017 - 2018 là 24.490 giờ).

Số lượng HVCH tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019 được thể hiện trong các bảng 13, 14.

Bảng 13. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

TT	Ngành đào tạo	Tốt nghiệp	
		2017 - 2018	2018 - 2019
Tổng số		**558**	**623**
	Khoa KH và KT địa chất	***65***	***81***
1	Kỹ thuật địa chất	61	80
2	Địa chất học	4	1
3	Khoáng vật học và địa hóa học	0	0
	Khoa Dầu khí	***41***	***42***
4	Kỹ thuật dầu khí	34	25
5	Kỹ thuật địa vật lý	5	3
6	Kỹ thuật hóa học	2	14
	Khoa Cơ điện	***31***	***27***
7	Kỹ thuật cơ khí động lực	9	3
8	Kỹ thuật điện	19	23
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3	1
10	Kỹ thuật cơ khí	Mới mở	Mới mở
	Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ	***77***	***109***
11	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	56	80
12	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý	21	29
13	Quản lý đất đai	-	Mới mở
	Khoa Mỏ	***93***	***85***
14	Khai thác mỏ	81	78
15	Kỹ thuật tuyển khoáng	12	7
	Khoa Môi trường	-	-
16	Kỹ thuật môi trường	-	Mới mở
	Khoa CNTT	-	-
17	Địa tin học	Mới mở	Mới mở
	Khoa Xây dựng	***26***	***5***
18	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	26	5
	Khoa Kinh tế QTKD	***225***	***274***
19	Quản lý kinh tế	225	274

Bảng 14. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

TT	Ngành đào tạo	Tốt nghiệp	
		2017 - 2018	2018 - 2019
Tổng số		**14**	**22**
	Khoa KH và KT địa chất	***2***	***4***
1	Kỹ thuật địa chất	2	2
2	Địa chất học	0	2
3	Khoáng vật học và địa hóa học	0	0
	Khoa Dầu khí	***2***	***2***
4	Kỹ thuật dầu khí	0	1
5	Kỹ thuật địa vật lý	2	1

	Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ	***3***	***10***
6	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	3	10
	Khoa Mỏ	***3***	***3***
7	Khai thác mỏ	3	3
8	Kỹ thuật tuyển khoáng	0	0
	Khoa Cơ điện	***1***	***0***
9	Kỹ thuật điện	0	0
10	Kỹ thuật cơ khí động lực	0	0
11	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1	0
	Khoa Xây dựng	***0***	***1***
12	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	0	1
	Khoa Kinh tế và QTKD	***3***	***2***
13	Quản lý kinh tế	3	2

Những tồn tại, hạn chế:

- Việc đổi mới phương pháp giảng dạy còn phụ thuộc nhiều yếu tố như do thói quen của người học và người dạy còn thụ động, thiếu sự sáng tạo, cần có điều kiện để tiếp cận với trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

- Một số giảng viên dạy không theo đúng lịch học tập được phân công, tình hình giáo viên dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định vẫn còn.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp có chiều hướng tăng lên.

2.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2017 - 2018

Trong năm học 2018 – 2019 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học 514 sinh viên, 41 HVCH và 12 NCS. Số lượng HVCH bị xử lý học tập giảm và NCS bị xử lý học tập tăng so với năm học 2017 - 2018 (buộc thôi học 43 HVCH và 7 NCS).

Bảng 15. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học

Khoa	Đúng tiến độ	Buộc thôi học
Khoa Cơ điện	2.481	144
Khoa Công nghệ Thông tin	2.459	38
Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	667	70
Khoa Dầu khí	1.575	21
Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	2.338	82
Khoa Mỏ	972	37
Khoa Môi trường	562	15
Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	1.058	61
Khoa Xây dựng	944	46
Tổng	**13.056**	**514**

2.5. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên

2.5.1. Công tác sinh viên

- Nhà trường đã triển khai thực hiện tốt các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường về công tác quản lý sinh viên.

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã tổ chức Tuần công dân - sinh viên với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng Công tác sinh viên và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất.

Trong đợt học tập chính trị đầu khoá, đầu năm học có kiểm tra, đánh giá, viết thu hoạch của từng sinh viên. Kết quả bài thu hoạch có 01 sinh viên đạt loại xuất sắc, 124 sinh viên đạt loại giỏi, 2.263 sinh viên đạt loại khá, 3.739 sinh viên đạt loại Trung bình - Khá, 4.157 sinh viên đạt loại Trung bình, 317 sinh viên đạt loại yếu, kém.

- Để động viên, khuyến khích tinh thần học tập cho các em sinh viên, hàng năm Nhà trường đều tổ chức xét học bổng khuyến khích học tập và khen thưởng cho sinh viên có thành tích tốt trong học tập. Năm học 2018 - 2019, đã trao học bổng khuyến khích học tập cho 1.239 sinh viên đại học, cao đẳng (HKI: 668 sinh viên, HKII: 571sinh viên) với tổng số tiền 6.603.829.400 đồng; khen thưởng cho 70 sinh viên Xuất sắc (Kỳ I: 38 SV, Kỳ II: 32 SV), 845 sinh viên Giỏi (HKI: 429 SV, HKII: 425 SV) với tổng số tiền 99.400.000 đồng. *Ngoài ra, Nhà trường còn nhận nhiều học bổng tài trợ của các Tập đoàn, Công ty, các tổ chức trong và ngoài nước như: học bổng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV (50 triệu đồng), học bổng Kova (40 triệu đồng), học bổng SPE (28 triệu đồng và 7 khóa học tiếng Anh), học bổng của PGS.TS Nguyễn Quang Thắng (30 triệu đồng), học bổng của Cựu sinh viên K32 (50 triệu đồng)… Như vậy, năm học 2018 - 2019, đã có 74 suất học bổng tài trợ được trao cho sinh viên với số tiền 233 triệu đồng.*

- Để tạo điều kiện cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập, phấn đấu đạt được ước mơ của mình, trong năm học 2018 - 2019 Nhà trường đã nghiêm túc thực hiện việc xét miễn giảm học phí học kỳ I cho 215 sinh viên, học kỳ II cho 209 sinh viên theo quy định tại Nghị định 49/2010/NĐ-CP và Nghị định 74/2013/NĐ-CP với tổng kinh phí là 2.082.345.000 đồng.

- Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên đã tổ chức các hoạt động phong trào theo hướng dẫn của Thành Đoàn, Thành Hội và Trung ương Đoàn Thanh niên, Trung ương Hội Sinh viên đề ra trong năm học.

- Nhà trường lập kế hoạch hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao năm học theo từng tháng, từng quý phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường. Tổ chức nhiều hoạt động thu hút được sự tham gia của đông đảo sinh viên như: giải bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, bóng rổ, Hội diễn văn nghệ, Hội khoẻ 26/3, Ngày hội Sách; tạo điều kiện cho các câu lạc bộ sinh viên tổ chức các buổi sinh hoạt, các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo không khí phấn khởi, vui tươi, lành mạnh trong sinh hoạt, học tập của cán bộ viên chức và sinh viên.

- Tổ chức các buổi nói chuyện, tư vấn tâm lý cho sinh viên; qua đó nắm bắt tâm lý sinh viên, tư vấn giúp sinh viên vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, học tập; giúp sinh viên có lối sống, thái độ học tập tốt hơn, tránh xa tệ nạn xã hội…; đồng thời cung cấp, chia sẻ với sinh viên những kiến thức về giới tính, sức khỏe sinh sản, về "sống thử", cách phòng, tránh mang thai ngoài ý muốn…

- Tổ chức hiệu quả Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên. Hội nghị là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Những tồn tại, hạn chế

- Chưa hình thành kênh thu thập thông tin về cựu sinh viên một cách chính thống, bài bản, chủ yếu thông qua mạng xã hội hoặc liên lạc của các cá nhân.

- Học bổng cho sinh viên còn thấp.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cựu sinh viên còn hạn chế.

- Công tác xét khen thưởng và học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên còn chậm trễ.

2.5.2. Công tác tư vấn tuyển sinh

Trong năm học qua, Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp đã xây dựng và thực hiện chiến lược tư vấn tuyển sinh trên cơ sở kết hợp nhiều hình thức truyền thông: Tư vấn tuyển sinh trực tiếp, qua các chương trình hợp tác liên kết với các trường THPT, truyền thông cho tư vấn tuyển sinh qua mạng xã hội, qua các phương tiện thông tin đại chúng, tư vấn tuyển sinh qua các ấn phẩm truyền thông, gọi điện thoại trực tiếp v.v... Cụ thể:

Bộ phận Tư vấn tuyển sinh đã tham gia 05 chương trình Ngày hội Tư vấn tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, ĐH Vinh – Nghệ An, ĐH Văn hóa Thể thao và Du lịch – Thanh Hóa, ĐH Hàng Hải – Hải Phòng; Tham gia các chương trình do Tỉnh đoàn Bắc Ninh, Thanh Hóa, Thành đoàn Hà Nội; Đã thực hiện tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại 85 Trường THPT trên địa bàn các tỉnh Hà Nam, Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Nghệ An, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc (nêu cụ thể các đầu tỉnh đã đi). Đã thực hiện 04 chương trình trao học bổng tài trợ cho các học sinh nghèo, vượt khó, học bổng khuyến khích học tập cho học sinh các trường THPT Tam Dương – Vĩnh Phúc, THPT Lê Hồng Phong – Thái Nguyên; THPT Phổ Yên – Thái Nguyên và THPT Bỉm Sơn – Thanh Hóa.

Đã thực hiện các chương trình truyền thông cho tư vấn tuyển sinh trên mạng xã hội như facebook, google, youtube qua những bài viết, những clip ngắn thu hút được hàng ngàn lượt like và comment của các thí sinh quan tâm, cùng với đó là hàng ngàn tin nhắn tương tác qua mạng xã hội.

Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam (VTV3), Đài Truyền hình Hà Nội, báo Giáo dục thời đại, Báo Dân trí, Báo tuổi trẻ, Báo Việt Nam hội nhập để thực hiện các clip giới thiệu về ngành nghề, phương thức tuyển sinh của Nhà trường, đưa các tin, bài về hoạt động của Nhà trường đến với công chúng.

Trong năm 2019, Phòng Quan hệ Công chúng và Doanh nghiệp đã Đã phát 31.000 tờ thông tin tới tận tay thí sinh qua các hình thức phát trực tiếp tại trường (khi đến tuyển sinh tại địa bàn), tại các ngày hội tư vấn tuyển sinh của Bộ Giáo dục, gửi kèm với giấy báo kết quả trúng tuyển (đối với sở GD Hà Nam, và một số trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang); Đã thực hiện treo 101 Banner, bandrol thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại 101 Điểm trường (trong đó truyền thông tại địa bàn HUMG làm công tác coi thi ở Bắc Giang là 16 điểm trường và các trường THPT khác là 85 Điểm)

Đã gọi điện trực tiếp cho 3038 thí sinh trúng tuyển vào trường (trong đó gọi trúng tuyển theo học bạ là 995 em, gọi trúng tuyển theo kỳ thi THPT QG là 2043 em)

Hạn chế và nguyên nhân

Tất cả những phương án tiếp cận đối với công chúng đã được thử nghiệm và mang lại những kết quả nhất định. Tuy nhiên, hiệu quả của công tác tư vấn tuyển sinh chưa cao. Theo đánh giá thì nguyên nhân chính là do nhiều ngành nghề đào tạo truyền thống của nhà trường có sự cạnh tranh mạnh mẽ với các trường đại học lớn, hơn thế nữa nhu cầu của thị trường về những ngành này ngày càng giảm mạnh. Trong khi đó những ngành mới như công nghệ thông tin, cơ điện đang thu hút sự quan tâm của công chúng.

Đội ngũ tư vấn viên còn mỏng về số lượng nên công tác"chăm sóc khách hàng" khi có kết quả tuyển sinh chưa đạt hiệu quả cao.

Giải pháp

Thứ nhất, tiếp tục triển khai các phương án tiếp cận công chúng đã làm. Đặt trọng tâm vào các phương thức tư vấn tuyển sinh mang lại hiệu quả cao (theo khảo sát).

Thứ hai, nhanh chóng mở thêm những ngành, chuyên ngành mới đáp ứng nhu cầu thị trường để có chất liệu truyền thông.

Thứ ba, xây dựng phương án truyền thông nội bộ để chuyển hóa sinh viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin liên ngành với ngành truyền thống của nhà trường như: Mỏ, Địa chất, Trắc địa, Môi trường. Bởi công nghệ thông tin chỉ là phương tiện, để giải quyết công việc của những ngành truyền thống. Quyết liệt trong việc mở những lớp chất lượng cao mang tính liên ngành theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng thực sự, đáp ứng được nhu cầu nhân sự của doanh nghiệp, cam kết những sinh viên được đào tạo chất lượng cao này đều đã có địa chỉ đầu ra với mức lương ổn định (>10tr/tháng).

Thành lập Ban tư vấn tuyển sinh thường trực trong mùa tuyển sinh (vài tháng) để hỗ trợ tất cả các hoạt động liên quan, kèm theo chế độ phù hợp (hiện nay cứ đến giai đoạn tuyển sinh nước rút Phòng phải đề xuất cán bộ hỗ trợ từ phòng, khoa khác – nhân sự này không ổn định về mặt số lượng, khó làm việc tập trung và toàn tâm toàn ý vì mang tính thời vụ, sự vụ)

Có thể phối hợp thêm với một, hai báo lớn và thực hiện truyền thông theo chiến dịch trên báo chí (phương án này có thể kết hợp với một số trường kỹ thuật có chung nhóm ngành đặc thù, tất nhiên đây là giải pháp có tính chất lâu dài, mưa dầm thấm lâu, không thể mong đợi kết quả ngày một ngày hai vì đó là nhận thức của toàn xã hội).

2.5.3. Công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên

a. Công tác hợp tác doanh nghiệp trong nước

Năm 2019, Nhà trường đã đẩy mạnh các hoạt động về hợp tác trao đổi với các doanh nghiệp trong nước và xúc tiến việc kết nối hợp tác với các tỉnh lân cận. Tại ngày hội việc làm HUMG 2019, Nhà trường đã tổ chức thành công buổi Toạ đàm "Trường Đại học Mỏ - Địa chất với công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý, khai thác hợp lý tài nguyên và phát triển bền vững kinh tế - xã hội các địa phương" với sự tham gia của rất nhiều cơ quan và doanh nghiệp trên cả nước. Trong khuôn khổ Ngày hộ này, Nhà trường đã tiến hành ký kết thảo thuận hợp tác với một số trường Đại học, Cao đẳng và Doanh nghiệp, đó là: Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, Cao đẳng Việt – Hàn Quảng Ninh, Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam, Công ty TNHH Thế giới Kỹ thuật, Công ty TNHH Hạnh Trần, Công ty cổ phần Thương mại và Phát triển Năng lượng Việt, Công ty cổ phần đầu tư Thương mại và Xây dựng Hải Phong.

- Xây dựng và tổ chức lễ ra mắt Quỹ khuyến học HUMG và vận động tài trợ từ các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân được trên 500 triệu đồng cho năm đầu tiên thành lập Quỹ.

b. Về công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp và hướng nghiệp, việc làm.

- Tổ chức thành công cuộc thi "Ý tưởng sáng tạo khởi nghiệp HUMG 2019" với sự tham gia của 9 khoa chuyên môn và 14 ý tưởng, trong đó có 1 ý tưởng xuất sắc "Phòng học online Vclassroom" lọt vào vòng thi cấp quốc gia.

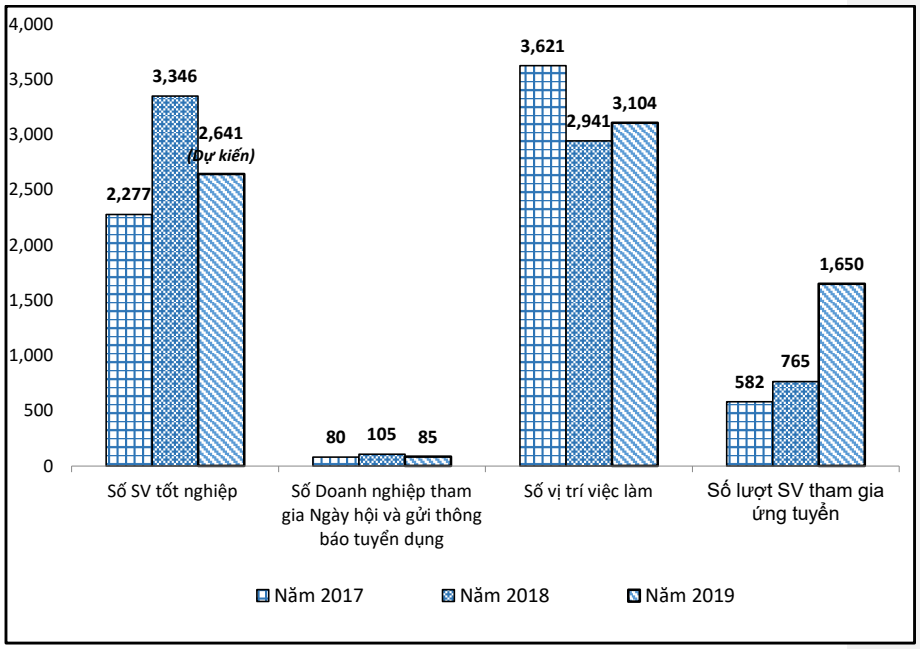
- Các hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên:

+ Đã liên hệ với 35 doanh nghiệp tìm kiếm được gần 1.300 vị trí việc làm để giới thiệu tới sinh viên và đăng tải trên website vieclam@humg.edu.vn và fanpage Hotrosinhvien Humg.

+ Nhà trường đã mời được các doanh nghiệp đến tuyển dụng trực tiếp tại Trường là: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên môi trường biển, Công ty LG Display Việt Nam, Công ty LG Electronics Việt nam Hải Phòng, Công ty cổ phần Vạn Xuân Vivaxan, Công ty cổ phần khoáng sản Đông Nam Á về tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp các ngành Môi trường, Công nghệ thông tin, Cơ khí, Điện, Điện tử, Tự động hóa, Địa chất, Trắc địa, Khai thác mỏ;

- Về Ngày hội việc làm HUMG 2019:

+ Đã có 67 doanh nghiệp đến tham gia tuyển dụng trực tiếp tại Trường và có 18 doanh nghiệp gửi thông báo tuyển dụng với số lượng vị trí việc làm là 3.820 vị trí. So với 2.461 sinh viên dự kiến tốt nghiệp năm 2019, số vị trí việc làm năm nay đáp ứng tới 145% nhu cầu về việc làm cho sinh viên tốt nghiệp *(Hình 3).*



Hình 3. Tình hình tuyển dụng tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019

Về nhu cầu tuyển dụng theo ngành tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019 *(Bảng 16)*

Bảng 16. Nhu cầu tuyển dụng theo ngành tại các Ngày hội việc làm năm 2017, 2018 và 2019

TT	Ngành tuyển	Ngày hội VL 2017		Ngày hội VL 2018		Ngày hội VL 2019	
		Số SVTN	Nhu cầu tuyển dụng	Số SVTN	Nhu cầu tuyển dụng	Số SVTN *(Dự kiến)*	Nhu cầu tuyển dụng
1	Kỹ thuật dầu khí	203	8	223	20	205	17
2	Kỹ thuật địa vật lý	50	11	55	19	38	7
3	Công nghệ kỹ thuật hoá học	104		184	2	90	2
4	Kỹ thuật địa chất	246	23	409	43	258	77
5	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	278	100	516	175	306	341
6	Kỹ thuật mỏ	231	19	283	32	200	33
7	Kỹ thuật tuyển khoáng	58	7	88	5	130	8
8	Công nghệ thông tin	139	221	260	1.044	270	354
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	146	19	125	233	100	93

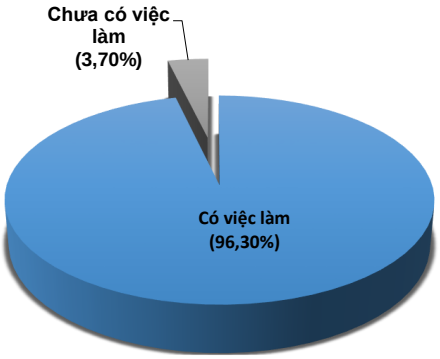
10	Kỹ thuật điện, điện tử	120	96	185	356	180	237
11	Kỹ thuật cơ khí	36	30	76	155	60	74
12	Kỹ thuật công trình xây dựng	166	173	335	133	225	141
13	Kỹ thuật môi trường	102	16	159	26	230	105
14	Quản trị kinh doanh	120	191	83	118	192	310
15	Kế toán	278	27	365	28	157	89
16	***Nhân viên kinh doanh, marketting, hành chính*** *(tốt nghiệp Cao đẳng các ngành)*		*153*		*916*		*395*
17	***Nhân viên kỹ thuật*** *(tốt nghiệp Cao đẳng các ngành kỹ thuật)*		*2.127*		*284*		*800*
18	***Kỹ sư làm việc tại Nhật Bản*** *(tốt nghiệp các ngành: CNTT, Điện, Điện tử, Cơ khí, Tự động hoán Xây dựng, QTKD, Khai thác, Tuyển khoáng, Dầu khí…)*		*400*		*300*		*1.017*
19	***Part-time***				*95*		*20*
Tổng cộng		**2,277**	**3,621**	**3,346**	**2,941**	**2,641**	**3,104**

Với tinh thần tăng cường công tác xã hội hoá trong công tác tổ chức Ngày hội, Ban tổ chức đã tích cực liên hệ vận động các doanh nghiệp đống góp, tài trợ cho công tác tổ chức của Nhà trường và số tiền tài trợ và đóng góp từ các doanh nghiệp lên tới 143 triệu đồng, như vậy Nhà trường đã xã hội hoá được 63% tổng số kinh phí tổ chức Ngày hội việc làm 2019.

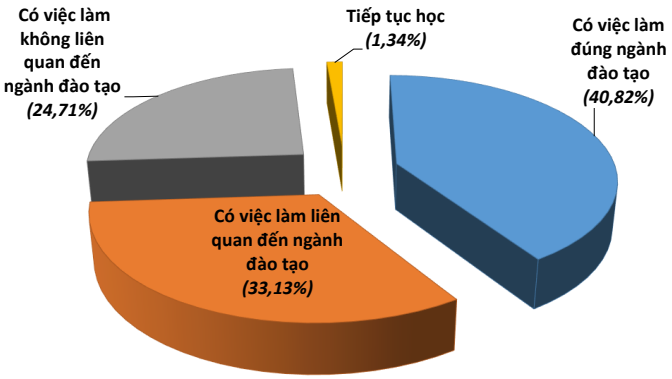
- Về tình hình khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp (SVTN)

+ Năm 2017, Trường Đại học Mỏ - Địa chất có 2.277 sinh viên tốt nghiệp (SVTN). Số SVTN được khảo sát có phản hồi là 2.160 sinh viên (đạt 94,86%) Trường Đại học Mỏ - Địa chất tỷ lệ có việc làm rất cao *(Hình 4)* tuy nhiên tỷ lệ SVTN có việc làm đúng với ngành đào tạo không cao *(Hình 5)*.

+ Năm 2018, Nhà trường có 3.391 SVTN. Về việc làm của số SVTN này đang được Nhà trường khảo sát, kết quả sẽ được tổng kết và báo cáo vào tháng 12/2019.



Hình 4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm/Tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi



Hình 5. Tỷ lệ SVTN có việc làm và ngành đào tạo

Bảng 17. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2017

TT	Tên ngành đào tạo	Tổng số SVTN	Số SVTN được khảo sát có phản hồi	Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm	Tỷ lệ SV có việc làm/Số SV được khảo sát phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/Tổng số SV tốt nghiệp	Khu vực làm việc			
				Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo					Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
1	Kỹ thuật dầu khí	203	185	70	43	64	6	2	**98.92**	**90.15**	31	98	33	15
2	Kỹ thuật địa vật lý	50	47	13	9	17		8	**82.98**	**78.00**	6	30	1	2
3	Công nghệ kỹ thuật hoá học	104	95	14	40	38	2	1	**98.95**	**90.38**	15	35	24	18
4	Kỹ thuật địa chất	246	240	68	64	97	3	8	**96.67**	**94.31**	26	147	36	20
5	Kỹ thuật trắc địa – bản đồ	278	269	96	70	97		6	**97.77**	**94.60**	26	180	51	6
6	Kỹ thuật mỏ	231	197	62	35	84	3	13	**93.40**	**79.65**	27	88	55	11
7	Kỹ thuật tuyển khoáng	58	58	19	13	21	1	4	**93.10**	**93.10**	6	37	7	3
8	Công nghệ thông tin	139	137	60	60	11	1	5	**96.35**	**94.96**	8	100	17	6
9	Kỹ thuật điều khiển và TĐH	146	135	57	53	13	4	8	**94.07**	**86.99**	4	90	10	19
10	Kỹ thuật điện, điện tử	120	117	80	32	5			**100.00**	**97.50**	8	67	20	22
11	Kỹ thuật cơ khí	36	33	18	15				**100.00**	**91.67**	2	27		4
12	Kỹ thuật công trình xây dựng	166	161	67	58	31	1	4	**97.52**	**94.58**	8	105	32	11
13	Kỹ thuật môi trường	102	99	26	50	20	2	1	**98.99**	**96.08**	13	66	13	4
14	Quản trị kinh doanh	120	117	66	39	4	2	6	**94.87**	**92.50**	5	85	8	10
15	Kế toán	278	270	133	108	12	3	14	**94.81**	**92.09**	4	221	20	8
Cộng		***2,277***	***2,160***	***849***	***689***	***514***	***28***	***80***	**96.30**	**91.35**	***189***	***1,376***	***327***	***159***

Hạn chế và nguyên nhân

- Ngày hội việc làm cũng như một số hoạt động khác dành cho sinh viên trong những năm gần đây rất khó thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Việc làm là vấn đề quan trọng nhất đối với sinh viên tốt nghiệp nhưng cũng nhận được ít sự quan tâm của sinh viên.

- Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm khá cao nhưng làm đúng chuyên ngành còn thấp, có thể do người lao động hiện nay có nhiều sợ lựa chọn hơn và một số ngành liên quan đến Nhà trường đào tạo hiện nay không còn hấp dẫn do môi trường và điều kiện làm việc.

- Hoạt động khởi nghiệp mới chỉ dừng lại ở các cuộc thi, phát triển các ý tưởng; chưa có ý tưởng nào được triển khai thành dự án và đưa vào thực tiến sản xuất, kinh doanh.

- Chưa thực sự chú trọng trọng vào việc tăng cưởng, mở rộng và phát triển mối quan hệ với các địa phương và doanh nghiệp để triển khai các đề tài, dự án để mở rộng cung cấp nguồn nhân lực, tìm kiếm việc làm cho cán bộ và sinh viên trong Trường.

Giải pháp

Thứ nhất, xây dựng chiến lược và lên kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn.

Thứ hai, hoàn thiện nguồn nhân lực chất lượng cao với yêu cầu: có năng lực chuyên môn, khả năng giao tiếp và uy tín.

Làm tốt công tác p hối kết hợp giữa các đơn vị trong trường để thiết lập và phát triển các mối quan hệ với các doanh nghiệp, tìm kiếm cơ hội với các đối tác của Nhà trường.

Thứ ba, đầu tư cho các hoạt động khởi nghiệp trong cán bộ và sinh viên. Liên kết với các doanh nghiệp để phát triển việc này.

Hoạt động khởi nghiệp trong sinh viên cần tạo thành phong trào, tinh thần xuyên suốt, không phải chỉ thông qua một sự kiện là cuộc thi khởi nghiệp hàng năm.

2.6. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo

Nhà trường tiếp tục xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập. Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát khối lượng, điều chỉnh toàn bộ các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trương, nhu cầu xã hội và đáp ứng với quy định về nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

Nhà trường mở thêm 01 ngành đào tạo đại học chính quy, 03 chuyên ngành và 02 ngành đào tạo sau đại học (*Bảng 18*). Cả 2 ngành Kỹ thuật môi trường và Quản lý đất đai đã đáp ứng được nhu cầu của xã hội và đều tuyển được học viên trong cả 2 đợt tuyển sinh của năm học 2018 - 2019, đồng thời nâng tổng số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường lên 19 ngành đào tạo và đã đảm bảo tất cả các khoa chuyên môn của Nhà trường đều có đào tạo sau đại học.

Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung chương trình đào tạo gắn kết với thực tế đáp ứng sự phát triển kinh tế và xã hội trên tinh thần của Thông tư số 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đảm bảo chất lượng.

Rà soát và hoàn thiện chương trình đào tạo (CTĐT) 4 năm theo định hướng CDIO.

Cử giảng viên tham lớp học về CDIO do các chuyên gia Singapo giảng dạy. 05 giảng viên của nhà trường đã được chọn đi thực tế trong mộ tuần về CDIO ở Singapo.

Tiến hành chỉnh sửa, bổ sung Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và ban hành Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sĩ và cùng với Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành đầu năm 2018 là cơ sở quan trọng cho công tác tổ chức và quản lý đào tạo sau đại học đạt hiệu quả và chất lượng hơn. Các khoa và bộ môn chuyên môn đã triển khai thực hiện tốt theo các quy định của Quy chế. Học viên cao học và NCS đã có ý thức tốt hơn trong việc thực hiện Quy chế và quy định của Nhà trường

Tăng cường kiểm tra tiến độ học tập, giảng dạy của các lớp cao học, phối hợp với các đơn vị chuyên môn quản lý, theo dõi chặt chẽ học viên cao học và nghiên cứu sinh. Việc tổ chức giảng dạy, học tập của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Bảng 18. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo mở mới năm 2019

STT	Tên ngành, chuyên ngành	Hình thức đào tạo
1	Địa tin học	Đại học chính quy
2	Trắc địa - bản đồ	Đại học chính quy (chuyên ngành)
3	Hệ thống thông tin	
4	Công nghệ thông tin địa học	
5	Kỹ thuật xây dựng	đang chờ phê duyệt
6	Kỹ thuật môi trường	Cao học
7	Quản lý đất đai	Cao học

Những tồn tại, hạn chế:

Việc xin ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung các quy định, văn bản còn chậm, nhiều đơn vị không gửi ý kiến, làm cho việc sửa đổi không hiệu quả, chưa đáp ứng được những vấn đề thực tiễn.

Hoạt động của đội ngũ GVCN, CVHT đạt hiệu quả chưa cao.

Tính chủ động trong quản lý đào tạo tại các Khoa chưa đạt hiệu quả mong đợi.

Công tác nhập điểm của một số GV còn quá hạn gây khó khăn trong xét học bổng và xử lý học tập.

Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về việc nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của sinh viên, học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

Do các lớp cao học học buổi tối cho nên công tác thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy và học tập của các lớp cao học tiến hành chưa thường xuyên. Công tác quản lý NCS tuy đã có những chuyển biến nhưng chưa thực sự chặt chẽ, việc báo cáo định kỳ kết quả học tập và nghiên cứu của NCS thực hiện chưa thật nghiêm túc ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng đào tạo tiến sĩ của Nhà trường.

Commented [TLN1]: cần bổ sung

Công tác đào tạo và bồi dưỡng cấp chứng chỉ đào tạo sau đại học vẫn được triển khai thực hiện thường xuyên theo nhu cầu của các tổ chức kinh tế nhưng số lượng lớp giảm nhiều so với những năm trước đây do nhu cầu của xã hội và những bất cập về chính sách của Nhà nước.

Việc mở mới các ngành đào tạo cả ở trình độ tiến sĩ và thạc sĩ còn chậm trễ. Công tác phát triển đội ngũ cán bộ, cũng như tư duy để mở ra các hướng nghiên cứu, các ngành đào tạo mới đáp ứng xu thế phát triển của khu vực và thế giới như năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ mới, môi trường và biến đổi khí hậu… ở các bộ môn, khoa chuyên môn còn nhiều hạn chế.

Việc triển khai xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường.

**** Liên kết đào tạo:***

Nhà trường đã nghiên cứu, triển khai hình thức liên kết đào tạo đại học với các trường cao đẳng, cao đẳng nghề, đồng thời phát triển mô hình đào tạo các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp:

Nhà trường đã ký kết thỏa thuận với một số đơn vị trong nước nhằm thực hiện các liên kết toàn diện về đào tạo và NCKH với mục tiêu hội nhập và đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của xã hội (*Bảng*).

Tuy nhiên mô hình đào tạo theo chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ theo địa chỉ hoặc đặt hàng từ các tổ chức ngoài trường, doanh nghiệp chưa được phát huy đúng với tiềm năng sẵn có của Nhà Trường.

Bảng 19. Danh sách trường tham gia ký kết thỏa thuận

STT	Tên Trường
1	Đại học Xây dựng
2	Đại học Thủy lợi
3	Đại học Giao thông vận tải
4	Đại học Công nghệ Đồng Nai

**** Xây dựng và phát triển phương thức đào tạo từ xa:***

Nhà trường đã thực hiện những bước đầu trong việc triển khai đào tạo theo hình thức E-Learning như: lập danh sách các học phần và nhóm giảng viên xây dựng bài giảng và giảng dạy tương ứng theo E-Learning; phối hợp với Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai về việc triển khai giảng dạy trực tuyến cho các lớp Cao học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Trong giai đoạn tới sẽ phát triển phát triển nền tảng E-Learning và hoàn thiện studio.

Công tác quản lý đào tạo được chú trọng từ việc xây dựng kế hoạch đào tạo cho từng khóa, từng kỳ, cũng như việc lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy, học tập tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến quản lý đào tạo được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung như Quy định thu học phí đối với sinh viên tốt nghiệp chậm; Quy định về điểm đạt chứng chỉ Giáo dục thể chất; Thông tin quy đổi tương đương học phần Giáo dục thể chất.

Trong năm học 2018 – 2019, Nhà trường tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như phần mềm quản lý một cửa và một cửa online; ví điện tử trong quản lý thi lại; số hóa và xác nhận văn bằng trực tuyến; Triển khai hệ quản lý Edusoft.net tại các Khoa.

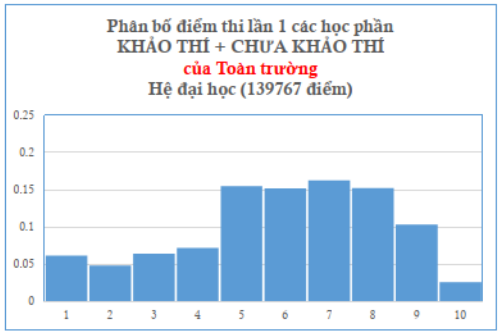
2.7. Công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục

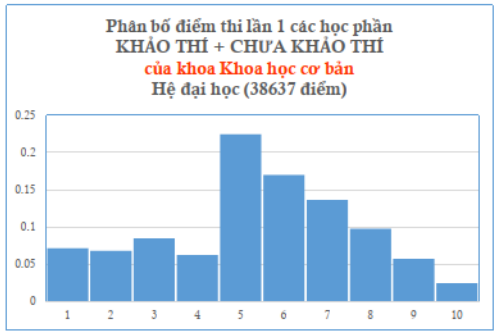
Trong năm học 2018 - 2019, công tác khảo thí được thực hiện theo đúng lộ trình đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần giảng dạy thuộc hệ vừa làm vừa học và bậc sau đại học.

Đối với hệ Chính quy, đã tổ chức khảo thí kết thúc học phần lần 1 đối với 403 học phần (106990 lượt thi) trên tổng số 764 học phần đã đăng ký khảo thí. Trong cả năm học, Nhà trường có tổ chức thi lần 1 đối 857 môn học (140754 lượt thi). Như vậy về số học phần khảo thí chỉ chiếm 47%, trong khi đó số bài thi lần 1 của các học phần khảo thí chiếm tới 76%. Cụ thể, tỷ lệ số học phần được tổ chức khảo thí trong các học kỳ như sau: HK1: 48% (286/595); HK2: 56,3% (281/499); HK3: 78,7% (100/127).

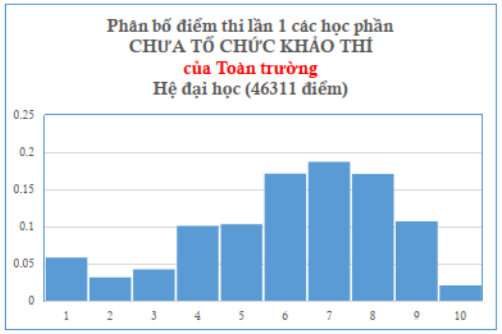
Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được thay hình thức khảo thí theo yêu cầu của các bộ môn để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

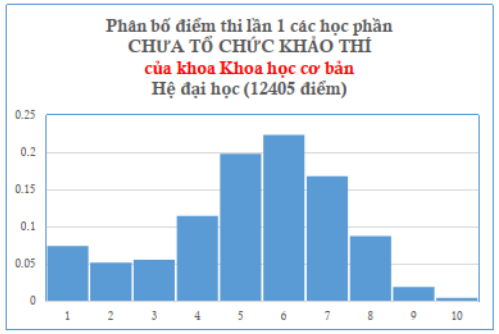
Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi. Thống kê phân bố kết quả chấm thi cho thấy cần có sự điều chỉnh, đổi mới kịp thời trong công tác ra đề thi.


Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
KHÁO THÍ + CHƯA KHẢO THÍ
của Toàn trường
Hệ đại học (139767 điểm)

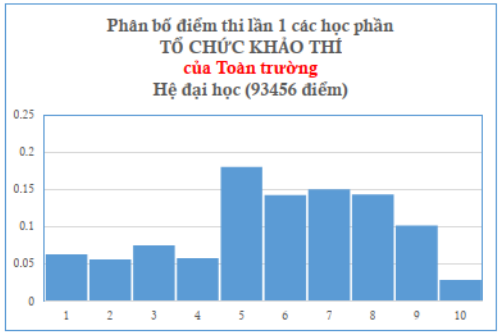

Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
KHẢO THÍ + CHƯA KHẢO THÍ
của khoa Khoa học cơ bản
Hệ đại học (38637 điểm)

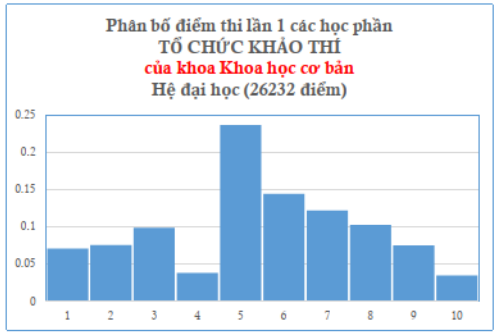

Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
KHẢO THÍ + CHƯA KHẢO THÍ
của các khoa chuyên môn
Hệ đại học (81067 điểm)

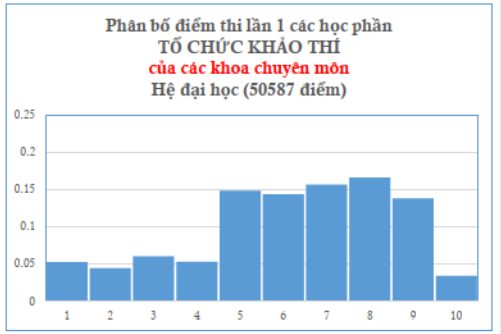

Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
CHƯA TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của Toàn trường
Hệ đại học (46311 điểm)

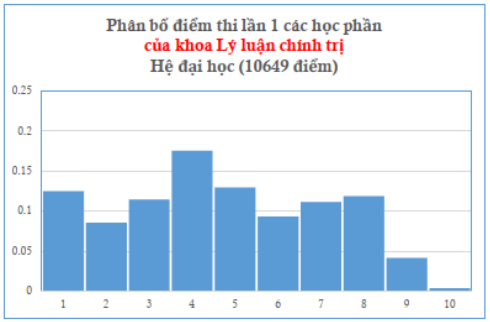

Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
CHƯA TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của khoa Khoa học cơ bản
Hệ đại học (12405 điểm)


Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
CHƯA TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của các khoa chuyên môn
Hệ đại học (30480 điểm)


Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của Toàn trường
Hệ đại học (93456 điểm)


Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của khoa Khoa học cơ bản
Hệ đại học (26232 điểm)


Phân bố điểm thi lần 1 các học phần
TỔ CHỨC KHẢO THÍ
của các khoa chuyên môn
Hệ đại học (50587 điểm)



Hình 6. Thống kê kết quả chấm thi lần 1

Công tác chấm thi cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: làm phách trong 2 ngày sau buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Phần lớn giảng viên tham gia nhiệm vụ khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, chấm thi. Công tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Tỷ lệ các bài phúc khảo trong khoảng 0,2 – 0,3%; trong đó tỷ lệ bài thi có thay đổi điểm sau khi phúc khảo trong khoảng 0.07 – 0.1%. Thời gian nhận đơn và chấm phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được xác định và đưa lên hệ thống chung của toàn trường. Tuy nhiên, do thời gian chấm thi khác nhau nên khoảng thời gian xử lý các bài phúc khảo còn kéo dài dẫn đến việc hoàn thành phúc khảo còn chậm.

Các đợt thi tại các địa điểm xa trường được tổ chức theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ xét thực tập, xét đồ án tốt nghiệp cũng như xét học bổng cho các lớp sinh viên.

Đối với hệ VHVL, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy trình khảo thí hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VHVL, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi cuối học phần được giảng viên gửi kèm đề thi, đáp án và bài thi để thông báo điểm và phục vụ công tác lưu giữ theo quy định.

Đối với bậc Sau đại học, công tác khảo thí được thực hiện đối với tất cả các ngành đào tạo và tại các địa điểm liên kết. Công tác tổ chức thi được thực hiện tại các địa điểm liên kết đào tạo do Phòng ĐBCLGD kết hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Tháng 6/2019 Nhà trường đã triển khai Quy trình tổ chức giảng dạy, học tập và thực hiện luận văn thạc sỹ. Việc chấm thi được thực hiện tập trung, có sự phối hợp với các bộ môn và giảng viên nhằm đảm bảo đúng thời hạn trả điểm thi bậc cao học. Việc lên điểm và báo điểm được thực hiện dưới sự phối hợp của các đơn vị chức năng, chú trọng đến tính chính xác và quyền lợi của học viên.

Nhận xét, đánh giá chung:

- Công tác khảo thí đã tạo động lực để các kỳ học được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy; giúp cho các khóa học có điểm thi kết thúc học phần đúng thời hạn, thuận lợi cho công tác xử lý kết quả học tập hàng kỳ, xét khen thưởng, xét học bổng, xét tốt nghiệp cho sinh viên cũng như xét điều kiện bảo vệ và đánh giá tốt nghiệp của học viên cao học.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh Quy trình khảo thí, quy trình chấm và nhập điểm thi, quản lý đề thi đáp án.

Công tác đảm bảo chất lượng:

Trong năm qua, kế hoạch đảm bảo chất lượng đã được xây dựng và thực hiện: khảo sát về chất lượng giảng dạy của giảng viên và môn học, lấy ý kiến/thông tin về sinh viên tốt nghiệp, ý kiến của nhà sử dụng lao động về nội dung, chương trình đào tạo; triển khai công tác cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động trong Nhà Trường sau đánh giá ngoài; Nhà trường trở thành thành viên tổ chức kiểm định chất lượng của Hiệp hội các trường đại học Châu Á - AUN QA.

Trong năm qua, Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018-2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019.

Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 04 CTĐT cho 03 khoa: khoa Địa chất, khoa Kinh tế & Quản trị Doanh nghiệp và Khoa cơ điện; đã triển khai tốt các công tác phục vụ đánh giá ngoài, kiểm định 04 CTĐT, góp phần vào thành công trong công tác kiểm định chất lượng 04 CTĐT. Kết quả cả 04 CTĐT đều có số tiêu chí đạt từ 86 – 90%, kết quả này đã được Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục thông qua vào tháng 9/2019.

Phòng ĐBCL cũng đã kết hợp cùng các Khoa Mỏ, Trắc Địa, Dầu Khí, Môi trường, Xây dựng, CNTT bước đầu triển khai công tác tự đánh giá 07 chương trình đào tạo.

Hiện nay Phòng ĐBCL đang triển khai xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2019-2020: Kế hoạch cải tiến chất lượng cho 04 CTĐT sau đánh giá ngoài; Kế hoạch tự đánh giá và đánh giá ngoài đối với 07 CTĐT trong năm học 2019-2020; Xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong.

Nhận xét, đánh giá chung:

Công tác đảm bảo chất lượng đã và đang được đẩy mạnh trong năm học vừa qua với nhiều kết quả đáng khích lệ. Cần khẩn trương và đẩy mạnh trong năm học tới.

Công tác đảm bảo chất lượng cấp CTĐT cần được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và chuyên nghiệp, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường.

Tăng cường công nghệ thông tin trong công tác khảo thí và ĐBCL:

Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án tiếp tục được tổ chức thực hiện đối với các học phần khảo thí hệ đào tạo chính quy, theo các hình thức thi khác nhau: trắc nghiệm, tự luận, kết hợp trắc nghiệm và tự luận. Nhà trường tiếp tục sử dụng phần mềm iQBLion để quản lý cơ sở dữ liệu ngân hàng câu hỏi đề thi và đáp án.

Hiện nay, Nhà trường đã có CSDL NHCH của 285 học phần chiếm 37,3% tổng số các học đang phần đã đăng ký khảo thí. Một số học phần mới của CTĐT 4 năm sẽ được triển khai giảng dạy vào năm học này và năm học tới nên các Bộ môn cần chủ động bổ sung CSDL NHCH cho các học phần mới. Bên cạnh đó, bản thân ngân hàng câu hỏi đề thi – đáp án các học phần đã có nhưng số lượng còn khiêm tốn, lại được sử dụng lặp đi lặp lại qua nhiều đợt thi trong thời gian qua cần được bổ sung, cập nhật kịp thời.

Công tác khảo thí thời gian qua cho thấy Nhà trường cần đầu tư, phát triển một phần mềm tạo phách mã vạch, nhập điểm và ghép điểm thi kết thúc học phần để làm tăng hiệu quả của hoạt động chấm thi và báo điểm. Sau gần 3 năm thực hiện, đến nay điểm thi được ghép và cập nhật trên hệ thống Edusoft ngay sau khi chấm xong, đã cải thiện thời gian báo điểm, tạo điều kiện cho các công việc chung của Nhà trường và cho việc lập các kế hoạch tiếp theo của sinh viên, đặc biệt là sinh viên năm cuối. Dựa vào tính năng của phần mềm đang sử dụng hiện nay, đã có sự thử nghiệm cải tiến như tăng từ mã phách 4 số sang mã phách 5 số (có thể mở rộng đến 13 số), nhằm thuận lợi hơn trong việc xử lý, quản trị điểm khảo thí các hệ, bậc đào tạo được tốt hơn.

2.8. Xuất bản giáo trình, bài giảng

- Giáo trình sau đại học: xuất bản 01 giáo trình cấp NXB,
- Giáo trình đại học: đã xuất bản 05 giáo trình đại học cấp NXB.

Bảng 20. Thống kê công tác xuất bản giáo trình đại học năm học 2018 - 2019

STT	Khoa	Tên giáo trình/ sách	Loại	NXB	Tác giả
1	Khoa LLCT	Pháp Luật đại cương	Giáo trình	Cấp NXB	Nguyễn Bình Yên
2	Khoa LLCT	Kỹ năng giao tiếp	Giáo trình	Cấp NXB	Đặng Thị Thanh Trâm
3	Khoa Cơ Điện	Máy nâng – Máy xếp dỡ	Giáo trình	Cấp NXB	Nguyễn Văn Xô
4	Khoa khoa học đại cương	Cơ sở khoa học vật liệu	Giáo trình	Cấp NXB	Lê Đắc Tuyên
5	Khoa Khoa học địa chất	Phương pháp xử lý thông tin địa chất	Giáo trình	Cấp NXB	Lương Quang Khang
6	Khoa Môi Trường	Xử lý nước thải webland	Giáo trình	Cấp NXB	Nguyễn Hoàng Nam

- Rà soát, phản biện, biên tập, in ấn Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất 6 số một năm (gồm 4 số tiếng việt và 2 số tiếng anh).

Những tồn tại, hạn chế

Số lượng giáo trình được biên soạn và xuất bản năm học 2018 – 2019 tăng so với năm học 2017 - 2018 thì số lượng giáo trình tăng 120%.

2.9. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học

2.9.1. Kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học

- Để giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ theo quy định, Nhà trường đã yêu cầu Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học phối hợp với các đơn vị chức năng xây dựng kế hoạch kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019.

- Trong năm học 2018 - 2019, Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra trình độ đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra tin học (trong đó có các đợt kiểm tra tại các điểm xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu) cho 7.437 lượt sinh viên trong đó tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 3.218 sinh viên, số sinh viên đạt là 2.152 sinh viên, chiếm tỷ lệ 66,87%, tổng số sinh viên dự thi tin học là 4.219 sinh viên, số sinh viên đạt là 3.109 sinh viên, chiếm tỷ lệ 73,69%. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng sau:

Bảng 21. Thống kê kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học năm học 2018 - 2019

Đợt kiểm tra	Ngoại ngữ			Tin học			
	Số TS dự thi	Số TS đạt	Tỷ lệ	Số TS dự thi	Số TS đạt	Tỷ lệ	Địa điểm
1	71	69	97.18%	59	56	94.92%	Quảng Ngãi
2	297	212	71.38%	494	367	74.29%	Hà Nội
3	18	18	100.00%	18	18	100.00%	Phú Yên
4	207	126	60.87%	366	291	79.51%	Hà Nội

5	440	268	60.91%	580	462	79.66%	Hà Nội
6	87	87	100.00%	79	77	97.47%	Quảng Ngãi
7	519	343	66.09%	733	553	75.44%	Hà Nội
8	141	110	78.01%	173	158	91.33%	Vũng Tàu
9	73	40	54.79%	112	73	65.18%	Hà Nội
10	331	181	54.68%	526	326	61.98%	Hà Nội
11	512	339	66.21%	577	376	65.16%	Hà Nội
12	522	359	68.77%	502	352	70.12%	Hà Nội
Cộng	**3218**	**2152**	**66.87%**	**4,219**	**3,109**	**73.69%**	

Việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại đã giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học. Nhờ đó tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra đã tăng lên.

Những tồn tại, hạn chế:

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sỹ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp chưa cao.

Nguyên nhân:

Việc tổ chức các lớp học thường bị gián đoạn do có sự chồng chéo lịch học, lịch thi của các lớp học chính khóa và các lớp học ngoại khóa của Trung tâm.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Giải pháp:

Tăng cường hoạt động quảng bá, tiếp nhận ý kiến đóng góp của giảng viên và học viên về chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo.

2.9.2. Công tác cấp chứng chỉ ngoại ngữ - tin học

Nhà trường tổ chức cấp chứng chỉ ngoại ngữ và tin học cho sinh viên đã đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học có nguyện vọng cấp chứng chỉ. Trong năm học 2018-2019, Nhà trường đã làm thủ tục cấp, phát 1.479 chứng chỉ cho sinh viên, trong đó có 681 chứng chỉ ngoại ngữ và 798 chứng chỉ tin học.

Bên cạnh đó, để đảm bảo sự nghiêm túc và tính công bằng của các kỳ thi, Nhà trường cũng đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn ngừa gian lận trong kiểm tra Chuẩn đầu ra như: giám sát toàn bộ quá trình thi qua camera, nhận diện thí sinh bằng ảnh hiển thị trên màn hình thi... Đặc biệt trong tháng 9/2019, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học đã sử dụng máy dò phát hiện thiết bị công nghệ cao gian lận trong thi cử như tai nghe hạt đậu, nam châm, điện thoại giả dạng ATM, … góp phần tạo ra kỳ thi nghiêm túc, phản ánh đúng thực tế trình độ của sinh viên.

2.9.3. Công tác bồi dưỡng ngoại khóa ngoại ngữ, tin học

Một trong những chức năng và nhiệm vụ trọng tâm của Trung tâm là bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho sinh viên Nhà trường để đạt chuẩn đầu ra theo quy định. Trên cơ sở các chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đã có, Trung tâm tiếp tục xây dựng, đổi mới hình thức, phương pháp dạy và học theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin cùng với các trang thiết bị hiện đại xây dựng hệ thống hỗ trợ, các mô hình giáo dục điện tử, các lớp học thông minh để triển khai hoạt động dạy và học tin học, ngoại ngữ trực tuyến kết hợp trực tiếp đảm bảo chất lượng và phù hợp với nhiều đối tượng người học tại Hà Nội và các điểm liên kết xa trường như Quảng Ngãi, Phú Yên, Vũng Tàu đáp ứng mục tiêu đào tạo chung.

Về ngoại ngữ, các chương trình bồi dưỡng tại Trung tâm chú trọng vào việc rèn luyện kỹ năng của người học, đặc biệt là các kỹ năng mà sinh viên còn yếu như nghe, nói. Bên cạnh đó, Trung tâm còn mở một số lớp bồi dưỡng tiếng Anh giao tiếp cơ bản nhằm tạo môi trường và điều kiện cho sinh viên học và thực hành ngôn ngữ. Đến nay, Trung tâm đã tổ chức được 9 lớp bồi dưỡng ngoại ngữ với 209 sinh viên tham gia trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 209 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Trung tâm cũng phối hợp với Trường Franklin (Mỹ) để tổ chức 03 lớp bồi dưỡng tiếng Anh miễn phí (trình độ A2 và A1) cho sinh viên và 01 lớp trình độ A2 dành cho cán bộ giảng viên trong trường, với tổng số 93 học viên. Bên cạnh đó, Trung tâm đã triển khai để sử dụng nhiều giáo trình nước ngoài kết hợp các tài liệu của giáo viên để giảng dạy, về cơ bản đã tạo dựng được môi trường học tập đáp ứng yêu cầu cho những sinh viên thực sự yêu thích ngoại ngữ và có nhu cầu.

Đối với môn tin học, Trung tâm đã tổ chức được 15 lớp bồi dưỡng công nghệ thông tin cơ bản với 330 lượt sinh viên tham gia, trong đó số sinh viên đạt chuẩn đầu ra là 330 sinh viên, chiếm tỷ lệ 100 %. Về cơ bản, các bài giảng là sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành với tài liệu, giáo trình giảng dạy của Khoa Công nghệ thông tin giúp sinh viên có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt hơn cho kiểm tra Chuẩn đầu ra tin học.

Hạn chế:

Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo do Trung tâm tổ chức vẫn còn hạn chế so với tiềm năng, nhiều lớp có sĩ số ít do sinh viên không bố trí được lịch học. Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp, giảng viên không kiểm soát được việc học của sinh viên, sự tương tác giữa học viên và giảng viên để giải đáp những vấn đề trực tiếp còn gặp nhiều khó khăn và hiệu quả chưa cao. Chưa mời được được những giảng viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham gia giảng dạy các lớp học ngoại khóa.

Nguyên nhân:

Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng về việc phải ôn luyện để nắm chắc kiến thức ngoại ngữ, tin học đáp ứng Chuẩn đầu ra.

Sinh viên có tâm lý thi trượt thì thi lại do lệ phí thi tương đối thấp so với học phí một lần tham gia lớp học ôn (lệ phí dự thi là 120.000 nghìn, học phí lớp ôn tin học là 500.000 nghìn, ngoại ngữ là 600.000 nghìn). Hơn nữa, sinh viên có thể dễ dàng thi lại vì các đợt thi được tổ chức liên tục, như trong năm học 2018 – 2019 Trung tâm đã tổ chức 12 đợt kiểm tra đầu vào và Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học.

Với phương pháp dạy và học trực tuyến kết hợp trực tiếp đòi hỏi người học phải có khả năng làm việc độc lập, có ý thức tự giác cao độ và phải biết lập kế hoạch phù hợp với bản thân, tự định hướng trong học tập để thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra.

Chi phí hiện nay Nhà trường chi trả cho giáo viên dạy ngoài giờ thấp hơn so với mặt bằng chung, do đó khó có thể mời được các giáo viên có trình độ cao và giáo viên bản ngữ tham giao giảng dạy tại Trung tâm.

Giải pháp:

Tăng cường hoạt động tuyển sinh và quảng bá nhằm nâng cao nhận thức cho sinh viên về việc ôn luyện để có sự chuẩn bị kiến thức và kỹ năng tốt nhất cho kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Tiếp nhận ý kiến đóng góp của giảng viên và học viên về chương trình đào tạo, cách thức tổ chức đào tạo.

Từng bước kiến nghị Nhà trường cho phép cơ chế hoạt động tự chủ để nâng cao hiệu quả dạy và học. Chủ động trong việc lựa chọn giáo viên có trình độ cao và chủ động trong công tác tài chính.

3. Hoạt động Khoa học - Công nghệ và Hợp tác quốc tế

Năm học 2018 - 2019 hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đạt được kết quả tốt, khẳng định hoạt động KHCN là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của Nhà trường.

3.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học

3.1.1. Nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ

Năm 2019, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- Tiếp tục thực hiện 14 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 03 đề tài thuộc chương trình trọng điểm cấp Quốc gia, 10 đề tài NCCB trong KHTN, 01 nhiệm vụ hợp tác NCKH theo Nghị định thư Việt- Đức (với kinh phí được duyệt năm 2019 là 14.624 triệu đồng); 04 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp là 4.491 triệu đồng.

- 27 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ, gồm: 06 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp và 21 đề tài mới được giao năm 2019 với tổng kinh phí được cấp 6.275 triệu đồng.

- Về kết quả thực hiện, đã có 23 đề tài, nhiệm vụ được nghiệm thu cấp Bộ, Tỉnh (05 đề tài đạt loại xuất sắc, 04 đề tài đạt loại tốt, 01 đề tài đạt loại khá và 12 đề tài xếp loại đạt).

- Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Theo đó, chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Hầu hết các đề tài này được giao cho cán bộ trẻ, học viên cao học chủ trì thực hiện. Tất cả các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Trong năm học 2018-2019 đã có 35 đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu theo đúng quy định của Nhà trường.

Năm học 2018-2019, có 63 đề tài NCKH cấp cơ sở được triển khai thực hiện với tổng kinh phí 1.688 triệu đồng.

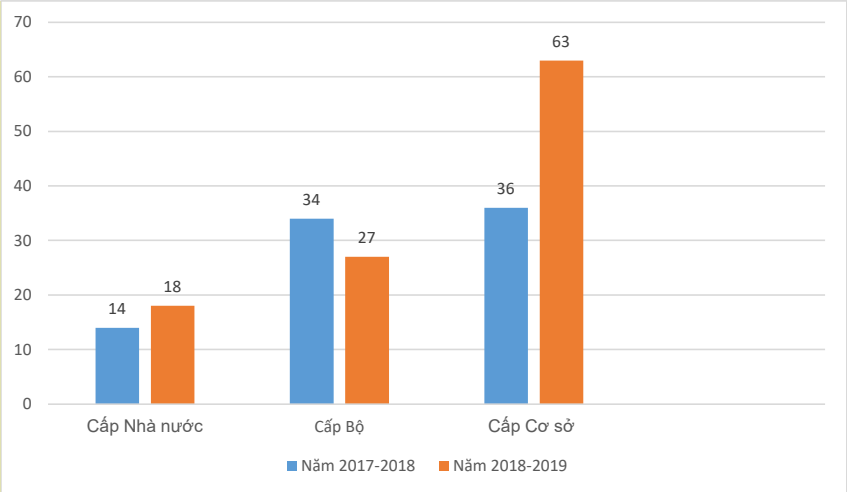
- Năm 2019, 77 bài báo khoa học thuộc danh mục ISI công bố trong năm 2018 được Bộ Giáo dục và Đào tạo hỗ trợ 277 triệu đồng.

- Bên cạnh việc thực hiện đề tài NCKH các cấp, sinh hoạt học thuật cho các cán bộ giảng dạy đã triển khai rộng rãi tại các bộ môn, các khoa.

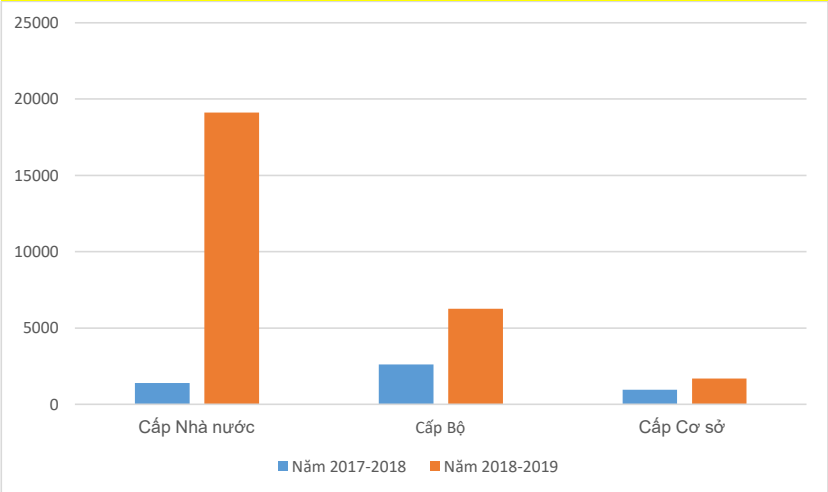
Bảng 22. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp

Nội dung	Năm 2017- 2018		Năm 2018-2019	
	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí (triệu đồng)
Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước	14	1.404	18	19.115
Đề tài KHCN cấp Bộ	34	2.628	27	6.275
Đề tài NCKH cấp cơ sở	36	953,5	63	1.688

(số liệu cập nhật đến ngày 30/9/2019)



Hình 7. Số lượng đề tài các cấp năm 2017-2018 và năm 2018-2019



Hình 8. **Số kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm 2018 và năm 2019**

Bảng 23. Thống kê công tác NCKH theo Khoa năm 2019

Đơn vị	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ	Đề tài cấp cơ sở
Khoa CNTT	2	5	4
Khoa Cơ - Điện	1	3	4
Khoa DK	5	2	5
Khoa KHCB	2	4	7
Khoa KH-KTĐC	3	6	7
Khoa KT - QTKD			7
Khoa Mỏ	2	2	10
Khoa MT	1		5
Khoa LLCT			
Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ	1		10
Khoa XD	1	5	3
Khoa GDQP			
Khối Hiệu bộ	0	0	1
Tổng	18	27	63

Đánh giá:

- Nhiệm vụ KHCN các cấp được giao trong năm 2019 tăng so với năm 2018, với tổng kinh phí thực hiện lớn tập trung vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Các đề tài đã triển khai thực hiện ngay sau khi được phê duyệt. Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt

Những tồn tại, hạn chế

- Nguồn kinh phí thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề tài.

3.1.2. Công tác thông tin khoa học

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tổ chức thành công Hội nghị Khoa học toàn quốc. Đã tổ chức 02 Hội nghị, hội thảo quốc tế, 02 Hội thảo khoa học. Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước, Số bài báo công bố trên tạp chí quốc tế năm 2018 là 142 bài (trong đó có 86 bài ISI), tăng 82 bài so với năm 2017, các bài báo chủ yếu tập trung ở một số khoa: Xây dựng, Khoa học cơ bản, Công nghệ thông tin, Dầu khí, Khoa học và Kỹ thuật địa chất, Mỏ. Thông qua hội thảo, các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ trẻ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội tiếp xúc giao lưu với các nhà khoa học trong và ngoài nước để học hỏi, trao đổi chuyên môn, ngoại ngữ và kinh nghiệm trong NCKH và quản lý; đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN cũng như đào tạo sau đại học.

Bảng 24. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2017 - 2018 và 2018 - 2019

	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019
Hội nghị, hội thảo quốc tế	5	2
Hội nghị, hội thảo trong nước	3	4
Báo cáo khoa học	278	449
Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế	71	142
Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước	159	240

Các Hội nghị, Hội thảo đều được chuẩn bị nghiêm túc và tổ chức chu đáo. Thông qua Hội thảo các nhà khoa học, các nhà quản lý, các cán bộ của Nhà trường có thêm nhiều cơ hội để giao lưu, trao đổi học thuật và chia sẻ những kinh nghiệm trong NCKH và quản lý, đồng thời góp phần trao đổi, hợp tác quốc tế về KHCN trong thời gian tới.

Công tác thông tin khoa học của Nhà trường năm học 2018 - 2019 cụ thể trong bảng sau:

Bảng 25. Thống kê công tác thông tin khoa học theo Khoa

STT	Khoa	Bài báo		Báo cáo khoa học
		Tạp chí Quốc tế	Tạp chí trong nước	
1	Khoa CNTT	16	5	16
2	Khoa Cơ Điện	2	20	25
3	Khoa DK	14	19	27
4	Khoa Mỏ	12	20	54
5	Khoa MT	5	12	53
6	Khoa KT-QTKD	2	27	40
7	Khoa LLCT	1	3	22
8	Khoa GDQP	0	6	8
9	Khoa KHCB	16	40	30
10	Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ	7	31	55
11	Khoa XD	50	17	66
12	Khoa KH-KTĐC	17	40	53
	Tổng	**142**	**240**	**449**

Số lượng công bố quốc tế và trong nước đều tăng so với năm học trước.

3.1.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được nhà nước đầu tư 08 phòng thí nghiệm tăng cường năng lực nghiên cứu, hoạt động của các PTN vẫn chủ yếu phục vụ cho sinh viên thực tập, chưa đạt được hiệu quả như mong muốn, việc sử dụng các phòng thí nghiệm cho NCKH còn hạn chế, chưa đáp ứng đúng mục tiêu đầu tư nhằm phục vụ NCKH và đào tạo nhân lực có trình độ cao (NCS, học viên cao học). Một số trang thiết bị xuống cấp, các linh kiện đi kèm chưa được bổ sung, cơ sở hạ tầng chưa bảo đảm nên khả năng phục vụ nghiên cứu khoa học của các PTN này còn hạn chế

Trung tâm Thí nghiệm và Phân tích công nghệ cao của Nhà trường là một đơn vị hoạt động trực thuộc Ban Giám hiệu. Trung tâm kiện toàn công tác tổ chức, nhân sự và đã chính thức đi vào hoạt động. Trung tâm tiếp tục xây dựng quy chuẩn phòng thí nghiệm, quy chế hoạt động và triển khai vận hành thiết bị thí nghiệm, phối hợp với các đề tài, hợp đồng nghiên cứu thực hiện các phân tích, thí nghiệm công nghệ cao, công bố các bài báo trên những tạp chí khoa học có uy tín. Nhà trường sẽ thí điểm cho phép Trung tâm trở thành đơn vị tự chủ về tài chính và hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

3.1.4. Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên

Hoạt động NCKH và thi Olympic của sinh viên đã được Nhà trường quan tâm đúng mức. Đây là điều kiện để các em sinh viên thể hiện kết quả học tập, khả năng, định hướng nghiên cứu khoa học và là cơ hội trau dồi kiến thức hơn nữa. Năm học 2018-2019, Hội nghị khoa học sinh viên toàn Trường diễn ra với 182 đề tài được nghiệm thu và báo cáo với 773 sinh viên tham gia thực hiện tại 24 tiểu ban. Hội nghị đã lựa chọn được 36 đề tài đạt chất lượng trong đó có 24 đề tài đạt giải Nhất, 09 đề tài đạt giải Nhì và 03 đề tài đạt giải Ba; chọn ra những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên xuất sắc nhất tham gia báo cáo điển hình tại phiên toàn thể Hội nghị khoa học sinh viên lần thứ 32.

Trong kế hoạch triển khai hoạt động NCKH của sinh viên năm học 2018-2019, bên cạnh nguồn kinh phí của Nhà trường, Khoa chuyên môn như các năm trước đây, Công ty dầu khí Rosneft cũng đã tài trợ khoản kinh phí 6.000 USD cho 05 đề tài NCKH sinh viên có tiềm năng trong các lĩnh vực liện quan đến hoạt động dầu khí.

Bên cạnh đó, phong trào thi Olympic các môn Đại số, Giải tích, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sức bền vật liệu, các môn Cơ học, Tiếng Anh, Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành hoạt động thường xuyên trong Nhà trường. Trong năm học 2018 - 2019 kỳ thi được tổ chức với 382 thí sinh dự thi (tăng 16,1% so với năm học trước), có 119 em đạt giải cấp Trường (tăng 5,3% so với năm học trước).

Sau mỗi kỳ thi cấp Trường, các đội tuyển được thành lập, huấn luyện và tham dự thi Olympic quốc gia ở các môn Toán, Vật lý và các môn cơ học. Kết quả có 18 thí sinh đạt giải quốc gia (giảm 13,6% so với năm học trước, trong đó có: 3 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải ba và 9 giải khuyến khích).

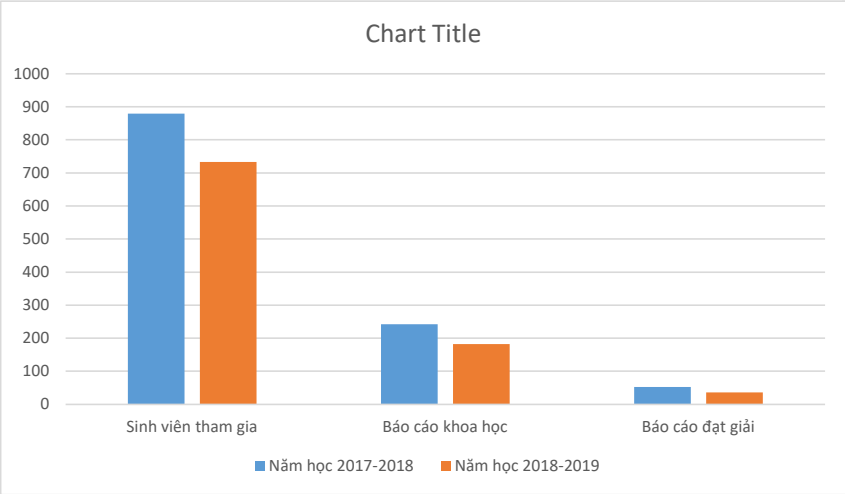
Bảng 26. Công tác NCKH và thi Olympic sinh viên năm học 2017-2018 và 2018-2019

Nội dung	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Tăng/giảm (%)
A. Hội nghị Khoa học sinh viên			
- Số lượng sinh viên tham gia	879	733	- 14,6%
- Số lượng báo cáo khoa học	242	182	- 24,8%
- Số báo cáo đạt giải	52	36	- 30,8%

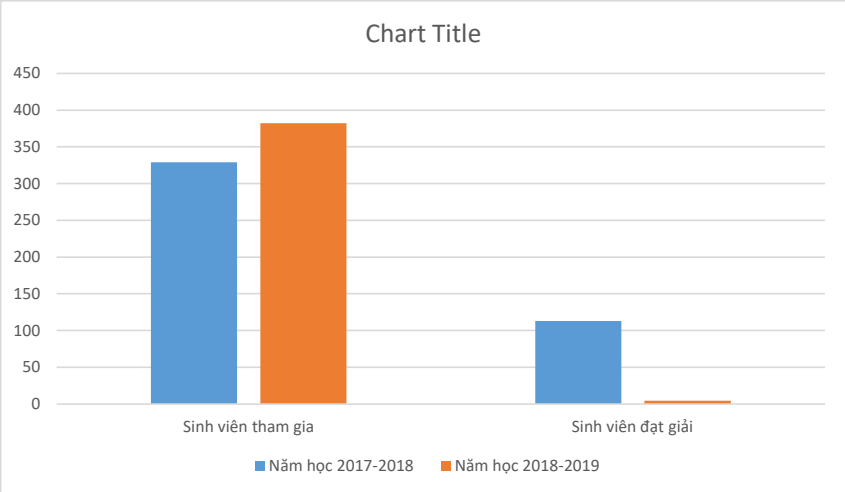
B. Thi Olympic cấp Trường			
- Số sinh viên tham gia	329	382	+ 16,1%
- Số sinh viên đạt giải	113	119	+ 5,3%
C. Thi Olympic Quốc gia			
- Số sinh viên tham gia	58	35	- 39,7%
- Số sinh viên đạt giải	22	18	- 13,6%
+ Nhất	2	3	+ 50%
+ Nhì	7	4	- 42,9%
+ Ba	2	2	0%
+ Khuyến khích	11	9	- 18,2%

Bảng 27. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2018 - 2019

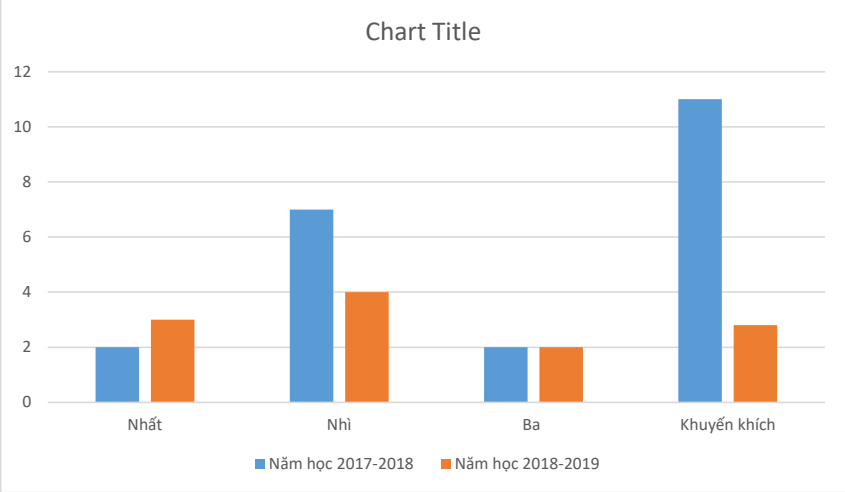
STT	Đơn vị	Hội nghị KHSV			Olympic cấp Trường					Olympic Quốc gia				
		Cấp Trường			Số SV tham gia	SV đạt giải				Số SV tham gia	SV đạt giải			
		Số SV tham gia	Số BCKH	Số BC đạt giải		Nhất	Nhì	Ba	KK		Nhất	Nhì	Ba	KK
1	Khoa CNTT	43	13	2	173	3	5	12	13	3	1		1	
2	Khoa Cơ - Điện	110	22	4	29	1	3	3	5	4	1	1		1
3	Khoa DK	115	32	5	78	5	11	10	11	12	1	3		3
4	Khoa KT – QTKD	126	27	6	22	1	2		2					
5	Khoa KH-KTĐC	56	18	4	18		1	7	3	1				
6	Khoa Mỏ	70	16	3	13	1	2	2	2	2				2
7	Khoa MT	64	15	3	1				1					
8	Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ	109	25	6	20		1		1	1			1	
9	Khoa XD	40	14	2	28	2	2	3	6	12				3
	Tổng	**733**	**182**	**36**	**382**	**13**	**27**	**37**	**44**	**35**	**3**	**4**	**2**	**9**



Hình 9. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH



Hình 10. Kết quả thi Olympic cấp Trường



Hình 11. Kết quả thi Olympic Quốc gia

Nhìn chung, công tác NCKH sinh viên trong năm học qua luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của sinh viên trong toàn Trường. Số báo cáo đạt giải tại HNKH sinh viên và sinh viên thi Olympic quốc gia đạt giải đều tăng (trong đó có 2 giải Nhất) tuy số sinh viên tham gia có giảm. Điều đó cho thấy các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm hơn và bước đầu phát huy hiệu quả, đặc biệt là đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên; chất lượng sinh viên tham gia cũng ngày càng được nâng cao.

3.1.5. Công tác quản lý khoa học

Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm, đầu tư phát triển. Nhà trường đã thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

Nhà trường đã ra quyết định thành lập Quỹ tài năng KHCN HUMG; xây dựng và ban hành quy chế hoạt động của Quỹ, tổ chức đánh giá, xét chọn các nhà khoa học tiêu biểu để trao tặng giải thưởng KHCN HUMG.

Nhà trường đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành Hội nghị tổng kết công tác Khoa học Công nghệ nhằm đánh giá những kết quả đạt được trong năm trước và đề ra kế hoạch, phương hướng, nhiệm vụ trong năm tới.

3.2. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ

Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong năm học qua vẫn đang là thế mạnh của Trường. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ được chia làm

hai hình thức, đó là ký trực tiếp về Trường (phòng Khoa học, Công nghệ và HTQT quản lý) và ký về các trung tâm, công ty Codeco.

Bảng 28. Hoạt động NCKH - Chuyển giao công nghệ - Phục vụ sản xuất

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/giảm (%)
Tổng số hợp đồng đã ký kết và thực hiện	840 hợp đồng	889 hợp đồng	7,11
Tổng doanh thu theo hợp đồng (tỷ đồng)	189.349	262.242	22,65
Đóng góp cho Trường (tỷ đồng)	2.847	3.483	22,34
Nộp thuế (tỷ đồng)	14.439	15.816	9,54

Năm 2018, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH – triển khai công nghệ và đào tạo, bằng sự nỗ lực các đơn vị này vẫn giữ vững và đạt được kết quả khả quan, khẳng định được vai trò và vị trí của các đơn vị và Nhà trường đối với xã hội góp phần vào thành tích chung trong hoạt động NCKH, thiết thực cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí không nhỏ cho hoạt động chung của Nhà trường

Thông qua các hoạt động chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tế, Nhà trường có thêm nhiều địa bàn cho sinh viên thực tập.

Qua bảng trên có thể thấy cả số hợp đồng, tổng doanh thu và mức đóng góp đều tăng so với năm trước .

3.3. Công tác Hợp tác Quốc tế

Năm học 2018 - 2019, tiếp tục thực hiện mục tiêu và giải pháp chiến lược HTQT đến năm 2020, công tác HTQT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất liên tục được mở rộng, phát triển và đạt được những kết quả như sau:

3.3.1. Về công tác đoàn ra, đoàn vào

Những kết quả đạt được

- Đoàn ra: Năm học 2018 - 2019, cử 9 đoàn ra đi công tác tại Đài Loan, Trung Quốc, Nga, Hungary, Pháp, Thái Lan trong khuôn khổ các chương trình hợp tác đang triển khai bao gồm: các dự án Erasmus+ Capacity Building, đoàn công tác của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT, các chương trình liên kết hợp tác với các trường đối tác nước ngoài.

- Đoàn vào: Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc với tổng số đoàn là 38 đoàn đến từ các nước: Nhật Bản, Phần Lan, Nga, Nauy, Ba Lan, Đài Loan, Pháp, Nga, Mỹ, Hàn Quốc, Trung Quốc,… tham gia các chương trình trao đổi học thuật, hội thảo và khóa học ngắn hạn, giao lưu và tăng cường trao đổi hợp tác về nghiên cứu khoa học và đào tạo đại học, sau đại học.

Những hạn chế, tồn tại

Một số Khoa chuyên môn chưa thực hiện tốt việc lập kế hoạch và dự toán kinh phí cho đoàn ra, đoàn vào trong cả năm của đơn vị mình, không thực hiện nộp báo cáo kết quả làm việc của các chuyến đi công tác và tiếp đón khách nước ngoài. Vì vậy, việc quản lý và đánh giá hiệu quả đoàn ra, đoàn vào còn khó khăn và chưa chủ động.

Số lượng cán bộ chuyên trách HTQT quá mỏng so với số lượng các chương trình đang triển khai, gây khó khăn cho việc triển khai và thực hiện các chương trình, quá tải công việc.

3.3.2. Hợp tác quốc tế về Đào tạo

Những kết quả đạt được

a. Về đào tạo sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh

- Thực hiện chương trình tiến tiến, đào tạo hệ đại học ngành Kỹ thuật hóa học với trường đối tác ĐH California Davis (UC Davis), California, Mỹ, hiện đang có 163 sinh viên theo học. Năm 2019, tuyển được 18 sinh viên.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng quản lý lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại trường, bao gồm lưu học sinh Lào, Mông Cổ, Campuchia và Trung Quốc học chính quy, sinh viên trao đổi đến từ Ba Lan, Pháp, Mỹ.

- Tiếp nhận chương trình tài trợ học bổng của Hiệp hội Dầu khí SPE Việt Nam cho sinh viên, chương trình tài trợ hệ thống thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học sinh viên trường ĐH Mỏ - Địa chất của công ty Rosneft Viet Nam và nhiều chương trình học bổng dành cho cán bộ, sinh viên Nhà trường.

- Nhà trường tích cực đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế trong đào tạo bằng việc tham gia các dự án nhằm xây dựng, cải tiến, hiện đại hóa chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn tiên tiến của châu Âu. Cụ thể là 02 dự án Erasmus+ Capacity Building do EU tài trợ đang được thực hiện là dự án MINERAL "Hiện đại hóa Chương trình Thạc sỹ địa chất theo định hướng địa chất dầu khí" và dự án ESSENCE "Xây dựng chương trình thạc sỹ ngành hệ thống năng lượng thông minh" nhằm phát triển chương trình Thạc sỹ Kỹ thuật điện hiện có của trường.

b. Về hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên

- Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi giảng viên, chuyên gia, tình nguyện viên, trong đó chương trình Erasmus+ và các chương trình trại hè quốc tế hiện đang thực hiện rất hiệu quả và được sinh viên tham gia tích cực. Nhà trường đã cử 10 giảng viên và sinh viên tham gia chương trình Erasmus+ tại Ba Lan, 05 sinh viên tham gia trại hè tại Trung Quốc; đón 7 sinh viên Pháp đến thực tập, 10 sinh viên Mỹ đến tham gia khóa học ngắn hạn và 02 nghiên cứu sinh Ba Lan đến học tập theo diện trao đổi.

c. Về khóa học ngắn hạn

Năm học 2018 - 2019, Nhà trường phối hợp với các trường Đại học Mỹ, Đức tổ chức các khóa học ngắn hạn cho giảng viên và sinh viên:

+ Khóa học ngắn hạn về Quản lý Tài nguyên nước do giáo sư Trường đại học Miami (Mỹ) sang giảng dạy.

+ Khóa học ngắn hạn về Khai thác Mỏ và hoàn nguyên môi trường mỏ do Trường Đại học Mỏ - Địa chất phối hợp với DAAD và Đại học Kỹ thuật Bergakademie Freiberg, Đức tổ chức (từ ngày 18/10/2018 đến 28/12/2018).

Các khóa học này là cơ hội để giảng viên và sinh viên trong Trường giao lưu, trao đổi kiến thức, kỹ năng học tập và làm việc, nâng cao hiểu biết, trình độ chuyên môn nghiệp

vụ. Đây cũng là cơ hội để các cán bộ trẻ được tiếp xúc, học hỏi và tìm kiếm cơ hội đi học tập các chuyên ngành phù hợp ở các trường, cơ sở nghiên cứu chất lượng cao ở nước ngoài.

Những tồn tại, hạn chế:

Trình độ Ngoại ngữ của sinh viên chưa đồng đều dẫn đến khó khăn trong việc tham gia các khóa học ngắn hạn quốc tế.

3.3.3. Hợp tác quốc tế về Khoa học công nghệ

Tổ chức các Hội thảo quốc tế để các nhà khoa học gặp gỡ, trao đổi chuyên môn:

- Tổ chức Hội thảo quốc tế "The Second International Seminar on Recent Advances in Civil Engineering ngày 25/9/2018 với sự tham gia của các nhà khoa học Nhật Bản và Thái Lan.

- Hội thảo quốc tế Quản lý kinh tế trong hoạt động khoáng sản EMMA tổ chức từ ngày 19/11/2018 đến ngày 20/11/2018.

- Ngoài ra, Nhà trường và các Khoa chuyên môn tích cực, chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức các Hội nghị, Hội thảo khoa học quốc tế nhằm tạo điều kiện cho các cán bộ nghiên cứu khoa học của Trường có điều kiện tiếp xúc, trao đổi kinh nghiệm đồng thời nâng cao vị thế và uy tín của Nhà trường.

3.3.4. Hợp tác quốc tế về xây dựng cơ sở vật chất

- Năm học 2018- 2019, Nhà trường đã được một số đơn vị nước ngoài tài trợ phần mềm và trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, có thể nhận thấy có sự không đồng đều trong hoạt động hợp tác quốc tế để xây dựng cơ sở vật chất giữa các Khoa. Một số Khoa trong nhiều năm qua hầu như không có những hoạt động hợp tác quốc tế hiệu quả để xây dựng tiềm lực cho Khoa.

- Năm 2018, Nhà trường đã nhận được tài trợ thiết bị thí nghiệm từ trường Đại học Mỏ St Etienne gồm nồi hấp áp suất cao (PARR INSTRUMENT COMPANV, MOLINE, lL. USA, CE 003G, pS345BAR V 1.21, TS'-30C1350C, PART NO, qW5438A T316-T 060500-T, YEAR BUTLT 2001, SERIAL NO. 2144901), các thiết bị phụ trợ gồm máy khuấy thích hợp cho nồi hấp, cảm biến nhiệt độ, cảm biến áp suất và hệ thống điện và điện tử; trang bị hệ thống phòng học trực tuyến và các thiết bị phụ trợ đi kèm từ nguồn tài trợ dự án ERASMUS+ MINERAL; hệ thống phòng thí nghiệm lọc hóa dầu do Công ty Rosneft tài trợ.

3.3.5. Công tác quản lý hoạt động hợp tác quốc tế

Hàng năm, Nhà trường đều triển khai xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của các đơn vị và của toàn trường.

Nhìn chung, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn nhưng công tác HTQT của Nhà trường trong năm học 2018 - 2019 đã có nhiều đổi mới và phát triển so với những năm học trước. Nhà trường tiếp tục duy trì các chương trình hợp tác, đã triển khai và tích cực, chủ động tìm kiếm các đối tác cũng như chương trình hợp tác mới, đặc biệt là các dự án về tăng cường năng lực.

4. Công tác tổ chức, xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ

4.1. Công tác tổ chức bộ máy, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn (2015 - 2020, 2020 - 2025), từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

a) Công tác tổ chức bộ máy

Để triển khai tổ chức, bộ máy thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, Ngày 26/3/2019, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 269/QĐ-MĐC ban hành quy định Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tái cơ cấu lại tổ chức theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả:

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;
- Các phòng ban chức năng;
- Các đơn vị đào tạo (khoa) trực thuộc Trường;
- Các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ;
- Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
- Hội đồng tư vấn liên ngành.

-Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Trường được thành lập và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội trong Trường được thành lập và hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của các tổ chức, đoàn thể xã hội;

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở **03** cấp: Trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa Khoa học cơ bản, khoa Lý luận chính trị và khoa Giáo dục Quốc phòng với **59** bộ môn; 12 phòng và 08 trung tâm trực thuộc trường, 01 văn phòng đại diện tại Vũng Tàu.

Văn phòng Đại diện có nhiệm vụ thu thập và xử lý các thông tin liên quan đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ thuộc lĩnh vực đào tạo của Trường. Giúp Trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về đào tạo, nghiên cứu khoa học phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi đặt Văn phòng đại diện và các địa phương trong khu vực lân cận; phát triển các loại hình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; các hoạt động giao dịch, hợp tác; và các hoạt động khác của Trường tại địa phương đặt Văn phòng đại diện và các địa phương lân cận đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất với hoạt động chung của Trường.

b) Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý, tuyển dụng cán bộ

Tháng 4/2019, Nhà trường tổ chức rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2018 - 2023.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán

bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường

- Thuận lợi, ưu điểm:

+ Công tác quy hoạch cán bộ được thực hiện nề nếp, đảm bảo công khai, dân chủ. Việc quy hoạch vừa có sự kế thừa, vừa có bước phát triển mới; cán bộ lãnh đạo quy hoạch dần được trẻ hoá, số lượng cán bộ từ 30 - 40 tuổi được đưa và quy hoạch lãnh đạo ngày càng nhiều. Cán bộ quy hoạch đều là những người có năng lực công tác, trình độ chuyên môn tốt, tinh thần trách nhiệm và ý thức tự giác cao trong thực thi công việc.

+ Công tác tuyển dụng viên chức được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo sát sao. Việc tuyển dụng sử dụng cán bộ, viên chức của Nhà trường được thực hiện theo Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 về sửa đổi, bổ sung quy định sử dụng, tuyển dụng viên chức. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện nghiêm túc, theo quy định, đánh giá đúng chất lượng của cán bộ. Số lượng cán bộ, viên chức tuyển dụng đã bổ sung kịp thời lực lượng cán bộ thiếu hụt do nghỉ hưu, chuyển công tác; đồng thời, tạo điều kiện về nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng. Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã lên kế hoạch tuyển dụng cán bộ giảng dạy ở các bộ môn: Kỹ thuật cơ khí, bộ môn Ngoại ngữ.

- Khó khăn, hạn chế

+ Chưa đảm bảo kết cấu 03 độ tuổi trong quy hoạch theo quy định.

+ Số lượng cán bộ viên chức hiện nay đang có xu hướng mất cân đối về về cơ cấu giữa khối giảng dạy và hành chính; thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong khối cán bộ giảng dạy.

+ Văn bản hướng dẫn của Nhà nước chưa minh bạch dẫn đến khó khăn trong việc triển khai quy hoạch cán bộ, lãnh đạo.

+ Chưa thực hiện được việc định biên cũng như cơ cấu ngạch viên chức cho các đơn vị dẫn đến công tác quản lý, sử dụng ngạch viên chức của các đơn vị, tổ chức thuộc Trường còn bị động.

c) Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai thực hiện quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2015 - 2020. Đến nay, đã hoàn thành quy trình và kiện toàn đội ngũ Ban Giám hiệu. Ngày 27/12/2018, Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 5068/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm GS. TS Trần Thanh Hải giữ chức Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ngày 07/6/2019, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký Quyết định số 1610/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS. TS Bùi Xuân Nam và Quyết định số 1609/QĐ-BGDĐT về việc bổ nhiệm PGS.TS Triệu Hùng Trường giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiểu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ; cơ cấu tổ chức và nhân sự tinh

gọn, gắn với tái cơ cấu học thuật để phù hợp hơn với xu thế phát triển của khoa học công nghệ và thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao; xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, vị trí, vai trò của mỗi đơn vị đối với sự phát triển chung của Nhà trường.

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định. Năm học 2018 - 2019, đã thực hiện 89 lượt bổ nhiệm. Đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được trẻ hóa, đa số đều nằm trong độ tuổi 35 - 40 (55 cán bộ), 41 - 45 (56 cán bộ) (chiếm 75% tổng số cán bộ quản lý từ cấp Bộ môn trở lên); vẫn còn 05 cán bộ quản lý trên 60 tuổi, tập trung ở các trung tâm trực thuộc Trường; không còn cán bộ có trình độ đại học.

- Những tồn tại, hạn chế: Vẫn còn cán bộ, lãnh đạo quản lý ở một số bộ môn, Trung tâm quá tuổi quản lý do nguyên nhân một số đơn vị chưa có đội ngũ cán bộ kế cận đảm bảo điều kiện theo quy định.

4.2. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường.

Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

- Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 35 tuổi có 182 cán bộ, chiếm 31,9% tổng số CBGD, từ 36 - 45 có 277 cán bộ, 48,6% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất (150/263 cán bộ, chiếm 57,03 % số CBGD có trình độ TS).

- Công tác cán bộ của Nhà trường năm học 2018 - 2019: Hiện tại đến thời điểm 31/8/2019 cơ cấu cán bộ, viên chức của Nhà trường cụ thể như sau:

+ Tổng số cán bộ, viên chức là 808 người, trong đó cán bộ giảng dạy là 570 cán bộ chiếm 70,5%, kỹ sư là 51cán bộ chiếm 6,4% và 187 cán bộ hành chính, nghiệp vụ chiếm 23,1 % tổng số cán bộ. Trong số cán bộ giảng dạy có: 05 GS, 60 PGS, 263 cán bộ có trình độ tiến sĩ chiếm 46,1%, 296 cán bộ có trình độ thạc sĩ chiếm 51,9%, 11 cán bộ trình độ đại học chiếm 2% tổng số cán bộ giảng dạy.

+ Tháng 9/2019, Nhà trường tổ chức kỳ thi tuyển dụng viên chức; đã có 02 cán bộ được tuyển dụng làm cán bộ giảng dạy.

+ Năm 2018 - 2019, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu cho 11 cán bộ, 27 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

Bảng 29. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà Trường

Nội dung	Năm 2018 (đến 31/08/2018)	Năm 2019 đến 31/8/2019	Tăng/giảm (%)
Tổng số CBVC	844	808	-4,3
- Giảng viên	586	570	-2,7

- Nhân viên hành chính	199	187	-6,03
- Kỹ sư	59	51	-13.6
Cán bộ nghỉ hưu	12	11	-083
Cán bộ chuyển công tác, chấm dứt hợp đồng	18 (5 CBHC, 13 CBGD)	27 (17 CBHC, 10 CBGD)	+50
Cử đi học cao học	2	2	0
Cử đi học NCS	20	16	0

+ Trong năm học 2018 - 2019 Nhà trường đã cử 02 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 16 nghiên cứu sinh, 02 cán bộ đi đào tạo thạc sĩ.

+ Tính đến tháng 09/2019, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 17 cán bộ hoàn thành học tập ở nước ngoài về nước (15 TS, 02 ThS), 16 cán bộ hoàn thành kế hoạch học tập trong nước (14 TS và 02 ThS) bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

Bảng 30. Cơ cấu đội ngũ giảng viên

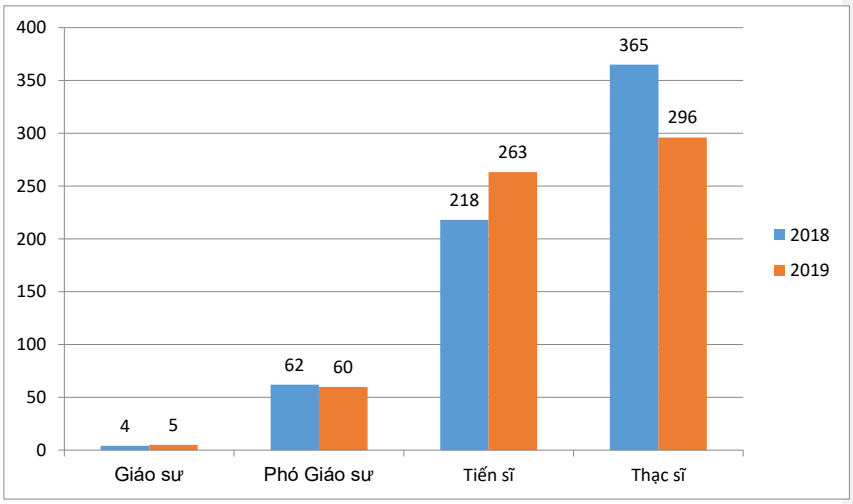
Năm	GS		PGS		TS		ThS		ĐH	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2018	4	0,6	62	9,61	237	36,74	365	56,58	43	6,66
2019	5	0,9	60	10,5	263	46,1	296	51,9	11	2

Bảng 31. Đội ngũ cán bộ, viên chức ở các Khoa chia theo trình độ

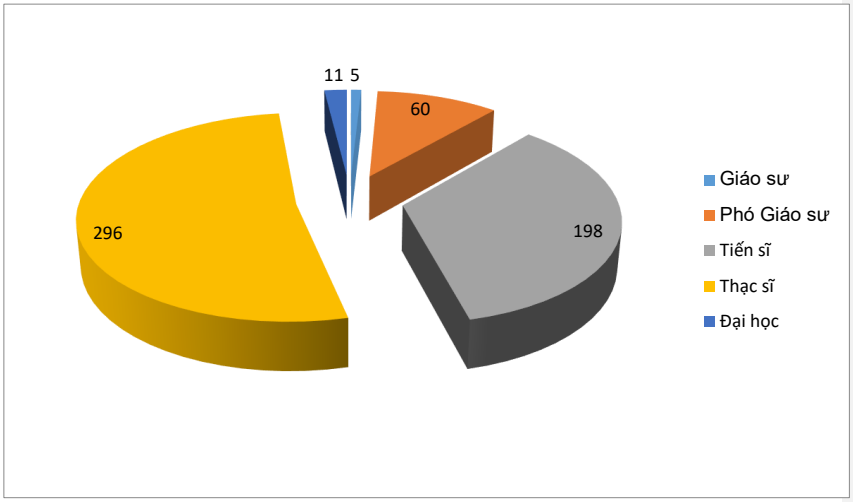
		Tổng số	Số nữ	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	CĐ	Kỹ sư
	Toàn đơn vị	621	218	5	60	263	335	23		51
1	Khoa Công nghệ Thông tin	66	30	1	3	16	46	4		10
1.1	Bộ môn Mạng máy tính	8	3	0	0	1	6	1		1
1.2	Bộ môn Công nghệ phần mềm	10	3	0	1	3	7	0		1
1.3	Bộ môn Tin học cơ bản	9	4	0	0	2	6	1		1
1.4	Bộ môn Tin học địa chất	7	3	1	0	1	6	0		1
1.5	Bộ môn Khoa học máy tính	6	3	0	0	2	4	0		0
1.6	Bộ môn Tin học kinh tế	8	6	0	1	1	6	1		1
1.7	Bộ môn Tin học Trắc địa	15	6	0	1	6	8	1		2
1.8	Phòng TNCN Xử lý số liệu	3	2	0	0	0	3	0		3
	Văn phòng khoa	2	1	0	0	0	0	2		2
2	Khoa Cơ – Điện	61	9	0	7	25	34	2		6
2.1	Bộ môn Điện khí hóa	11	3	0	2	7	4	0		1
2.2	Bộ môn Kỹ thuật cơ khí	8	1	0	0	3	5	0		0
2.3	Bộ môn Kỹ thuật Điện – Điện tử	11	2	0	2	3	8	0		0
2.4	Bộ môn Tự động hóa XNM&DK	15	2	0	2	9	6	0		1
2.5	Bộ môn Máy và Thiết bị Công nghiệp	12	0	0	1	3	8	1		0

2.6	Xưởng Cơ - Điện	4	1	0	0	0	3	1		4
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
3	Khoa Dầu khí	57	16	0	7	32	21	4		7
3.1	Bộ môn Địa vật lý	9	3	0	1	4	4	1		1
3.2	Bộ môn Địa chất dầu	6	3	0	0	4	2	0		0
3.3	Bộ môn Lọc hóa dầu	14	4	0	3	10	2	2		2
3.4	Bộ môn Khoan – Khai thác	17	2	0	2	8	8	1		2
3.5	Bộ môn Thiết bị DK và CT	11	4	0	1	6	5	0		2
	PTN Dầu khí KTN									
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
4	Khoa Khoa học cơ bản	87	43	0	3	27	58	2		1
4.1	Bộ môn Cơ lý thuyết	5	2	0	0	3	2	0		0
4.2	Bộ môn Hóa	17	10	0	0	9	8	0		0
4.3	Bộ môn Hình họa	6	2	0	0	4	2	0		0
4.4	Bộ môn Giáo dục thể chất	13	4	0	0	0	13	0		0
4.5	Bộ môn Ngoại ngữ	15	11	0	0	0	15	0		0
4.6	Bộ môn Toán	17	9	0	1	5	11	1		0
4.7	Bộ môn Vật lý	14	5	0	2	6	7	1		1
	Văn phòng khoa	1	1	0	0	0	1	0		
5	Khoa Khoa học và KT Địa chất	74	20	1	8	33	34	7		8
5.1	Bộ môn Địa chất	14	3	1	1	7	5	2		1
5.2	Bộ môn Địa chất công trình	18	4	0	1	8	9	1		3
5.3	Bộ môn Địa chất Thủy văn	11	4	0	1	5	5	1		1
5.4	Bộ môn Khoáng thạch và Địa hóa	10	3	0	2	4	5	1		1
5.5	Bộ môn Tìm kiếm thăm dò	20	5	0	3	9	10	1		1
5.6	Bảo tàng Địa chất	1	1	0	0	0	0	1		1
	Văn phòng khoa	2	1	0	0	0	1	1		
6	Khoa Mỏ	54	12	1	7	25	28	1		5
6.1	Bộ môn Khai thác Lộ thiên	16	3	1	2	8	7	1		2
6.2	Bộ môn Khai thác Hầm lò	18	2	0	2	11	7	0		1
6.3	Bộ môn Tuyển khoáng	12	4	0	3	4	8	0		1
6.4	Bộ môn Sức bền vật liệu	8	3	0	0	2	6	0		1
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		
7	Khoa Môi trường	32	15	0	3	12	20	0		1
7.1	Bộ môn Môi trường cơ sở	10	4	0	1	3	7	0		0
7.2	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	12	6	0	1	5	7	0		0
7.3	Bộ môn Địa sinh thái và CNMT	10	5	0	1	4	6	0		1
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
8	Khoa Lý luận Chính trị	19	12	0	2	7	12	0		0
8.1	Bộ môn Nguyên lý chủ nghĩa Mác - Lênin	5	2	0	0	3	2	0		0
8.2	Bộ môn Đường lối CM của ĐCSVN	5	3	0	0	1	4	0		0
8.3	Bộ môn Tư Tưởng HCM	5	4	0	1	2	3	0		0
8.4	Bộ môn Pháp luật	4	3	0	1	1	3	0		0

	Văn phòng khoa	1	1	0	0	0	0	1		
9	Khoa Kinh tế - Quản trị KD	50	30	0	3	22	28	0		0
9.1	Bộ môn Kinh tế cơ sở	10	7	0	0	4	6	0		0
9.2	Bộ môn kế toán Doanh nghiệp	18	13	0	0	9	9	0		0
9.3	Bộ môn QTDN Mỏ	13	5	0	2	5	8	0		0
9.4	Bộ môn QTDN Địa chất - DK	9	5	0	1	4	5	0		0
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
10	Khoa Trắc địa – BĐ&QLĐĐ	86	27	1	15	43	41	2		11
10.1	Bộ môn Trắc địa Mỏ	10	2	0	1	6	4	0		0
10.2	Bộ môn Trắc Địa công trình	12	3	0	6	9	3	0		0
10.3	Bộ môn Trắc địa cao cấp	11	3	0	2	3	7	1		0
10.4	Bộ môn Bản đồ	9	4	0	1	5	4	0		1
10.5	Bộ môn Trắc địa Phổ thông và SS	11	2	1	1	4	7	0		2
10.6	Bộ môn Địa chất	12	5	0	0	6	5	1		1
10.7	Bộ môn Đo ảnh và Viễn thám	15	6	0	4	10	5	0		2
10.8	Tổ máy Trắc địa	6	2	0	0	0	6	0		5
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	1	1		
11	Khoa Xây dựng	35	4	1	2	21	13	1		2
11.1	Bộ môn Xây dựng Công trình Ngầm và Mỏ	15	1	1	0	10	4	1		1
11.2	Bộ môn Xây dựng Hạ tầng cơ sở	10	1	0	1	6	4	0		1
11.3	Bộ môn Kỹ thuật xây dựng	10	2	0	1	5	5	0		0
	Văn phòng khoa	2	2	0	0	0	0	2		



Hình 12. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2018 và năm 2019



Hình 13. Cơ cấu đội ngũ giảng viên năm 2019

Bảng 32. Cơ cấu đội ngũ giảng viên chia theo độ tuổi và trình độ đào tạo

	Tổng số					Chia theo trình độ đào tạo					
		Giáo sư		Phó Giáo sư		TSKH và TS		Thạc sĩ		Đại học	
		Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ	Tổng số	Tr.đó: Nữ
A	1	5	6	7	8	9	10	11	12	15	16
Tổng số	**570**	**5**	**0**	**60**	**8**	**263**	**62**	**296**	**127**	**11**	**1**
Dưới 30 tuổi	**30**	0	0	0	0	0	0	25	6	5	0
Từ 31 đến 35	**152**	0	0	0	0	31	7	117	45	4	0
Từ 36 đến 40	**169**	0	0	5	0	92	22	77	37	0	0
Từ 41 đến 45	**108**	1	0	15	2	58	18	49	29	1	0
Từ 46 đến 50	**37**	0	0	7	4	20	9	17	10	0	0
Từ 51 đến 55	**12**	1	0	5	2	11	5	0	0	1	1
Từ 56 đến 60	**20**	1	0	4	0	9	1	11	0	0	0
Trên 60 tuổi	**42**	2	0	24	0	42	0	0	0	0	0

Qua bảng trên có thể thấy, đội ngũ cán bộ giảng viên đang ngày càng được trẻ hóa và có trình độ cao. Giảng viên dưới 35 tuổi có 182 cán bộ chiếm 31,9%, giảng viên từ 36 đến 45 tuổi là 277 cán bộ, chiếm 48,5% cán bộ, đây cũng là độ tuổi có trình độ Tiến sĩ cao (150/263, chiếm 57,03%). Điều đó cho thấy Nhà trường luôn chú trọng đến việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, viên chức, đặc biệt quan tâm tới đội ngũ cán bộ giảng dạy. Hàng năm, thường xuyên có 23% cán bộ giảng dạy được cử đi đào tạo nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước. Đa số cán bộ đi đào tạo trở về đã phát huy tốt khả năng của mình, có nhiều đóng góp tích cực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường, tích cực phấn đấu để đạt được các chức danh khoa học cao hơn.

Nhà trường luôn cố gắng duy trì cơ cấu đội ngũ CBVC trẻ để đảm bảo tính kế thừa.Mặc dù vậy, số lượng giảng viên là PGS trên 60 tuổi vẫn chiếm tỉ lệ cao nhất. Nếu không có chiến lược phát triển thích hợp trong tương lai tổng số GS, PGS của trường có thể sẽ giảm.

- Năm học 2018 - 2019, quy định đánh giá cán bộ viên chức đã được điều chỉnh nhằm đánh giá trung thực, khách quan nhất năng lực, hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC trường.

Nhà trường cũng đã có quy định cụ thể về vị trí việc làm chức danh Kỹ sư; xét chuyển chức danh nghề nghiệp cho 01 CBVC từ kỹ sư sang chuyên viên và 01 cán bộ từ chuyên viên sang kỹ sư.

- Nhà trường luôn quan tâm, có các chế độ, chính sách khuyến khích động viên tạo điều kiện thuận lợi, cần thiết cho đội ngũ CBVC tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng theo yêu cầu chuẩn hóa về đội ngũ cán bộ.

Những tồn tại, hạn chế

- Giảng viên có trình độ thạc sĩ vẫn chiếm tỉ lệ cao trong cơ cấu đội ngũ giảng viên (Thạc sĩ: 296/570, chiếm 51,9%), vẫn còn giảng viên có trình độ Đại học (11 CBGD).

- Hiện tượng cán bộ đi học nước ngoài về không đúng hạn, không làm thủ tục gia hạn, không chấp hành các quy định của Nhà nước và của Trường vẫn còn tồn tại.

- Các đơn vị đã bắt đầu thực hiện tái cấu trúc nhưng tiến độ thực hiện còn chậm và chưa thực sự quyết liệt trong triển khai tái cấu trúc.

- Ngày 28/9/2018, Hiệu trưởng Nhà trường đã có quyết định thành lập Hội cựu giáo chức Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

5. Công tác xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo

5.1. Công tác xây dựng cơ sở vật chất

5.1.1. Tình hình thực hiện các dự án xây dựng cơ bản

- Nhà trường đã có quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất trên diện tích đất hiện có.

- Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao làm chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) tại Quyết định số 7819/QĐ-BGDĐT ngày 27/10/2009.

Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật làm cơ sở cho việc quy hoạch và xây dựng các công trình của Trường Đại học Mỏ - Địa chất bao gồm: Bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; San nền, đường giao thông, cấp nước, thoát nước, hệ thống chiếu sáng, trạm biến áp và đường dây, hệ thống hào kỹ thuật của dự án trong phạm vi nghiên cứu là 23,6ha.

Thời gian thực hiện dự án: 2015-2019 (do tiến độ cấp kinh phí cho dự án từ 2009 đến 2014 chưa có nên dự án triển khai khó khăn, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phê duyệt điều chỉnh về thời gian thực hiện dự án 2015-2019 tại Quyết định số 2041/QĐ-BGDĐT ngày 15/6/2016).

Về Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng: Do Dự án nằm trên địa giới hành chính của 03 phường (Cổ Nhuế 2, Xuân Đỉnh, Đức Thắng) nên từ khi bắt đầu triển khai công tác này, UBND quận Bắc Từ Liêm đã chỉ đạo Ban Bồi thường GPMB quận Bắc Từ Liêm (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất) cùng với các phòng ban chức năng của Quận và nhà trường lập kế hoạch GPMB theo địa giới từng phường.

Đến nay về cơ bản đã hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh.

Do ngân sách Nhà nước cấp cho dự án đến thời điểm này là 104.101.647.180 VNĐ/190.407.274.000 VNĐ nên khối lượng công việc đã thực hiện là đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/140 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) với tổng số tiền đã giải ngân là 96.603.533.396 VNĐ trên tổng số nguồn NSNN được cấp cho dự án là 104.101.647.180 VNĐ nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân).

Về hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Đại học tại xã Đông Ngạc, xã Cổ Nhuế, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là phường Đức Thắng, phường Cổ Nhuế 2, phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội - khu vực Trường Đại học Mỏ - Địa chất và khu Ký túc xá dùng chung) đã được Bộ Giáo dục và Đào phê duyệt tại quyết định số 5603/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2018.

Hiện tại, Ban QLCDA đang triển khai công tác giao đất khu A1 (5,5ha) để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB), theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Năm học 2019-2020, Trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 2016-2020 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, Nhà trường có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan hữu quan có liên quan trong công tác tổ chức thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đối với những hộ còn tồn đọng do cơ chế chính sách…theo đúng quy định của Nhà nước đồng thời tổ chức triển khai công tác giao đất khu A1 để tiến hành thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu A1 (5,5ha/23,6ha) nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (đã hoàn thành công tác GPMB). Theo kế hoạch 2020 sẽ hoàn thành.

Cụ thể hóa Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị đại học đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 13/05/2008 (Khu A1 tương đương với khu chức năng xây dựng trường học 06.CQ3 và 06.CQ3.CL), Ban QLCDA xây dựng phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư làm cơ sở cho Nhà trường trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025:

- Giai đoạn 1 (2019-2020): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng hệ thống Hạ tầng kỹ thuật trong khu đất A1 (5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập.

- Giai đoạn 2 (dự kiến 2021-2025): Để chuẩn bị xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025, Nhà trường tập trung nghiên cứu, xây dựng phương án đầu tư xây

dựng mở rộng Trường Đại học Mỏ - Địa chất trên cơ sở Khu đất A1 đã hoàn thành hệ thống Hạ tầng kỹ thuật.

5.1.2. Công tác sửa chữa, cải tạo

Năm học 2018-2019, hoàn thành cải tạo, sửa chữa các hạng mục:

+ Cải tạo sửa chữa tôn nền và đổ bê tông khu thực tập đa ngành: 484,5 triệu đồng

+ Cải tạo, sửa chữa khu thực tập Lạng Sơn: 258,8 triệu đồng

+Sửa PTN khoan nổ mìn khu B và xây nhà cất mẫu tại khu A và các hạng mục khác: 484,42 triệu đồng

+ Cải tạo, sửa chữa phòng máy tính và các hạng mục khác: 474,38 triệu đồng

+ Sửa chữa hệ thống phân tích ICP-MS tại Trung tâm phân tích, thí nghiệm công nghệ cao: 575,26 triệu đồng

+ Cải tạo, sửa chữa nâng cấp phòng họp phổ yên: 477,38 triệu đồng

+ Cải tạo phòng C504 thành phòng Studio: 474,39 triệu đồng

+ Cải tạo sửa phòng HCTH: 297,21 triệu đồng

+ Cải tạo, sửa chữa bộ phận 1 cửa: 408,08 triệu đồng

Kinh phí cải tạo, sửa chữa được lấy từ nguồn thu hợp pháp của Trường. Nhìn chung công tác cải tạo, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

5.2. Trang thiết bị phục vụ đào tạo

Hàng năm Nhà trường luôn quan tâm đến việc tăng cường trang thiết bị phục vụ đào tạo. Tuy nhiên, hiện nay nguồn kinh phí trực tiếp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo rất hạn chế, Nhà trường vận dụng nguồn kinh phí thường xuyên để trang bị thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập.

Năm học 2018 - 2019, không có các dự án thiết bị lớn; công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị, dụng cụ vật tư thí nghiệm chủ yếu từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường, về cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các trang thiết bị được đầu tư năm học 2018-2019:

+ Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các tòa nhà KTX sinh viên với kinh phí 96,4 triệu đồng.

+ Lắp đặt hệ thống PCCC ở các KTX, HT300, nhà C12 với kinh phí 319 triệu

+ Trang bị mới phần mềm quản lý cán bộ, đảng viên với kinh phí 253 triệu đồng.

+ Trang bị các thiết bị họp trực tuyến cho các phòng họp

+ Xây dựng cổng thông tin điện tử Trường Đại học Mỏ - Địa chất với kinh phí 1,85 tỷ đồng.

+ Trang bị, lắp đặt trang thiết bị trường quay với kinh phí 440,5 triệu đồng.

+ Bổ sung trang thiết bị phòng thực hành máy tính PTN Địa tin học với kinh phí 404,2 triệu đồng.

…

Công tác mua sắm trang thiết bị 3 quý đầu năm 2019 về cơ bản thực hiện theo kế hoạch. Năm 2019, phát sinh sửa chữa máy móc thiết bị thí nghiệm tăng so với kế hoạch đầu năm.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Song công tác quản lý, sử dụng công sản chưa thực sự hiệu quả. Do đó cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

5.3. Tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm

Hiện nay toàn Trường có 39 phòng thí nghiệm;trong đó: Khoa Trắc địa: 09 phòng, Khoa Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí: 05 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 04 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

Nhìn chung, tình hình hoạt động các phòng thí nghiệm trong toàn trường khá hiệu quả, có các phòng hoạt động liên tục, hết công suất như: PTN Vật lý, PTN Hóa học, PTN Lọc - Hóa dầu, PTN và Xưởng thực hành Kỹ thuật Điện - Điện tử, PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực, PTN Địa tin học, PTN Địa chất công trình. Tuy nhiên vẫn còn một số phòng thí nghiệm hoạt động chưa thực sự hiệu quả, thời gian đóng cửa nhiều, sổ nhật ký phòng thí nghiệm không cập nhật đầy đủ.

5.4. Kinh phí chi thường xuyên hàng năm

Kinh phí chi thường xuyên và kinh phí thực hiện năm 2018, 2019 được tổng hợp trong các bảng 33 và bảng 34.

Bảng 33. Kinh phí thực hiện năm 2018

STT	Nội dung	Kế hoạch (1.000đ)	Thực hiện (1.000đ)	Tăng/giảm với kế hoạch (%)
1	Tiền điện, nước	3.242.400	4.238.444	30,7
2	Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ	1.373.179	1.686.563	22,8
3	Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm	840.000	848.022	1,0
4	Thuê vệ sinh môi trường	2.561.730	2.143.396	-16,3
5	Sửa chữa nhà cửa	6.777.000	4.269.613	-37,0
6	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị, ô tô, hệ thống PCCC…)	450.000	1.211.870	169,3
7	Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn	2.809.166	1.499.295	-46,6

Nhận xét, đánh giá chung:

Năm học 2018 - 2019, trong điều kiện còn nhiều khó nhăn, nhưng lãnh đạo Nhà trường luôn quan tâm đến công tác xây dựng cơ sở vật chất để đáp ứng đủ yêu cầu của công tác đào tạo. Công tác cải tạo, sửa chữa thường xuyên được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn trường; tạo môi trường cảnh quan sạch đẹp, vệ sinh, cải thiện được tình hình ăn, ở, sinh hoạt cho sinh viên và cán bộ trong toàn Trường, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ y tế và vấn đề an toàn thực phẩm của nhà Trường.

Bảng 34. Kinh phí thực hiện năm 2019

STT	Nội dung	Kế hoạch (1.000đ)	Thực hiện 3 quý đầu năm (1.000đ)	Tăng/giảm với kế hoạch (%)
1	Tiền điện, nước	3.862.400	2.658.046	-31,2
2	Vật tư văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ	1.739.127	854.227	-50,9
3	Hóa chất, dụng cụ thí nghiệm	800.000	875.000	9,4
4	Thuê vệ sinh môi trường	2.649.455	1.541.194	-41,8
5	Sửa chữa nhà cửa	5.986.893	958.808	-84,0
6	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (máy móc thiết bị học tập, thí nghiệm, thang máy, hệ thống PCCC, cửa tự động, thiết bị phòng học…)	1.344.480	1.892.350	40,7
7	Mua TSCĐ dùng cho công tác chuyên môn, Cổng thông tin điện tử	4.720.078	3.629.587	-23,1

6. Về công tác thông tin, thư viện

6.1. Công tác thư viện

Trong năm học 2018 – 2019, phần mềm thư viện điện tử Kipos đã được bổ sung 02 mô đun "Bổ sung tài liệu" và "Ấn phẩm định kỳ". Tài liệu tại phòng mượn đang dần được thay thế từ chỉ từ sang chíp (dễ dàng tích hợp với các thiết bị hiện đại như máy mượn – trả tự động và thực hiện thống kê tự động).

Công tác tăng cường nguồn lực thông tin được thực hiện thường xuyên. Trong năm học vừa qua, đã mua 121 đầu sách (3299 cuốn), 01 CSDL điện tử; nhận 07 đầu sách (929 cuốn) từ phòng Xuất bản, 164 bài giảng/giáo trình (165 cuốn) từ phòng Đào tạo Sau đại học; được tặng 126 đầu sách tiếng Việt (444 cuốn) và 127 đầu sách tiếng Anh (322 cuốn) từ các thầy/cô và các tổ chức nước ngoài. Bổ sung 27 đầu tạp chí tiếng Việt (373

cuốn), được tặng 06 đầu (41 cuốn). Bổ sung 733 cuốn luận án, luận văn và 30 báo cáo tổng kết đề tài NCKH. Bổ sung cho thư viện tại Vũng Tàu 294 đầu sách (410 cuốn) và Quảng Ninh 494 đầu sách (670 cuốn).

Trung bình hàng năm, Thư viện phục vụ gần 100 nghìn lượt bạn đọc, trên 150 nghìn lượt tài liệu, tu bổ hàng trăm cuốn sách.

Bảng 35. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2017-2018 và 2018-2019

Năm	PHÒNG XUẤT BẢN CUNG CẤP					
	Giáo trình			Bài giảng		
	Số lượng		Kinh phí (đồng)	Số lượng		Kinh phí (đồng)
	Đầu tài liệu	Cuốn		Đầu tài liệu liệu	Cuốn	
2017 - 2018	3	130	6,130,000	2	110	5,310,000
2018 - 2019	7	929	49,095,000	0	0	0
Năm	**PHÒNG ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC CUNG CẤP**					
	Giáo trình			**Bài giảng**		
	Số lượng		**Kinh phí (đồng)**	**Số lượng**		**Kinh phí (đồng)**
	Đầu tài liệu	**Cuốn**		**Đầu tài liệu**	**Cuốn**	
2017- 2018	0	0	0	342	358	0
2018 - 2019	03	03	0	164	165	0
Năm	**TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA**					
	Tài liệu giấy			**Cơ sở dữ liệu điện tử**		
	Số lượng		**Kinh phí (đồng)**	**Số lượng**	**Kinh phí (đồng)**	
	Đầu tài liệu	**Cuốn**				
2017 - 2018	364	4319	393,463,000	1	45,00,000	
2018 - 2019	121	3299	392,628,000	1	45,00,000	
Tăng/giảm	-66%	-23%	-0,2%	0%	0%	
Năm	**TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG**					
	Tiếng Việt			**Tiếng Anh**		
	Đầu tài liệu	**Cuốn**		**Đầu tài liệu**	**Cuốn**	
2017 - 2018	134	310		145	253	
2018 - 2019	126	444		127	322	

Tăng/giảm	-6%	+43%	-12%	+27%

Hạn chế:

- Tài liệu giảng dạy và tham khảo cho các học phần của các ngành đào tạo trong Trường còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.
- Việc hợp tác chia sẻ cơ sở dữ liệu với các đơn vị bên ngoài còn yếu.
- Thư viện chưa có phòng học nhóm, đa phương tiện.

Nguyên nhân:

- Một số tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần khó hoặc không tìm thấy tại các nhà cung cấp. Kinh phí dành cho bổ sung tài liệu còn hạn chế.
- Các đối tác chưa thực sự muốn chia sẻ CSDL, tài liệu và chưa xây dựng được chính sách cho việc này.
- Chưa bố trí được phòng học nhóm, đa phương tiện.

Giải pháp:

- Tiếp tục rà soát tài liệu trong đề cương chi tiết các học phần, đặc biệt của các CTĐT sẽ kiểm định, để bổ sung những tài liệu còn thiếu. Trong trường hợp những tài liệu đó không có trên thị trường, sẽ làm việc trực tiếp với các bộ môn, thầy/cô để tìm giải pháp;
- Đẩy mạnh việc nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ, chuẩn nghiệp vụ tiên tiến vào công tác thư viện. Mở rộng hợp tác với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài nước, đặc biệt là chia sẻ CSDL; tích cực tham gia các hoạt động nghiệp vụ với liên hiệp thư viện;
- Ngăn Phòng tra cứu trực tuyến để làm phòng học nhóm, đa phương tiện;
- Tăng cường công tác số hóa và hồi cố tài liệu theo các chuẩn nghiệp vụ của phần mềm;
- Bổ sung mô đun "Các báo cáo đánh giá ngoài" của phần mềm Kipos nhằm thuận tiện hơn cho việc tổng hợp các báo cáo phục vụ công tác đánh giá ngoài của Nhà trường cũng như của các chương trình đào tạo.

6.2. Công tác Công nghệ thông tin

Phối hợp với Cục Công nghệ Thông tin, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện cổng thông tin điện tử (TTĐT) và xây dựng website thành phần. Rà soát, đưa tin bài, cập nhật thông tin của các đơn vị, cá nhân và các chương trình đào tạo lên cổng TTĐT.

Quảng bá thông tin của Nhà trường trên cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội. Trong bảng xếp hạng Webometrics mới nhất (tháng 7/2019), Nhà trường trở lại Top 10 và được xếp thứ 6/174 trường đại học được xếp hạng của Việt Nam.

Quản lý, vận hành và khắc phục sự cố của hệ thống mạng, kết nối Internet, email và wifi.

Phối hợp với Công ty CP DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn lắp đặt hệ thống wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường.

Hạn chế:

- Tiến độ triển khai Cổng TTĐT và website các đơn vị còn chậm.
- Băng thông kết nối Internet trong nước đã tăng lên gấp đôi nhưng băng thông quốc tế vẫn còn thấp.

- Các website cũ của các đơn vị (xây dựng bằng Joomla) hay bị tấn công.

Nguyên nhân:

- Tiến độ triển khai Cổng TTĐT và website của các đơn vị phụ thuộc Cục CNTT và các đơn vị sử dụng.

- Yêu cầu tăng băng thông kết nối Internet trong nước miễn phí đã được các nhà cung cấp thực hiện, còn băng thông quốc tế cần phải trả thêm phí.

- Trang thiết bị hạ tầng mạng của Nhà trường tuy đã được đầu tư nhưng chưa đáp ứng được hết các yêu cầu về an toàn, bảo mật thông tin. Phần mềm mã nguồn mở Joomla đã quá cũ nên bảo mật kém.

Giải pháp:

- Phối hợp với Cục CNTT hoàn thiện nhanh nhất cổng TTĐT, tiếp nhận đào tạo và chuyển giao công nghệ;

- Nâng cấp băng thông Internet quốc tế để phục vụ tốt hơn cho e-learning, email và công tác truyền thông, quảng bá của Nhà trường trên các mạng xã hội;

- Chuyển dần các website của các đơn vị sang là 1 thành phần của Cổng TTĐT.

- Tiếp tục triển khai hệ thống wifi miễn phí cho toàn bộ khuôn viên Trường (với công ty FPT)

- Tiếp tục hoàn thiện nội dung đề án "Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin Trường Đại học Mỏ - Địa chất" và tìm kiếm nguồn tài trợ từ bên ngoài.

7. Công tác quản lý tài chính

- Năm 2018, Nhà trường đã triển khai tốt việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách trong từng quý và năm theo luật ngân sách hiện hành. Trong năm qua việc thu, chi các nguồn kinh phí của Nhà trường phòng Tài vụ đã đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Bảng 36. Thống kê thu chi tài chính năm 2018

Nội dung	Năm 2017 (tỷ đồng)	Năm 2018 (tỷ đồng)	Tăng/Giảm (%) so với năm 2017	Ghi chú
I- Tổng thu của Trường	**277.29**	**236.84**	**-15**	
- Thu từ NSNN	65.76	47.35	-28	
- Thu từ học phí	168.70	164.37	-3	
- Thu sự nghiệp khác	23.07	25.12	9	
- Thu đề tài, dự án	19.76	9.87	-50	
Trong đó				
+ Thu từ NSNN cấp	11.12	2.13		

+ Thu đề tài, dự án không thuộc nguồn kinh phí do Bộ GD&ĐT cấp	8.64	7.74		Số dư cuối kỳ năm 2016 : 6,22 tỷ đồng
II- Tổng chi	**239.59**	**201.25**	**-16**	
- Chi hoạt động thường xuyên	193.79	185.04	-5	
- Chi không thường xuyên	25.09	5.91	-76	Giảm do năm 2017 có dự án PTN Bản đồ - Tuyển khoáng: 19,96 tỷ đồng
- Chi đề tài, dự án	20.71	10.30	-50	

Chi tiết về thu, chi tài chính năm 2018, Phòng Tài vụ có báo cáo riêng trình bày trước Hội nghị.

Nhận xét đánh giá chung:

Trong điều kiện suy thoái kinh tế vẫn tiếp tục diễn ra, kinh phí ngân sách nhà nước cấp theo định mức, thực hiện khoán chi theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP, nguồn thu sự nghiệp lại phụ thuộc vào chỉ tiêu đào tạo và khung thu phí do đó tài chính của Nhà trường đã gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, công tác thu chi tài chính vẫn kịp thời, đầy đủ đảm bảo cho các hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ viên chức và sinh viên, đảm bảo giữ mức ổn định về thu nhập và cải thiện đời sống cho CBVC.

Bảng 37. Thu nhập bình quân của cán bộ trong toàn Trường năm 2018

Thu nhập bình quân	Năm 2017 (đồng)	Năm 2018 (đồng)	Tăng/Giảm (%) so với năm 2017
Thu nhập bình quân toàn trường	11 972 000	12 339 000	3
Khối cán bộ giảng dạy	13 053 000	13 193 000	1
Khối cán bộ hành chính và CB phục vụ giảng dạy	8 252 000	8 941 000	8

8. Công tác y tế

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác y tế, khám chữa bệnh đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Trạm Y tế là đơn vị phụ trách việc chăm sóc sức khỏe cho CBVC và sinh viên trong Trường đã làm tốt công tác khám chữa bệnh thông thường, điều trị các bệnh mãn tính như cao huyết áp, tiểu đường, làm các thủ thuật theo danh mục đã được Sở Y tế phê duyệt; làm thủ tục chuyển viện cho những trường hợp cần thiết.

- Tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các dịch bệnh, đặc biệt phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội.

- Hàng năm, Nhà trường đều tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho CBVC. Năm 2019, Nhà trường hợp đồng với Bệnh viện Phương Đông tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ tháng 5 năm 2019: 585 người. Kinh phí: 276,880,000 đồng.

- Năm 2019 căn cứ Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ, Kinh phí chăm sóc sức khoẻ ban đầu do trích chuyển từ BHYT để phục vụ công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu năm 2019 cho sinh viên không được cấp.

- Về tình hình khám chữa bệnh BHYT: Tính đến 15/9/ 2019 đã có 1.328 lượt khám với tổng chi phí là: 96,527,253 đồng (năm 2018: 2634 lượt khám, tổng chi phí: 209,811,094 đồng). Chi phí này hoàn toàn do BHXH thanh quyết toán theo quý.

- Năm học 2018 - 2019, Trường đã đã tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào trường K63: 1761 sinh viên (Hà Nội và Vũng Tàu) tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên vào Trường K64 theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ: Dự kiến đợt 1 từ 07/10 đến 18/10/2019 tại Phòng khám Trường Đại học Y tế công cộng.

- Về tình hình cấp phát thuốc: Nhà trường hợp đồng mua thuốc theo đúng quy định danh mục thuốc chủ yếu được sử dụng tại các cơ sở KCB được quỹ BHYT thanh toán. Kinh phí quyết toán với cơ quan BHXH hàng quý theo chi phí sử dụng cấp thuốc cho cán bộ, sinh viên tại Trạm Y tế.

9. Các hoạt động khác

9.1. Thực hiện quy chế dân chủ

Việc thực hiện quy chế dân chủ tại Nhà trường đạt kết quả tốt, thể hiện trên các nội dung chủ yếu sau:

- Các cuộc họp định kỳ được duy trì và đảm bảo cả về nội dung và chất lượng, phù hợp với nhu cầu công việc, như: Họp công tác tháng, Hội nghị liên tịch Quý, Hội nghị công tác tài chính năm, Tổng kết công tác đào tạo và Hội nghị cán bộ viên chức; các hội đồng tư vấn (Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tổ chức cán bộ, Hội đồng lương, Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở, Hội đồng thi đua - khen thưởng,...) hoạt động công khai, dân chủ, đúng quy chế.

- Thực hiện tốt chế độ công khai tài chính theo quy định của nhà nước; công khai các quyền lợi, chế độ, chính sách có liên quan trực tiếp đến đội ngũ cán bộ viên chức; công khai những quy định về sử dụng tài sản, xây dựng cơ sở vật chất, tuyển dụng, nâng ngạch, nâng bậc lương, thuyên chuyển, điều động, khen thưởng, kỷ luật, bổ nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ viên chức.

- Năm học 2018 - 2019, Nhà trường tiếp tục tiếp nhận các ý kiến đóng góp của các đơn vị (các Quy định, Quy chế) để năm học 2019 - 2020 ban hành nhiều văn bản quản lý theo đúng pháp luật của Nhà nước, các quy định, quy chế của các Bộ, Ban, Ngành.

9.2. Công tác giáo dục quốc phòng và giữ gìn an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội

- Nhà trường luôn quan tâm đến công tác giáo dục Quốc phòng và an ninh cho sinh viên và công tác quân sự địa phương đứng trên địa bàn.

- Năm học 2018-2019, Khoa đã Giáo dục quốc phòng và an ninh cho 107 lớp, nhóm lớp với hơn 9615 lượt sinh viên hệ chính quy từ khóa 59 đến khóa 63 của Nhà trường theo chương trình, nội dung quy định bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị. Năm học 2018-2019, Khoa thực hiện giảng dạy theo Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT, ngày 13/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học; tổ chức dạy học đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH ngày 18/9/2015 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và xã hội. Qua đó, trang bị cho sinh viên nhận thức, giác ngộ chính trị, lòng yêu nước và trách nhiệm của công dân; huấn luyện, trang bị một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; xây dựng cho sinh viên ý thức tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật.

- Đầu năm 2019 - 2020, Nhà trường đang triển khai học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên khóa mới K64 theo hình thức tập trung tại cơ sở Lạng Sơn, từ đó nâng cao chất lượng môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong công tác giáo dục của Nhà trường.

- Khoa luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và sự phối hợp có hiệu quả của các phòng, khoa, ban trong Trường; đồng thời luôn có sự quan tâm, giúp đỡ của Bộ Tư lệnh Pháo binh, Vụ Giáo dục quốc phòng và an ninh. Nhà trường tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên đi học tập, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thống nhất và cập nhập những nội dung mới phục vụ cho công tác giáo dục quốc phòng và an ninh

- Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi gọi nhập ngũ, độ tuổi tham gia dân quân tự vệ.

- Tổ chức đăng ký quản lý quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ lực lượng dự bị động viên, đồng thời báo cáo kịp thời, đầy đủ, đúng mẫu biểu, thời gian quy định.

- Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác tiếp nhận, quản lý di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học. Thực hiện tốt công tác giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên tốt nghiệp ra trường hoặc thôi học về nơi cư trú theo đúng quy định.

- Năm 2019, phối hợp với các đơn vị trong Cụm thi đua số 6, gồm: ĐH Mỏ - Địa chất, ĐH Công nghiệp Hà Nội, ĐH Điện lực, ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Đại học Y tế Công cộng, Học viện Tài chính tổ chức huấn luyện cho 188 cán bộ, chiến sĩ tự vệ của các Nhà trường theo đúng kế hoạch đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê duyệt, kết quả huấn luyện đạt loại khá, bảo đảm an toàn tuyệt đối về người, vũ khí trang bị và an toàn giao thông (đặc biệt là trong kiểm tra bắn đạn thật). Đồng thời, tổ chức huấn luyện

bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia thi đấu đầy đủ các nội dung tại Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba môn Nhận thức Chính trị.

- Năm 2019, đã tham mưu cho Nhà trường và trực tiếp tham gia tuyển chọn và gọi 30 nam sinh viên tốt nghiệp đại học khóa 59 đi đào tạo sĩ quan dự bị tại Trường Quân sự Quân khu 2 theo đúng chỉ tiêu của Bộ giao, đảm bảo sức khỏe tốt, chất lượng chính trị cao, 100% là tình nguyện, trong đó có 04 em là Đảng viên.

- Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo tình hình giáo dục quốc phòng và an ninh và công tác quân sự địa phương của Nhà trường đúng thời gian quy định lên Ban chỉ huy quân sự quận Bắc Từ Liêm và Vụ Giáo dục Quốc phòng.

9.3.* C*ông tác đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng

- Trong năm học 2018 - 2019, Nhà trường đã triển khai phong trào thi đua năm học với chủ đề "Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học" nhằm nâng cao ý thức cán bộ, giảng viên trong việc cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Công tác đánh giá, phân loại viên chức đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

- Kết quả năm học 2018 - 2019, toàn trường có 253 CBVC đạt mức A+, 390 CBVC đạt mức A, 160 CBVC đạt mức B+, 5 CBVC đạt mức B, 0 CBVC đạt mức C. Về TĐKT, Hiệu trưởng Nhà trường đã có quyết định số 1099/QĐ-MĐC ngày 22/8/2019 công nhận 83 tập thể đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến, 433 cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và 207 cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở". Đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận 22 đơn vị trực thuộc Trường đạt "Tập thể lao động xuất sắc"; 13 cá nhân đạt "Chiến sỹ thi đua cấp Bộ"; đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen cho 03 tập thể và 34 cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm học 2018 - 2019; đã đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xét đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 05 cá nhân có thành tích xuất sắc tiêu biểu, đã đề nghị trao tặng Huân chương lao động Hạng Ba cho 02 cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong những năm qua.

- Tuy nhiên, quy định chấm công, đánh giá phân loại CBVC cần tiếp tục có sự điều chỉnh, nên linh hoạt hơn, hợp lý hơn, nhất là đánh giá đối với cán bộ hành chính.

9.4. Công tác thanh tra, kiểm tra

- Năm học 2018 - 2019, Ban Thanh tra nhân dân đã tiếp nhận và giải quyết thỏa đáng những kiến nghị của CBVC trong Trường về vấn đề thu nhập, đời sống, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, quản lý và sử dụng nhà đất trong và ngoài trường...

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng cán bộ, viên chức; thi và tuyển sinh; kiểm tra thi cử (thi đầu vào và thi hết môn học) được thực hiện nghiêm túc. Việc phân phối, sử dụng nguồn thu học phí cũng được giám sát thường xuyên và chặt chẽ nhằm đảm bảo công bằng cho toàn thể CBVC Nhà trường, góp phần ổn định tư tưởng cũng như cải thiện cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện làm việc cho CBVC.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc, nhanh chóng nắm bắt những thông tin phản hồi từ CBVC, sinh viên và phản ánh kịp thời đến

Ban Giám hiệu, các phòng ban chức năng để có cách giải quyết hợp lý góp phần giữ vững hoạt động ổn định của Nhà trường.

9.5. Công tác Công đoàn

- Năm học 2018 – 2019, Công đoàn Trường xét trợ cấp khó khăn cho 37 lượt cán bộ ốm đau nằm viện, tai nạn với tổng số tiền: 51.000.000đ.

- Phối hợp tổ chức, chi giải thưởng kéo co và giải toàn đoàn khối cán bộ, viên chức tại Hội khỏe truyền thống 26/3; Chi giải thưởng giải cầu lông; giải Tennis, giải bóng đá với tổng số tiền 24.800.000 đồng.

- Công đoàn Trường đã soạn thảo, lấy ý kiến góp ý để hoàn thiện, trình ký ban hành Quy định về thăm hỏi, trợ cấp khó khăn, việc hiếu (tháng 4/2019).

- Thực hiện Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2019, Công đoàn Trường phối hợp cùng Ban Bảo hộ lao động tổng kiểm tra công tác vệ sinh tại các đơn vị, giảng đường, nhà ăn, khuôn viên trường; Công tác bảo đảm an toàn lao động tại các xưởng thực hành. Từ đó nâng cao ý của CBNGNLĐ trong việc thực hiện An toàn vệ sinh trường học; Thành lập đội tuyển và tham gia Hội thi "An toàn vệ sinh viên giỏi" Công đoàn Giáo dục Việt Nam lần thứ 3 (tháng 5/2019) và đạt giải Ba toàn đoàn.

- Hoàn thành việc triển khai sử dụng hệ thống phần mềm quản lý đoàn viên năm 2019 (6/2019)

- Tổ chức gặp mặt các thế hệ cán bộ công đoàn các thời kỳ nhân dịp kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2019) và 68 năm ngày thành lập Công đoàn Giáo dục Việt Nam (22/7/1951 -22/7/2019).

- Tổ chức 02 lớp tập huấn cho 72 cán bộ công đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2022: tại Lào Cai (tháng 12/2018) và Hòa Bình (tháng 8/2019)

- Phối hợp với Chính quyền tiến hành các thủ tục, văn bản pháp lý thành lập Hội cựu giáo chức Trường và Ban Khuyến học Trường; Xây dựng quy chế hoạt động Hội CGC và Ban KH. Hỗ trợ Hội CGC Trường tổ chức thành công Đại hội lần thứ Nhất; vận động các cán bộ đã nghỉ hưu của Nhà trường tham gia Hội.

- Công tác Vì sự tiến bộ Phụ nữ và công tác nữ công: Tổ chức Hội thi làm bánh; Tuyên dương nữ Phó Giáo sư, nữ Tiến sĩ, nữ CBGD đạt thành tích NCKH, nữ CB khối hành chính, nữ SV; Sơ kết phong trào "GVT - ĐVN" năm học 2017 – 2018 (20/10/2018); Tổ chức du xuân tại Tây Thiên (tháng 2/2019); Tổng kết phong trào "GVT - ĐVN" giai đoạn 2016 – 2018 (08/3/2019); Khen thưởng con CBVC đạt HSG các cấp, tổ chức xem phim (01/6/2019)

- Công tác vận động ủng hộ, từ thiện: Mua giá để cặp lồng cho học sinh bán trú Trường Tiểu học Co Mạ 1, huyện Thuận Châu, Sơn La (6.600.000đ); Hỗ trợ kinh phí tổ chức tết sum vầy tại Kỳ Sơn, Nghệ An (30.000.000đ); Bê tông hóa sân trường THCS xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa (90.000.000đ); Vận động cán bộ ủng hộ gia đình thầy giáo Nguyễn Thanh Thạo mất đột ngột khi đang công tác (441.520.000đ)

Với những thành tích đạt được trong năm học vừa qua, Công đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chất được Công đoàn Giáo dục Việt Nam tặng 03 bằng khen cho tập thể, 05 cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn năm học 2017 – 2018.

9.6. Công tác Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên

Đánh giá cao vai trò của Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên trong nhà trường, Đảng ủy luôn dành sự quan tâm và chỉ đạo sát sao các hoạt động của Đoàn và Hội, đặc biệt là công tác giáo dục ý thức chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Thành Đoàn Hà Nội, của Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường, cùng với toàn trường, Đoàn thanh niên Nhà trường đã có những bước phát triển mới. Đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp cũng đã từng bước trưởng thành, chất lượng các hoạt động đã được nâng cao, vai trò của tuổi trẻ thông qua các phong trào đặc biệt là phong trào thanh niên tình nguyện đã được khẳng định, vị trí của tổ chức Đoàn trong nhà trường đã từng bước được khẳng định và đã có những đóng góp tích cực vào việc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Đoàn Thanh niên trường luôn xác định công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục của nhà trường, chiếm vị trí quan trọng trong việc hình thành nhân cách, đạo đức của thế hệ trẻ, nguồn nhân lực của đất nước. Vì vậy, năm học 2018 - 2019, *công tác giáo dục chính trị tư tưởng* được Đoàn trường quan tâm, chú trọng: thường xuyên tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện chính trị của Thủ đô, đất nước phù hợp với nguyện vọng của tuổi trẻ đoàn viên, thanh niên trong toàn trường, tạo thành các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn trường. Điển hình là các hoạt động tìm hiểu và học tập Nghị quyết Đại hội Đoàn thành phố Hà Nội và Đại hội Đoàn toàn quốc; các cuộc thi học tập và làm theo theo tấm gương Bác các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng chào mừng các ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Đoàn TNCSHồ Chí Minh, Hội Sinh viên Việt Nam...

Các hoạt động hỗ trợ nâng cao kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên được Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đặc biệt chú trọng. Trong năm học vừa qua, Đoàn Thanh niên đã tổ chức tập huấn cho sinh viên tình nguyện, các cán bộ Đoàn, Hội; duy trì hoạt động của các Câu lạc bộ chuyên ngành và CLB Sở thích như: CLB Guitar, CLB Võ thuật, CLB Sinh viên tình nguyện, CLB Dầu khí, CLB sinh viên yêu thích công nghệ thông tin, CLB Trung Nhật…

Thực hiện chương trình **"Áo ấm mùa đông"**vào tháng 1 năm 2019 tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa với số tiền ủng hộ gần 250.000.000 VNĐ.

Đoàn Thanh niên Trường được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm, tạo điều kiện tối đa trong các hoạt động Đoàn, do đó Đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng thường xuyên được Đoàn cấp trên tin tưởng giao nhiệm vụ phối hợp tham gia và triển khai hiệu quả các hoạt động do Đoàn cấp trên tổ chức. Đoàn trường cũng luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ đột xuất, cử lực lượng tham gia các hoạt động khác vào thứ Bảy, Chủ nhật hoặc các ngày lễ lớn, ngày nghỉ.

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên đã chỉ đạo các Liên Chi đoàn củng cố các câu lạc bộ chuyên ngành như: CLB Dầu khí, CLB Tiếng Anh, CLB Tin học, CLB Trung Nhật... đi vào hoạt động theo chiều sâu thu hút đông đảo đoàn viên sinh viên tham gia. Những chương trình này giúp sinh viên nhận thức sâu sắc hơn ý nghĩa của việc học thật,

thi thật, dần hạn chế các hành vi tiêu cực trong thi cử và chủ động trong các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học.

Năm học 2018 -2019 cũng là năm học mà nhiều đoàn viên là sinh viên được tham gia NCKH và hoàn thành xuất sắc đề tài đảm nhiệm. Toàn trường đã có 733 số sinh viên tham gia, hơn 182 đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đăng ký tham gia và thi tại các tiểu ban. Trong đó có 36 báo cáo đạt giải.

Đoàn trường luôn thường xuyên quan tâm tới các hoạt động nhằm đẩy mạnh phong trào học tập và nghiên cứu khoa học trong sinh viên, tiêu biểu là phong trào thi Olympic. Năm học 2018 – 2019 toàn trường đã có gần 393 đoàn viên sinh viên tham gia thi các môn tại 2 cơ sở đào tạo là Hà Nội, Vũng Tàu góp phần đẩy mạnh phong trào học tập, tìm nhân tố cho các giải Olympic quốc gia. Đã có 18 em đạt các giải Nhất, Nhì, Ba và khuyến khích ở giải Olympic quốc gia trong các môn Đại số, Giải tích, Hóa học, Vật lý, Cơ học,....

Đoàn thanh niên và Hội sinh viên trường đã phối hợp cùng các đơn vị chức năng trong trường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, các hoạt động tuyên truyền, các hoạt động văn hóa văn nghệ thể dục thể thao. Khen thưởng và tuyên dương các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong các hoạt động tình nguyện, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao,các phong trào học tập và nghiên cứu khoa học; tuyên truyền sâu rộng về lịch sử và truyền thống của Nhà trường qua các giai đoạn và thời kỳ. Thực hiện tốt việc bóc xóa quảng cáo rao vặt trước cổng trường, trong khuôn viên trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của đoàn viên sinh viên trong việc giữ gìn giảng đường sạch, xây dựng Nhà trường "Xanh – Sạch – Đẹp". Đặc biệt, trong năm học 2018 - 2019, Hội sinh viên trường đã tổ chức thành công trong các hoạt động văn nghệ: Chào Tân sinh viên K63, Cuộc thi "Bước nhảy sinh viên HUMG DANCE 2019", tổ chức ngày Hội khỏe cấp cơ sở và Hội khỏe toàn trường vào ngày 26/3, tổ chức giải bóng đá sinh viên HUMG, tổ chức Hội thi cắm trại, thể thao vui Chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ 08/3, phối hợp tổ chức các Hội thi văn nghệ, thể dục thể thao cho đoàn viên sinh viên...

Hội Sinh viên Trường đã tổ chức thành công Hội nghị kiện toàn Ban chấp hành Hội sinh viên Trường lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2018 – 2020 vào tháng 6/2018.

Trong năm học vừa qua, Đoàn trường đã tổ chức tốt đội hình tình nguyện làm tốt nhiệm vụ "Tiếp sức mùa thi năm 2019" tại 16 Trường THPT Thuộc tỉnh Bắc Giang và "Mùa hè tình nguyện năm 2019". Đội sinh viên tình nguyện đã hoạt động tốt tại 03 địa điểm: xã Đông Minh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, và khu A Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Đội Mùa hè xanh đã tổ chức thăm hỏi và tặng quà các Mẹ Việt Nam anh hùng. Các sinh viên tình nguyện đã phát huy tốt tinh thần tình nguyện, sáng tạo trong các hoạt động và đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp được địa phương đánh giá cao. Công tác vận động hiến máu nhân đạo trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thực hiện tốt, duy trì thường xuyên, thu hút được đông đảo sinh viên tham gia.

Bên cạnh việc tổ chức cho ĐVTN học tập, tìm hiểu, đóng góp vào các nghị quyết Đại hội Đảng các cấp cho đông đảo ĐVTN, Đoàn Thanh niên các cấp cũng tích cực, chủ động tham mưu, giới thiệu hơn nhiều đoàn viên xuất sắc tham gia các lớp bồi dưỡng, tìm

hiểu về Đảng. Kết quả trong năm học này, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trường đã phối hợp với Đảng ủy trường tổ chức lớp Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho gần 300 đoàn viên ưu tú, đề nghị Đảng ủy trường kết nạp 62 đoàn viên thanh niên ưu tú có thành tích cao trong rèn luyện và học tập.

Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên Trường đã tham gia chương trình hành trình về nguồn do Thành Đoàn tổ chức.

Với những hoạt động sôi nổi, phong phú, công tác Đoàn và Hội của Nhà trường đã được tổ chức Đoàn cấp trên đánh giá cao. Năm học 2018 - 2019, Trung ương Đoàn, Thành đoàn Hà Nội và Hội Sinh viên thành phố Hà Nội đã tặng bằng khen cho 8 tập thể và 10 cá nhân có thành tích xuất sắc.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của một Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận là đơn vị tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước ngành giáo dục và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tặng Bằng khen.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra, nhiều nhiệm vụ còn chưa hoàn thành:

Bảng 38. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2018 - 2019

Tiêu chí	Mục tiêu	Thực hiện	Đánh giá
Quy mô đào tạo chính quy	15.000	14.615	Không đạt
Mở mới ngành đào tạo: - Bậc đại học - Thạc sĩ	 5 3	 1 2	 Không đạt Không đạt
Chương trình chất lượng cao	3	0	Không đạt
Đề tài KHCN mới: - Cấp Nhà nước - Cấp Bộ và tương đương	 5 10	 18 27	 Đạt Đạt
Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế	100	142	Đạt
Hội nghị khoa học quốc tế	02	02	Đạt
Thi đua	85% LĐTT	85% LĐTT	Đạt

Kết quả trên thể hiện trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Cần tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, Cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên cần tích cực hơn nữa trong công tác nghiên cứu các đề tài khoa học công nghệ. Chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị nhà trường.

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; kế hoạch tuyển sinh và các hoạt động tuyên truyền, quảng bá chưa có được sự phối hợp tốt giữa Nhà trường với các Khoa; Chương trình đào tạo được cập nhật vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, chưa khai thác triệt để cơ sở vật chất hiện có phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

Phần thứ hai
NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2019 - 2020

Kính thưa các vị khách quý!
Kính thưa các quý vị đại biểu!

Năm học 2019 - 2020 là năm học tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục theo Nghị quyết 29-NQ/TW về *"Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kinh kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế"*; thực hiện Chỉ thị 2919/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019 - 2020 ngành Giáo dục; Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định chủ đề năm học 2019 - 2020 là *"Xây dựng văn hóa chất lượng trong toàn Trường"* với khẩu hiệu hành động*"Tự chủ - Đổi mới - Chất lượng cao"* và *"Tất cả vì sinh viên thân yêu"* từ đó đề ra các trọng tâm nhiệm vụ năm học 2019 - 2020 như sau:

I. Nhiệm vụ

I.1. Nhiệm vụ trọng tâm:

Tại Lễ khai giảng năm học 2019 - 2020, Hiệu trưởng đã đề ra 06 nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Thứ 1. Nâng cao chất lượng **chuyên môn và đạo đức của đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức** nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và nâng tầm đội ngũ cán bộ; tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý, các Quy chế hoạt động của Trường; sắp xếp đội ngũ và tổ chức hợp lý để bảo đảm các hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả của toàn bộ hệ thống chính trị Nhà trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, giảng viên, viên chức và sinh viên.

Thứ 2. Triển khai xây dựng và hoàn thành đề án tự chủ đại học, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường.

Thứ 3. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao **chất lượng đào tạo**, triển khai mạnh mẽ các giải pháp học tập hiệu quả để duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo, phù hợp với thực tế và sự phát triển của Nhà trường. Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả và tính thực tiễn của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với cả cán bộ và sinh viên; tiếp tục xây dựng và tăng cường hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh. Tham gia sâu rộng vào các hoạt động khoa học công nghệ xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học của thầy và trò Nhà trường. Mở rộng hợp tác quốc tế trong NCKH, chuyển giao công nghệ, đào tạo quốc tế, công nhận tín chỉ, liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế và đáp ứng yêu cầu phân hạng các trường đại học của Nhà trường.

Thứ 4. Tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động khảo thí và kiểm định chất lượng. Hoàn thành kiểm định chất lượng 03 chương trình đào tạo và nhân rộng ra các chương trình khác. Chuẩn bị triển khai công tác đánh giá ngoài cũng như đáp ứng các yêu cầu đối với việc đánh giá, phân hạng các trường đại học trong thời gian tới.

Thứ 5. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng các hệ thống phòng thì nghiệm khác để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học.

Thứ 6. Đẩy mạnh hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý và vận động sinh viên trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên Nhà trường để nâng cao chất lượng sinh viên, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, cải thiện chất lượng quảng bá hình ảnh và các hoạt động của Nhà trường, đưa hình ảnh Trường Đại học Mỏ - Địa chất gần gũi và phổ quát hơn đối với xã hội.

I.2. Mục tiêu cụ thể:

Quy mô đào tạo: Chính quy: 15000

Mở mới: Bậc đại học 04 ngành đào tạo; Thạc sĩ: 03 và Tiến sĩ: 01
Chương trình chất lượng cao: 02

Đề tài triển khai từ 2019: Cấp NN: 10 Cấp Bộ Giáo dục và Đào tạo: 10

Bài báo Quốc tế: 150 (trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục ISI: 40 bài)

Hội nghị Khoa học quốc tế: 03

Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

II. Giải pháp chủ yếu để thực hiện các nhiệm vụ năm học 2019 - 2020

1. Tập trung chỉ đạo quyết liệt và tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo. Xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo, chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất và tài chính. Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội, tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội.

2. Đẩy mạnh và hoàn thiện đề án tự chủ đại học, tự chịu trách nhiệm trong từng đơn vị của Nhà trường. Triển khai thực hiện tái cấu trúc Trường Đại học Mỏ - Địa chất; Đề án vị trí việc làm; Đề án thành lập các Viện nghiên cứu trực thuộc Trường. Thực hiện từng bước vững chắc khẳng định vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Mỏ - Địa chất trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và Quốc tế.

3. Kiện toàn hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục. Tiếp tục hoàn thành kiểm định chất lượng 07 chương trình đào tạo.

4. Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao năng lực, phẩm chất, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên để tất cả giảng viên đều có trình độ từ thạc sỹ trở lên. Động viên, khuyến khích và tạo điều kiện để cán bộ giảng dạy làm NCS, trong đó chú trọng đào tạo ở nước ngoài.

5. Tăng cường các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, gắn nghiên cứu với các ngành/ chuyên ngành đào tạo. Tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu đô thị đại học.

6. Tiếp tục phát huy và tăng cường công tác giáo dục toàn diện và quản lý sinh viên, giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống, nâng cao vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng sinh viên...

7. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao, tập trung đi bám sát công tác tư vấn tuyển sinh khối THPT với nhiều hoạt động truyền thông để quảng bá các ngành đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho các em học sinh. Biểu dương những tấm gương nhà giáo, sinh viên điển hình tiên tiến để quảng bá hình ảnh của Nhà trường.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy chế đào tạo; thực hiện tốt công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó đề ra giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo; cải tiến công tác lập và điều hành kế hoạch đào tạo cho hợp lý và khoa học hơn.

9. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành trong Trường để giải quyết các vấn đề lớn và cấp bách hiện nay phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các địa phương; xây dựng văn hóa công bố khoa học trong Nhà trường; tăng cường hợp tác quốc tế trong liên kết đào tạo, nghiên cứu khoa học; giám sát chặt chẽ việc thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký với đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao hiệu quả công tác hợp tác của Nhà trường.

10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua "Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo" và phong trào "Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"; đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ trong CBVC, SV tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2019 - 2020.

Kính chúc quý vị đại biểu mạnh khỏe, chúc hội nghị thành công tốt đẹp./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 496 /MĐC-HCTH

V/v chuẩn bị Hội nghị CBVC Trường lần thứ 47

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Để chuẩn bị Hội nghị CBVC Trường lần thứ 47 dự kiến tổ chức vào ngày 30/10/2020, Ban Giám hiệu yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Cung cấp số liệu thống kê năm học 2019 - 2020 (tính đến ngày 31/8/2020) *(theo biểu mẫu đính kèm)* phục vụ xây dựng báo cáo tại Hội nghị CBVC Trường và gửi về phòng HCTH ***trước ngày 07/10/2020***.

2. Xây dựng báo cáo Hội nghị CBVC năm 2020 của đơn vị theo mẫu đề cương đính kèm công văn này và gửi về phòng HCTH ***trước ngày 07/10/2020***.

3. Lịch tổ chức Hội nghị CBVC tại đơn vị:

- Đối với các Khoa: Tổ chức Hội nghị CBVC theo lịch đính kèm công văn này (Phụ lục 1).

- Đối với Phòng, Ban, Trung tâm, Văn phòng, Trạm: Báo cáo Lãnh đạo nhà trường phụ trách đơn vị để tổ chức Hội nghị CBVC ***trước ngày 10/10/2020*** và thông báo ngày tổ chức về Phòng Hành chính - Tổng hợp.

4. Tại Hội nghị, các đơn vị tổ chức bầu CBVC tham dự Hội nghị CBVC Trường (theo Phụ lục 2; không kể đại biểu tại Mục I, II, III của Phụ lục này) và gửi danh sách về Phòng HCTH ngay sau khi kết thúc Hội nghị CBVC tại đơn vị (theo mẫu tại Phụ lục 3).

5. Ban Giám hiệu giao Phòng Hành chính - Tổng hợp, Phòng Tổ chức - Cán bộ phối hợp Công đoàn trường dự tất cả Hội nghị CBVC của các đơn vị, tổng hợp các ý kiến, đề xuất của cán bộ, viên chức trình Ban Giám hiệu và Hội nghị CBVC Trường.

Yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện các công việc đã được phân công./.

Nơi nhận:
- Các Phó Hiệu trưởng (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFFICE;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

PHỤ LỤC 1
LỊCH TỔ CHỨC HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC CÁC KHOA

TT	Đơn vị	Thời gian tổ chức	Địa điểm
1.	Khoa Công nghệ thông tin	Buổi sáng ngày 12/10/2020	Phòng Sông Công
2.	Khoa Cơ - Điện	Buổi chiều ngày 12/10/2020	Phòng Sông Công
3.	Khoa Dầu khí	Buổi sáng ngày 13/10/2020	Phòng Sông Công
4.	Khoa Giáo dục quốc phòng	Buổi chiều ngày 13/10/2020	Phòng Sông Công
5.	Khoa Khoa học cơ bản	Buổi sáng ngày 14/10/2020	Phòng Sông Công
6.	Khoa KH & KT Địa chất	Buổi chiều ngày 14/10/2020	Phòng Sông Công
7.	Khoa Kinh tế & QTKD	Buổi sáng ngày 15/10/2020	Phòng Sông Công
8.	Khoa Lý luận Chính trị	Buổi chiều ngày 15/10/2020	Phòng Sông Công
9.	Khoa Mỏ	Buổi sáng ngày 16/10/2020	Phòng Sông Công
10.	Khoa Môi trường	Buổi chiều ngày 16/10/2020	Phòng Sông Công
11.	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	Buổi sáng ngày 19/10/2020	Phòng Sông Công
12.	Khoa Xây dựng	Buổi chiều ngày 19/10/2020	Phòng Sông Công

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỔ ĐẠI BIỂU DỰ HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 47

TT	Đơn vị	Số Đại biểu dự Hội nghị
I	**Đại biểu đương nhiên:** Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường	
II	**Đại biểu khách mời:**	
1.	Các Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác	
2.	Chủ tịch Hội sinh viên trường, đại diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO	
III	Trưởng, phó các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng	
IV	**Đại biểu bầu từ các đơn vị**	
1.	Khoa Công nghệ thông tin	17
2.	Khoa Cơ - Điện	17
3.	Khoa Dầu khí	15
4.	Khoa Giáo dục quốc phòng	3
5.	Khoa Khoa học cơ bản	22
6.	Khoa KH & KT Địa chất	19
7.	Khoa Kinh tế & Quản trị kinh doanh	13
8.	Khoa Lý luận Chính trị	5
9.	Khoa Mỏ	14
10.	Khoa Môi trường	9
11.	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	22
12.	Khoa Xây dựng	9
13.	Phòng CTCT - Sinh viên	2
14.	Phòng Cơ sở vật chất	5
15.	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục	1
16.	Phòng Đào tạo Đại học	3
17.	Phòng Đào tạo Sau đại học	1
18.	Phòng Hành chính - Tổng hợp	7
19.	Phòng Hợp tác Quốc tế	1
20.	Phòng Kế hoạch - Tài chính	3
21.	Phòng Khoa học - Công nghệ	1
22.	Phòng QHCC và Doanh nghiệp	2
23.	Phòng Tổ chức - Cán bộ	2
24.	Phòng Xuất bản	1
25.	Ban Quản lý các Dự án	1
26.	Trung tâm Dịch vụ	5
27.	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	1
28.	Trung tâm Phân tích, TNCNC	1
29.	Trung tâm Thông tin - Thư viện	5
30.	Trạm Y tế	1
31.	Văn phòng Chương trình tiên tiến	1
32.	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	2
33.	Văn phòng Đại diện	1

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU ĐƯỢC BẦU TỪ ĐƠN VỊ

THAM GIA HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 47

TT	Họ và tên	Chức vụ	Đơn vị
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			
16.			
17.			
18.			
19.			
20.			
21.			
22.			

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 664 /MĐC-HCTH

V/v giải trình các ý kiến trong Hội nghị đại biểu CBVC lần thứ 47

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Cán bộ, viên chức và người lao động trong Trường

Trong quá trình chuẩn bị và tổ chức Hội nghị Đại biểu cán bộ, viên chức lần thứ 47, Nhà trường đã nhận được tổng số 117 ý kiến góp ý của CBVC và đại biểu tham gia Hội nghị.

Các ý kiến giải trình của các đơn vị chức năng đã được gửi trong tập tài liệu của các đại biểu dự Hội nghị hoặc trả lời trực tiếp tại Hội trường. Tuy nhiên, vì điều kiện thời gian, còn một số ý kiến chưa được giải trình đầy đủ và chi tiết tới CBVC và người lao động.

Đoàn Chủ tịch Hội nghị đã chỉ đạo các đơn vị chức năng tiếp thu các ý kiến góp ý, tiếp tục giải trình làm rõ hơn một số ý kiến để gửi CBVC và người lao động theo phụ lục đính kèm công văn này.

Nhà trường mong muốn tiếp tục nhận được các ý kiến đóng góp của CBVC và người lao động để có căn cứ điều chỉnh cho hoạt động của Nhà trường hướng tới thực hiện đúng với triết lý, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, chiến lược và kế hoạch của Trường trong giai đoạn tới, các ý kiến góp ý có thể gửi theo các địa chỉ sau:

- Văn phòng Công đoàn trường (Email: congdoantruong@humg.edu.vn; SĐT: 0913.038.075);
- Phòng Tổ chức - Cán bộ (Email: tochuccanbo@humg.edu.vn; SĐT: 0912.826.731);
- Phòng Tiếp công dân của Trường tại phòng 2.17 nhà C12 tầng theo lịch tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo Nhà trường vào ngày 15 hằng tháng hoặc tiếp công dân đột xuất vào các ngày làm việc trong tuần.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi;
- Lưu: TCCB, HCTH.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thanh Hải

TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG

(Kèm theo công văn số 664 /MĐC-HCTH ngày 31/12/2020)

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
I. Công tác tuyển sinh, đào tạo, đảm bảo chất lượng			
1.	Phòng ĐTĐH cho biết với quy mô tuyển sinh hàng năm 2000 sinh viên có thể bố trí năm thứ nhất học ở toàn bộ khu A hay không? Vì sao năm nay chưa làm được, năm tới cần giải pháp gì để thực hiện việc này?	Phòng ĐTĐH	- Hiện tại Nhà trường có 8 phòng học có sức chứa trên 100 sinh viên (4 phòng khu A:D101,201,301,401 và 4 giảng đường khu B) và có thêm 4 phòng A 207, 208, D501, D50 có thể xếp 80 sinh viên. Khi xếp môn học có số lượng sinh viên lớn cần sử dụng những phòng này. -Với khóa mới vào thường học các môn chung trước nên xếp lớp với số lượng thường trên 100 sinh viên một nhóm (ví dụ như năm nay 2000 sinh viên chia thành 17 nhóm, mỗi nhóm trung bình 120sinh viên). Do vậy, việc xếp khóa mới chỉ học toàn ở khu A là không kinh tế (còn nếu đây là Quy định thì hoàn toàn phải làm theo). Phòng ĐTĐH thông tin thêm về cách bố trí TKB nữa là: - Khi xếp TKB, chúng tôi ưu tiên sử dụng tối đa các phòng có ở khu A trước, khi hết phòng mới chuyển sang khu B. - Khi xếp TKB, chúng tôi cần cân đối giữa các khóa đang học và khóa mới cũng như sự mất cân bằng trong tuyển sinh giữa các ngành được đào tạo ở trong trường để bố trí giảng đường học ở Khu A hay Khu B vì sinh viên của mỗi ngành sẽ liên quan đến giáo viên giảng dạy. - Do dịch bệnh Covid-19, K65 nhập học muộn nên không biết số lượng vào trường là bao nhiêu. Thời gian đầu không muốn lãng phí phòng ở khu A, nên xếp 1 số lớp đông khóa trước ở khu A. Do đó, khi K65 vào thì phòng khu A hết, phải xếp vào khu B.
2.	Môn thí nghiệm vật lý là 1 môn học tính 1TC, tại sao không tính 15 tiết cho giảng viên mà lại tính 0,375 x 1SV? Trong khi giảng viên phải thực hiện đầy đủ các đầu điểm A,B,C?	Phòng ĐTĐH	Hiện tại Nhà trường đang sếp tỉ lệ 1x1 có lợi cho giảng viên. Theo đúng quy định 1 TC thí nghiệm giảng viên cần thực hiện trong 30 tiết thay vì 15 tiết như hiện nay.
3.	Cần sắp xếp giờ dạy và giảng đường dạy hợp lý hơn. Tránh trường hợp chuyển giảng đường từ khu A sang Khu B và ngược lại ở 2 tiết liên tiếp. Hạn chế sắp các tiết tối 11, 12… để nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học.	Phòng ĐTĐH	Nhất trí và sẽ rà soát để công tác sắp xếp giờ dạy và giảng đường hợp lý hơn.

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
II. Công tác KHCN, hợp tác quốc tế, xuất bản			
4.	Việc phân bổ ngân sách cho hoạt động NCKH nên có cơ chế đặc thù thúc đẩy phát triển KHCN. Ví dụ đề xuất phân bổ kinh phí KHCN dựa trên số bài báo ISI, số đề tài NCKH, số học viên cao học, NCS,… để có sự ưu tiên.	Phòng KHCN	Kinh phí KHCN của trường hiện nay chủ yếu tập trung vào: NCKH sinh viên, thi Olympic sinh viên, đề tài KHCN cấp cơ sở, hỗ trợ đăng bài báo quốc tế. Trong số các hoạt động trên, 2 hoạt động NCKH sinh viên và đề tài KHCN cấp cơ sở có thể xem xét phân bổ theo đơn vị. Trong thực tế, hoạt động NCKH sinh viên đã được phân bổ số lượng đề tài theo số sinh viên của Khoa. Riêng hoạt động hỗ trợ đề tài NCKH cấp cơ sở, hiện nay đang triển khai theo quy trình Hội đồng tư vấn đánh giá các đề xuất từ các đơn vị, xét chọn các đề xuất đạt yêu cầu về chất lượng để Nhà trường xem xét tài trợ. Quy trình này sẽ đảm bảo về mặt chất lượng các đề xuất đề tài được triển khai nhưng có hạn chế là sẽ xảy ra tình trạng số đề tài phân bổ không đồng đều giữa các đơn vị/lĩnh vực nghiên cứu trong Nhà trường. Để tạm thời khắc phục tình trạng này, từ đợt xét duyệt đề tài cấp cơ sở thực hiện từ năm 2021 (đang triển khai), Nhà trường đã tổ chức các Hội đồng chuyên môn sâu hơn (ví dụ: Hội đồng lĩnh vực kinh tế + KHXH riêng) để hài hòa giữa việc đảm bảo chất lượng quá trình đánh giá và phân bổ số lượng đề tài giữa các đơn vị/lĩnh vực. Trong định hướng sắp tới, kinh phí KHCN của Trường sẽ tập trung chủ yếu đầu tư cho các nhóm nghiên cứu trên cơ sở hình thức giao kinh phí, kiểm soát sản phẩm đầu ra (bài báo, sách chuyên khảo, Hội thảo) theo quy định về định mức đã ban hành trong quy định quản lý KHCN.
5.	Trong quy định quản lý KHCN 2020 không còn quy định tính giờ khoa học cho việc phản biện bài báo trong nước, vì sao?	Phòng KHCN	Phản biện bài báo trong nước đã được thanh toán tiền nên, theo quan điểm thống nhất chung về các hoạt động trong toàn trường, sẽ không tính giờ KHCN. Phản biện bài báo quốc tế là hoạt động tình nguyện của nhà khoa học và không được trả tiền, có tác dụng nâng cao uy tín của nhà khoa học và của Nhà trường trên cộng đồng quốc tế, nên được tính giờ KHCN.
III. Công tác tổ chức cán bộ, chế độ chính sách			
6.	Trừ âm giờ phải cân nhắc: khi nào, thời điểm nào trừ lương của người giảng viên. Hiện nay nên sử dụng quỹ dự phòng ổn định thu nhập để chi, lấy phần này bù đơn giá thừa giờ cho giảng viên khác.	Phòng TCCB	Hiện nay, Nhà trường không trừ vào tiền lương của giảng viên (kể cả những trường hợp giảng viên âm giờ) mà chỉ trừ vào thu nhập tăng thêm (nếu có). Quỹ dự phòng ổn định thu nhập sẽ được sử dụng theo đúng mục đích quỹ và quy định pháp luật.
7.	Phòng TCCB nên xây dựng phần mềm để triển khai đăng ký và quản lý KPIs	Phòng TCCB	Nhà trường đã có kế hoạch xây dựng phần mềm KPI để thuận tiện cho việc sử dụng khi quy định KPI hợp lý với điều kiện thực tế của Trường.

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
IV. Công tác kế hoạch tài chính, cơ sở vật chất			
8.	Về số dư các quỹ của Nhà trường	Phòng KHTC	- Số dư tại các quỹ của nhà trường: + Đầu năm 2019 là 296,7 tỷ đồng. + Cuối năm 2019 chưa quyết toán chuyển sang năm 2020 là 342,945 tỷ đồng. Số dư này có được là do nhà trường trích các quỹ theo quy định (Nghị định 43/2006/NĐ-NP; Nghị định 16/2015/NĐ-CP) bao gồm các quỹ: Quỹ phúc lợi; Quỹ khen thưởng; Quỹ bổ sung thu nhập; Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; Quỹ dự phòng ổn định thu nhập; Quỹ hỗ trợ sinh viên và Quỹ khuyến học. Số dư trên có được con số như hiện nay là do việc trích quỹ đã được tiến hành trong nhiều năm (kể từ năm 2006). - Báo cáo tài chính năm 2019 tại Hội nghị CBVC lần thứ 47 đã cung cấp công khai số liệu tài chính theo quy định của pháp luật (Thông tư 107/2017/TT-BTC; Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT và Thông tư 61/2017/TT-BTC). Với mục tiêu công khai minh bạch với CBVC nhà trường, Hiệu trưởng đã chỉ đạo Phòng KHTC cung cấp thêm các thông tin chi tiết về số dư tồn quỹ vào cuối năm tài chính trong báo cáo tài chính (các quy định trên không quy định điều này). - Số dư tồn quỹ thể hiện chi tiết trong các báo cáo tài chính hằng năm đều được các cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra và xác nhận như Kiểm toán Nhà nước, Cục thuế Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, báo cáo tài chính còn được cung cấp cho các chủ nhiệm đề tài khi lập hồ sơ đăng ký tuyển chọn hoặc đề tài đấu thầu các cấp.
9.	Về việc sử dụng số dư các quỹ của Nhà trường	Phòng KHTC	- Các quỹ đã trích lập chỉ được chi theo đúng các quy định về mỗi loại quỹ. Số dư tồn quỹ của Nhà trường chủ yếu là quỹ phát triển sự nghiệp (chiếm 49,1%) chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động trong đơn vị ... - Theo kết luận kiểm toán cuối 2019, BGDĐT đào tạo có thể cắt NSNN cấp cho Trường Đại học Mỏ - Địa chất vào bất kỳ thời điểm nào, do đó Nhà trường phải có nguồn dự trữ để chuẩn bị tự chủ trong thời gian tới. Đối với Nhà trường, nếu tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên thì số quỹ này cũng chỉ có thể sử dụng được trong một vài năm đầu khi tự chủ nếu Nhà trường chưa

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
			tự chủ về số lượng tuyển sinh, chưa điều chỉnh tăng được mức học phí đối với toàn bộ người học của Trường. - Trong bối cảnh khó khăn hiện nay, Nhà trường cũng có chủ trương sử dụng nguồn quỹ nói trên để hỗ trợ đời sống cán bộ và phát triển nhà trường, tuy nhiên cần có các quy định về phương thức sử dụng được Hội đồng trường xây dựng.
10.	Về các khoản chi cho con người trong năm 2019	Phòng KHTC	- Đối với các Khoản chi cho con người, trong Báo cáo tài chính tại Hội nghị CBVC lần 47 (*tại mục III.1.1.1. Chi cho con người*) là 100.549 triệu đồng. Tuy nhiên ngoài các khoản chi tiền lương, phụ cấp,... (như trong các mục chi III.1.1.1) thì trong năm các khoản chi cho con người được chi bổ sung từ các quỹ và chi khác như sau: + Chi từ quỹ khen thưởng: 1,305 tỷ đồng + Chi từ quỹ phúc lợi: 9,412 tỷ đồng + Chi từ quỹ bổ sung thu nhập: 19,400 tỷ đồng (*sẽ phải chi cho con người trong năm 2020*) + Chi khác: 5,703 tỷ đồng (chi thỉnh giảng, chi CT tiên tiến ..) Như vậy, tổng số chi thực tế cho con người trong năm 2019 là: **100,549 + 35,820 = 136,369 tỷ đồng**; chiếm **71,8%** so với tổng chi thường xuyên và chi từ quỹ của Trường trong năm (136,369 tỷ đồng/189,948 tỷ đồng) và chiếm **58,5%** so với tổng kinh phí thường xuyên trong năm (136,369 tỷ đồng/232,881 tỷ đồng). Tổng kinh phí thường xuyên là bằng kinh phí thu được trong năm trừ đi kinh phí không thường xuyên và các khoản thu hộ.
11.	Về vấn đề lãi tiền gửi ngân hàng	Phòng KHTC	- Tại thời điểm 31/12/2019, tổng số tiền tại ngân hàng và kho bạc nhà nước là 357,128 tỷ đồng (bằng số dư tại các quỹ cuối năm 342,945 tỷ đồng - Số tiền đã sử dụng (nhưng đang chờ duyệt quyết toán) 22,223 tỷ đồng + Các khoản phải trả 38,914 tỷ đồng - Tiền mặt và đầu tư tài chính ngắn hạn 2,508 tỷ đồng) trong đó số tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước chiếm tỷ trọng 33,6% tổng số tiền tại ngân hàng và kho bạc; số tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước chiếm tỷ trọng 66,4%. Vì mục tiêu an toàn tài chính nên các các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn được thực hiện ở 05 ngân hàng thương mại nhà nước có uy tín (không gửi ở các ngân hàng thương mại không thuộc nhà nước dù có thể có lãi suất cao hơn nhưng lại rủi ro cao về tài chính) với các kỳ hạn 3/6/9/12 tháng để bảo đảm ổn định dòng tiền của Nhà trường trong năm; với lãi tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2019 là 14,733 tỷ đồng.

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
			- Tại thời điểm 15/10/2020, tổng số tiền tại ngân hàng và kho bạc nhà nước là 399,930 tỷ đồng trong đó số tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước chiếm tỷ trọng 17,1 % tổng số tiền tại ngân hàng và kho bạc; số tiền gửi tại các ngân hàng thương mại nhà nước chiếm tỷ trọng 82,9 % (đến cuối năm chuyển lại Kho bạc Nhà nước theo quy định). Vì mục tiêu an toàn tài chính nên các các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn tiếp tục được gửi ở 05 ngân hàng thương mại nhà nước có uy tín (không gửi ở các ngân hàng thương mại không thuộc nhà nước dù có thể có lãi suất cao hơn nhưng lại rủi ro cao về tài chính) với các kỳ hạn 3/6/9/12 tháng để bảo đảm ổn định dòng tiền của Nhà trường trong năm; lãi tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 15/10/2020 tạm tính là 11,379 tỷ đồng. - Theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP, cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, nộp toàn bộ số thu học phí của các ngành nghề được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí đào tạo vào Kho bạc Nhà nước để quản lý và sử dụng; nộp toàn bộ tiền thu học phí của các ngành, nghề không được ngân sách nhà nước hỗ trợ vào ngân hàng thương mại để quản lý, sử dụng. - Phòng KHTC luôn vận dụng tối đa các quy định để đạt được hiệu quả sử dụng vốn từ các số dư tồn quỹ của Nhà trường, đồng thời bảo đảm dòng tiền để duy trì các hoạt động của Nhà trường. Theo kế hoạch, Nhà trường đang triển khai nộp tiền vào Kho bạc Nhà nước theo quy định.
12.	Chất lượng nước của Nhà trường rất kém, bồn rửa tay tại nhà 12 tầng rất hay hỏng, tắc.	Phòng CSVC	Do Nhà trường sử dụng nguồn nước giếng khoan nên chất lượng không được tốt so với nước sạch thành phố (nhưng khẳng định thuộc loại chất lượng tốt khi sử dụng là nguồn nước giếng khoan). Từ cuối tháng 12/2020, Nhà trường đã sử dụng nguồn nước sạch thành phố cấp cho nhà C12. Phòng CSVC sẽ cho rà soát trang thiết bị vệ sinh, cấp thoát nước nhà C12. Mặt khác, cũng đề nghị cán bộ, viên chức không đổ bã chè, rác thải vào bồn rửa tay tại nhà C12 tầng.
13.	Cần xem xét, kiểm tra và bảo dưỡng, thay thế kịp thời đối với các máy chiếu ở các phòng học. Nhiều máy chiếu chất lượng bóng hình rất kém, sinh viên và CBGD bị ảnh hưởng khi dạy và học.	Phòng CSVC	Hiện nay máy chiếu phòng học đã sử dụng được 4,5 năm bắt đầu đến giai đoạn hết tuổi thọ của bóng chiếu và nhiều hỏng hóc khác. Phòng CSVC sẽ có trách nhiệm rà soát sửa chữa, thay thế kịp thời.

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
14.	Các phòng học rất ít ổ cắm, đề nghị Nhà trường xem xét bổ sung (lý do: hiện nay sinh viên rất cần sử dụng máy tính trong một số môn học).	Phòng CSVC	Phòng CSVC đã khảo sát phòng học để bổ sung thêm ổ cắm cho phòng học, tuy nhiên việc bổ sung thêm ổ cắm cho các em sử dụng máy tính cá nhân chỉ phù hợp với môn học công nghệ thông tin hoặc ngoại ngữ, cần có ý kiến thêm của phòng Đào tạo đại học để tập trung vào một tòa hoặc một khu giảng đường nào đó.
15.	Hiện nay tại sân KTX khu A có hố ga bốc mùi rất khó chịu, ảnh hưởng tới môi trường sinh viên ở KTX, sinh viên tập thể dục và hình ảnh của Nhà trường, hiện tượng này đã tồn tại nhiều năm, đề nghị Nhà trường có phương án khắc phục.	Phòng CSVC	Hiện tượng hố ga dào và dềnh nước, tắc cống thoát ở khu KTX D1, D2 không phải do Phòng CSVC thiếu trách nhiệm. Tổ Điện nước thường xuyên theo dõi khắc phục. Nguyên nhân của hiện tượng này có cả chủ quan và khách quan. Khách quan là do hệ thống thoát nước thải của nhà D1, D2 không được tốt và thấp so với hệ thống thoát nước khu dân cư. Chủ quan là do sự quản lý và ý thức sinh viên ở nội trú chưa tốt, thường xuyên cho một lượng rác thải lớn vào cống thoát. Hiện nay Phòng CSVC đang thực hiện việc nạo vét và xây lại cống thoát và thông hút các bể phốt nhằm khắc phục tối đa hiện tượng trên.
V. Các công tác khác			
16.	Cần sử dụng hiệu quả các banner tại các cầu thang, không nên sử dụng để quảng các sản phẩm thương mại mà cần đưa thông tin về giá trị cốt lõi của Trường, triết lý giáo dục,..	Phòng CTSV	Tiếp thu ý kiến đóng góp của các đơn vị, Phòng CTSV sẽ trình BGH để quy về một đầu mối quản lý, hướng tập trung vào các thông tin liên quan đến Nhà trường, hạn chế thông tin quảng bá không cần thiết.
17.	Để làm thẻ sinh viên cho khóa mới mất bao nhiêu thời gian? Sinh viên K65 đã vào học được 3 tuần vẫn chưa có thẻ sinh viên để mượn giáo trình trên thư viện. Như vậy không đảm bảo việc học của sinh viên.	Phòng CTSV	Làm thẻ sinh viên để in mất 3 ngày, để được duyệt qua mọi khâu về hành chính, tài chính cần ít nhất 2 tuần (với điều kiện dữ liệu đầu vào: ảnh, thông tin sinh viên đầy đủ). Năm nay do nhập học không đúng kịch bản và kế hoạch nên việc làm thẻ sinh viên có bị chậm, dù vậy sau 2 tuần khi bắt đầu vào học sinh viên đã có thẻ. Do vậy, thông tin 3 tuần được cung cấp ở đây chưa chính xác. Có thể có một số lớp/1 số sinh viên nhập học sau không có thẻ, nhưng là rất cá biệt. Phòng CTSV xin tiếp thu và sẽ đề xuất Phòng KHTC, BGH đổi mới quy trình phê duyệt để quá trình có thẻ được nhanh hơn.
18.	Sinh viên có quyết định chuyển khoa nhưng không thông báo cho GVCN biết để quản lý.	Phòng CTSV	Quyết định chuyển khoa, chuyển ngành do Phòng ĐTĐH ban hành. Quyết định này cũng cần phải gửi về các Khoa để phối hợp với các bộ môn và GVCN. Do vậy, thiếu sót ở khâu nào, chúng tôi sẽ ý kiến để Phòng ĐTĐH khắc phục.

TT	Ý kiến đề nghị giải trình	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
19.	Rà soát lại việc đỗ xe ôtô trong trường, ngoại trừ các trường hợp đặc biệt.	Phòng HCTH	Hiện tại Nhà trường đồng ý cho 04 cán bộ vì điều kiện sức khỏe được phép đỗ xe ô tô trong Trường. Nhưng trên thực tế, Tổ Bảo vệ vẫn tạo điều kiện cho một số cán bộ đi công tác dài ngày để xe ô tô trong Trường và những trường hợp có chở đồ nặng vào trong Trường rồi ra luôn. Tiếp thu ý kiến của các CBVC, Nhà trường sẽ yêu cầu Tổ Bảo vệ trao đổi với những cán bộ đi công tác dài ngày để xe ô tô ngoài Khu Đô thị Đại học để tránh những bức xúc trong cán bộ, viên chức.
20.	Tình trạng đỗ xe dọc phố Viên vẫn kéo dài đến tận cổng trường. Ngoài ra 1 số ít cán bộ vẫn được mang xe vào trong trường, trong khi đó phần đông các cán bộ còn lại thì không được đi xe vào trường ngay cả khi trời mưa gió. Điều này đã gây mất công bằng và bức xúc trong cán bộ.	Phòng HCTH	Nhà trường đã bố trí bãi đỗ xe ô tô cho CBVC ở khu Đô thị Đại học và có thông báo tới toàn thể cán bộ viên chức về việc đỗ xe ô tô. Việc đỗ xe ô tô dọc Phố Viên cán bộ, viên chức tự chịu trách nhiệm với cơ quan chức năng.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 605 /MĐC-HCTH

V/v chuẩn bị tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện Nghị quyết Đảng ủy trường và Kế hoạch công tác tháng 11/2021 của Ban Giám hiệu, Nhà trường tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức lần thứ 48 (sau đây gọi tắt là Hội nghị) vào **08h00 ngày 25/11/2021 theo hình thức trực tuyến** trên nền tảng Ms-Teams. Để công tác tổ chức Hội nghị diễn ra thuận lợi và hiệu quả cao, Nhà trường thông báo đến các đơn vị một số nội dung sau:

1. Thành phần tham dự Hội nghị:

a. Đại biểu đương nhiên: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban Nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường.

b. Đại biểu bầu từ Hội nghị viên chức các đơn vị

c. Khách mời: Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác; Chủ tịch Hội Cựu giáo chức, Chủ tịch Hội sinh viên trường, đại diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO.

d. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng.

2. Phân công chuẩn bị Hội nghị:

2.1. Tất cả các đơn vị trong Trường

- Góp ý cho Dự thảo báo cáo Hội nghị theo Công văn số 599/MĐC-HCTH ngày 12/11/2021. Văn bản góp ý gửi về Phòng Hành chính - Tổng hợp trước 17h00 ngày 20/11/2021.
- Giải trình bằng văn bản các ý kiến góp ý của Hội nghị cán bộ, viên chức các đơn vị trong Trường theo Công văn số 598/MĐC-HCTH ngày 12/11/2021 đã gửi trực tiếp tới Trưởng các đơn vị được phân công giải trình.
- Thông báo tới các đại biểu về thời gian Hội nghị, bố trí công việc và tạo điều kiện để các đại biểu tham dự Hội nghị đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần.

2.2. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo Hội nghị lần thứ 48.
- Là đầu mối tổng hợp danh sách đại biểu tham dự Hội nghị.
- Lập dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định của Nhà trường.

2.3. Công đoàn Trường

- Chuẩn bị báo cáo tổng hợp các ý kiến tại Hội nghị cán bộ, viên chức các đơn vị gửi Nhà trường.

- Phối hợp với phòng Hành chính - Tổng hợp và các đơn vị liên quan lập báo cáo việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 47.

- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chương trình công tác, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm học 2021-2022; dự kiến nhân sự và lên phương án bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân nhiệm kỳ mới theo quy định của pháp luật.

- Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Hội nghị.

2.4. Phòng Tổ chức - Cán bộ

Phối hợp Công đoàn trường và Ban Thanh tra nhân dân chuẩn bị Báo cáo Tổng kết công tác thanh tra nhân dân, giúp Hội đồng trường chuẩn bị báo cáo về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường năm học 2020-2021.

2.5. Trung tâm Thông tin - Thư viện

Chuẩn bị, tạo phòng họp trên Ms-Teams và gửi đường link tham dự cho các đại biểu tham dự Hội nghị trước ngày 23/11/2021.

2.6. Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp

Thiết kế backdrop Hội nghị tại phòng Thuận Thành và Phổ Yên; truyền thông cho Hội nghị.

2.7. Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị - Sinh viên

Thông báo tới cán bộ giảng dạy và sinh viên được nghỉ học ngày 25/11/2021 để tham gia đầy đủ chương trình Hội nghị.

2.8. Phòng Cơ sở vật chất, Trung tâm Dịch vụ

- Phối hợp với Phòng Hành chính - Tổng hợp chuẩn bị phòng Thuận Thành để Đoàn Chủ tịch điều hành Hội nghị; phòng Phổ Yên để Trưởng các đơn vị hành chính giúp việc Đoàn Chủ tịch trả lời ý kiến của các đại biểu dự Hội nghị.

- Có phương án đề phòng mất điện, hỏng màn hình điện tử tại 2 phòng họp.

2.9. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Chuẩn bị báo cáo về công tác tài chính năm 2020 của Trường trình bày tại Hội nghị.

- Hướng dẫn lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định của Trường.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công. Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị, nếu có phát sinh công việc, Nhà trường sẽ có các thông báo bổ sung, điều chỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- HUMG eOFICE;
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU
THAM GIA HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 48

1. Danh sách đại biểu đương nhiên:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Trần Xuân Trường	Bí thư, CTHĐT
2.	Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng
3.	Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng
4.	Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng
5.	Hoàng Anh Dũng	Chủ tịch Công đoàn trường
6.	Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban TTND
7.	Đặng Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban Nữ công
8.	Nguyễn Cao Khải	Chủ tịch Hội CCB
9.	Nguyễn Thanh Tuấn	Bí thư ĐTN Trường

2. Danh sách đại biểu bầu tại các đơn vị:

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Đào Thị Thu Vân	Khoa CNTT
2.	Trần Thị Như Hoa	Khoa CNTT
3.	Đặng Văn Nam	Khoa CNTT
4.	Nông Thị Oanh	Khoa CNTT
5.	Nguyễn Quang Khánh	Khoa CNTT
6.	Nguyễn Hoàng Long	Khoa CNTT
7.	Diêm Thị Thùy	Khoa CNTT
8.	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa CNTT
9.	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa CNTT
10.	Hoàng Anh Đức	Khoa CNTT
11.	Phạm Thị Hải Vân	Khoa CNTT
12.	Trần Thị Thuy Thúy	Khoa CNTT
13.	Đào Thị Tuyết	Khoa CNTT
14.	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa CNTT
15.	Nguyễn Thu Hằng	Khoa CNTT
16.	Trần Trung Chuyên	Khoa CNTT
17.	Nguyễn Thị Loan	Khoa CNTT
18.	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ – Điện
19.	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ – Điện
20.	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ – Điện
21.	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ – Điện
22.	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ – Điện
23.	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ – Điện
24.	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ – Điện
25.	Nguyễn Khắc Lĩnh	Khoa Cơ – Điện
26.	Lê Thị Hồng Thắng	Khoa Cơ – Điện
27.	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ – Điện
28.	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ – Điện
29.	Đinh Văn Thắng	Khoa Cơ – Điện
30.	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ – Điện
31.	Cung Quang Khang	Khoa Cơ – Điện
32.	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ – Điện
33.	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí

34.	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí
35.	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí
36.	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí
37.	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí
38.	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí
39.	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí
40.	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí
41.	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí
42.	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí
43.	Nguyễn Minh Hòa	Khoa Dầu khí
44.	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí
45.	Vũ Hồng Dương	Khoa Dầu khí
46.	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí
47.	Vũ Quang Hay	Khoa GDQP
48.	Phạm Công Tú	Khoa GDQP
49.	Trần Văn Độ	Khoa GDQP
50.	Nguyễn Trường Thanh	Khoa KHCB
51.	Phạm Ngọc Anh	Khoa KHCB
52.	Nguyễn Thùy Linh	Khoa KHCB
53.	Nguyễn Thị Hằng	Khoa KHCB
54.	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa KHCB
55.	Đỗ Thị Hải	Khoa KHCB
56.	Hà Mạnh Hùng	Khoa KHCB
57.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa KHCB
58.	Lê Đắc Tuyên	Khoa KHCB
59.	Hồ Quỳnh Anh	Khoa KHCB
60.	Nguyễn Thị Diệu Thu	Khoa KHCB
61.	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa KHCB
62.	Vũ Hữu Tuyên	Khoa KHCB
63.	Bùi Thị Thúy	Khoa KHCB
64.	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa KHCB
65.	Nguyễn Thị Thảo	Khoa KHCB
66.	Nguyễn Hồng Vân	Khoa KHCB
67.	Vũ Thanh Tâm	Khoa KHCB
68.	Nguyễn Quang Huy	Khoa KHCB
69.	Lã Ngọc Linh	Khoa KHCB
70.	Nguyễn Huy Thông	Khoa KHCB
71.	Nguyễn Khắc Du	Khoa KH&KTĐC
72.	Phan Viết Sơn	Khoa KH&KTĐC
73.	Lê Thị Thu	Khoa KH&KTĐC
74.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa KH&KTĐC
75.	Khương Thế Hùng	Khoa KH&KTĐC
76.	Hà Thành Như	Khoa KH&KTĐC
77.	Đặng Thị Vinh	Khoa KH&KTĐC
78.	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa KH&KTĐC
79.	Ngô Thị Kim Chi	Khoa KH&KTĐC
80.	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa KH&KTĐC
81.	Bùi Vinh Hậu	Khoa KH&KTĐC
82.	Vũ Thu Hiền	Khoa KH&KTĐC
83.	Dương Thị Thanh Thủy	Khoa KH&KTĐC

84.	Đào Đức Bằng	Khoa KH&KTĐC
85.	Nguyễn Văn Phóng	Khoa KH&KTĐC
86.	Nguyễn Thị Nụ	Khoa KH&KTĐC
87.	Nguyễn Thành Dương	Khoa KH&KTĐC
88.	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa KH&KTĐC
89.	Hồ Thanh Bình	Khoa KH&KTĐC
90.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa KT&QTKD
91.	Phạm Thu Hương	Khoa KT&QTKD
92.	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa KT&QTKD
93.	Phan Minh Quang	Khoa KT&QTKD
94.	Nguyễn Thị Hồng Loan	Khoa KT&QTKD
95.	Vũ Diệp Anh	Khoa KT&QTKD
96.	Phí Mạnh Cường	Khoa KT&QTKD
97.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa KT&QTKD
98.	Nguyễn Thanh Thuỷ	Khoa KT&QTKD
99.	Nguyễn Thị Hường	Khoa KT&QTKD
100.	Phạm Kiên Trung	Khoa KT&QTKD
101.	Lê Đình Chiều	Khoa KT&QTKD
102.	Phạm Châu Giang	Khoa KT&QTKD
103.	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa LLCT
104.	Đào Thị Tuyết	Khoa LLCT
105.	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa LLCT
106.	Nguyễn Thị Thuý Hà	Khoa LLCT
107.	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa LLCT
108.	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ
109.	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
110.	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
111.	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ
112.	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ
113.	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ
114.	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
115.	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ
116.	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ
117.	Phùng Tiến Thuật	Khoa Mỏ
118.	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ
119.	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ
120.	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ
121.	Trần Thị Thu Hương	Khoa Môi trường
122.	Đỗ Thị Hải	Khoa Môi trường
123.	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường
124.	Phạm Thị Thanh Hải	Khoa Môi trường
125.	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường
126.	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường
127.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường
128.	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường
129.	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường
130.	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
131.	Nguyễn Danh Đức	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
132.	Trần Thùy Dương	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
133.	Đinh Hải Nam	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ

134.	Nguyễn Thế Công	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
135.	Đặng Thị Hoàng Nga	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
136.	Phạm Quốc Khánh	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
137.	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
138.	Trần Trung Anh	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
139.	Trần Thanh Hà	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
140.	Nguyễn Văn Trung	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
141.	Nguyễn Quang Minh	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
142.	Lưu Anh Tuấn	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
143.	Hoàng Anh Tuấn	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
144.	Nguyễn Quốc Long	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
145.	Lê Thị Thu Hà	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
146.	Phạm Văn Chung	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
147.	Nguyễn Gia Trọng	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
148.	Phạm Ngọc Quang	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
149.	Tạ Thị Thu Hường	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
150.	Nguyễn Thị Mến	Khoa TĐBĐ &QLĐĐ
151.	Đào Viết Đoàn	Khoa Xây dựng
152.	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
153.	Đỗ Ngọc Thái	Khoa Xây dựng
154.	Ngô Doãn Hào	Khoa Xây dựng
155.	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng
156.	Nguyễn Xuân Mãn	Khoa Xây dựng
157.	Bùi Văn Đức	Khoa Xây dựng
158.	Vũ Minh Ngạn	Khoa Xây dựng
159.	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng
160.	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng
161.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Phòng CTCT-SV
162.	Phan Thị Thúy	Phòng CTCT-SV
163.	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng CSVC
164.	Tạ Văn Minh	Phòng CSVC
165.	Trịnh Thị Hợp	Phòng CSVC
166.	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CSVC
167.	Trần Thị Hương	Phòng CSVC
168.	Ngô Thái Vinh	Phòng ĐBCLGD
169.	Lại Kim Cương	Phòng ĐTĐH
170.	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng ĐTĐH
171.	Đào Duy Nam	Phòng ĐTĐH
172.	Nguyễn Thị Vân	Phòng ĐTSĐH
173.	Nguyễn Thị Dàng	Phòng HCTH
174.	Lê Hoài Nam	Phòng HCTH
175.	Nguyễn Đức Năng	Phòng HCTH
176.	Trần Thị Lan Phương	Phòng HCTH
177.	Hàn Văn Tưởng	Phòng HCTH
178.	Phạm Trường Sơn	Phòng HCTH
179.	Hoàng Văn Sinh	Phòng HCTH
180.	Nguyễn Thị Sim	Phòng HTQT
181.	Quách Thị Nhịp	Phòng KHTC
182.	Cao Thu Hoài	Phòng KHTC
183.	Nguyễn Thu Hà	Phòng KHTC

184.	Nguyễn Thanh Hải	Phòng KHCN
185.	Nguyễn Hồng Hạnh	Phòng QHCC&DN
186.	Lê Thị Thu	Phòng TCCB
187.	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
188.	Nguyễn Tiến Dũng	Ban QLCDA
189.	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm dịch vụ
190.	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm dịch vụ
191.	Vũ Thế Hùng	Trung tâm dịch vụ
192.	Nguyễn Văn Khẩn	Trung tâm dịch vụ
193.	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm dịch vụ
194.	Ngô Huyền Giang	Trung tâm NN-TH
195.	Trịnh Thế Lực	Trung tâm PT TNCNC
196.	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm TT-TV
197.	Nguyễn Hữu Độ	Trung tâm TT-TV
198.	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm TT-TV
199.	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm TT-TV
200.	Phan Thị Phượng	Trung tâm TT-TV
201.	Bùi Thị Thanh Vân	Trạm Y tế
202.	Vũ Thu Hường	VP.CTTT
203.	Đặng Thị Hằng Nga	VP Đảng - Đoàn thể
204.	Đồng Hữu Tiến	VP Đại diện

3. Danh sách đại biểu khách mời:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1.	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
2.	Hoàng Ngọc Hà	Khoa TĐBĐ&QLĐĐ
3.	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng
4.	Đỗ Hữu Tùng	Khoa KT&QTKD
5.	Trần Thị Thu Trang	Hội sinh viên
6.	Trần Xuân Hà	Hội Cựu giáo chức
7.	Trần Đình Kiên	Công ty Codeco
8.	Nguyễn Trường Xuân	Trung tâm Hỗ trợ PTKHKT Mỏ - Địa chất
9.	Nguyễn Văn Bưởi	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
10.	Nguyễn Khắc Long	Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật
11.	Trần Khánh	Trung tâm NCUD CNM Trắc địa bản đồ
12.	Nguyễn Anh Tuấn	Trung tâm nghiên cứu Cơ - Điện mỏ
13.	Đỗ Văn Bình	Trung tâm Nghiên cứu MTĐC
14.	Đinh Công Hoà	Trung tâm nghiên cứu Trắc địa công trình
15.	Lê Tiến Dũng	Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất

4. Danh sách Trưởng, Phó các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng:

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Trường Sơn	Trưởng phòng HCTH
2.	Trần Anh Dũng	Phó trưởng phòng HCTH
3.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phó trưởng phòng HCTH
4.	Nguyễn Ngọc Khánh	Trưởng phòng TCCB
5.	Vũ Duy Tấn	Phó trưởng phòng TCCB
6.	Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng ĐTĐH
7.	Nguyễn Thế Lộc	Phó trưởng phòng ĐTĐH
8.	Phạm Tuấn Cường	Phó trưởng phòng ĐTĐH

9.	Lương Quang Khang	Trưởng phòng ĐTSĐH
10.	Nhữ Thị Kim Dung	Phó trưởng phòng ĐTSĐH
11.	Đỗ Ngọc Anh	Trưởng phòng KHCN
12.	Nguyễn Thạc Khánh	Phó trưởng phòng KHCN
13.	Nguyễn Thị Hoài Nga	Trưởng phòng HTQT
14.	Lê Xuân Thành	Trưởng phòng CTCTSV
15.	Bùi Mạnh Tùng	Phó trưởng phòng CTCTSV
16.	Nguyễn Viết Nghĩa	Phó trưởng phòng Xuất bản
17.	Nguyễn Việt Hà	Trưởng phòng QHCCDN
18.	Nguyễn Kim Chung	Phó trưởng phòng QHCCDN
19.	Phạm Thị Thu Thủy	Trưởng phòng KHTC
20.	Phạm Phương Chi	Phó trưởng phòng KHTC
21.	Phạm Đức Thiên	Trưởng phòng CSVC
22.	Huỳnh Thanh Tùng	Phó trưởng phòng CSVC
23.	Phạm Văn Tuấn	Trưởng phòng Đảm bảo CLGD
24.	Trần Thị Lan Hương	Phó trưởng phòng Đảm bảo CLGD
25.	Công Tiến Dũng	Trưởng khoa KHCB
26.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa KHCB
27.	Dương Thúy Hường	Phó Trưởng khoa KHCB
28.	Phạm Văn Hòa	Trưởng khoa Mỏ
29.	Vũ Trung Tiến	Phó trưởng khoa Mỏ
30.	Phạm Văn Luận	Phó trưởng khoa Mỏ
31.	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng khoa KHKT Địa chất
32.	Ngô Xuân Thành	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
33.	Tô Xuân Bản	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
34.	Nguyễn Thế Vinh	Trưởng khoa Dầu khí
35.	Tống Thị Thanh Hương	Phó Trưởng khoa Dầu khí
36.	Lê Quang Duyến	Phó Trưởng khoa Dầu khí
37.	Lê Đức Tình	Trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
38.	Bùi Ngọc Quý	Phó trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
39.	Dương Thành Trung	Phó trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
40.	Khổng Cao Phong	Trưởng khoa Cơ - Điện
41.	Ngô Thanh Tuấn	Phó trưởng khoa Cơ - Điện
42.	Lê Hồng Anh	Trưởng khoa CNTT
43.	Nguyễn Duy Huy	Phó trưởng khoa CNTT
44.	Nguyễn Thị Mai Dung	Phó trưởng khoa CNTT
45.	Bùi Thị Thu Thủy	Trưởng khoa KTQTKD
46.	Đào Anh Tuấn	Phó trưởng khoa KTQTKD
47.	Lê Minh Thống	Phó trưởng khoa KTQTKD
48.	Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT
49.	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó trưởng khoa LLCT
50.	Phạm Đức Thọ	Phó Trưởng khoa Xây dựng
51.	Nguyễn Tuấn Minh	Phó Trưởng khoa Xây dựng
52.	Đặng Trung Thành	Trưởng khoa Xây dựng
53.	Đỗ Văn Bình	Trưởng khoa Môi trường
54.	Nguyễn Quốc Phi	Phó trưởng khoa Môi trường
55.	Đào Đình Thuần	Phó trưởng khoa Môi trường
56.	Phạm Quốc Đảm	Trưởng khoa GDQP
57.	Trần Bắc Bộ	Phó trưởng khoa GDQP
58.	Nguyễn Gia Khuê	Phó Giám đốc phụ trách Ban QLCDA

59.	Lê Văn Hưng	Giám đốc Trung tâm TTTV
60.	Nguyễn Hồng Trường	Giám đốc Trung tâm TTTV
61.	Nguyễn Thị Hải Yến	Giám đốc Trung tâm TTTV
62.	Lê Đức Vinh	Giám đốc TT Dịch vụ
63.	Diêm Công Hoàng	Giám đốc TT NN-TH
64.	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Phó Giám đốc TT NN-TH
65.	Bùi Hoàng Bắc	Giám đốc TT PT TNCNC
66.	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc TT PT TNCNC
67.	Nguyễn Thanh Huyền	Phụ trách Trạm y tế
68.	Công Ngọc Thắng	PCPT VP Chương trình tiên tiến
69.	Vũ Kim Thư	Phó chánh VP Chương trình tiên tiến
70.	Nguyễn Văn Thịnh	Phó chánh VP Đại diện

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 643 /MĐC-HCTH

V/v chuẩn bị tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện Nghị quyết Đảng ủy trường, Kế hoạch công tác tháng 11/2022 và nội dung Kế hoạch số 557/KH-MĐC ngày 18/10/2022, Nhà trường tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49 (sau đây gọi tắt là Hội nghị) vào **08h00 ngày 29/11/2022 theo hình thức trực tiếp tại Hội trường 300**. Để công tác tổ chức Hội nghị diễn ra thuận lợi và hiệu quả cao, Nhà trường thông báo đến các đơn vị một số nội dung sau:

1. Thành phần tham dự Hội nghị:

a. Đại biểu đương nhiên: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban Nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường.

b. Đại biểu bầu từ Hội nghị viên chức các đơn vị.

c. Khách mời: Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác; Chủ tịch Hội Cựu giáo chức, Chủ tịch Hội sinh viên trường, đại diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO.

d. Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng.

2. Phân công chuẩn bị Hội nghị:

2.1. Tất cả các đơn vị trong Trường

- Góp ý cho Dự thảo báo cáo Hội nghị (file Dự thảo đính kèm). Văn bản góp ý (kể cả trường hợp đồng ý với nội dung Dự thảo) gửi về Phòng Hành chính - Tổng hợp (đ/c Nguyễn Thị Thu Thảo, email: nguyenthithuthao@humg.edu.vn) trước 14h00 ngày 28/11/2022.

- Giải trình bằng văn bản các ý kiến góp ý của Hội nghị cán bộ, viên chức các đơn vị đã gửi trực tiếp tới Trưởng các đơn vị được phân công giải trình (file Phân công giải trình đính kèm).

- Thông báo tới các đại biểu về thời gian Hội nghị, bố trí công việc và tạo điều kiện để các đại biểu tham dự Hội nghị đầy đủ, đúng giờ, đúng thành phần (danh sách đại biểu đính kèm).

2.2. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Tổng hợp, xây dựng Báo cáo Hội nghị lần thứ 49.
- Là đầu mối tổng hợp danh sách đại biểu tham dự Hội nghị.
- Lập dự toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định của Nhà trường.

2.3. Công đoàn Trường

- Chuẩn bị báo cáo tổng hợp các ý kiến tại Hội nghị cán bộ, viên chức các đơn vị gửi Nhà trường.

- Phối hợp với phòng Hành chính - Tổng hợp và các đơn vị liên quan lập báo cáo việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 48;

- Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và chương trình công tác, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân năm học 2022-2023;

- Chuẩn bị dự thảo nghị quyết Hội nghị.

2.4. Phòng Tổ chức - Cán bộ

Phối hợp Công đoàn trường và Ban Thanh tra nhân dân chuẩn bị Báo cáo Tổng kết công tác thanh tra nhân dân năm học 2021-2022.

2.5. Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp

Thiết kế backdrop Hội nghị tại Hội trường 300; truyền thông cho Hội nghị.

2.6. Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị - Sinh viên

Thông báo tới cán bộ giảng dạy và sinh viên được nghỉ học ngày 29/11/2022 để tham gia đầy đủ chương trình Hội nghị.

2.7. Phòng Cơ sở vật chất, Trung tâm Dịch vụ

- Phối hợp với Phòng Hành chính - Tổng hợp chuẩn bị Hội trường 300
- Có phương án đề phòng mất điện, hỏng màn hình điện tử.

2.8. Phòng Kế hoạch Tài chính

- Chuẩn bị báo cáo về công tác tài chính năm 2021 của Trường trình bày tại Hội nghị.
- Hướng dẫn lập dự toán và thanh quyết toán kinh phí tổ chức Hội nghị theo quy định của Trường.

Đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ đã được phân công. Trong quá trình chuẩn bị Hội nghị, nếu có phát sinh công việc, Nhà trường sẽ có các thông báo bổ sung, điều chỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo)
- Các PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU
THAM GIA HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 49
(Kèm theo CV số 643/MĐC-HCTH ngày 24/11/2022)

1. Danh sách đại biểu đương nhiên (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường).

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Trần Xuân Trường	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT
2.	Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng
3.	Bùi Xuân Nam	Phó Hiệu trưởng
4.	Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng
5.	Hoàng Anh Dũng	Chủ tịch Công đoàn trường
6.	Nguyễn Việt Hà	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
7.	Đặng Thị Ngọc Thủy	Trưởng ban Nữ công
8.	Nguyễn Cao Khải	Chủ tịch Hội Cựu chiến binh
9.	Nguyễn Thanh Tuấn	Bí thư Đoàn Thanh niên trường

2. Danh sách đại biểu bầu từ các đơn vị

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ Thông tin
2.	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ Thông tin
3.	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ Thông tin
4.	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ Thông tin
5.	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ Thông tin
6.	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Công nghệ Thông tin
7.	Nguyễn Quang Khánh	Khoa Công nghệ Thông tin
8.	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ Thông tin
9.	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Công nghệ Thông tin
10.	Nguyễn Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ Thông tin
11.	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ Thông tin
12.	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ Thông tin

TT	Họ và tên	Đơn vị
13.	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ Thông tin
14.	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ Thông tin
15.	Hoàng Anh Đức	Khoa Công nghệ Thông tin
16.	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ Thông tin
17.	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ Thông tin
18.	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện
19.	Uông Quang Tuyến	Khoa Cơ - Điện
20.	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện
21.	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện
22.	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện
23.	Bùi Minh Hoàng	Khoa Cơ - Điện
24.	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện
25.	Trần Viết Linh	Khoa Cơ - Điện
26.	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện
27.	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện
28.	Nguyễn Thị Bích Hậu	Khoa Cơ - Điện
29.	Kim Thị Cẩm Ánh	Khoa Cơ - Điện
30.	Nguyễn Tiến Sỹ	Khoa Cơ - Điện
31.	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện
32.	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện
33.	Nguyễn Danh Hùng	Khoa Dầu khí
34.	Kiều Duy Thông	Khoa Dầu khí
35.	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí
36.	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí
37.	Tô Hữu Toàn	Khoa Dầu khí
38.	Doãn Thị Trâm	Khoa Dầu khí
39.	Trương Văn Từ	Khoa Dầu khí
40.	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí
41.	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí
42.	Phạm Trung Kiên	Khoa Dầu khí

TT	Họ và tên	Đơn vị
43.	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí
44.	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí
45.	Nguyễn Thị Ngân	Khoa Dầu khí
46.	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí
47.	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng
48.	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng
49.	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng
50.	Nguyễn Trường Thanh	Khoa Khoa học cơ bản
51.	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
52.	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản
53.	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản
54.	Lê Đắc Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản
55.	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản
56.	Nguyễn Thị Hậu	Khoa Khoa học cơ bản
57.	Vũ Thị Minh Hồng	Khoa Khoa học cơ bản
58.	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản
59.	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
60.	Nguyễn Thị Kim Thoa	Khoa Khoa học cơ bản
61.	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
62.	Vũ Hữu Tuyên	Khoa Khoa học cơ bản
63.	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản
64.	Trương Thị Thanh Thủy	Khoa Khoa học cơ bản
65.	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản
66.	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản
67.	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản
68.	Lương Anh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
69.	Đỗ Tiến Thiết	Khoa Khoa học cơ bản
70.	Chu Thị Hồng Hạnh	Khoa Khoa học cơ bản
71.	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
72.	Nguyễn Quốc Hưng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất

TT	Họ và tên	Đơn vị
73.	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
74.	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
75.	Nguyễn Bách Thảo	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
76.	Kiều Thị Vân Anh	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
77.	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
78.	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
79.	Phạm Thị Việt Nga	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
80.	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
81.	Phan Viết Sơn	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
82.	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
83.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
84.	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
85.	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
86.	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
87.	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
88.	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
89.	Phan Thị Thùy Dương	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
90.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
91.	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
92.	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
93.	Nguyễn Thị Minh Thu	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
94.	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
95.	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
96.	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
97.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
98.	Nguyễn Thanh Thuỷ	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
99.	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
100.	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
101.	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
102.	Phan Thuỳ Linh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên	Đơn vị
103.	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận Chính trị
104.	Trần Thị Lan Hương	Khoa Lý luận Chính trị
105.	Đặng Thị Thanh Trâm	Khoa Lý luận Chính trị
106.	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận Chính trị
107.	Nguyễn Thị Kim Dung	Khoa Lý luận Chính trị
108.	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ
109.	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
110.	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
111.	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ
112.	Lê Tiến Dũng	Khoa Mỏ
113.	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ
114.	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
115.	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ
116.	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ
117.	Phạm Thị Nhung	Khoa Mỏ
118.	Đỗ Ngọc Tú	Khoa Mỏ
119.	Nguyễn Viết Thắng	Khoa Mỏ
120.	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ
121.	Nguyễn Thị Thu Huyền	Khoa Môi trường
122.	Nguyễn Phương Đông	Khoa Môi trường
123.	Nguyễn Hoàng Nam	Khoa Môi trường
124.	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường
125.	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường
126.	Phan Thị Mai Hoa	Khoa Môi trường
127.	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường
128.	Nguyễn Mai Hoa	Khoa Môi trường
129.	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường
130.	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
131.	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
132.	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai

TT	Họ và tên	Đơn vị
133.	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
134.	Nguyễn Thế Công	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
135.	Nguyễn Thị Dung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
136.	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
137.	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
138.	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
139.	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
140.	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
141.	Lưu Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
142.	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
143.	Hoàng Anh Tuấn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
144.	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
145.	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
146.	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
147.	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
148.	Nguyễn Văn Sáng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
149.	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
150.	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
151.	Đặng Văn Kiên	Khoa Xây dựng
152.	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
153.	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng
154.	Nguyễn Văn Mạnh	Khoa Xây dựng
155.	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng
156.	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng
157.	Nguyễn Thị Hương	Khoa Xây dựng
158.	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng
159.	Hoàng Đình Phúc	Khoa Xây dựng
160.	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng
161.	Trương Thúy Hà	Phòng Công tác - Chính trị sinh viên
162.	Đào Thị Thơm	Phòng Công tác - Chính trị sinh viên

TT	Họ và tên	Đơn vị
163.	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất
164.	Nguyễn Thị Thúy Hà	Phòng Cơ sở vật chất
165.	Nguyễn Thị Thu Hà	Phòng Cơ sở vật chất
166.	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất
167.	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
168.	Ngô Thái Vinh	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục
169.	Nguyễn Tuấn Thành	Phòng Đào tạo Đại học
170.	Đặng Thị Hồng Vân	Phòng Đào tạo Đại học
171.	Lại Kim Cương	Phòng Đào tạo Đại học
172.	Phạm Ngọc Hà	Phòng Đào tạo Sau đại học
173.	Nguyễn Minh Thu	Phòng Hành chính - Tổng hợp
174.	Nguyễn Thị Thắm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
175.	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
176.	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
177.	Hàn Văn Tưởng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
178.	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
179.	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp
180.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế
181.	Nhâm Quỳnh Giang	Phòng Kế hoạch - Tài chính
182.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Kế hoạch - Tài chính
183.	Phạm Tuyết Mai	Phòng Kế hoạch - Tài chính
184.	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Khoa học - Công nghệ
185.	Đoàn Thị Luyên	Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp
186.	Hà Thị Liễu	Phòng Tổ chức - Cán bộ
187.	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
188.	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các Dự án
189.	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ
190.	Đỗ Khắc Điệp	Trung tâm Dịch vụ
191.	Nguyễn Mai Hà	Trung tâm Dịch vụ
192.	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ

TT	Họ và tên	Đơn vị
193.	Lê Thị Thanh Xuân	Trung tâm Dịch vụ
194.	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học
195.	Trịnh Thế Lực	Trung tâm Phân tích Thí nghiệm công nghệ cao
196.	Đặng Ngọc Cương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
197.	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện
198.	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
199.	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
200.	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện
201.	Nguyễn Thị Thu Thụy	Trạm Y tế
202.	Phạm Quang Ba	Văn phòng Chương trình tiên tiến
203.	Phạm Tố Uyên	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
204.	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện

3. Danh sách đại biểu khách mời: Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác, Chủ tịch Hội sinh viên trường, Chủ tịch Hội Cựu giáo chức; đai diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO.

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
2.	Hoàng Ngọc Hà	Khoa TĐBĐ&QLĐĐ
3.	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng
4.	Đỗ Hữu Tùng	Khoa KT&QTKD
5.	Trần Thị Thu Trang	Hội sinh viên
6.	Trần Xuân Hà	Hội cựu giáo chức
7.	Trần Đình Kiên	Công ty Codeco
8.	Nguyễn Trường Xuân	Trung tâm Hỗ trợ phát triển KHKT Mỏ - Địa chất
9.	Nguyễn Văn Bưởi	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
10.	Nguyễn Khắc Long	Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật
11.	Nguyễn Anh Tuấn	Trung tâm nghiên cứu Cơ - Điện mỏ
12.	Nguyễn Thị Minh Hồng	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất
13.	Đinh Công Hoà	Trung tâm nghiên cứu Trắc địa công trình
14.	Nguyễn Khắc Giảng	Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất

4. Danh sách Trưởng, phó các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Trường Sơn	Trưởng phòng HCTH
2.	Trần Anh Dũng	Phó trưởng phòng HCTH
3.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phó trưởng phòng HCTH
4.	Nguyễn Ngọc Khánh	Trưởng phòng TCCB
5.	Vũ Duy Tấn	Phó trưởng phòng TCCB
6.	Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng ĐTĐH
7.	Nguyễn Thế Lộc	Phó trưởng phòng ĐTĐH
8.	Phạm Tuấn Cường	Phó trưởng phòng ĐTĐH
9.	Lương Quang Khang	Trưởng phòng ĐTSĐH
10.	Nhữ Thị Kim Dung	Phó trưởng phòng ĐTSĐH
11.	Đỗ Ngọc Anh	Trưởng phòng KHCN
12.	Nguyễn Thạc Khánh	Phó trưởng phòng KHCN
13.	Nguyễn Thị Hoài Nga	Trưởng phòng HTQT
14.	Lê Xuân Thành	Trưởng phòng CTCTSV
15.	Bùi Mạnh Tùng	Phó trưởng phòng CTCTSV
16.	Nguyễn Viết Nghĩa	Phó trưởng phòng Xuất bản
17.	Nguyễn Kim Chung	Phó trưởng phòng QHCCDN
18.	Phạm Thị Thu Thủy	Trưởng phòng KHTC
19.	Phạm Thị Phương Chi	Phó trưởng phòng KHTC
20.	Phạm Đức Thiên	Trưởng phòng CSVC
21.	Huỳnh Thanh Tùng	Phó trưởng phòng CSVC
22.	Phạm Văn Tuấn	Trưởng phòng Đảm bảo CLGD
23.	Trần Thị Lan Hương	Phó trưởng phòng Đảm bảo CLGD
24.	Công Tiến Dũng	Trưởng khoa KHCB
25.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa KHCB
26.	Dương Thúy Hường	Phó Trưởng khoa KHCB
27.	Phạm Văn Hòa	Trưởng khoa Mỏ
28.	Vũ Trung Tiến	Phó trưởng khoa Mỏ
29.	Phạm Văn Luận	Phó trưởng khoa Mỏ

TT	Họ và tên	Chức vụ
30.	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng khoa KHKT Địa chất
31.	Ngô Xuân Thành	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
32.	Tô Xuân Bản	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
33.	Nguyễn Thế Vinh	Trưởng khoa Dầu khí
34.	Tống Thị Thanh Hương	Phó Trưởng khoa Dầu khí
35.	Lê Quang Duyến	Phó Trưởng khoa Dầu khí
36.	Lê Đức Tình	Trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
37.	Bùi Ngọc Quý	Phó trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
38.	Dương Thành Trung	Phó trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
39.	Khổng Cao Phong	Trưởng khoa Cơ - Điện
40.	Ngô Thanh Tuấn	Phó trưởng khoa Cơ - Điện
41.	Lê Hồng Anh	Trưởng khoa CNTT
42.	Nguyễn Duy Huy	Phó trưởng khoa CNTT
43.	Nguyễn Thị Mai Dung	Phó trưởng khoa CNTT
44.	Bùi Thị Thu Thủy	Trưởng khoa KTQTKD
45.	Đào Anh Tuấn	Phó trưởng khoa KTQTKD
46.	Lê Minh Thống	Phó trưởng khoa KTQTKD
47.	Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT
48.	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó trưởng khoa LLCT
49.	Đặng Trung Thành	Trưởng khoa Xây dựng
50.	Phạm Đức Thọ	Phó Trưởng khoa Xây dựng
51.	Trần Tuấn Minh	Phó Trưởng khoa Xây dựng
52.	Đỗ Văn Bình	Trưởng khoa Môi trường
53.	Nguyễn Quốc Phi	Phó trưởng khoa Môi trường
54.	Đào Đình Thuần	Phó trưởng khoa Môi trường
55.	Phạm Quốc Đảm	Trưởng khoa GDQP
56.	Trần Bắc Bộ	Phó trưởng khoa GDQP
57.	Nguyễn Gia Khuê	Phó Giám đốc phụ trách Ban QLCDA
58.	Lê Văn Hưng	Giám đốc Trung tâm TTTV
59.	Nguyễn Hồng Trường	Phó Giám đốc Trung tâm TTTV

TT	Họ và tên	Chức vụ
60.	Nguyễn Thị Hải Yến	Phó Giám đốc Trung tâm TTTV
61.	Lê Đức Vinh	Giám đốc TT Dịch vụ
62.	Diêm Công Hoàng	Giám đốc TT NNTH HUMG
63.	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Phó Giám đốc TT NNTH HUMG
64.	Bùi Hoàng Bắc	Giám đốc TT PT TNCNC
65.	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc TT PT TN CNC
66.	Nguyễn Thanh Huyền	Phụ trách Trạm y tế
67.	Công Ngọc Thắng	Phó Chánh VP Chương trình tiên tiến
68.	Vũ Kim Thư	Phó chánh VP Chương trình tiên tiến
69.	Nguyễn Văn Thịnh	Phó chánh VP Đại diện

001

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 673 /MĐC-HCTH

V/v triệu tập Đại biểu dự Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị trong Trường

Thực hiện Nghị quyết Đảng ủy trường tháng 11/2023 và Kế hoạch số 557/KH-MĐC ngày 09/10/2023 về việc tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50; Nhà trường thông báo triệu tập Đại biểu tham dự Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50 như sau:

1. Thành phần tham dự Hội nghị (có danh sách gửi kèm theo):

a) Đại biểu chính thức của Hội nghị:

- Đại biểu đương nhiên: Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban Nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường.
- Đại biểu bầu từ Hội nghị viên chức các đơn vị

b) Đại biểu mời: Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác; Chủ tịch Hội Cựu giáo chức, Chủ tịch Hội sinh viên trường, đại diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO;

Người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng.

(Nhà trường đã có thông báo số 667/MĐC-ĐTĐH ngày 27/11/2023 cho phép các Đại biểu là giảng viên được nghỉ giảng dạy để tham gia Hội nghị)

2. Nội dung Hội nghị:

- Báo cáo thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49 và phương hướng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu cơ bản năm học 2023 - 2024.
- Báo cáo về kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường năm học 2022 - 2023.
- Báo cáo công tác của Ban Thanh tra nhân dân.
- Bầu ban Thanh tra nhân dân.
- Báo cáo công tác tài chính.
- Thảo luận, góp ý cho các Báo cáo của Nhà trường, phương hướng, nhiệm vụ, các chỉ tiêu cơ bản năm học 2023 - 2024. Thảo luận, đề xuất các giải pháp trong việc thực hiện kế hoạch trung hạn, chiến lược phát triển của Nhà trường.

3. Thời gian và địa điểm:

- Thời gian: **07h45, thứ Năm, ngày 30/11/2023**
- Địa điểm: **Hội trường 300**

002

4. Tài liệu Hội nghị:

- Chương trình Hội nghị (dự kiến).
- Dự thảo Báo cáo tại Đại hội Đại biểu viên chức Trường lần thứ 50.

Đề nghị Trưởng các đơn vị thông báo và gửi tài liệu Hội nghị tới từng Đại biểu và tạo điều kiện cho Đại biểu tham dự đúng thời gian và đầy đủ các nội dung của Hội nghị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Đảng ủy, HĐT (để báo cáo);
- PHT (để p/h chỉ đạo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Lưu HCTH.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH ĐẠI BIỂU
THAM GIA HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 50
(Kèm theo công văn số 673 /MĐC-HCTH ngày 28/11/2023)

I. ĐAI BIỂU CHÍNH THỨC

1. Danh sách đại biểu đương nhiên (Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường, Trưởng ban Thanh tra nhân dân, Trưởng ban nữ công, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Bí thư Đoàn thanh niên trường).

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Trần Xuân Trường	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT
2.	Trần Thanh Hải	Hiệu trưởng
3.	Triệu Hùng Trường	Phó Hiệu trưởng
4.	Nguyễn Việt Hà	Chủ tịch Công đoàn trường
5.	Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng ban Nữ công Trường
6.	Nguyễn Cao Khải	Chủ tịch Hội CCB
7.	Nguyễn Thanh Tuấn	Bí thư Đoàn trường

2. Danh sách đại biểu bầu từ các đơn vị

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Đào Thị Thu Vân	Khoa Công nghệ Thông tin
2.	Trần Thị Như Hoa	Khoa Công nghệ Thông tin
3.	Đặng Văn Nam	Khoa Công nghệ Thông tin
4.	Nông Thị Oanh	Khoa Công nghệ Thông tin
5.	Diêm Thị Thùy	Khoa Công nghệ Thông tin
6.	Trần Thị Hòa	Khoa Công nghệ Thông tin
7.	Đinh Bảo Ngọc	Khoa Công nghệ Thông tin
8.	Phạm Thị Nguyệt	Khoa Công nghệ Thông tin
9.	Dương Thị Hiền Thanh	Khoa Công nghệ Thông tin
10.	Nguyễn Thị Thu Thúy	Khoa Công nghệ Thông tin
11.	Đào Thị Tuyết	Khoa Công nghệ Thông tin
12.	Bùi Thị Ánh Nguyệt	Khoa Công nghệ Thông tin
13.	Nguyễn Thị Hải Yến	Khoa Công nghệ Thông tin
14.	Nguyễn Thị Hữu Phương	Khoa Công nghệ Thông tin
15.	Phạm Thị Hải Vân	Khoa Công nghệ Thông tin

TT	Họ và tên	Đơn vị
16.	Trần Trung Chuyên	Khoa Công nghệ Thông tin
17.	Nguyễn Thị Loan	Khoa Công nghệ Thông tin
18.	Phạm Thị Thanh Loan	Khoa Cơ - Điện
19.	Nguyễn Thế Lực	Khoa Cơ - Điện
20.	Phan Thị Mai Phương	Khoa Cơ - Điện
21.	Phạm Thị Thủy	Khoa Cơ - Điện
22.	Nguyễn Sơn Tùng	Khoa Cơ - Điện
23.	Phạm Tuấn Long	Khoa Cơ - Điện
24.	Nguyễn Văn Xô	Khoa Cơ - Điện
25.	Đặng Vũ Đinh	Khoa Cơ - Điện
26.	Đoàn Công Luận	Khoa Cơ - Điện
27.	Đỗ Như Ý	Khoa Cơ - Điện
28.	Hồ Việt Bun	Khoa Cơ - Điện
29.	Nguyễn Tiến Sĩ	Khoa Cơ - Điện
30.	Nguyễn Trường Giang	Khoa Cơ - Điện
31.	Bùi Ngọc Hùng	Khoa Cơ - Điện
32.	Hà Văn Thủy	Khoa Cơ - Điện
33.	Vũ Thiết Thạch	Khoa Dầu khí và Năng lượng
34.	Lê Văn Nam	Khoa Dầu khí và Năng lượng
35.	Nguyễn Trần Tuân	Khoa Dầu khí và Năng lượng
36.	Nguyễn Văn Vinh	Khoa Dầu khí và Năng lượng
37.	Nguyễn Tiến Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
38.	Trần Danh Hùng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
39.	Phan Thị Hồng	Khoa Dầu khí và Năng lượng
40.	Lê Ngọc Ánh	Khoa Dầu khí và Năng lượng
41.	Bùi Thị Ngân	Khoa Dầu khí và Năng lượng
42.	Vũ Cúc Phương	Khoa Dầu khí và Năng lượng
43.	Nguyễn Thị Linh	Khoa Dầu khí và Năng lượng
44.	Phạm Xuân Núi	Khoa Dầu khí và Năng lượng
45.	Ngô Hà Sơn	Khoa Dầu khí và Năng lượng

TT	Họ và tên	Đơn vị
46.	Nguyễn Thu Thủy	Khoa Dầu khí và Năng lượng
47.	Vũ Quang Hay	Khoa Giáo dục quốc phòng
48.	Trần Thanh Hanh	Khoa Giáo dục quốc phòng
49.	Phạm Công Tú	Khoa Giáo dục quốc phòng
50.	Nguyễn Thị Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
51.	Nguyễn Thùy Linh	Khoa Khoa học cơ bản
52.	Nguyễn Thu Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
53.	Đào Xuân Hưng	Khoa Khoa học cơ bản
54.	Hồ Quỳnh Anh	Khoa Khoa học cơ bản
55.	Đỗ Thị Hồng Hải	Khoa Khoa học cơ bản
56.	Đào Việt Thắng	Khoa Khoa học cơ bản
57.	Nguyễn Viết Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
58.	Lê Thị Vinh	Khoa Khoa học cơ bản
59.	Hà Mạnh Hùng	Khoa Khoa học cơ bản
60.	Lê Thị Phương Thảo	Khoa Khoa học cơ bản
61.	Lê Thị Thanh Hằng	Khoa Khoa học cơ bản
62.	Bùi Thị Thúy	Khoa Khoa học cơ bản
63.	Nguyễn Thị Thảo	Khoa Khoa học cơ bản
64.	Nguyễn Hồng Vân	Khoa Khoa học cơ bản
65.	Đặng Thanh Mai	Khoa Khoa học cơ bản
66.	Trịnh Thị Vân	Khoa Khoa học cơ bản
67.	Lê Viết Tuấn	Khoa Khoa học cơ bản
68.	Lã Ngọc Linh	Khoa Khoa học cơ bản
69.	Nguyễn Huy Thông	Khoa Khoa học cơ bản
70.	Nguyễn Thị Hà	Khoa Khoa học cơ bản
71.	Ngô Thị Kim Chi	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
72.	Bùi Vinh Hậu	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
73.	Đào Đức Bằng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
74.	Trần Quang Tuấn	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
75.	Vũ Thu Hiền	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất

TT	Họ và tên	Đơn vị
76.	Nguyễn Văn Phóng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
77.	Nguyễn Thị Nụ	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
78.	Phạm Thị Ngọc Hà	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
79.	Nguyễn Thành Dương	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
80.	Bùi Văn Bình	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
81.	Lê Xuân Trường	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
82.	Lê Thị Thu	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
83.	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
84.	Nguyễn Khắc Du	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
85.	Khương Thế Hùng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
86.	Nguyễn Hữu Trọng	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
87.	Hà Thành Như	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
88.	Đặng Thị Vinh	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
89.	Hồ Thanh Bình	Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất
90.	Nguyễn Thị Kim Oanh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
91.	Nguyễn Tiến Hưng	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
92.	Lưu Thị Thu Hà	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
93.	Phạm Thu Hương	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
94.	Vũ Diệp Anh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
95.	Phí Mạnh Cường	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
96.	Phạm Thu Trang	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
97.	Nguyễn Thị Kim Ngân	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
98.	Nguyễn Lan Hoàng Thảo	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
99.	Phạm Thị Châu Giang	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
100.	Đồng Thị Bích	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
101.	Nguyễn Thị Hường	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
102.	Phan Thị Thùy Linh	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh
103.	Nguyễn Thị Thuý Hà	Khoa Lý luận Chính trị
104.	Ngô Văn Hưởng	Khoa Lý luận Chính trị
105.	Dương Thị Tuyết Nhung	Khoa Lý luận Chính trị

TT	Họ và tên	Đơn vị
106.	Nguyễn Tuấn Vương	Khoa Lý luận Chính trị
107.	Lê Thị Yến	Khoa Lý luận Chính trị
108.	Trần Quang Hiếu	Khoa Mỏ
109.	Lê Thị Thu Hoa	Khoa Mỏ
110.	Nguyễn Hoàng	Khoa Mỏ
111.	Nguyễn Văn Thịnh	Khoa Mỏ
112.	Đinh Thị Thanh Nhàn	Khoa Mỏ
113.	Phạm Đức Hưng	Khoa Mỏ
114.	Lê Quang Phục	Khoa Mỏ
115.	Trần Trung Tới	Khoa Mỏ
116.	Vũ Thị Chinh	Khoa Mỏ
117.	Phạm Thanh Hải	Khoa Mỏ
118.	Trần Mạnh Tiến	Khoa Mỏ
119.	Nguyễn Nam Hòa	Khoa Mỏ
120.	Hoàng Thị Nga	Khoa Mỏ
121.	Đào Trung Thành	Khoa Môi trường
122.	Nguyễn Thị Hồng	Khoa Môi trường
123.	Trần Thị Ngọc	Khoa Môi trường
124.	Nguyễn Văn Dũng	Khoa Môi trường
125.	Vũ Thị Lan Anh	Khoa Môi trường
126.	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Môi trường
127.	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Môi trường
128.	Đỗ Cao Cường	Khoa Môi trường
129.	Phạm Khánh Huy	Khoa Môi trường
130.	Phạm Quốc Khánh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
131.	Nguyễn Thị Kim Thanh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
132.	Trần Thùy Dương	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
133.	Nguyễn Thị Kim Yến	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
134.	Phạm Thị Kim Thoa	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
135.	Đinh Hải Nam	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai

TT	Họ và tên	Đơn vị
136.	Đỗ Thị Phương Thảo	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
137.	Nguyễn Danh Đức	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
138.	Trần Trung Anh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
139.	Nguyễn Văn Trung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
140.	Trần Hồng Hạnh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
141.	Hoàng Thị Thủy	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
142.	Nguyễn Quang Minh	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
143.	Trương Minh Hùng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
144.	Nguyễn Quốc Long	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
145.	Phạm Văn Chung	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
146.	Phạm Thị Làn	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
147.	Nguyễn Gia Trọng	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
148.	Lê Thị Thanh Tâm	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
149.	Nguyễn Thế Hiệp	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
150.	Tạ Thị Thu Hường	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai
151.	Nguyễn Tài Tiến	Khoa Xây dựng
152.	Nguyễn Duyên Phong	Khoa Xây dựng
153.	Nguyễn Chí Thành	Khoa Xây dựng
154.	Tăng Văn Lâm	Khoa Xây dựng
155.	Phạm Thị Nhàn	Khoa Xây dựng
156.	Lê Huy Việt	Khoa Xây dựng
157.	Phạm Thanh Huyền	Khoa Xây dựng
158.	Ngọ Thị Hương Trang	Khoa Xây dựng
159.	Phạm Văn Hùng	Khoa Xây dựng
160.	Đặng Quang Huy	Khoa Xây dựng
161.	Phạm Thị Hương	Phòng Công tác - Chính trị sinh viên
162.	Chu Thị Thuý Nga	Phòng Công tác - Chính trị sinh viên
163.	Nguyễn Thế Tĩnh	Phòng Cơ sở vật chất
164.	Nguyễn Thị Thuý Hà	Phòng Cơ sở vật chất
165.	Trần Thị Hương	Phòng Cơ sở vật chất

TT	Họ và tên	Đơn vị
166.	Tạ Văn Minh	Phòng Cơ sở vật chất
167.	Trịnh Thị Hợp	Phòng Cơ sở vật chất
168.	Dương Thị Hồng Đài	Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục
169.	Nguyễn Quốc Dũng	Phòng Đào tạo Đại học
170.	Nguyễn Văn Đức	Phòng Đào tạo Đại học
171.	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phòng Đào tạo Đại học
172.	Hà Ngọc Kiên	Phòng Đào tạo Sau đại học
173.	Hoàng Văn Sinh	Phòng Hành chính - Tổng hợp
174.	Phạm Trường Sơn	Phòng Hành chính - Tổng hợp
175.	Phạm Văn Khương	Phòng Hành chính - Tổng hợp
176.	Lê Hoài Nam	Phòng Hành chính - Tổng hợp
177.	Nguyễn Thị Chi	Phòng Hành chính - Tổng hợp
178.	Nguyễn Thị Dàng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
179.	Nguyễn Đức Năng	Phòng Hành chính - Tổng hợp
180.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác Quốc tế
181.	Quách Thị Nhịp	Phòng Kế hoạch - Tài chính
182.	Nguyễn Thu Hà	Phòng Kế hoạch - Tài chính
183.	Đỗ Thủy Trà My	Phòng Kế hoạch - Tài chính
184.	Trần Thị Hải Vân	Phòng Khoa học - Công nghệ
185.	Đặng Lê Văn	Phòng Quan hệ công chúng và Doanh nghiệp
186.	Đoàn Nguyễn Thanh Hương	Phòng Tổ chức - Cán bộ
187.	Võ Thị Công Chính	Phòng Xuất bản
188.	Nguyễn Thị Sơn	Ban Quản lý các Dự án
189.	Trần Thị Dược	Trung tâm Dịch vụ
190.	Vũ Thế Hùng	Trung tâm Dịch vụ
191.	Hà Tú Hương	Trung tâm Dịch vụ
192.	Quách Thị Thu Phương	Trung tâm Dịch vụ
193.	Phạm Thị Quy	Trung tâm Dịch vụ
194.	Ngô Huyền Giang	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG
195.	Trịnh Thế Lực	Trung tâm Phân tích Thí nghiệm công nghệ cao

TT	Họ và tên	Đơn vị
196.	Nguyễn Duy Hiếu	Trung tâm Thông tin - Thư viện
197.	Hoàng Thị Nga	Trung tâm Thông tin - Thư viện
198.	Hoàng Thị Thúy	Trung tâm Thông tin - Thư viện
199.	Ngô Thị Thanh Hương	Trung tâm Thông tin - Thư viện
200.	Hoàng Thị Hiền	Trung tâm Thông tin - Thư viện
201.	Mai Ngọc Liên	Trạm Y tế
202.	Vũ Thu Hường	Văn phòng Chương trình tiên tiến
203.	Phạm Thị Việt Nga	Văn phòng Đảng - Đoàn thể
204.	Đồng Hữu Tiến	Văn phòng Đại diện

II. ĐẠI BIỂU MỜI

1. Danh sách đại biểu: Giáo sư, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú đang công tác, Chủ tịch Hội sinh viên trường, Chủ tịch Hội Cựu giáo chức; đai diện lãnh đạo các Trung tâm và Công ty CODECO.

TT	Họ và tên	Đơn vị
1.	Võ Trọng Hùng	Khoa Xây dựng
2.	Hoàng Ngọc Hà	Khoa TĐBĐ&QLĐĐ
3.	Tạ Đức Thịnh	Khoa Xây dựng
4.	Đỗ Hữu Tùng	Khoa KT&QTKD
5.	Bùi Xuân Nam	Khoa Mỏ
6.	Trần Xuân Hà	Hội cựu giáo chức
7.	Trần Thị Thu Trang	Chủ tịch Hội Sinh viên
8.	Trần Đình Kiên	Công ty Codeco
9.	Nguyễn Trường Xuân	Trung tâm Hỗ trợ phát triển KHKT Mỏ - Địa chất
10.	Đào Văn Chi	Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường
11.	Nguyễn Khắc Long	Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật
12.	Nguyễn Anh Tuấn	Trung tâm nghiên cứu Cơ - Điện mỏ
13.	Nguyễn Thị Minh Hồng	Trung tâm Nghiên cứu Môi trường Địa chất
14.	Đinh Công Hoà	Trung tâm nghiên cứu Trắc địa công trình
15.	Nguyễn Thị Loan	Trung tâm triển khai công nghệ khoáng chất

2. Danh sách Trưởng, phó các Phòng, Khoa, Ban, Trung tâm, Trạm, Văn phòng

TT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bùi Trường Sơn	Trưởng phòng HCTH
2.	Trần Anh Dũng	Phó trưởng phòng HCTH
3.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phó trưởng phòng HCTH
4.	Nguyễn Ngọc Khánh	Trưởng phòng TCCB
5.	Hoàng Anh Dũng	Chánh Văn phòng Đảng Đoàn thể
6.	Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng ĐTĐH
7.	Nguyễn Thế Lộc	Phó trưởng phòng ĐTĐH
8.	Phạm Tuấn Cường	Phó trưởng phòng ĐTĐH
9.	Lương Quang Khang	Trưởng phòng ĐTSĐH
10.	Nhữ Thị Kim Dung	Phó trưởng phòng ĐTSĐH
11.	Đỗ Ngọc Anh	Trưởng phòng KHCN
12.	Nguyễn Thạc Khánh	Phó trưởng phòng KHCN
13.	Nguyễn Thị Hoài Nga	Trưởng phòng HTQT
14.	Lê Xuân Thành	Trưởng phòng CTCTSV
15.	Bùi Mạnh Tùng	Phó trưởng phòng CTCTSV
16.	Nguyễn Viết Nghĩa	Phó trưởng phòng Xuất bản
17.	Nguyễn Kim Chung	Phó trưởng phòng QHCCDN
18.	Phạm Thị Thu Thủy	Trưởng phòng KHTC
19.	Phạm Thị Phương Chi	Phó trưởng phòng KHTC
20.	Phạm Đức Thiên	Trưởng phòng CSVC
21.	Huỳnh Thanh Tùng	Phó trưởng phòng CSVC
22.	Phạm Văn Tuấn	Trưởng phòng Đảm bảo CLGD
23.	Nguyễn Thị Lan Hương	Phó trưởng phòng Đảm bảo CLGD
24.	Công Tiến Dũng	Trưởng khoa KHCB
25.	Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Trưởng khoa KHCB
26.	Dương Thúy Hường	Phó Trưởng khoa KHCB
27.	Phạm Văn Hòa	Trưởng khoa Mỏ

TT	Họ và tên	Chức vụ
28.	Vũ Trung Tiến	Phó trưởng khoa Mỏ
29.	Phạm Văn Luận	Phó trưởng khoa Mỏ
30.	Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng khoa KHKT Địa chất
31.	Ngô Xuân Thành	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
32.	Tô Xuân Bản	Phó Trưởng khoa KHKT Địa chất
33.	Nguyễn Thế Vinh	Trưởng khoa Dầu khí và Năng lượng
34.	Tống Thị Thanh Hương	Phó Trưởng khoa Dầu khí và Năng lượng
35.	Lê Quang Duyến	Phó Trưởng khoa Dầu khí và Năng lượng
36.	Lê Đức Tình	Trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
37.	Dương Thành Trung	Phó trưởng khoa Trắc địa BĐ &QLĐĐ
38.	Khổng Cao Phong	Trưởng khoa Cơ - Điện
39.	Ngô Thanh Tuấn	Phó trưởng khoa Cơ - Điện
40.	Lê Hồng Anh	Trưởng khoa CNTT
41.	Nguyễn Duy Huy	Phó trưởng khoa CNTT
42.	Nguyễn Thị Mai Dung	Phó trưởng khoa CNTT
43.	Bùi Thị Thu Thủy	Trưởng khoa KTQTKD
44.	Đào Anh Tuấn	Phó trưởng khoa KTQTKD
45.	Lê Minh Thống	Phó trưởng khoa KTQTKD
46.	Trần Thị Phúc An	Trưởng khoa LLCT
47.	Nguyễn Thị Thu Hương	Phó trưởng khoa LLCT
48.	Phạm Đức Thọ	Phó Trưởng khoa Xây dựng
49.	Trần Tuấn Minh	Phó Trưởng khoa Xây dựng
50.	Đặng Trung Thành	Trưởng khoa Xây dựng
51.	Đỗ Văn Bình	Trưởng khoa Môi trường
52.	Nguyễn Quốc Phi	Phó trưởng khoa Môi trường
53.	Đào Đình Thuần	Phó trưởng khoa Môi trường
54.	Phạm Quốc Đảm	Trưởng khoa GDQP
55.	Trần Bắc Bộ	Phó trưởng khoa GDQP
56.	Nguyễn Gia Khuê	Phó Giám đốc phụ trách Ban QLCDA
57.	Lê Văn Hưng	Giám đốc Trung tâm TTTV

TT	Họ và tên	Chức vụ
58.	Nguyễn Hồng Trường	Phó Giám đốc Trung tâm TTTV
59.	Nguyễn Thị Hải Yến	Phó Giám đốc Trung tâm TTTV
60.	Lê Đức Vinh	Giám đốc TT Dịch vụ
61.	Diêm Công Hoàng	Giám đốc TT Ngoại ngữ - Tin học HUMG
62.	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	Phó Giám đốc TT Ngoại ngữ - Tin học HUMG
63.	Bùi Hoàng Bắc	Giám đốc TT PT TNCNC
64.	Nguyễn Hữu Hiệp	Phó Giám đốc TT PT TN CNC
65.	Nguyễn Thanh Huyền	Phụ trách Trạm y tế
66.	Công Ngọc Thắng	PCP PT VP Chương trình tiên tiến
67.	Vũ Kim Thư	Phó chánh VP Chương trình tiên tiến
68.	Nguyễn Văn Thịnh	Phó chánh VP Đại diện

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 50

Thời gian: 07h45 ngày 30/11/2023
Địa điểm: Hội trường 300

TT	Nội dung	Tổ chức điều hành
1.	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Phòng HCTH
2.	Bầu Đoàn chủ tịch, giới thiệu Thư ký Hội nghị	Phòng HCTH
3.	Đoàn Chủ tịch điều hành:	
	- Thông qua chương trình Hội nghị	Đoàn Chủ tịch
	- Báo cáo tóm tắt tổng kết năm học 2022 - 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm học 2023 - 2024	Hiệu trưởng
	- Báo cáo kết quả giám sát và kết quả hoạt động của Hội đồng trường năm học 2022 - 2023	Thư ký Hội đồng trường
	- Báo cáo tổng hợp các ý kiến tại Hội nghị viên chức các đơn vị	Chủ tịch Công đoàn trường
	- Báo cáo công tác Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
	- Bầu Ban thanh tra nhân dân nhiệm kỳ 2023 - 2025	Công đoàn trường
	- Báo cáo công tác tài chính	Trưởng phòng Kế hoach Tài chính
	- Phát biểu thảo luận của các đại biểu	Đoàn Chủ tịch
	- Tổng hợp các ý kiến phát biểu	Đoàn Chủ tịch
4.	Thư ký trình bày Dự thảo Nghị quyết Hội nghị	Ban Thư ký
5.	Biểu quyết thông qua Nghị quyết Hội nghị	Đoàn chủ tịch
6.	Bế mạc Hội nghị	Phòng HCTH

==========

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

BÁO CÁO

TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 50

(Dự thảo lần 4)

Hà Nội, 11/2023

MỤC LỤC

PHẦN I. BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 - 2023 1
1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023 1
1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất 1
1.2. Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023 2
2. Công tác chính trị tư tưởng 4
2.1. Những kết quả đạt được 4
2.2. Những tồn tại 5
2.3. Giải pháp 5
3. Công tác đào tạo 5
3.1. Những kết quả đạt được 5
3.2. Những tồn tại 17
3.3. Giải pháp 17
4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục 19
4.1. Những kết quả đạt được 19
4.2. Những tồn tại 31
4.3. Giải pháp 31
5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp 32
5.1. Những kết quả đạt được 32
5.2. Tồn tại 34
5.3. Giải pháp 35
6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên 36
6.1. Những kết quả đạt được 36
6.2. Những tồn tại 37
6.3. Giải pháp 38
7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản 38
7.1. Những kết quả đạt được 38
7.2. Những tồn tại 50
7.3. Giải pháp 51
8. Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng 52
8.1. Những kết quả đạt được 52
8.2. Những tồn tại 61
8.3. Giải pháp 62
9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án 63
9.1. Những kết quả đạt được 63
9.2.Những tồn tại 68
9.3. Giải pháp 68
10. Công tác thông tin, thư viện 69
10.1. Những kết quả đạt được 69
10.2. Những tồn tại 71
10.3. Giải pháp 71
11. Công tác y tế 71
11.1. Những kết quả đạt được 71
11.2. Những tồn tại 71
11.3. Giải pháp 72

12. Hoạt động dịch vụ 72
12.1. Những kết quả đạt được 72
12.2. Những tồn tại 72
12.3. Giải pháp 73
13. Các công tác khác 73
13.1. Những kết quả đạt được 73
13.2. Những tồn tại 79
13.3. Giải pháp 80
14. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HNĐB viên chức Trường lần thứ 49 82
PHẦN II. NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 - 2024 84
1. Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2023 - 2024 84
2. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024 84
3. Các chỉ tiêu cơ bản 85
4. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 85

PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO:
Bảng 53. Thống kê thu, chi thường xuyên và phân phối chệnh lệch thu chi thường xuyên năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 54. Thống kê thu, chi không thường xuyên năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 55. Thống kê các khoản thu hộ - chi hộ của Trường năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Bảng 56. Thống kê trích các quỹ và trích nguồn cải cách tiền lương năm 2022 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).
Phụ lục I. Tổng hợp kết quả thực hiện các ý kiến của Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49.
Phụ lục II. Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị Viên chức các đơn vị gửi Nhà trường năm 2023.

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh Hệ chính quy……..6
Bảng 2. Kết quả tuyển sinh Hệ vừa làm vừa học 7
Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học năm học 2022 - 2023 8
Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS năm học 2022 - 2023.....9
Bảng 5. Số lượng sinh viên chính quy.....10
Bảng 6. Số lượng sinh viên Hệ vừa làm vừa học 10
Bảng 7. Số lượng học viên Cao học 11
Bảng 8. Số lượng Nghiên cứu sinh.....11
Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp 12
Bảng 10. Kết quả học tập Hệ đại học 12
Bảng 11. Kết quả học tập Hệ liên thông.....13
Bảng 12. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....13
Bảng 13. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023 14
Bảng 14. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học.....15
Bảng 15. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới.....16
Bảng 16. Giáo trình/ sách đào tạo đại học xuất bản trong và ngoài trường 16
Bảng 17. Giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản được xuất bản 16
Bảng 18. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2022 - 2023.....19
Bảng 19. Tổng hợp số liệu bài phúc khảo 21
Bảng 20. Tổng hợp kỳ thi kết thúc học phần các lớp cao học năm học 2022 - 2023.....21
Bảng 21. Tổng hợp số liệu hình thức thi, bài thi các lớp cao học K46 học kỳ 1 năm học 2022-2023; X = tổ chức thi ngoài Trường.....22
Bảng 22. Thống kê 13 học phần có điểm thi trung bình thấp nhất.....23
Bảng 23. Thống kê 30 học phần có điểm thi trung bình thấp nhất.....24
Bảng 24. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ,.....25
Bảng 25. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học.....25
Bảng 26. Tổng hợp thông tin TĐG, ĐGN, Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD Trường và CTĐT giai đoạn 2018 - 2025.....27
Bảng 27. Tình hình thực hiện in và cấp phôi văn bằng. 30
Bảng 28. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp 39
Bảng 29. Thống kê công tác NCKH theo các đơn vị năm 2022 - 2023.....40
Bảng 30. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....41
Bảng 31. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2022 - 2023 41
Bảng 32. Công tác NCKH sinh viên năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023 42
Bảng 33. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2022 - 2023.....43
Bảng 34. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ 44
Bảng 35. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ 44
Bảng 36. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN 45
Bảng 37. Các thỏa thuận, chương trình hợp tác ký kết mới năm học 2022 - 2023.....45
Bảng 38. Các Hội nghị, Hội thảo quốc tế được tổ chức năm học 2022 - 2023 48
Bảng 39. Số lượng lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2022 - 2023.....49
Bảng 40. Thống kê Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.49
Bảng 41. Thống kê in thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023. 49
Bảng 42. Bảng thống kê số lượng viên chức được bổ nhiệm năm học 2022 - 2023.....54
Bảng 43. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường 54
Bảng 44. Cơ cấu đội ngũ viên chức giảng dạy 55

Bảng 45. Phân loại đội ngũ viên chức giảng dạy và kỹ sư tại các Khoa theo trình độ 55
Bảng 46. Thống kê xếp loại chất lượng viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023.....59
Bảng 47. Thống kê thu, chi tài chính năm 2022.....63
Bảng 48. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022.....65
Bảng 49. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022.....65
Bảng 50. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....70
Bảng 51. Nhập, bán sách năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....70
Bảng 52. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2022 - 2023.....82

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường……....10
Hình 2. Số lượng đề tài các cấp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....39
Hình 3. Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2021-2022 và 2022-2023.....39
Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023.....43
Hình 5. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất 53

PHẦN I
BÁO CÁO TỔNG KẾT CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2022 - 2023

1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Đia chất, những tác động tới hoạt động của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023

1.1. Khái quát chung về Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Trường Đại học Mỏ - Địa chất được thành lập ngày 08 tháng 8 năm 1966, sau chặng đường hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển với nỗ lực không ngừng và vượt qua bao thử thách, đến nay Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu của Việt Nam. Nhà trường ngày càng khẳng định được vị thế của mình trong hệ thống giáo dục và đào tạo Việt Nam là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu uy tín trong nước về các lĩnh vực khoa học Trái đất, Mỏ, Tài nguyên và Môi trường và nhiều lĩnh vực khoa học khác.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã khẳng định phương hướng phát triển Trường Đại học Mỏ - Địa chất là ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU đạt trình độ hàng đầu trong khu vực, đat chuẩn kiểm định quốc tế, tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư. Hiện nay, Nhà trường có 12 khoa (trong đó có 9 khoa chuyên môn) với 58 bộ môn; 21 phòng, ban, trạm, văn phòng, trung tâm. Các tổ chức đoàn thể có Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Hội cựu chiến binh.

Tổng số viên chức của Trường là 690 người, trong đó viên chức giảng dạy là 485 viên chức, 161 viên chức hành chính, 44 kỹ sư. Trong số viên chức giảng dạy có 282 tiến sĩ (trong đó có 04 giáo sư và 54 phó giáo sư)…... Vai trò, chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lý, của cán bộ quản lý được xác định rõ ràng theo đúng các quy định của pháp luật và Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy chế về tổ chức, quy định chức năng hoạt động, trách nhiệm đối với cán bộ, giảng viên và từng đơn vị trong Trường và cụ thể hóa trong các quy định hoạt động từ cấp Trường tới các đơn vị cơ sở. Hệ thống văn bản về tổ chức bộ máy được phổ biến trong toàn Trường thông qua các quy định, quy trình, các thông báo, quyết định. Công tác điều hành bằng văn bản theo hệ thống eOFFICE đã dần tạo nề nếp, thói quen về tác phong làm việc chuyên nghiệp hơn của các đơn vị và cá nhân trong Trường.

Nhà trường hiện có tổng diện tích lớp học là 28.437 m^2, tổng diện tích phòng thí nghiệm và xưởng thực hành là 19.625 m^2, đảm bảo đủ số phòng học, giảng đường, PTN, KTX, xưởng thực hành, trang thiết bị và sân bãi để phục vụ công tác đào tạo và NCKH. Từ năm 2016, Nhà trường đã thúc đẩy việc triển khai dự án khu đô thị đại học và hiện đang đẩy mạnh thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị đại học với diện tích sử dụng đất 23,6 ha; bao gồm hạ tầng kỹ thuật, hệ thống giảng đường, PTN, khu vực giáo dục thể chất, KTX sinh viên. Đến nay đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ (NSNN: 60 tỷ VNĐ; nguồn Nhà trường: 13 tỷ VNĐ). Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại Quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022. Theo kế hoạch dự kiến công trình sẽ bản giao đưa vào sử dụng năm 2025.

Năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất vinh dự nằm trong Top 17 bảng xếp hạng URAP 2022 của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance); đứng ở vị trí 22 các trường đại học ở Việt Nam theo bảng xếp hạng VNUR năm 2023. Trường Đại học Mỏ - Địa chất tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng đại học nghiên cứu.

1.2. Bối cảnh của Nhà trường trong năm học 2022 - 2023

Trong những năm tới là giai đoạn đất nước triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đồng thời tiếp tục hội nhập quốc tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, theo đó nhiều trường đại học nước ngoài sẽ đầu tư vào Việt Nam; nhiều tổ chức, công ty, doanh nghiệp sẽ đầu tư vào lĩnh vực giáo dục Việt Nam; song song với đó là việc áp dụng cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học theo Luật Giáo dục đại học và Nghị định 99. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ ngày càng lớn, tạo ra sự cạnh tranh mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Năm năm tới sẽ có sự thay đổi cơ bản, toàn diện về giáo dục theo chiến lược phát triển ngành giáo dục Việt Nam, có sự thay đổi về định hướng phát triển khoa học công nghệ của cả nước.

Đây là giai đoạn phải điều chỉnh mạnh mẽ để triển khai Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; là giai đoạn Nhà trường phấn đấu đẩy nhanh hơn nữa việc xây dựng cơ sở mới tại khu đô thị đại học đáp ứng yêu cầu phát triển. Trong bối cảnh đó, Trường Đại học Mỏ - Địa chất cần xây dựng một chiến lược phát triển mới, phát huy nội lực, với sức mạnh tổng hợp và tận dụng triệt để mọi nguồn lực hỗ trợ từ bên ngoài, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để nâng cấp và mở rộng, phát triển thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học chất lượng cao, đa ngành, đa lĩnh vực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây thực sự là chặng đường vô cùng quan trọng của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Thực hiện Kế hoạch năm học 2022 - 2023 của Bộ GD&ĐT, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025, quán triệt và thực hiện nhiều nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật. Toàn bộ bộ máy chính trị của Nhà trường đã nỗ lực phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Tuy nhiên, những thay đổi nhanh chóng của xã hội hiện nay đã và đang tạo ra những thách thức lớn đối với sự tồn tại và phát triển bền vững của Nhà trường, đó là:

- Nền kinh tế nước nhà đang trong giai đoạn chuyển đổi và gặp nhiều khó khăn, việc đầu tư cho giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng giảm sút dẫn tới sự hạn chế trong việc bảo đảm duy trì tính tiên phong về khoa học công nghệ và tri thức của trường đại học.

- Sự phát triển mạnh mẽ của Cách mạng công nghiệp 4.0 đòi hỏi việc đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực trong đó có đội ngũ giảng viên và nhà khoa học cũng như đổi mới căn bản về tư duy trong công tác đào tạo, mở ra những lĩnh vực mới cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học là đòi hỏi bắt buộc cho sự sống còn và phát triển của trường đại học.

- Luật sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học đã có hiệu lực từ 01/7/2019 có nhiều yêu cầu mới về sự thay đổi hệ thống quản lý, tổ chức, cơ cấu nhân lực, chương trình đào tạo và hoạt động của các cơ sở giáo dục nhưng đến nay các văn bản hướng dẫn thi hành luật chưa có, dẫn tới việc thực thi luật còn nhiều vướng mắc và chưa thể thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều văn bản hướng dẫn thi hành luật này cũng như nhiều văn bản pháp luật khác đã và chuẩn bị có hiệu lực hiện chưa có hoặc chưa có hiệu lực thi hành, ảnh hưởng lớn đến việc xây dựng các văn bản pháp quy phục vụ quản lý các hoạt động của trường bị chậm trễ.

- Sự ra đời của một hệ thống gần 400 trường đại học trong đó có nhiều trường có cùng ngành nghề đào tạo truyền thống của Nhà trường đã tạo nên sự cạnh tranh mạnh mẽ trong giáo dục, thu hút người dạy, người học và tuyển sinh.

- Trong tiến trình tự chủ giáo dục đại học, sự cắt giảm kinh phí đầu tư cho đại học công và xu thế tự chủ đại học tạo nên những sức ép lớn đối với đầu tư cơ sở vật chất và hoạt động của Trường.

- Biến động trong lựa chọn ngành nghề dẫn đến sụt sụt giảm số lượng sinh viên nhập

học và người học ở hầu hết các ngành truyền thống gây mất cân đối và ảnh hưởng lớn tới toàn bộ hoạt động của trường.

Bên cạnh những thách thức khách quan nêu trên, Nhà trường còn đang phải đối mặt những tồn tại hạn chế trong nội bộ mang tính chủ quan, đó là:

- Hệ thống quản lý đã có nhiều cải thiện về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động, tuy nhiên sự phối hợp chưa được nhịp nhàng, vẫn tạo những khoảng trống cho việc thực hiện các công việc một cách hiệu quả. Các đơn vị phối hợp chưa thực sự nêu cao tinh thần trách nhiệm và giải trình. Sự phối hợp giữa các đơn vị vẫn còn mang tính hành chính. Hệ thống tiếp nhận và xử lý thông tin *"Một cửa"* mới được xây dựng, nhưng việc xử lý thông tin của các đơn vị vẫn còn thể hiện nhiều bất cập.

- Cơ cấu tổ chức, nhân sự chưa theo kịp với những biến động về cơ chế chính sách và tình hình mới. Việc định danh công việc, vị trí việc làm của các đơn vị và cá nhân trong đơn vị chưa được chuẩn hóa để làm cơ sở cho việc xác định đội ngũ nhân sự và giao việc phù hợp và hiệu quả. Đề án vị trí việc làm chưa được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt nên chưa thực hiện được công tác tuyển dụng cán bộ năm 2023.

- Đội ngũ giảng viên và cán bộ hành chính đông đảo nhưng còn hạn chế về tỷ lệ bậc cao, đa dạng ngành nghề và còn chưa linh hoạt trong học thuật dẫn tới sự kém chủ động trong xây dựng chương trình đào tạo mới và tham gia các hoạt động đào tạo.

- Cơ cấu học thuật, nghiên cứu khoa học và bộ máy chuyên môn ở một số Khoa chuyên còn chưa thực sự phù hợp và bắt kịp với nhu cầu và sự thay đổi của thực tế; việc nắm bắt và mở các chương trình/ngành đào tạo mới còn chậm và không theo kịp xu thế và yêu cầu thực tế.

- Hệ thống các văn bản nội bộ còn thiếu và chưa đồng bộ; chậm được cập nhật và chưa theo kịp được nhưng biến động nhanh của xã hội làm giảm hiệu quả công tác quản trị đại học của Nhà trường.

- Hệ thống quản lý, đào tạo chưa thực sự lấy người học làm trung tâm và coi người học là đối tượng phục vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế sản xuất và nhu cầu doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Nhà trường còn hạn chế. Công tác đảm bảo chất lượng là một yêu cầu quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo còn chưa thực sự được toàn thể cán bộ viên chức nhận thức đầy đủ, việc triển khai còn chậm và chưa hiệu quả.

- Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự là một hoạt động thường xuyên đối với đa số giảng viên như yêu cầu. Tỷ trọng nghiên cứu và sản phẩm khoa học trong cơ cấu học thuật của Trường còn thấp. Các Trung tâm nghiên cứu hoạt động tương đối độc lập và chưa chia sẻ và sử dụng hiệu quả các nhân lực đơn vị trong Nhà trường phù hợp với các nhiệm vụ KHCN triển khai ở các trung tâm và công ty.

- Số lượng sinh viên không ổn định trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các ngành truyền thống, dẫn tới tâm lý, hoạt động đào tạo và đời sống cán bộ đang bị thách thức lớn. Công tác chính trị tư tưởng cho cả thầy và trò hiện nay chưa đáp ứng được với những thay đổi của thực tiễn.

- Cơ sở vật chất, đặc biệt là cơ sở vật chất cho đào tạo chất lượng cao còn nghèo nàn, lạc hậu và tiếp tục xuống cấp nhanh, ảnh hưởng nghiêm trọng tới hoạt động và hình ảnh của Nhà trường. Việc khai thác tiềm năng của cơ sở vật chất đã được đầu tư (ký túc xá, các trung tâm, phòng thí nghiệm và cơ sở vật chất khác) chưa được như mong muốn. Việc xây dựng, mở rộng và đầu tư chiều sâu cho cơ sở vật chất và xây dựng trường gặp nhiều khó khăn.

- Việc triển khai hoạt động tự chủ, trong đó có việc thí điểm tự chủ cho một số đơn vị còn chậm, chưa theo kịp được yêu cầu của thực tiễn.

- Các đơn vị dịch vụ khoa học công nghệ, sản xuất thử nghiệm, thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

- Số lượng cán bộ khoa học có khả năng hội nhập quốc tế chưa nhiều, chưa đáp ứng

được đầy đủ yêu cầu đào tạo chất lượng cao.

2. Công tác chính trị tư tưởng

2.1. Những kết quả đạt được

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu luôn coi công tác chính trị, tư tưởng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Nhà trường, tăng cường tính chủ động nắm bắt, giải quyết kịp thời tâm tư, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất trong toàn Đảng bộ và Nhà trường.

Tiếp tục tuyên truyền Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và tiếp tục thực hiện Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Nhà trường đã triển khai nhiều phong trào thi đua trong năm học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác, giảng dạy, nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong trường; lồng ghép với các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đảng ủy Khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội phát động. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình hiện nay và nâng cao chất lượng đào tạo, đời sống cho cán bộ, giảng viên, Đảng ủy Trường đã tổ chức sinh hoạt chuyên đề hàng quý, xây dựng kế hoạch dự sinh hoạt định kỳ hàng tháng và sinh hoạt chuyên đề của một số chi bộ trong Đảng bộ.

Triển khai công tác nghiên cứu, giáo dục lý luận chính trị, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị và tăng cường tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên gắn với Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về *"Tăng cường xây dựng chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ*". Tổ chức: nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ Năm BCH TW Đảng khóa XIII về *"Tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*, về *"Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao"* và Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*. Phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH TW khóa XIII *"về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới"*, Quy định số 96-QĐ/TW ngày 02/02/2023 về việc lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị, Quy định về cờ Đảng Cộng sản Việt Nam và việc sử dụng cờ Đảng, Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII *"Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả"*, Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 13/02/2023 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự, hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2023; kết quả 15 năm thực hiện Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 của Quốc hội (khóa XII) về mở rộng địa giới hành chính Thủ đô (01/8/2008 - 01/8/2023) và Hội nghị giữa nhiệm kỳ Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Triển khai Hướng dẫn số 03-HD/TW ngày 27/12/2022 về thí điểm sinh hoạt trực tuyến ở đảng bộ cơ sở, chi bộ có tính chất đặc thù hoặc trong hoàn cảnh đặc biệt và sinh hoạt đảng theo tổ đảng ở chi bộ đông đảng viên; Hướng dẫn số 47-HD/ĐUK ngày 01/3/2023 về một số nội dung thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ chính trị, Kế hoạch số 36-KH/ĐUK, ngày 11/10/2021 của Đảng ủy Khối về *"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo*

đức, phong cách Hồ Chí Minh" và xây dựng chuyên đề năm 2023; Hướng dẫn số 48-HD/ĐUK ngày 02/3/2023 về Tuyên truyền Chương trình hành động của Thành ủy về thực hiện các Kết luận, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII).

Đảng ủy Trường đã chỉ đạo các tổ chức đảng tổ chức sinh hoạt chuyên đề tại các chi bộ**,** ưu tiên tập trung vào các nội dung liên quan đến việc triển khai thực hiện Luật số 34, Nghị định 99/2019/NĐ-CP đến từng đảng viên trong chi bộ bằng hình thức tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề hoặc lồng ghép trong các buổi sinh hoạt của chi bộ, phù hợp với tình hình thực tế và mang lại hiệu quả thiết thực. Đảng ủy cũng đã ban hành kế hoạch *"Thực hiện Đề án số 11-ĐA/TU, ngày 06/12/2021 của Ban Thường vụ Thành ủy nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ thuộc Đảng bộ thành phố Hà Nội trong tình hình mới"*, trên cơ sở đó, hầu hết các chi bộ đã linh hoạt, sáng tạo, đổi mới trong thực hiện sinh hoạt định kỳ và sinh hoạt chuyên đề, nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chi bộ. Qua các buổi học tập, sinh hoạt chuyên đề đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong cán bộ, đảng viên, viên chức và sinh viên Nhà trường.

2.2. Những tồn tại

Công tác tuyên truyền đôi khi chưa được kịp thời đến từng đảng viên, các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng, sinh hoạt chính trị các đảng viên chưa có sự trao đổi, thảo luận hiệu quả, công tác tuyên truyền ở một số tổ chức đảng còn mang tính hình thức, chưa thực sự đổi mới nên chất lượng công tác tuyên truyền chưa đạt hiệu quả như mong muốn, chưa thực sự sát sao nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên trong toàn Trường. Bên cạnh đó, vẫn còn có cán bộ, đảng viên ý thức tham gia đầy đủ các buổi học tập, quán triệt nghị quyết của đảng, sinh hoạt chính trị chưa cao; tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa thực sự yên tâm công tác do những nguyên nhân khách quan và chủ quan; vẫn còn một số cán bộ, viên chức và người lao động chưa thực sự nâng cao tinh thần trách nhiệm trong trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc trong tình hình mới.

2.3. Giải pháp

Nâng cao ý thức của cán bộ, sinh viên trong các buổi học tập chuyên đề, sinh hoạt chính trị, quán triệt các Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Kịp thời thực hiện và đổi mới công tác tuyên truyền, triển khai học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng bằng hình thức phù hợp, hiệu quả. Sát sao hơn nữa trong việc nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của cán bộ và sinh viên, tạo tâm lý ổn định, yên tâm công tác cho cán bộ trong trường.

3. Công tác đào tạo

3.1. Những kết quả đạt được

3.1.1. Công tác tuyển sinh năm học 2022 - 2023

Theo chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng nhu cầu của xã hội, Nhà Trường đã tổ chức nghiêm túc, đúng quy định công tác tuyển sinh các hệ: Đại học chính quy, Đại học bằng 2, Liên thông đại học, Vừa làm vừa học; Sau đại học. Kết quả tuyển sinh năm học 2022 - 2023 của toàn trường được thể hiện:

a) Đào tạo Đại học

Nhà trường đã tổ chức các đợt tuyển sinh đại học chính quy, văn bằng 2, liên thông, vừa làm vừa học trong năm học 2022 - 2023 với tổng số lượng đã tuyển mới được là 2.327 sinh viên. So với năm học 2021 - 2022 (4.301 sinh viên), số lượng tuyển sinh giảm khoảng 45%.

Đối với Văn bằng 1: Số lượng tuyển sinh đầu vào một số ngành chưa đủ chỉ tiêu đăng ký, một vài ngành vượt chỉ tiêu khá lớn, điểm trúng tuyển vào Trường nhìn chung còn thấp nhưng đã có sự thay đổi ở một số ngành. Đặc biệt một số ngành mới mở cũng đạt được kết quả tuyển sinh khả quan cho thấy được công tác mở ngành của Nhà trường đang đi đúng hướng. Kết quả này có nhiều nguyên nhân gồm: nhu cầu về ngành nghề, sự biến động của xã hội về cơ cấu nền kinh tế.

Đối với Văn bằng 2, liên thông: Do nhu cầu của thị trường giảm, công tác tổ chức tuyển sinh gặp nhiều khó khăn nhưng Nhà trường đã khắc phục những khó khăn để thực hiện việc tổ chức thi cho những thí sinh đã nộp hồ sơ.

Bảng 1. Kết quả tuyển sinh Hệ chính quy

Mã ngành	Tên Khoa/Ngành	Năm học 2021 - 2022				Năm học 2022 - 2023			
		VB1		VB 2	LT	VB1		VB 2	LT
		HB	TH PT			HB và khác	TH PT		
Khoa:	**Công nghệ Thông tin**	70	789	1	0	38	99	1	**0**
7460108	Khoa học Dữ liệu	17	90			27	29		
7480201	Công nghệ thông tin	49	609	1		11	70	1	
7480201-CLC	Công nghệ thông tin (Chất lượng cao)	4	90			0	0		
Khoa:	**Cơ - Điện**	**22**	**824**	**0**	**1**	**147**	**453**	**1**	**0**
7520103	Kỹ thuật cơ khí	6	74			65	1		
7520114	Kỹ thuật Cơ Điện tử	0	172			10	40		
7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	1	19			29	34		
7520201	Kỹ thuật điện	15	122		1	18	222	1	
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	0	181			4	61		
7520130	Kỹ thuật Ô tô	0	161			21	23		
7520218	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	0	24			0	35		
7510301	Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử	0	71			0	37		
Khoa:	**Khoa Dầu khí và Năng lượng**	**21**	**63**	**1**	**0**	**30**	**118**	**0**	**0**
7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	4	21	1		6	20		
7520301	Kỹ thuật hoá học – CTTT	0	5			2	10		
7520502	Kỹ thuật địa vật lý	1	0			2	3		
7520604	Kỹ thuật dầu khí	15	25			15	72		
7440229	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất	1	6			4	6		
7520605	Kỹ thuật khí thiên nhiên	0	3			1	6		
7520606	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên	0	3			0	1		
Khoa:	**Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**	**41**	**106**	**0**	**1**	**42**	**88**	**1**	**0**
7440201	Địa chất học	3	14			1	17		
7520501	Kỹ thuật địa chất	4	21		1	5	24	1	
7580211	Địa kỹ thuật xây dựng	5	27			2	26		
7810105	Du lịch địa chất	21	28			32	5		
7580212	Kỹ thuật Tài nguyên nước	2	7			1	6		
7520505	Đá quý Đá mỹ nghệ	6	9			1	10		
Khoa:	**Kinh tế - Quản trị kinh doanh**	**59**	**1180**	**3**	**20**	**25**	**233**	**0**	**0**
7340101	Quản trị kinh doanh	17	476	1		8	62		
7340201	Tài chính - ngân hàng	5	159			5	30		
7340301	Kế toán	16	322	2	20	5	36		
7510601	Quản lý công nghiệp	21	223			7	105		
Khoa:	**Mỏ**	**22**	**51**	**0**	**2**	**25**	**43**	**12**	**0**
7520601	Kỹ thuật mỏ	15	22		2	16	30	12	

Mã ngành	Tên Khoa/Ngành	Năm học 2021 - 2022				Năm học 2022 - 2023			
		VB1		VB 2	LT	VB1		VB 2	LT
		HB	TH PT			HB và khác	TH PT		
7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	3	7			5	1		
7850202	An toàn, Vệ sinh lao động	4	22			4	12		
Khoa:	**Môi trường**	**30**	**68**	**0**	**0**	**4**	**99**	**0**	**0**
7520320	Kỹ thuật môi trường	7	22			0	27		
7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	23	46			4	72		
Khoa:	**Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ**	**55**	**267**	**12**	**25**	**58**	**189**	**6**	**6**
7480206	Địa tin học	8	36			2	43		
7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	15	40	11	25	2	44	5	6
7850103	Quản lý đất đai	22	151	1		22	83	1	
7580109	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	10	40			32	19		
Khoa:	**Xây dựng**	**75**	**222**	**5**	**22**	**107**	**255**	**5**	**10**
7580201	Kỹ thuật xây dựng	53	84	5	22	72	80	5	10
7580204	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống tàu điện ngầm	1	11			1	7		
7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	6	34			2	64		
7580302	Quản lý xây dựng	15	93			32	104		
Khoa:	**Khoa học Cơ bản**	**3**	**14**	**0**	**0**	**3**	**40**	**0**	**0**
7720203	Hóa dược	3	14			3	40		

Đối với Hệ vừa làm vừa học: Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do sự thay đổi nhận thức của xã hội, của doanh nghiệp, sự lựa chọn của người học về đại học hay học nghề *(số lượng theo bảng 2 bao gồm cả một số đang học dự thính do nộp muộn hồ sơ so với đợt tuyển sinh nên chưa thể tổ chức thi tuyển được)*.

Bảng 2. Kết quả tuyển sinh Hệ vừa làm vừa học

Mã ngành	Tên Khoa/Ngành	Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023	
		VB1	VB2	VB1	VB2
Khoa:	**Công nghệ Thông tin**	**0**	**0**	**0**	**0**
7480201	Công nghệ thông tin	0	0	0	0
Khoa:	**Cơ - Điện**	**16**	**12**	**33**	**8**
7520103	Kỹ thuật cơ khí	0	0	10	4
7520201	Kỹ thuật điện	16	12	23	4
7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	0	0	0	0
Khoa:	**Dầu khí và Năng lương**	**0**	**0**	**0**	**0**
7520604	Kỹ thuật dầu khí	0	0	0	0
7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	0	0	0	0
7520502	Kỹ thuật địa vật lý	0	0	0	0
7520301	Kỹ thuật hoá học - chương trình tiên tiến	0	0	0	0
Khoa:	**Khoa học và Kỹ thuật Địa chất**	**1**	**9**	**0**	**1**
7520501	Kỹ thuật địa chất	1	9	0	1
7440201	Địa chất học	0	0	0	0
7580211	Địa kỹ thuật xây dựng	0	0	0	0
Khoa:	**Kinh tế - Quản trị kinh doanh**	**13**	**4**	**29**	**14**
7340101	Quản trị kinh doanh	11	0	20	13

Mã ngành	Tên Khoa/Ngành	Năm học 2021 - 2022		Năm học 2022 - 2023	
		VB1	VB2	VB1	VB2
7340201	Tài chính - ngân hàng	0	0	0	0
7340301	Kế toán	2	4	9	1
Khoa:	**Mỏ**	**23**	**31**	**36**	**35**
7520601	Kỹ thuật mỏ	7	1	29	32
7520607	Kỹ thuật tuyển khoáng	16	30	7	3
Khoa:	**Môi trường**	**0**	**0**	**0**	**0**
7520320	Kỹ thuật môi trường	0	0	0	0
Khoa:	**Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai**	**0**	**0**	**5**	**4**
7480206	Địa tin học	0	0	0	0
7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	0	0	5	4
7850103	Quản lý đất đai	0	0	0	0
Khoa:	**Xây dựng**	**1**	**3**	**9**	**15**
7580201	Kỹ thuật xây dựng	1	3	9	15
	Tổng	108	118	112	77

b) Đào tạo Sau đại học

Nhà trường đã tổ chức 2 đợt tuyển sinh sau đại học trong năm học 2022 - 2023 (đợt 2 năm 2022 và đợt 1 năm 2023) với tổng số lượng đã tuyển mới được là 430 học viên cao học và 30 nghiên cứu sinh. So với năm học 2021 - 2022, số lượng tuyển sinh cao học giảm 120 học viên cao học và NCS tăng 08 người.

Bảng 3. Kết quả tuyển sinh cao học năm học 2022 - 2023

TT	Ngành đào tạo	Tuyển mới	
		2021 - 2022	2022 - 2023
Tổng số		**550**	**430**
Khoa CNTT		***10***	***14***
1	Địa tin học	10	14
Khoa Cơ điện		***18***	***25***
2	Kỹ thuật cơ khí động lực		
3	Kỹ thuật điện	18	14
4	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		11
5	Kỹ thuật cơ khí		
Khoa Dầu khí		***30***	***24***
6	Kỹ thuật dầu khí	14	11
7	Kỹ thuật địa vật lý	10	4
8	Kỹ thuật hóa học	6	9
Khoa KH và KT địa chất		***39***	***16***
9	Kỹ thuật địa chất	33	16
10	Địa chất học	6	
11	Khoáng vật học và địa hóa học		
Khoa Kinh tế - QTKD		***114***	***116***
12	Quản lý kinh tế	114	116
Khoa Mỏ		***82***	***7***
13	Khai thác mỏ	78	7
14	Kỹ thuật tuyển khoáng	4	
Khoa Môi trường		***20***	***27***
15	Kỹ thuật môi trường	20	27
Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ		***194***	***134***
16	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	88	61

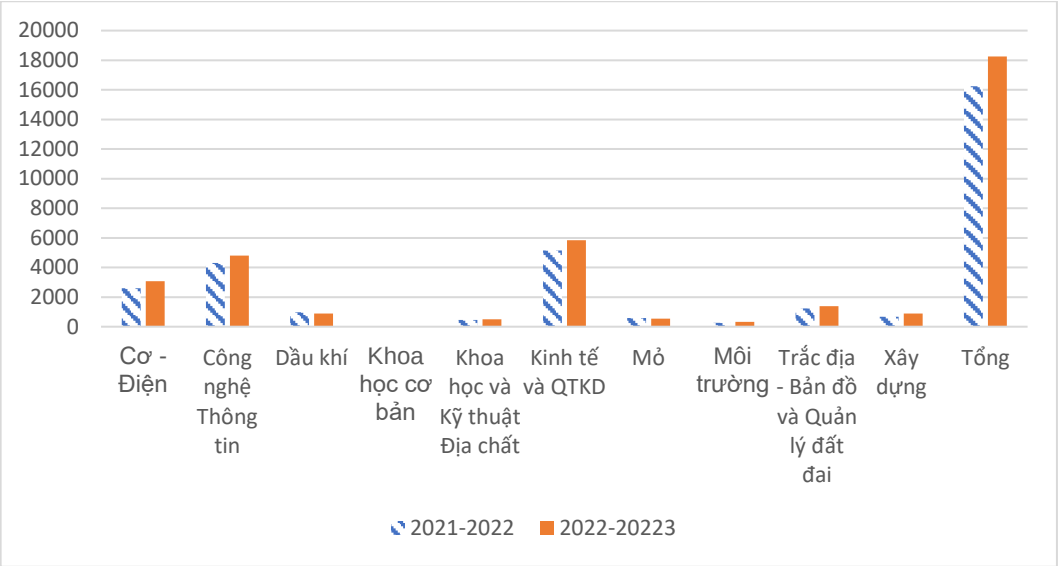
TT	Ngành đào tạo	Tuyển mới	
		2021 - 2022	2022 - 2023
17	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý	42	18
18	Quản lý đất đai	64	55
Khoa Xây dựng		***43***	***67***
19	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	16	34
20	Kỹ thuật xây dựng	27	33

Bảng 4. Kết quả tuyển sinh NCS năm học 2022 - 2023

TT	Ngành đào tạo	Tuyển mới	
		2021 - 2022	2022 - 2023
Tổng số		**22**	**30**
Khoa KH và KT địa chất			***2***
1	Kỹ thuật địa chất		
2	Địa chất học		1
3	Khoáng vật học và địa hóa học		1
Khoa Dầu khí và Năng lượng		***5***	***4***
4	Kỹ thuật dầu khí	3	1
5	Kỹ thuật địa vật lý	1	3
6	Kỹ thuật hóa học	1	
Khoa Trắc địa - bản đồ &QLĐĐ		***5***	***8***
7	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	5	*6*
8	Bản đồ viễn thám & Hệ thông tin địa lý		2
Khoa Mỏ		***3***	***1***
9	Khai thác mỏ	3	1
10	Kỹ thuật tuyển khoáng		
Khoa Cơ - Điện		***2***	***4***
11	Kỹ thuật điện	1	2
12	Kỹ thuật cơ khí động lực		
13	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	1	***2***
Khoa Xây dựng		***2***	***2***
14	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	2	*2*
15	***Khoa Kinh tế - QTKD***	***5***	**4**
16	***Kỹ thuật môi trường***		***5***

3.1.2. Quy mô đào tạo

Tổng số người học (sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh) trong toàn trường năm 2022 - 2023 là **18.262** người (năm trước là **16.232**).



Hình 1. Quy mô đào tạo toàn trường

a) Đào tạo Đại học

Tổng số sinh viên Đại học, Cao đẳng, Liên thông hệ chính quy là **17.227** tăng 15% so với năm học 2021 - 2022 (**14.969** sinh viên), trong đó Đại học: **16.821**; **Cao đẳng: 66** và Liên thông: **340.**

Bảng 5. Số lượng sinh viên Chính quy

TT	Khoa	2021 - 2022			2022 - 2023		
		Đại học	Cao đẳng	Liên thông	Đại học	Cao đẳng	Liên thông
1	Công nghệ Thông tin	4259	13	5	4767	8	2
2	Cơ - Điện	2474	17	48	3000	10	13
3	Dầu khí và Năng lượng	893	0	13	806	0	14
4	Khoa học cơ bản	0	0	0	17	0	0
5	KH và KT Địa chất	320	4	26	418	4	6
6	Kinh tế - QTKD	4625	8	162	5458	3	138
7	Mỏ	432	21	28	449	18	17
8	Môi trường	224	0	1	266	0	0
9	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	722	18	50	928	16	87
10	Xây dựng	550	10	46	712	7	63
	Tổng	**14.499**	**91**	**379**	**16.821**	**66**	**340**

Tổng số sinh viên Hệ vừa làm vừa học tại các điểm đào tạo trong năm học 2022-2023 là **1.506** sinh viên (năm ngoái là **973**), tăng 54.7% so với năm học trước. Một số chuyên ngành có số lượng sinh viên ít gây khó khăn cho công tác xây dựng kế hoạch đào tạo.

Bảng 6. Số lượng sinh viên Hệ vừa làm vừa học

TT	Khoa	2022-2023	
		Bằng 1	Bằng 2
1	Cơ - Điện	270	52
2	Dầu khí và Năng lượng	6	3
3	Khoa học và Kỹ thuật địa chất	23	10
4	Kinh tế - QTKD	256	80
5	Mỏ	429	219

TT	Khoa	2022-2023	
		Bằng 1	Bằng 2
6	Môi trường	1	
7	Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	43	19
8	Xây dựng	34	61
Tổng		**1.062**	**444**

b) Đào tạo Sau đại học

Quy mô đào tạo sau đại học hiện tại của Nhà trường là là 1.084, trong đó có 980 học viên cao học của 17/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và 105 nghiên cứu sinh của 16/16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ. So với năm học 2021 - 2022, quy mô đào tạo sau đại học nói chung tương đối ổn định (Năm học 2021 - 2022, quy mô đào tạo sau đại học là 1.263, trong đó số lượng học viên cao học là 1.163 và nghiên cứu sinh là 100). Số lượng NCS tăng 5 người so với năm trước. Một số ngành kỹ thuật số lượng học viên cao học tương đối ít hoặc không tuyển sinh được như các ngành Khoáng vật học và địa hóa học, Kỹ thuật cơ khí động lực, Kỹ thuật cơ khí. Một số ngành kỹ thuật truyền thống của Nhà trường có số lượng học viên cao học ổn định như ngành Kỹ thuật trắc địa - bản đồ, Kỹ thuật xây dựng, Khai thác mỏ, Quản lý kinh tế,...

Bảng 7. Số lượng học viên Cao học

TT	Khoa	2021 - 2022	2022 - 2023
1	Công nghệ thông tin	23	24
2	Cơ - Điện	57	43
3	Dầu khí và Năng lượng	55	54
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	75	55
5	Kinh tế - Quản trị Kinh doanh	345	230
6	Mỏ	92	89
7	Môi trường	35	47
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	422	317
9	Xây dựng	59	110
	Tổng	**1.163**	**980**

Bảng 8. Số lượng Nghiên cứu sinh

TT	Khoa	2021 - 2022	2022 - 2023	Ghi chú
1	Công nghệ thông tin	-	-	Chưa có ngành đào tạo
2	Cơ - Điện	10	9	
3	Dầu khí và Năng lượng	10	13	
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	24	23	
5	Kinh tế và Quản trị Kinh doanh	13	12	
6	Mỏ	16	11	
7	Môi trường		5	
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	24	28	
9	Xây dựng	3	4	
	Tổng	**100**	**105**	

3.1.3. Kết quả học tập, tốt nghiệp

a) Đào tạo Đại học

Kết quả học tập của sinh viên trình bày trong các bảng 9, 10 và 11. Số lượng sinh viên được in bằng tốt nghiệp là **1.622**, có **634** sinh viên chưa đủ điều kiện để tốt nghiệp do chưa đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Tin học và chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

Bảng 9. Số lượng sinh viên tốt nghiệp

TT	Khoa	Đã in bằng tốt nghiệp					Đã bảo vệ TN nhưng thiếu CĐR
		Tổng	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	
1	Công nghệ Thông tin	**467**	2	20	351	94	**119**
2	Cơ - Điện	**293**	2	7	186	98	**93**
3	Dầu khí và Năng lượng	**67**	0	1	43	23	**60**
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	**18**	0	1	8	9	**34**
5	Kinh tế - Quản trị Kinh doanh	**466**	5	57	357	47	**140**
6	Mỏ	**149**	1	22	107	19	**44**
7	Môi trường	**28**	0	5	21	2	**20**
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	**86**	5	29	42	10	**77**
9	Xây dựng	**48**	2	6	28	12	**47**
	Tổng	**1.622**	**17**	**148**	**1.143**	**314**	**634**

Bảng 10. Kết quả học tập hệ Đại học

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	67	246	1289	1180	1372	**4154**
2	Cơ - Điện	16	94	322	472	1672	**2576**
3	Dầu khí và Năng lượng	18	25	73	61	201	**378**
4	Kinh tế - QTKD	97	387	1590	1341	1664	**5079**
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	2	16	42	48	255	**363**
6	Mỏ	37	107	114	49	542	**849**
7	Môi trường	13	13	46	42	92	**206**
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	37	39	111	139	482	**808**
9	Xây dựng	12	33	72	73	454	**644**
10	Khoa học cơ bản	0	0	5	3	9	**17**
	Tổng	**299**	**960**	**3.664**	**3.408**	**6.743**	**15.074**

Bảng 11. Kết quả học tập hệ Liên thông

TT	Khoa	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu, Kém	Tổng số
1	Công nghệ thông tin	1	0	0	0	1	**2**
2	Cơ - Điện	0	4	8	3	37	**52**
3	Dầu khí và Năng lượng	0	0	0	0	9	**9**
4	Kinh tế - QTKD	1	1	7	2	57	**68**
5	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	0	0	0	0	2	**2**
6	Mỏ	0	2	7	0	21	**30**
7	Môi trường	0	0	0	0	0	**0**
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	19	1	1	0	50	**71**
9	Xây dựng	0	0	1	0	62	**63**
10	Khoa học cơ bản	0	0	0	0	0	**0**
	Tổng	**21**	**8**	**24**	**5**	**239**	**297**

b) Đào tạo Sau đại học

Với quy mô đào tạo gần 1000 học viên cao học của 17/20 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và trên 100 nghiên cứu sinh của 16 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hiện có của Nhà trường, phòng Đào tạo sau đại học đã tích cực, chủ động xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa cho học viên cao học và nghiên cứu sinh một cách hợp lý. Chương trình đào tạo sau đại học được thiết kế theo xu hướng mở, có thể thay đổi thường xuyên để đáp ứng nhu cầu của người học, phù hợp với sự phát triển của các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, cũng như nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cao của xã hội. Nội dung chương trình đào tạo được bổ sung, chỉnh sửa theo theo chu kỳ rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp với công tác đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của Nhà trường.

Công tác giao đề tài và theo dõi học viên, NCS thực hiện luận văn, luận án, giải quyết các thủ tục bảo vệ cho học viên và nghiên cứu sinh được cải tiến và thực hiện nhanh chóng, thuận tiện và giảm các thủ tục hành chính. Trong năm học vừa qua đã tổ chức bảo vệ cho 551 HVCH và trao bằng cho 551 thạc sỹ; tổ chức Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường 17 NCS và trao bằng cho 12 tiến sĩ đảm bảo nghiêm túc, đúng Quy chế. Lễ trao bằng được tổ chức trang trọng tạo sự phấn khởi cho các NCS và học viên. Số HVCH có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá giỏi chiếm tỷ lệ cao (chiếm gần 90% tổng số HVCH tốt nghiệp).

Trong năm học vừa qua, Nhà trường đã phải làm các thủ tục xử lý cho thôi học đối với 40 HVCH và 07 NCS, đồng thời làm các thủ tục kéo dài cho nhiều HVCH và NCS. Nguyên nhân do nhiều HVCH và NCS còn chưa dành đủ thời gian trong học tập, nghiên cứu và một số chưa đáp ứng được chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ theo quy định trước khi bảo vệ.

Khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2022 - 2023 là 26.589 giờ chuẩn, tăng hơn một chút so với năm học trước do số lớp cao học tăng lên (năm học 2021 - 2022 là 26.159 giờ). Số lượng HVCH và NCS tốt nghiệp của từng ngành trong 2 năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023 được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 12. Số lượng HVCH đã tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

TT	Ngành đào tạo	2021 - 2022	2022 - 2023
Tổng số		**455**	**551**
Khoa KH & KT Địa chất		***28***	***31***
1	Kỹ thuật địa chất	27	26
2	Địa chất học	-	4
3	Khoáng vật học và địa hóa học	1	1

TT	Ngành đào tạo	2021 - 2022	2022 - 2023
Khoa Dầu khí và Năng lượng		***14***	***11***
4	Kỹ thuật dầu khí	9	3
5	Kỹ thuật địa vật lý	3	4
6	Kỹ thuật hóa học	2	4
Khoa Cơ - Điện		***18***	***27***
7	Kỹ thuật cơ khí động lực	-	-
8	Kỹ thuật điện	15	19
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	-	8
10	Kỹ thuật cơ khí	3	-
Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ		***117***	***203***
11	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	93	94
12	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý	15	30
13	Quản lý đất đai	9	79
Khoa Mỏ		***49***	***19***
14	Khai thác mỏ	45	15
15	Kỹ thuật tuyển khoáng	4	4
Khoa Môi trường		***32***	***16***
16	Kỹ thuật môi trường	32	16
Khoa Công nghệ thông tin		***4***	***9***
17	Địa tin học	4	9
Khoa Xây dựng		***21***	***19***
18	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	21	13
19	Kỹ thuật xây dựng	-	6
Khoa Kinh tế - QTKD		***172***	***216***
20	Quản lý kinh tế	172	216

Bảng 13. Số lượng NCS đã tốt nghiệp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

TT	Ngành đào tạo	2021 - 2022	2022 - 2023
Tổng số		**14**	**17**
Khoa Cơ - Điện		***2***	***4***
1	Kỹ thuật điện	1	2
2	Kỹ thuật cơ khí động lực	1	
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		2
Khoa Dầu khí và Năng lượng		***2***	***1***
4	Kỹ thuật dầu khí	1	1
5	Kỹ thuật địa vật lý	1	
6	Kỹ thuật hóa học		
Khoa KH và KT Địa chất		***3***	***2***
7	Kỹ thuật địa chất	3	1
8	Địa chất học		1
9	Khoáng vật học và địa hóa học		
Khoa Kinh tế - QTKD			***3***
10	Quản lý kinh tế		3
Khoa Mỏ		***2***	***2***
11	Khai thác mỏ	2	1
12	Kỹ thuật tuyển khoáng		1
Khoa Trắc địa - Bản đồ &QLĐĐ		***4***	***5***
13	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		5

TT	Ngành đào tạo	2021 - 2022	2022 - 2023
Khoa Xây dựng		1	
14	Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm	1	

3.1.4. Kết quả xử lý học tập năm học 2022 - 2023

Trong năm học 2022 - 2023 Nhà trường đã xử lý học tập, ra quyết định buộc thôi học **1.437** sinh viên.

Bảng 14. Số lượng sinh viên bị buộc thôi học

TT	Khoa	Học đúng tiến độ 2021-2022	Buộc thôi học 2021-2022	Học đúng tiến độ 2022-2023	Buộc thôi học 2022-2023
1	Công nghệ thông tin	4035	302	4437	340
2	Cơ - Điện	2451	120	3089	256
3	Dầu khí và Năng lượng	669	76	731	98
4	Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	326	33	378	83
5	Kinh tế - Quản trị Kinh doanh	4584	304	5588	347
6	Mỏ	443	68	1074	58
7	Môi trường	220	10	247	20
8	Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	718	94	961	132
9	Xây dựng	555	84	774	103
10	Khoa học cơ bản	0	0	17	0
	Tổng	**14.001**	**1.091**	**17.296**	**1.437**

3.1.5. Công tác tổ chức, quản lý đào tạo, mở ngành mới

a) Đào tạo Đại học

Công tác quản lý đào tạo gặp nhiều khó khăn, do số lượng sinh viên vào trường trong 02 năm liên tiếp tăng vọt, điều đó gây khó khăn trong công tác quản lý sinh viên, sắp xếp thời khóa biểu…. Tuy nhiên, Nhà trường ngày càng chú trọng hơn trong việc xây dựng kế hoạch đào tạo, lập thời khóa biểu, bố trí và điều hành quá trình giảng dạy và học tập theo hướng có lợi nhất cho người học.

Hệ thống các quy định liên quan đến công tác mở ngành được tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung. Nhà trường đẩy mạnh công tác xây dựng các đề án mở ngành mới, thực hiện đa dạng hoá ngành nghề đào tạo; xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đáp ứng nhu cầu cấp thiết về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập.

Chương trình đào tạo tiếp tục được rà soát và điều chỉnh các nội dung đề cương chi tiết chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đoàn đánh giá.

b) Đào tạo Sau đại học

Việc tổ chức giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh được thực hiện nghiêm túc theo kế hoạch, việc đánh giá kết quả học tập theo đúng quy chế, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Mặc dù quy mô đào tạo giảm nhưng khối lượng giảng dạy sau đại học thực hiện được trong năm học 2022 - 2023 tăng hơn so với năm học trước do số lớp/số nhóm học tập tăng lên.

Trong năm học vừa qua Nhà trường đã tổ chức được 5 lớp đào tạo bồi dưỡng chuyên đề ngắn hạn sau đại học với số lượng là 61 học viên. Số lượng các lớp đào tạo chuyên đề ngắn hạn chưa nhiều do chưa đẩy mạnh công tác truyền thông nắm bắt nhu cầu đào tạo của các đơn vị và các doanh nghiệp, chưa có chế độ đãi ngộ hợp lý cho cá nhân hoặc đơn vị liên kết tổ chức đào tạo các chuyên đề ngắn hạn.

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo

mới 02 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ là ngành Kỹ thuật môi trường và ngành Bản đồ, viễn thám và hệ thông tin địa lý, nâng tổng số ngành đào tạo của Trường là 16 ngành trình độ tiến sĩ và 20 ngành trình độ thạc sĩ. Hiện nay, Nhà trường đã hoàn thành việc xây dựng Đề án và đang trình Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mới ngành Kỹ thuật xây dựng trình độ tiến sĩ.

Bảng 15. Danh sách ngành, chuyên ngành đào tạo đang mở mới

TT	Tên ngành, chuyên ngành	Trình độ đào tạo	Trạng Thái
1	Ngành Kỹ thuật xây dựng	Tiến sĩ	Hồ sơ đang trình Bộ GD&ĐT

3.1.6. Công tác giáo trình, bài giảng

Trong năm học 2022 - 2023, tổng số giáo trình, sách đào tạo đại học xuất bản trong và ngoài trường là 34; giáo trình sau đại học là 03.

Bảng 16. Giáo trình/ sách đào tạo đại học xuất bản trong và ngoài trường

Khoa	Trong trường	Ngoài trường
Công nghệ thông tin	0	5
Cơ - Điện	0	2
Dầu khí và Năng lượng	2	1
Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	2	0
Kinh tế - Quản trị kinh doanh	5	2
Mỏ	2	0
Môi trường	0	3
Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	2	4
Xây dựng	0	6
Khoa học cơ bản	0	6
Lý luận chính trị	1	1

Việc chỉnh sửa, bổ sung, cập nhật các thông tin, dữ liệu mới vào trong các bài giảng, cũng như biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo cấp Nhà xuất bản còn rất hạn chế. Trong năm học 2022 - 2023 chỉ có 03 giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản được xuất bản.

Bảng 17. Giáo trình giảng dạy sau đại học cấp Nhà xuất bản được xuất bản

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Ngành đào tạo
1	Những phương pháp khai thác lộ thiên đặc biệt	GS.TS Bùi Xuân Nam, (chủ biên), TS Đỗ Ngọc Hoàn, PGS.TS Trần Quang Hiếu, TS Lê Qúi Thảo	Khai thác mỏ
2	Các mô hình tối ưu hóa biên giới mỏ lộ thiên	GS.TS Bùi Xuân Nam, (chủ biên), PGS.TS Nguyễn Anh Tuấn, TS Mai Ngọc Luân, TS Trần Đình Bão, TS Nguyễn Hoàng	Khai thác mỏ
3	Xử lý dữ liệu đám mây điểm phục vụ thành lập mô hình 3D	PGS.TS Bùi Ngọc Quý (Chủ biên), TS Nguyễn Quốc Long (Đồng chủ biên), TS Lê Đình Hiển, TS Đỗ Thị Phương Thảo	Bản đồ viễn thám và hệ thông tin địa lý

3.2. Những tồn tại

a. Đào tạo đại học

- Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả, bền vững trong công tác tư vấn tuyển sinh đại học và sau đại học (đặc biệt là một số ngành truyền thống).

- Sự phối hợp giữa các phòng ban chức năng trong công tác quản lý đào tạo, quản lý người học, các khoa và bộ môn quản lý chuyên môn chưa tốt.

- Chưa quyết liệt trong việc triển khai hình thức đào tạo E-learning trong Nhà trường.

- Việc ứng dụng CNTT trong công tác quản lý đào tạo, khảo thí, kiểm định CTĐT còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành nghề đào tạo của Nhà trường có xu hướng giảm, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo, các cơ sở đào tạo có cùng ngành đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh vì vậy nguồn tuyển hạn chế.

b. Đào tạo Sau đại học

- Nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành nghề đào tạo của Nhà trường có xu hướng giảm, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo vì vậy nguồn tuyển hạn chế; các cơ sở đào tạo có cùng ngành đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh. Bên cạnh đó, do việc thay đổi Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, yêu cầu tiêu chí chuẩn đầu vào và đầu ra về ngoại ngữ đối với học viên cao học tăng lên nên số lượng dự tuyển giảm đi rõ rệt so với những năm trước.

- Đại bộ phận giảng viên đã tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên và NCS theo đúng quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực hiện tốt quy định về nộp đề thi, chấm thi và đánh giá điểm học tập của học viên, gây không ít khó khăn cho việc quản lý kết quả học tập và bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Vẫn còn tình trạng một số giảng viên dạy không đúng lịch học tập được phân công, dạy dồn giờ và thậm chí rút bớt số giờ dạy theo quy định.

- Tình trạng nghiên cứu sinh, học viên cao học học tập và nghiên cứu không đúng tiến độ, chậm tốt nghiệp chiếm tỷ lệ còn cao, đặc biệt là đối với NCS.

- Công tác mở mới các ngành đào tạo trình độ sau đại học của Nhà trường nhằm đáp ứng với nhu cầu xã hội và đa dạng hóa ngành nghề đào tạo của Nhà trường còn hạn chế do thiếu đội ngũ cán bộ cơ hữu chưa được bổ sung kịp thời để phù hợp với các ngành dự định mở mới;

- Sự gắn kết giữa công tác đào tạo sau đại học nói chung, đào tạo nghiên cứu sinh nói riêng với công tác nghiên cứu khoa học đã được tăng cường nhưng chưa đồng đều giữa các ngành đào tạo của Nhà trường;

- Việc triển khai xây dựng phần mềm để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo sau đại học còn chậm nên chưa có sự đồng bộ với hệ thống quản lý đào tạo chung của Nhà trường.

3.3. Giải pháp

a) Đào tạo đại học

- Tiếp tục triển khai các giải pháp quảng bá, tư vấn tuyển sinh phù hợp, hiệu quả với mục tiêu tuyển được ít nhất 2000 sinh viên đại học chính quy.

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung bài giảng điện tử, tăng cường triển khai công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh với mục tiêu tuyển được ít nhất 50 sinh viên đại học từ xa.

- Tăng cường tập huấn sử dụng edusoft tại các khoa, Phối hợp xây dựng các modul trên nền tảng di động phục vụ sinh viên và giảng viên.

- Xây dựng mới các CTĐT theo hướng liên ngành phù hợp với yêu cầu phát triển ngày càng nhanh của xã hội.

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định

của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.

- Phân cấp quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy động lực và tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị.

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá giảng viên thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên bậc cao.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo.

Về chương trình đào tạo

- Thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo để phù hợp với quy định về chuẩn nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, với nhu cầu xã hội và với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

Về ứng dụng công nghệ thông tin

Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng lộ trình phát triển hệ thống đào tạo từ xa và bài giảng đa phương tiện; đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo.

Về hội nhập khu vực và quốc tế

Mở rộng và tăng cường hợp tác với các đối tác trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các chuyên gia nước ngoài, Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường, đặc biệt giảng dạy cho các chương trình đào tạo. Từng bước tạo lập môi trường đào tạo quốc tế.……

b) Đào tạo Sau đại học

Về công tác quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống văn bản quản lý. Cụ thể hóa những quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường thành những giải pháp quản lý đào tạo hợp lý, thích hợp với từng đối tượng và bổ sung chỉnh sửa những quy định không còn phù hợp.

- Phân cấp quản lý nhằm nâng cao trách nhiệm, phát huy động lực và tính chủ động, sáng tạo của người đứng đầu các đơn vị.

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức quản lý; xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá giảng viên thường xuyên; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng giảng viên bậc cao.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp để quảng bá, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ, xây dựng lộ trình mở mới các ngành đào tạo.

Về chương trình đào tạo

- Thường xuyên tiến hành rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ và thạc sĩ để phù hợp với quy định về chuẩn nội dung chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đổi mới nội dung chương trình đào tạo và mở mới các ngành đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, gắn liền đào tạo sau đại học với nghiên cứu khoa học, với nhu cầu xã hội và với các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác biên soạn sách, giáo trình, đặc biệt là giáo trình cấp Nhà xuất bản và sách chuyên khảo để đáp ứng yêu cầu và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học.

Về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo

- Chuẩn hóa các điều kiện đảm bảo chất lượng và quản lý quá trình tổ chức đào tạo, chú trọng quản lý chất lượng đầu ra.

- Thực hiện đánh giá toàn diện năng lực của người học.

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống kiểm định, đánh giá chất lượng đào tạo sau đại học cho các ngành trong Trường và công khai kết quả đánh giá.

Về ứng dụng công nghệ thông tin

Hoàn thiện và nâng cấp các phần mềm quản lý, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hệ thống quản lý, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường. Xây dựng lộ trình phát triển hệ thống đào tạo từ xa và bài giảng đa phương tiện; đẩy mạnh số hóa giáo trình, tài liệu tham khảo.

Về hội nhập khu vực và quốc tế

Mở rộng và tăng cường hợp tác với các đối tác trong khu vực và quốc tế. Xây dựng cơ chế thu hút các chuyên gia nước ngoài, Việt kiều tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường, đặc biệt giảng dạy cho các chương trình đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu sinh và tham gia hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ. Từng bước tạo lập môi trường đào tạo quốc tế.

Về xã hội hóa và nâng cao hiệu quả đầu tư trong đào tạo

Xây dựng cơ chế và khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động mở các lớp đào tạo sau đại học và tham gia hỗ trợ hoạt động đào tạo sau đại học.

4. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

4.1. Những kết quả đạt được

4.1.1. Công tác khảo thí

Trong năm học 2022 - 2023, công tác khảo thí hệ đại học được triển khai theo kế hoạch đối với các học phần giảng dạy ở Hà Nội và đối với tất cả các học phần giảng dạy tại các địa điểm liên kết xa trường. Đối với hệ sau đại học, phần lớn các lớp cao học khóa 45 HK1, HK2 và các lớp khóa 46 HK1 đã được tổ chức thi tập trung, trực tiếp.

Đối với bậc đại học, hệ chính quy, Nhà trường đã triển khai công tác khảo thí đối với tất cả các học phần có tổ chức giảng dạy trong học kỳ ngoại trừ các học phần thực hành, thực tập, đồ án, thí nghiệm. Để triển khai tốt công tác khảo thí, Nhà trường đã kịp thời điều chỉnh các văn bản, ban hành Quy định công tác khảo thí trường Đại học Mỏ-Địa chất theo Quyết định 1298/QĐ-MĐC ngày 20/12/2021. Trong quá trình tổ chức thi, một số học phần đã được điều chỉnh hình thức thi theo đề nghị của các bộ môn chủ quản học phần để phù hợp hơn với yêu cầu của môn học.

Bảng 18. Tổng hợp hình thức thi, bài thi theo lịch thi các đợt trong năm học 2022 - 2023

Học kỳ	Hình thức thi	Số phòng thi		Số thí sinh	
		2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023
Học kỳ 1A	Thực hành trên máy	-	24	-	1007
	Trắc nghiệm	-	67	-	3253
	Trắc nghiệm + Tự luận	-	107	-	5581
	Tự luận	-	87	-	2815
	Vấn đáp	-	7	-	261
	Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online	24	-	817	-
	Thực hành online	6	-	240	-
	Làm tiểu luận	88	-	4416	-
	Tiểu luận và vấn đáp online	4	-	106	-
	Vấn đáp online	27	-	905	-

Học kỳ	Hình thức thi	Số phòng thi		Số thí sinh	
		2021-2022	2022-2023	2021-2022	2022-2023
	Trắc nghiệm online	100	-	2894	-
	Tự luận online	23	-	636	-
Học kỳ 1B	Thực hành trên máy	-	25	-	1305
	Trắc nghiệm	-	376	-	25068
	Trắc nghiệm + Tự luận	-	110	-	8820
	Tự luận	-	379	-	21662
	Vấn đáp	-	74	-	3599
	Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online	80	-	4118	-
	Thực hành online	13	-	584	-
	Làm tiểu luận	279	-	16593	-
	Tiểu luận và bảo vệ online	11	-	252	-
	Vấn đáp online	71	-	1981	-
	Trắc nghiệm online	581	-	18986	-
	Tự luận online	333	-	11177	-
Học kỳ 2A	Thực hành	-	2	-	58
	Thực hành trên máy	-	1	-	9
	Trắc nghiệm	-	48	-	3179
	Trắc nghiệm + Tự luận	-	18	-	1309
	Tự luận	-	100	-	4404
	Vấn đáp	-	12	-	397
	Bài tập lớn theo nhóm và bảo vệ online	7	-	388	-
	Làm tiểu luận	36	-	2101	-
	Tiểu luận và bảo vệ online	2	-	25	-
	Vấn đáp online	11	-	400	-
	Trắc nghiệm online	65	-	1918	-
	Tự luận online	11	-	264	-
Học kỳ 2B	Thực hành	-	20	-	925
	Thực hành trên máy	9	2	314	93
	Trắc nghiệm	486	249	27160	16853
	Trắc nghiệm + Tự luận	231	121	15620	9756
	Tự luận	134	446	7928	21163
	Vấn đáp	50	126	2277	7653
Học kỳ phụ	Thực hành	-	1	-	66
	Thực hành trên máy	1	-	37	-
	Trắc nghiệm	15	23	634	1051
	Trắc nghiệm + Tự luận	9	12	387	740
	Tự luận	24	26	573	996
	Vấn đáp	1	5	32	248
Tổng		2.732	**2.468**	123.763	**142.271**

Năm học 2022 - 2023, tổng số bài thi thuộc diện khảo thí (142.271 số lượt sinh viên dự thi) lớn hơn năm học trước (123.763 số lượt sinh viên dự thi) tăng 15%; trong đó HK 2B và HK phụ tăng 8,3% số lượt sinh viên dự thi so với cùng kỳ năm trước (59.544 lượt/54.962 lượt;). Công tác tổ chức thi, việc sắp xếp lịch thi, phòng thi đã có nhiều cải tiến, khắc phục được vấn đề sinh viên phải thi nhiều môn trong một ngày; khắc phục việc sinh viên phải thi dồn dập, liên tục các ngày sát nhau trong một kỳ thi.

Công tác chấm thi tập trung, trực tiếp cũng được thực hiện nhanh chóng đúng quy định: khẩn trương dán phách bài thi ngay sau khi buổi thi kết thúc và tổ chức chấm thi tập trung. Hầu như toàn bộ các giảng viên tham gia công tác khảo thí đã nghiêm túc thực hiện các công tác coi thi, hoàn thành công tác chấm thi trong vòng 2 tuần sau khi kỳ thi kết thúc theo quy định. Công

tác lên điểm thi đã được thực hiện chủ động qua hệ thống quản lý đào tạo Edusoft với thời gian từ 1 đến 2 ngày sau khi chấm thi; thường xuyên tiến hành rà soát công tác chấm thi, do đó hạn chế được hiện tượng tồn đọng bài thi, điểm thi và kịp thời giải quyết các thắc mắc của sinh viên.

Công tác phúc khảo các bài thi đã được thực hiện đúng quy định. Thời gian nhận đơn và chấm bài phúc khảo được thực hiện từng đợt ngay sau khi điểm thi của các học phần được cập nhật trên hệ thống chung của toàn Trường. Số bài đăng ký phúc khảo chiếm tỷ lệ từ 0,03 - 0,38% ; cả năm học là 405 bài chiếm tỷ lệ trung bình 0,28%, thấp hơn so với các kỳ thi kết thúc học phần trước đây. Sự thay đổi điểm nhỏ, chủ yếu là sai sót cơ học do giảng viên chấm bài cộng sót điểm; không có trường hợp nào sai lệch điểm phúc khảo lớn dẫn tới vi phạm quy định nội bộ và áp dụng trừ điểm KPIs theo quy định. Số liệu phúc khảo bài thi trong năm học vừa qua như sau:

Bảng 19. Tổng hợp số liệu bài phúc khảo trong các đợt thi kết thúc học kỳ năm học 2022-2023

Học kỳ	Số bài thi	Đăng ký phúc khảo		Tăng điểm trong số bài phúc khảo	
		Số bài	Tỷ lệ	Số bài	Tỷ lệ
1A	12917	7	0,05%	1	14,3%
1B	60454	171	0,28%	15	8,8%
2A	9356	13	0,14%	2	15,4%
2B	56443	213	0,38%	7	3,3%
HK phụ	3101	1	0,03%	0	0,0%
Tổng	**142.271**	**405**	**0,28%**	**25**	**6%**

Đối với hệ Vừa làm vừa học, công tác tổ chức thi, chấm thi được điều chỉnh so với Quy định công tác khảo thí đối với hệ chính quy, phù hợp với tình hình thực tế đào tạo ở các điểm liên kết xa Trường, phù hợp với tính chất của hoạt động đào tạo của hệ VLVH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giảng dạy và học tập. Điểm thi kết thúc học phần được giảng viên gửi Phòng ĐBCLGD kèm đề thi, đáp án và bài thi để Phòng cập nhật điểm thi và phục vụ công tác lưu giữ bài thi theo quy định.

Đối với bậc Sau đại học, công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện (Bảng 4.3) do Phòng ĐBCLGD phối hợp cùng Phòng ĐTSĐH và các Khoa/Bộ môn chủ quản ngành. Nhà trường đã tổ chức thi kết thúc học phần cho các lớp cao học với tổng số bài thi 9038 . Từ Khóa 46, Phòng ĐBCLGD đã chủ động xếp lịch thi và công bố lịch thi trực tuyến sớm để học viên, giảng viên chủ động theo dõi trên Hệ thống Edusoft.

Bảng 20. Tổng hợp kỳ thi kết thúc học phần các lớp cao học năm học 2022 - 2023

TT	Khóa / Kỳ thi	Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần	Số lượt học viên dự thi
1	Khóa 44 Học kỳ 1	Tháng 9/2022	1448
2	Khóa 44 Học kỳ 2	Tháng 12/2022 - 1/2023	1453
3	Khóa 45 Học kỳ 1	Tháng 3/2023	2128
4	Khóa 45 Học kỳ 2	Tháng 7 - 8/2023	2212
5	Khóa 46 Học kỳ 1	Từ ngày 30/9 - 1/10/2023	1797
Tổng			**9.038**

Bảng 21. Tổng hợp số liệu hình thức thi, bài thi
các lớp cao học K46 học kỳ 1 năm học 2022-2023; X = tổ chức thi ngoài Trường

TT	Hình thức thi	Số phòng thi	Số thí sinh
1	Thực hành	1	8
2	Tiểu luận	3	24
3	Tiểu luận X	83	620
4	Trắc nghiệm	3	63
5	Trắc nghiệm X	3	26
6	Tự luận	70	813
7	Tự luận X	30	219
8	Vấn đáp	3	24
Tổng		**196**	**1.797**

Thống kê tính chất điểm thi của tất cả các học phần trong toàn Trường trong năm học vừa qua ta thấy như sau: Giả sử chưa quan tâm đến quy mô tổng thể về số lượng bài thi cần thống kê, thông thường người ta sẽ lấy số lượng mẫu đại diện là 384. Báo cáo đã thống kê tính chất điểm thi của tất cả 73 học phần có số bài thi nhiều hơn 384 bài (điểm), nằm trong số 06 khoa (Khoa học cơ bản; Lý luận chính trị; Kinh tế - QTKD; Công nghệ thông tin; Cơ - Điện; Giáo dục quốc phòng); Khi chúng ta quan tâm đến tính chất điểm thi của học phần có 120 sinh viên (ví dụ 3 lớp học phần có 40 SV/lớp), số điểm cần để thống kê tối thiểu sẽ là 92. Bảng 22 và 23 liệt kê chi tiết tính chất điểm thi (Mean, Median, Mode) của các học phần 92 - 384 > 384 bài thi có mức điểm trung bình thấp nhất, cao nhất trong toàn trường.

Thống kê phân bố điểm thi là những chỉ dẫn quan trọng để các Khoa, Bộ môn liên quan chủ động triển khai việc rà soát, điều chỉnh ma trận câu hỏi đề thi trắc nghiệm; điều chỉnh giảm mức độ khó đối với câu hỏi đề thi các học phần có giá trị điểm Mean, Median và Mode thấp hoặc tăng mức độ khó (giảm mức độ dễ) của câu hỏi đề thi đối với các học phần có giá trị điểm Mean, Median và Mode cao.

Bảng 22. Thống kê 13 học phần có điểm thi trung bình thấp nhất
và 19 học phần có điểm thi trung bình cao nhất đối với các học phần có > 384 bài thi trong năm học 2022 - 2023

		Mean	Median	Mode			
		< 5	< 5	< 5			
TT	Parameters	N > 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7010104	2030	4.5	4.5	3	2.58	6.6
2	HP7010505	434	4.6	4.5	2	2.13	4.6
3	HP7010403	743	3.6	3	1	2.08	4.3
4	HP7010103	2536	3.5	3	2	2.41	5.8
5	HP7010120	2998	4.1	4	3	2.42	5.9
6	HP7010204	2567	3.1	3	2	1.73	3.0
7	HP7070432	1824	3.6	3	1	2.68	7.2
8	HP7010108	726	3.8	3.5	2	2.70	7.3
9	HP7090304	418	4.1	4	4.4	1.32	1.8
10	HP7070415	414	4.5	4	4	2.27	5.2
11	HP7070111	1014	3.5	3	0	2.96	8.8
12	HP7080512	1274	4.3	4.2	3.8	1.43	2.0
13	HP7080112	1400	4.7	4.6	4	1.17	1.4

		Mean	Median	Mode			
		> 7	> 7	> 7			
TT	Parameters	N > 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7000002	465	8.2	8.5	9	1.31	1.7
2	HP7000003	591	7.4	7.5	8	1.20	1.4
3	HP7070214	1938	7.2	7.3	8	1.21	1.5
4	HP7070335	717	7.3	7.5	8	0.95	0.9
5	HP7080122	569	7.6	7.5	7.5	1.24	1.5
6	HP7080226	1318	7.3	7.5	7.5	1.11	1.2
7	HP7080504	479	7.1	7.2	7.6	1.44	2.1
8	HP7080514	753	7.5	7.5	7.5	0.76	0.6
9	HP7080517	585	7.5	7.6	8	0.85	0.7
10	HP7080712	1536	7.1	7.3	7.5	1.10	1.2
11	HP7080713	613	7.7	7.8	8	1.21	1.5
12	HP7080717	1507	7.4	7.5	8	1.15	1.3

		Mean	Median	Mode			
		> 6.5	> 6.5	> 6.5			
TT	Parameters	N > 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7000002	465	8.2	8.5	9	1.31	1.7
2	HP7000003	591	7.4	7.5	8	1.20	1.4
3	HP7020303	4011	6.8	7	8	1.48	2.2
4	HP7070205	489	7.1	7.3	7	1.61	2.6
5	HP7070214	1938	7.2	7.3	8	1.21	1.5
6	HP7070335	717	7.3	7.5	8	0.95	0.9
7	HP7080111	712	7.0	7.15	7	1.64	2.7
8	HP7080122	569	7.6	7.5	7.5	1.24	1.5
9	HP7080211	1296	7.1	7	7	1.36	1.8
10	HP7080225	1334	7.2	7.5	7	1.17	1.4
11	HP7080226	1318	7.3	7.5	7.5	1.11	1.2
12	HP7080504	479	7.1	7.2	7.6	1.44	2.1
13	HP7080514	753	7.5	7.5	7.5	0.76	0.6
14	HP7080517	585	7.5	7.6	8	0.85	0.7
15	HP7080712	1536	7.1	7.3	7.5	1.10	1.2
16	HP7080713	613	7.7	7.8	8	1.21	1.5
17	HP7080717	1507	7.4	7.5	8	1.15	1.3
18	HP7300104	2201	6.9	7	7.5	0.95	0.9
19	HP7300202	4585	7.3	7	7	0.75	0.6

Bảng 23. Thống kê 30 học phần có điểm thi trung bình thấp nhất
và 44 học phần có điểm thi trung bình cao nhất đối với các học phần có 92 - 384 bài thi năm học 2022 - 2023

		Mean	Median	Mode			
		< 5	< 5	< 5			
TT	HP	N > 92 N < 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7010101	293	3.4	3	1	2.65	7.00
2	HP7010110	107	3.2	2.5	1	2.86	8.19
3	HP7010117	341	4.2	4	3.5	1.96	3.83
4	HP7010404	158	2.8	3	1	1.76	3.09
5	HP7010407	133	4.1	4	2.5	1.88	3.55
6	HP7030501	94	3.8	4	2	1.99	3.94
7	HP7030503	325	3.5	3	1	2.30	5.30
8	HP7030504	96	3.0	2.75	2	1.28	1.63
9	HP7050608	140	4.7	4	3	2.47	6.10
10	HP7050616	139	3.9	4	0	2.71	7.32
11	HP7070322	141	4.6	4.5	4.5	1.98	3.90
12	HP7070418	298	4.8	4.5	2.5	2.56	6.54
13	HP7080316	120	4.0	4.2	0	1.61	2.58
14	HP7080317	105	3.1	2.8	1.8	1.40	1.97
15	HP7080633	96	4.3	4	0	2.82	7.93
16	HP7080638	100	3.1	2.5	0	2.75	7.56
17	HP7080721	117	2.1	1	0.5	2.25	5.06
18	HP7090115	136	2.7	2	0.5	2.49	6.19
19	HP7090118	119	3.7	4	4	1.37	1.88
20	HP7090201	298	3.9	3.5	3.5	1.76	3.09
21	HP7090202	151	4.3	4.5	3.5	1.93	3.74
22	HP7090206	114	2.5	2.5	2.5	1.86	3.47
23	HP7090211	326	2.9	3	2	1.46	2.14
24	HP7090219	111	3.0	3	3	1.05	1.10
25	HP7090226	110	4.6	4	4	1.04	1.08
26	HP7090233	290	3.3	3	3	1.67	2.80
27	HP7090235	117	4.3	4	4	1.84	3.39
28	HP7090316	352	4.1	4	3.6	1.37	1.87
29	HP7090422	136	2.6	2.25	1	1.83	3.35
30	HP7090431	141	4.5	4	4	1.79	3.19

		Mean	Median	Mode			
		> 7	> 7	> 7			
TT	HP	N > 92 N < 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7000001	181	7.4	7.5	8	0.70	0.49
2	HP7000005	383	7.2	7.5	7.5	0.92	0.85
3	HP7010607	239	7.3	7.7	10	2.28	5.20
4	HP7050303	92	7.7	7.7	7.7	0.80	0.64
5	HP7070220	135	7.5	7.5	8.5	1.48	2.19
6	HP7070227	176	8.1	8.2	8.4	0.85	0.73
7	HP7070228	170	7.1	7.2	7.4	0.86	0.73
8	HP7070229	170	8.7	9	9	0.77	0.60
9	HP7070231	108	7.9	8	8	0.76	0.57
10	HP7070310	164	7.2	7.3	7.3	1.00	1.00
11	HP7070312	135	7.0	7.5	8.5	1.52	2.32
12	HP7070330	180	7.6	7.5	8	0.96	0.92
13	HP7070346	260	7.8	8	8	1.84	3.39
14	HP7070407	120	7.9	8	9	0.91	0.82
15	HP7070429	164	7.5	8	9	1.83	3.36
16	HP7080115	110	8.6	9	9	1.08	1.16
17	HP7080234	150	7.5	7.5	8	0.83	0.69
18	HP7080505	109	7.9	8.2	8.4	0.67	0.44
19	HP7080510	104	8.3	8.8	8.8	1.24	1.54
20	HP7080518	123	8.0	8	7.3	1.26	1.60
21	HP7080627	128	8.1	8	8	1.00	1.01
22	HP7090406	114	7.1	7.5	8	1.60	2.55
23	HP7090578	133	7.6	7.5	8	0.66	0.43

		Mean	Median	Mode			
		> 6.5	> 6.5	> 6.5			
TT	HP	N > 92 N < 384	Mean	Median	Mode	Std. Deviation	Variance
1	HP7000001	181	7.4	7.5	8	0.70	0.49
2	HP7000004	120	6.9	7	7	1.50	2.25
3	HP7000005	383	7.2	7.5	7.5	0.92	0.85
4	HP7010401	177	6.9	7.5	9	2.73	7.45
5	HP7010604	358	6.7	7	7.6	1.55	2.40
6	HP7010607	239	7.3	7.7	10	2.28	5.20
7	HP7050301	163	6.8	7	7	1.03	1.06
8	HP7050303	92	7.7	7.7	7.7	0.80	0.64
9	HP7050637	131	7.3	7	7	1.56	2.44
10	HP7070220	135	7.5	7.5	8.5	1.48	2.19
11	HP7070227	176	8.1	8.2	8.4	0.85	0.73
12	HP7070228	170	7.1	7.2	7.4	0.86	0.73
13	HP7070229	170	8.7	9	9	0.77	0.60
14	HP7070231	108	7.9	8	8	0.76	0.57
15	HP7070301	134	6.6	7	7	2.43	5.89
16	HP7070302	132	6.8	7.5	8	2.19	4.81
17	HP7070310	164	7.2	7.3	7.3	1.00	1.00
18	HP7070312	135	7.0	7.5	8.5	1.52	2.32
19	HP7070330	180	7.6	7.5	8	0.96	0.92
20	HP7070339	259	6.8	7	7	0.98	0.96
21	HP7070346	260	7.8	8	8	1.84	3.39
22	HP7070407	120	7.9	8	9	0.91	0.82
23	HP7070419	226	7.0	7.5	7.5	1.75	3.08
24	HP7070429	164	7.5	8	9	1.83	3.36
25	HP7070431	221	7.0	7	7	1.55	2.41
26	HP7070444	265	6.8	7	7	1.73	3.00
27	HP7070448	116	7.0	7.5	8	1.63	2.66
28	HP7070453	151	7.2	7.5	7	1.31	1.73
29	HP7070454	156	6.8	7	7.5	1.19	1.41
30	HP7080114	101	6.7	7.5	8	2.37	5.60
31	HP7080115	110	8.6	9	9	1.08	1.16
32	HP7080121	273	6.8	7	7.5	1.24	1.53
33	HP7080234	150	7.5	7.5	8	0.83	0.69
34	HP7080410	107	7.4	7.5	7	1.08	1.17
35	HP7080505	109	7.9	8.2	8.4	0.67	0.44
36	HP7080510	104	8.3	8.8	8.8	1.24	1.54
37	HP7080518	123	8.0	8	7.3	1.26	1.60
38	HP7080622	137	6.8	7	8	1.42	2.03
39	HP7080627	128	8.1	8	8	1.00	1.01
40	HP7090406	114	7.1	7.5	8	1.60	2.55
41	HP7090546	172	6.7	7	8	2.22	4.92
42	HP7090578	133	7.6	7.5	8	0.66	0.43
43	HP7100201	92	7.0	7	7	1.58	2.48
44	HP7100601	99	6.8	7	8	1.42	2.01

Nhận xét, đánh giá chung:

- Công tác khảo thí đại học và sau đại học trong năm học vừa qua đã được triển khai tốt theo kế hoạch năm học. Khối lượng bài khảo thí lớn 151.309 bài (142.271 bài thi đại học và 9.038 bài thi cao học); số bài thi đại học có nhu cầu phúc khảo rất nhỏ (405 bài), chiếm 0,28%. Kết quả phúc khảo có tỷ lệ bài thay đổi điểm 6% (25/405) và không có cán bộ chấm thi nào bị trừ điểm KPIs vì lý do làm thay đổi điểm thi giữa đợt chấm chính thức và đợt chấm phúc khảo.

- Kết quả phân tích thống kê cho thấy cần tiếp tục triển khai rà soát, đổi mới hình thức ra đề thi; thường xuyên cập nhật ngân hàng câu hỏi đề thi - đáp án, điều chỉnh mức độ khó của câu hỏi đề thi; đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá nhằm giúp người học đạt được CĐR học phần được tốt hơn.

4.1.2. Công tác kiểm tra trình độ đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học

Trong năm học 2022 - 2023, nhằm tạo điều kiện tốt nghiệp cho sinh viên đặc biệt là những sinh viên khóa cũ đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa đạt Chuẩn đầu ra, Trung tâm đã phối hợp với các đơn vị chức năng liên tục tổ chức các đợt kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp. Cụ thể, Trung tâm đã tổ chức 6 đợt kiểm tra chuẩn đầu ra ngoại ngữ, chuẩn đầu ra công nghệ thông tin cho 2.838 lượt sinh viên. Kết quả của các đợt kiểm tra được thống kê ở bảng sau:

Bảng 24. Số sinh viên tham dự kiểm tra trình độ ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin năm học 2022 - 2023

Đợt kiểm tra	Ngoại ngữ			Tin học		
	Số dự thi	Số đạt	Tỷ lệ	Số dự thi	Số đạt	Tỷ lệ
Đợt 3 (07, 09/2022)	213	139	65,26%	248	204	82,26%
Đợt 1 (11/2022) NH 22-23	242	129	53,31%	303	228	75,25%
Đợt 2 (01/2023) NH 22-23	195	115	58,97%	182	140	76,92%
Đợt 3 NH 22-23 (03/2023)	111	90	81,08%	112	86	76,79%
Đợt 4 NH 22-23 (05/2023)	381	320	83,99%	361	303	83,93%
Đợt 5 NH 22-23 (06/2023)	205	168	81,95%	174	148	8506%
Cộng	1.458	1.051	72,09%	1.380	1.109	80,36%

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy, tổng số sinh viên dự thi ngoại ngữ là 1.458 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.051 sinh viên, chiếm tỷ lệ 72,09%; tổng số sinh viên dự thi tin học là 1.380 sinh viên, số sinh viên đạt là 1.109 sinh viên, chiếm tỷ lệ 80,36%.

Bảng 25. Bảng so sánh số thí sinh tham dự kiểm tra ngoại ngữ, tin học năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023

	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Tăng/Giảm
Tổng số thí sinh	**5.968**	**2.838**	- 3130
Ngoại ngữ	3091	1458	-1633
Tin học	2877	1380	-1497
Số thí sinh đạt	**5005**	**2160**	-2845
Ngoại ngữ	2554	1051	-1503
Tin học	2451	1109	-1342

So với năm học trước, số lượng sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra công nghệ thông tin, Chuẩn đầu ra ngoại ngữ giảm do năm học 2021 - 2022 có hai khóa 62 và 63 cùng tốt nghiệp, trong khi đó năm học 2022 - 2023 số lượng sinh viên tốt nghiệp giảm. Điều này kéo theo số lượng sinh viên đạt Chuẩn đầu ra cũng giảm.

Bên cạnh việc tổ chức kiểm tra Chuẩn đầu ra ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong năm học 2022 - 2023, Trung tâm cũng đã phối hợp tổ chức 02 đợt kiểm tra, đánh giá trình độ ngoại ngữ cho 808 sinh viên, trong đó có 269 sinh viên đủ điều kiện học tiếng Anh chính khoá, chiếm tỷ lệ 33,29%. Kết quả kiểm tra là cơ sở để Nhà trường phân loại và sắp xếp các lớp học phù hợp với trình độ của sinh viên.

Trong năm học 2022 - 2023, Trung tâm NNTH đã làm thủ tục trình Ban Giám hiệu cấp, phát 370 chứng nhận tin học, ngoại ngữ cho sinh viên.

4.1.3. Công tác đảm bảo chất lượng

Trong thời gian qua, Nhà trường đã ban hành Quy định về ĐBCLGD theo Quyết định số 1493/QĐ-MĐC ngày 25/10/2018 và thành lập Hội đồng ĐBCLGD nhiệm kỳ 2018 - 2023 theo Quyết định số 582/QĐ-MĐC ngày 10/5/2019; Nhà trường đã ban hành quyết định số 1515/QĐ-MĐC ngày 11/11/2019 về Cấu trúc tổ chức, mô hình và hoạt động ĐBCLGD bên trong của Trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo QĐ số 508/QĐ-MĐC ngày 3/6/2022, trong đó có các mức hỗ trợ công tác ĐBCL cấp CTĐT và cấp Trường đối với các khoa chủ quản CTĐT và các đơn vị chức năng liên quan trong Trường.

Kiểm định Chương trình đào tạo: Phòng ĐBCL đã thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tư vấn, tổ chức tự đánh giá 03 CTĐT Kỹ thuật điện, Kỹ thuật cơ khí, Quản lý đất đai cho Khoa Cơ - Điện và Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ. Tháng 9 và tháng 10/2022 Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VCEA) đã hoàn thành các đợt KSSB và KSCT 03 CTĐT. Tháng 1/2023, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh (VCEA) đã thông qua Nghị quyết về việc Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng CTĐT hệ chính quy đối với 03 CTĐT:

- Ngành Kỹ thuật điện: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%
- Ngành Kỹ thuật cơ khí: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%
- Ngành Quản lý đất đai: tỷ lệ số tiêu chí đạt 88%.

Kiểm định Cơ sở giáo dục: Tháng 2/2023 Nhà trường đã ra thông báo về kế hoạch triển khai công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục năm 2023 theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tháng 3/2023 Nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG và Ban thư ký giúp việc để xây dựng và triển khai công tác tự đánh giá Trường trong giai đoạn 01/2018 - 12/2022 và bổ sung, cập nhật dữ liệu (nếu cần). Tháng 6/2023 Nhà trường đã mời chuyên gia của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về Trường tập huấn ”Nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục đại học đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ giáo dục đào tạo” cho các Thành viên Hội đồng tự đánh giá Trường, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách. Hiện nay Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các Nhóm công tác chuyên trách đang hoàn thành Báo cáo tự đánh giá để tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến hoạt động đánh giá ngoài Trường.

Bảng 26. Tổng hợp thông tin TĐG, ĐGN, Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD Trường và CTĐT giai đoạn 2018 – 2025

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Năm bắt đầu đào tạo	KĐCL Giai đoạn 1		Báo cáo giữa kỳ KĐCL	Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD	KĐCL Giai đoạn 2		Ghi chú
					TĐG	ĐGN /GCN KĐCL			TĐG	ĐGN /GCN KĐCL	
1	Quản trị kinh doanh	7340101	2018	1966	2018	14/10/2019	x	14/10/2024	2023		
2	Tài chính - Ngân hàng	7340201	2018	2018	2024						
3	Kế toán	7340301	2018	1966	2018	14/10/2019	x	14/10/2024	2023		
4	Địa chất học	7440201	2018	1966							
5	Quản lý và phân tích dữ liệu khoa học	7440229	2022	2022	2026						
6	Khoa học dữ liệu	7460108	2021	2021	2025						
7	Công nghệ thông tin	7480201	2018	2002	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
8	Địa tin học	7480206	2019	2019	2024						
9	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	2022	2022	2026						
10	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	2018	2011							
11	Quản lý công nghiệp	7510601	2021	2021	2025						
12	Kỹ thuật cơ khí	7520103	2018	1966	2021	24/3/2023	9/2025	24/3/2028	2027		
13	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	2021	2021	2025						
14	Kỹ thuật cơ khí động lực	7520116	2021	2021	2025						
15	Kỹ thuật ô tô	7520130	2022	2022	2026						
16	Kỹ thuật điện	7520201	2018	1966	2021	24/3/2023	9/2025	24/3/2028	2027		
17	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	7520216	2018	1966	2018	14/10/2019	x	14/10/2024	2023		
18	Kỹ thuật Robot và Trí tuệ nhân tạo	7520218	2022	2022	2026						
19	Kỹ thuật hoá học	7520301		2011	(2021)						
20	Kỹ thuật môi trường	7520320	2018	2011	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
21	Kỹ thuật địa chất	7520501	2018	1966	2018	14/10/2019	x	14/10/2024	2023		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Năm bắt đầu đào tạo	KĐCL Giai đoạn 1		Báo cáo giữa kỳ KĐCL	Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD	KĐCL Giai đoạn 2		Ghi chú
					TĐG	ĐGN /GCN KĐCL			TĐG	ĐGN /GCN KĐCL	
22	Kỹ thuật địa vật lý	7520502	2018	1966							
23	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	7520503	2018	1966	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
24	Đá quý Đá mỹ nghệ	7520505	2022	2022	2026						
25	Kỹ thuật mỏ	7520601	2018	1966	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
26	Kỹ thuật dầu khí	7520604	2018	1966	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
27	Kỹ thuật khí thiên nhiên	7520605	2022	2022	2026						
28	Công nghệ số trong thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên	7520606	2022	2022	2026						
29	Kỹ thuật tuyển khoáng	7520607	2018	1966	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
30	Quản lý phát triển đô thị và bất động sản	7580109	2022	2022	2026						
31	Kỹ thuật xây dựng	7580201	2018	2011	2020	15/12/2020	2023	15/12/2025	2025		
32	Xây dựng công trình ngầm thành phố và Hệ thống tàu điện ngầm	7580204	2021	2021	2025						
33	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	2021	2021	2025						
34	Địa kỹ thuật xây dựng	7580211	2018	2018	2024						
35	Kỹ thuật tài nguyên nước	7580212	2022	2022	2026						
36	Quản lý xây dựng	7580302	2022	2022	2026						
37	Hoá dược	7720203	2022	2022	2026						
38	Du lịch địa chất	7810105	2021	2021	2025						
39	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	2021	2021	2025						
40	Quản lý đất đai	7850103	2018	2018	2021	24/3/2023	9/2025	24/3/2028	2027		

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Năm bắt đầu đào tạo	KĐCL Giai đoạn 1		Báo cáo giữa kỳ KĐCL	Thời hạn hết hạn GCN KĐCLGD	KĐCL Giai đoạn 2		Ghi chú
					TĐG	ĐGN /GCN KĐCL			TĐG	ĐGN /GCN KĐCL	
41	An toàn, Vệ sinh lao động	7850202	2022	2022	2026						
42	Trường Đại học Mỏ - Địa chất			1966	2016	31/03/2018	x	31/03/2023	2023	2024	
43	Khai thác mỏ (Thạc sĩ)	8520603	2012	1991	04/2022						
44	Kỹ thuật địa chất (Thạc sĩ)	8520501	2012	1991	04/2022						
45	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ (Thạc sĩ)	8520503	2012	1991	04/2022						

Nhà trường tiếp tục triển khai công tác tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất và Kỹ thuật trắc địa - bản đồ theo Thông báo số 190/TB-MĐC ngày 07/04/2022. Tháng 7/2022, Nhà trường đã tổ chức Chương trình tập huấn "Đảm bảo chất lượng và tự đánh giá CTĐT" trình độ thạc sĩ cho các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và giảng viên, chuyên viên trong Trường.

Hiện nay, Phòng ĐBCLGD đang triển khai rà soát việc thực hiện các nội dung cải tiến chất lượng trong Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 04 CTĐT: Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kế toán; Quản trị kinh doanh đã kiểm định năm 2019 và lập kế hoạch xây dựng Báo cáo giữa kỳ KĐCLGD đối với 07 CTĐT đã kiểm định năm 2020: Kỹ thuật Mỏ; Kỹ thuật tuyển khoáng; Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ; Kỹ thuật dầu khí; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật Xây dựng; Kỹ thuật môi trường.

Cập nhật dữ liệu lên phần mềm Quản lý hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học: Phòng ĐBCLGD đã triển khai việc cập nhật dữ liệu lên Phần mềm theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xếp hạng trường: Tháng 8/2020, Phòng ĐBCLGD đã phối hợp với các đơn vị trong toàn trường, hoàn thành việc cung cấp số liệu, tham gia xếp hạng các trường đại học theo hệ thống UPM và đạt chuẩn 4 sao theo định hướng nghiên cứu, được cấp Chứng nhận vào ngày 18/8/2020. Hiện nay Phòng ĐBCLGD đang rà soát, tiếp tục cập nhật các quy định mới và xây dựng kế hoạch phối hợp với các đơn vị trong toàn trường rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí của hệ thống UPM - Xếp hạng Đại học của Việt Nam.

Văn bằng chứng chỉ: Nhà trường thực hiện báo cáo văn bằng chứng chỉ theo Quy định của Bộ GDĐT. Trên cơ sở kinh phí được phê duyệt, Phòng ĐBCLGD đã hoàn thành việc in 5.000 phôi bằng kỹ sư và 2.000 phôi bằng cử nhân trong năm 2023 và tiếp tục triển khai in phôi bằng thạc sĩ. Thống kê tình hình thực hiện in phôi văn bằng như bảng sau:

Bảng 27. Tình hình thực hiện in và cấp phôi văn bằng.

Năm	Thời gian in phôi văn bằng theo kế hoạch quy định	Loại phôi văn bằng	Số lượng phôi văn bằng in trong kỳ		Số phôi văn bằng sử dụng trong kỳ	Số phôi văn bằng cấp cho người học	Ghi chú (*in Hỏng*)
			Số lượng phôi văn bằng do Bộ GD&DT cung cấp	Số lượng phôi văn bằng do Trường in			
8/2022 - 30/10/2023	10/2023	Cử nhân	-	2000	913	911	2
	10/2023	Kỹ sư	-	5000	1991	1986	5
	(dự kiến 11/2023)	Thạc sĩ	-	2000	741	732	9
	-	Tiến sĩ	-	-	25	24	1
Tổng					**3.670**	**3.653**	**17**

Hiện nay Phòng ĐBCLGD đang cùng với các đơn vị trong Trường triển khai xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2023 - 2024; rà soát, xây dựng bổ sung Kế hoạch đảm bảo chất lượng trung hạn giai đoạn 2023 - 2025 và Kế hoạch đảm bảo chất lượng dài hạn 2025 - 2030; Tiếp tục rà soát và triển khai hoạt động có hiệu quả hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục bên trong của Nhà trường.

Nhận xét, đánh giá chung:

- Công tác đảm bảo chất lượng cấp CTĐT và CSGD tiếp tục được đẩy mạnh trong năm học vừa qua. Nhiệm vụ ĐBCLGD cần được các Khoa/Bộ môn, giảng viên, sinh viên coi là nhiệm vụ thường xuyên, gắn liền với công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường nói chung; cần

được quan tâm, triển khai một cách hệ thống và hiệu quả, phục vụ tốt hơn việc kiểm định CSGD, CTĐT và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo (CTĐT/CSGD) trong Trường.

- Kết quả triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng sau kiểm định CTĐT còn khiêm tốn. Việc triển khai báo cáo giữa kỳ KĐCL còn chậm và thụ động.

4.2. Những tồn tại

- Quy định về công tác ĐBCLGD Trường, Hội đồng ĐBCL Trường cũng như Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong Trường (mô hình mạng lưới, cơ cấu tổ chức) đã được xây dựng, ban hành nhưng khi triển khai các hoạt động ĐBCL, cải tiến chất lượng còn bộc lộ sự thiếu chuyên nghiệp và hạn chế.

- Việc cải tiến chất lượng sau kiểm định 11 CTĐT đã kiểm định chất lượng các năm 2019, 2020 qua còn diễn ra chậm và thụ động. Việc xây dựng báo cáo giữa chu kỳ với các CTĐT kiểm định năm 2019, 2020; việc triển khai công tác tự đánh giá trường sau khi hết chu kỳ KĐCL thứ nhất còn chậm.

- Chưa xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng phục vụ công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT theo theo tiêu chuẩn AUN-QA đối với Chương trình Kỹ thuật hóa học (Chương trình Tiên tiến) của Nhà trường.

Theo kết quả thống kê đợt xét tốt nghiệp tháng 9 năm 2023, thực trạng sinh viên còn nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra CNTT như sau: số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ là 1.310 sinh viên, số sinh viên nợ Chuẩn đầu ra CNTT là 1.282 sinh viên, đặc biệt trong số những sinh viên này thì phần lớn là những sinh viên đã bảo vệ đồ án tốt nghiệp nhưng chưa tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra.

Đây là một con số khá lớn phản ánh thực tế hiện nay không ít sinh viên không còn xem việc lấy bằng tốt nghiệp là một việc hệ trọng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc sinh viên bị cuốn vào vòng xoáy việc làm và nhận thấy bằng cấp không còn quan trọng nên mặc dù đã được thông báo, đôn đốc, nhắc nhở tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra để đủ điều kiện xét tốt nghiệp ra trường nhưng hầu hết sinh viên vẫn thờ ơ và chỉ khi yêu cầu công việc cần có bằng cấp thì sinh viên mới quay lại trường để tham gia kiểm tra và lấy bằng tốt nghiệp.

4.3. Giải pháp

a) Công tác khảo thí

- Rà soát, kiện toàn các quy định về công tác ĐBCLGD; vận hành hiệu quả Hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Rà soát, xây dựng các quy định bổ sung và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động về ĐBCL. Đề nghị xem xét, đưa công tác KĐCLGD vào nhiệm vụ của chuyên viên/giảng viên/cán bộ quản lý trong thành phần các tổ ĐBCLGD của Nhà trường để có thể triển khai các công việc ĐBCL một cách thường xuyên, đồng bộ và hiệu quả.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ về công tác đảm bảo chất lượng CSGD và CTĐT; tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác ĐBCL.

- Phát triển và nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào các hoạt động của khảo thí và ĐBCL trong Trường.

b) Công tác đảm bảo chất lượng

- Xây dựng quy định và định kỳ rà soát hệ thống thông tin ĐBCL trong Nhà trường.

- Phối hợp với các Khoa quản lý sinh viên và các đơn vị chức năng trong nhà trường tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và liên lạc trực tiếp tư vấn và hỗ trợ sinh viên đăng ký tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra.

- Tăng cường mở các đợt thi Chuẩn đầu ra trực tiếp kết hợp trực tuyến để sinh viên có thêm nhiều cơ hội tham gia ngay sau khi chuẩn bị đủ điều kiện và đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định.

- Đề xuất Nhà trường ra các quy định yêu cầu sinh viên phải hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ và CNTT trước khi được bảo vệ tốt nghiệp.

5. Công tác tư vấn tuyển sinh, truyền thông, QHCC và doanh nghiệp

5.1. Những kết quả đạt được

5.1.1. Công tác tư vấn tuyển sinh

Trong năm học qua, Phòng QHCC&DN đã xây dựng kế hoạch truyền thông tư vấn tuyển sinh cụ thể và bài bản. Kế hoạch 718/MĐC-CCDN ngày 26/12/2022 về việc triển khai Kế hoạch truyền thông TVTS năm 2023 được BGH phê duyệt, ban hành và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.

Năm học 2022 -2023, công tác Truyền thông - Tư vấn tuyển sinh đã trở lại bình thường sau nhiều năm liền bị ảnh hưởng bởi dịch Covid 19. Theo kế hoạch, Phòng QHCC&DN đã triển khai các hình thức truyền thông tuyển sinh online và truyền thông TVTS trực tiếp, cụ thể:

a) Truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp

- Tham gia chương trình TVTS do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức tại :

+ Thanh Hóa, Nghệ An (Ngày 18;19/02/2023); Tại Hải Phòng, Hải Dương (26/02/2023).

+ Ngày hội TVTS - Hướng nghiệp (Ngày 19/3/2023) tổ chức tại Đại học Bách khoa.

+ Ngày hội Lựa chọn nguyện vọng xét tuyển Đại học, cao đẳng năm 2023 (22/7/2023) tổ chức tại Đại học Bách khoa.

- Tham gia chương trình: "Tư vấn mùa thi, định hướng nghề nghiệp năm 2023" do Tỉnh đoàn Quảng Ninh tổ chức (01/4/2023).

- Thực hiện TVTS trực tiếp tại 06 trường THPT tại Hà Nội có số lượng sinh viên nhập học vào HUMG cao như: THPT Cầu Giấy (18/3/2023), THPT Nguyễn Thị Minh Khai (30/3/2023), THPT Thượng Cát, THPT Tân Lập, THPT Hồng Thái, THPT Đan Phượng (15/5/2023).

- Tổ chức TVTS trực tiếp tại 06 trường THPT trên địa bàn tỉnh Nam Định: Trường THPT: Nguyễn Trãi, THPT Nguyễn du, THPT Trần Văn Bảo, THPT Trực Ninh, THPT Quất Lâm, THPT Giao Thủy C (22/5/2023).

- Tham gia TVTS tại 35 trường THPT trên địa bàn tỉnh Thái Bình nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện công tác giám sát kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia bằng hình thức treo Banner có thông tin TVTS của Nhà trường và banner (24 - 27/6/2023)

b) Truyền thông tư vấn tuyển sinh online

Phòng QHCC&DN đã sử dụng rất hiệu quả kênh truyền thông qua mạng xã hội để quảng bá thông tin tuyển sinh tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Trang facebook chính thức của HUMG năm 2022 số lượng thích trang là 56.000 sang năm 2023 số lượng người thích trang là 66.081 người (tăng hơn 10.000 lượt so với năm 2022); Đã thực hiện gần 30 chiến dịch quảng cáo lớn về các thông tin, hình ảnh của Trường, thông tin tuyển sinh của Trường qua các bài viết trên mạng xã hội, Zalo OA; tổng số lượng tương tác với các bài viết và bài quảng cáo là 1.687.677 lượt, tổng số lượng tương tin nhắn là 1.390 tin nhắn.

Thực hiện 04 chiến dịch (74 videoclip) công tác truyền thông tuyển sinh đại học trên kênh Tiktok (9/2022-9/2023) thu hút hàng chục nghìn người quan tâm, theo dõi trực tiếp.

c) Tư vấn tuyển sinh qua hình thức gọi điện thoại và trả lời tin nhắn

Đã trả lời hàng chục ngàn tin nhắn về tuyển sinh offline và online (thường tập trung từ 17h00 - 01h00); Đã gọi điện trực tiếp cho 2.316 thí sinh trúng tuyển vào trường theo hình thức xét học bạ và xét theo kết quả thi THPT.

Từ các hình thức truyền thông cho tư vấn tuyển sinh nói trên, mùa tuyển sinh năm 2023 đã đạt kết quả rất tốt, cụ thể:

Năm 2023, đã có 20.381 nguyện vọng của 7.544 thí sinh đăng ký vào HUMG, con số đủ điều kiện trúng tuyển là 2.316 con số chính thức nhập học là 2.096. Điều này cho thấy kết quả của công tác truyền thông TVST được cho là đạt hiệu quả tốt.

5.1.2. Công tác truyền thông

Trong năm học 2022 - 2023, Phòng QHCC&DN đã thực hiện tốt công tác truyền thông nội bộ và truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

Thống kê bài viết theo năm học (tháng 9/2022-8/2023):

1. Facebook: đã đăng tải tổng số 237 bài truyền thông về mọi mặt hoạt động của trường và 133 bài truyền thông tuyển sinh;

2. Website: HUMG: 113

3. Website: ts.humg.edu.vn: 23

3. Tin bài trên Zalo OA: 116

4. Đăng tải nội dung trên Tiktok: 74 Video

5. Thực hiện video clip trên facebook: 42 video

6. Đăng tải clip trên Youtube: 22 video

7. Đã tham dự ghi hình sự kiện: 104 các sự kiện được tổ chức bởi Nhà trường và các đơn vị trong trường

Đã thực hiện gần 300 pano điện tử các loại phục vụ công tác truyền thông nội bộ, công tác tư vấn tuyển sinh, quảng bá thương hiệu của Nhà trường, thực hiện gần 70 nội dung trang trí khánh tiết trên các pano khổ lớn, bandrol, backdrop, cho các sự kiện lớn của Đảng, Nhà nước và của Nhà trường.

Trong năm học vừa qua, công tác truyền thông được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trong năm học 2022 - 2023 các tin tức về hoạt động của Nhà trường, thông tin tuyển sinh đã được đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương, cụ thể đã có gần 50 tin bài về hoạt động của HUMG được phát sóng và đăng tải trong các chuyên mục giáo dục của: Đài truyền hình Việt Nam (chương trình Thời sự; chương trình Chuyển động 24h; chương trình Việt Nam hôm nay); Đài truyền hình Hà Nội (chương trình thời sự, phóng sự chuyên đề), Báo Lao động; Đài PT & TH tỉnh Thái Bình, Báo tintuc.vn; Vnxpress.net; dantri.com.vn; giaoducvathoidai.vn.....

Trong tổng số tin bài đã đăng tải, số lượng tin bài truyền thông có trả phí - kinh phí lấy từ nguồn chi hoạt động thường xuyên của Nhà trường là 50% = 25 tin bài, số còn lại là do Phòng chức năng đã xây dựng được những chất liệu truyền thông có tính lan tỏa tốt, cung cấp trúng và đúng thông tin mà xã hội đang quan tâm và đã phát huy tính chủ động trong việc kết nối với các cơ quan truyền thông để nâng cao hiệu quả quảng bá thương hiệu, hình ảnh của HUMG.

5.1.3. Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã triển khai thoả thuận hợp tác với 08 cơ quan, doanh nghiệp trong đó có những đối tác chiến lược, gắn bó mật thiết với các lĩnh vực đào tạo của Nhà trường như: Hợp tác toàn diện 7 trường Đại học Kỹ thuật hàng đầu Việt Nam Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản (VIGMR)…Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai gần 50 thỏa thuận hợp tác đã được ký kết trước đây.

Trong quá trình kết nối với doanh nghiệp, triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký, Phòng chức năng đã đặc biệt quan tâm trao đổi cùng các cơ quan, doanh nghiệp trong việc cam kết tiếp nhận sinh viên thực tập, tạo việc làm bán thời gian cho sinh viên, tiếp nhận sinh viên tốt

nghiệp vào làm việc; tài trợ học bổng cho quỹ khuyến học. Trong Lễ khai giảng năm học mới 2023 - 2024, số tiền tài trợ cho Quỹ khuyến học HUMG lên đến hơn 1 tỷ VND.

Nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp cho sinh viên trong thời gian học tập tại Trường, năm 2023, HUMG đã phối hợp với Tập đoàn Novaedu để tổ chức 02 khóa Tập huấn kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên để cung cấp những kiến thức và kỹ năng cần thiết, tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ sinh viên hình thành và hiện thực hóa các ý tưởng, dự án khởi nghiệp của mình (Đã tổ chức vào tháng 10-11/2023).

Vào tháng 3/2022 cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2022" đã được khởi động với 10 khoa chuyên môn và chương trình tiên tiến. Đã có 21 đề án được xây dựng và tham dự sơ khảo cuộc thi. Qua đó đã chọn được 10 đề án vào vòng chung kết cuộc thi được diễn ra vào tháng 1/2023. 3 đề án xuất sắc nhất đã được chọn dự thi cấp Quốc gia. Vượt qua hơn 400 đề án đến từ các sơ sở giáo dục trên cả nước, đề án "Bê tông xanh không xi măng trộn sẵn hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và kinh tế tuần hoàn" của nhóm sinh viên Khoa Xây dựng) đã đạt giải Ba toàn quốc tại Vòng chung kết Quốc gia cuộc thi SV_STARTUP V tổ chức tại Đại học Huế vào tháng 3/2023.

Tiếp nối hoạt động khởi nghiệp, tháng 8/2023, cuộc thi "Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo HUMG 2023" đã được phát động tới sinh viên toàn trường. Sau hơn 3 tháng triển khai, Ban Tổ chức đã nhận được 15 các ý tưởng đến từ nhóm sinh viên các Khoa với nhiều lĩnh vực. Trong đó, đa dạng nhất là lĩnh vực thương mại – dịch vụ, môi trường, xây dựng, dầu khí.... Hội đồng Sơ khảo đã lựa chọn được 12 đề tài xuất sắc nhất để tiếp tục tham dự Vòng Chung khảo (dự kiến sẽ tổ chức vào ngày 28/11/2023)

5.2. Tồn tại

a) Công tác tư vấn tuyển sinh

Hạn chế

Các chất liệu truyền thông chưa thực sự phong phú (thiếu những chất liệu truyền thông mang tính thực tế, có sức thu hút và hấp dẫn). Công tác truyền thông TVTS đôi khi còn chưa kịp thời

Nguyên nhân

- Bộ phận nhân sự rất thiếu đặc biệt về mảng truyền thông đa phương tiện (thiếu các vị trí công việc như: phóng viên; biên tập viên; kỹ thuật viên).
- Trang thiết bị cơ sở vật chất không đồng bộ, thiếu trang thiết bị để thực hiện một chương trình có chất lượng cao.
- Thiếu đội ngũ báo cáo viên, diễn giả có chuyên môn nghiệp vụ và khả năng truyền cảm hứng tốt.
- Sự phối kết hợp giữa các khoa có ngành nghề truyền thống, đặc thù với bộ phận truyền thông chưa chặt chẽ.
- Tính kế hoạch trong công tác truyền thông còn chưa cao; nhiều khi bị động trong công việc.
- Chế độ bồi dưỡng thêm cho các cán bộ trực tiếp làm công tác tư vấn tuyển sinh chưa hợp lý, đặc biệt là công tác Tư vấn ngoài giờ hoặc thực hiện công việc vào những ngày nghỉ (thứ bảy, chủ nhật).
- Việc phê duyệt dự toán kinh phí đôi khi còn chưa linh hoạt, chưa phù hợp với thực tiễn. Đối với những công việc đột xuất, việc xin dự toán kinh phí đột xuất rất khó khăn.

b) Công tác truyền thông

Hạn chế

- Tính liên kết trong mạng lưới truyền thông nội bộ chưa cao.

- Công tác tuyên truyền các sự kiện lớn của Đất nước, của Nhà trường và của các ngành liên quan đôi khi còn chưa kịp thời.

- Công tác truyền thông nhiều khi chưa bao quát hết các mảng công tác của các Khoa và các đơn vị trong trường.

Nguyên nhân

- Chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác truyền thông nội bộ của tổ chức; Phương thức truyền thông nội bộ hiện nay đang theo hướng manh mún, nhỏ lẻ mà chưa theo một định hướng chung.

- Tính phối hợp giữa các đơn vị trong trường về công tác truyền thông chưa cao.

c) Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp

Hạn chế

- Hợp tác doanh nghiệp chưa thực sự chặt chẽ, chưa đem lại hiệu quả cao.

- Công tác hướng nghề, hướng nghiệp chưa phát huy được hiệu quả và thế mạnh của Nhà trường.

- Hỗ trợ việc làm còn chưa đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng.

- Công tác khởi nghiệp chưa lan tỏa, còn mang tính chất cuộc thi.

Nguyên nhân

- Dữ liệu về doanh nghiệp chưa được thống kê, chuyển giao, cập nhật đầy đủ.

- Chưa xây dựng được cơ chế liên kết chặt chẽ giữa Phòng – Khoa; giữa Nhà trường - Doanh nghiệp trên cơ sở win – win.

- Công tác đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

- Chất lượng và ý thức của sinh viên ảnh hưởng đến giá trị thương hiệu HUMG.

5.3. Giải pháp

a) Công tác tư vấn tuyển sinh

- Tuyển dụng mới những cán bộ có năng lực chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành của các vị trí việc làm đang còn thiếu khuyết.

- Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc.

- Trang bị cơ sở vật chất (theo yêu cầu, có tham khảo chuyên môn của các đơn vị truyền thông chuyên nghiệp) để đảm bảo thiết bị mua về sử dụng được lâu dài và có chất lượng.

- Xây dựng đội ngũ, bồi dưỡng chuyên môn, có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả, người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh.

- Nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm, tính chủ động, tính phố hợp của các khoa trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh.

- Xây dựng kế hoạch truyền thông Tư vấn tuyển sinh để đảm bảo tính kịp thời và hiệu quả, tránh bị động, vội vàng.

b) Công tác truyền thông

- Xây dựng mạng lưới (website, group) truyền thông nội bộ, kênh thông tin chia sẻ và thấu hiểu, thực sự là nơi gửi gắm các thông điệp truyền thông có ích từ lãnh đạo tới nhân viên và ngược lại (truyền thông 2 chiều tích cực).

- Quy định lại chức năng của đơn vị theo đúng nội hàm và ngoại diên phù hợp theo tên đơn vị.

- Xây dựng Quy tắc phối hợp trong công tác truyền thông nội bộ.

c) Công tác quan hệ công chúng và doanh nghiệp

- Tập trung các cơ sở dữ liệu doanh nghiệp, cựu sinh viên và tập hợp về một mối.

- Gia tăng các hoạt động quan hệ doanh nghiệp một cách sâu sắc và gắn kết trên cơ sở win – win.

- Đẩy mạnh và đẩy sớm các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng như: Bồi dưỡng kỹ năng học tập cho sinh viên năm 1; kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo cho sinh viên năm 2.

- Gia tăng các hoạt động hướng nghề hướng nghiệp tại các đơn vị ký kết hợp tác thỏa thuận như: Tham quan nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh dành cho sinh viên năm 2, tổ chức thực tập môn học cho sinh viên năm 3; tổ chức thực tập tốt nghiệp cho sinh viên năm 4.

- Kêu gọi doanh nghiệp cùng tham gia vào quá trình tuyển sinh, đào tạo và chuyển giao khoa học - kỹ thuật.

- Tháo gỡ nút thắt cơ chế, chế độ cho giáo viên, sinh viên và người làm công tác khởi nghiệp.

- Tiếp tục học tập các mô hình hay về khởi nghiệp sáng tạo trong hệ thống giáo dục đại học.

6. Công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên

6.1. Những kết quả đạt được

6.1.1. Công tác sinh viên

Hàng năm, Phòng CTCT-SV xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ trong năm học theo hướng dẫn đầu năm học của Bộ Giáo dục và Đào tạo như: Xây dựng kế hoạch công tác sinh viên năm học 2022 - 2023; Kế hoạch tổ chức các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường; Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, Kế hoạch Tổ chức Tuần sinh hoạt công dân sinh viên, Kế hoạch tổ chức Sinh hoạt lớp.... Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên, Phòng CTCT-SV thực hiện theo đúng kế hoạch của Nhà trường tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tuyên truyền, tôn vinh các tấm gương sinh viên tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; triển khai các hoạt động hưởng ứng cuộc thi "Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh….và nhiều cuộc thi có ý nghĩa khác.

Tổ chức tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm bằng nhiều hình thức: Tuyên truyền qua Pano, qua trang web, facebook…

Dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, với tinh thần chủ động phối hợp hoạt động tốt giữa phòng chức năng và các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Trường. Năm 2022 - 2023, đã triển khai tốt các hoạt động văn thể theo đúng kế hoạch đề ra như: Hội khỏe truyền thống sinh viên; giải bóng đá nam cán bộ, nam sinh viên, giải bóng rổ nam, nữ sinh viên, giải bóng chuyền cán bộ, bóng chuyền sinh viên...

Ngoài các hoạt động văn thể còn có các chương trình phục vụ sự kiện của Nhà trường như: Lễ khai giảng năm học mới; lễ trao bằng cho sinh viên hệ chính quy; lễ trao bằng cho sinh viên sau đại học, tiến sỹ; lễ kỷ niệm ngày Thành lập Trường và ngày Nhà giáo Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày phụ nữ Việt Nam; lễ kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam…

Tổ chức hiệu quả Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên đầu khóa, đầu năm cho sinh viên toàn Trường tại các cơ sở đào tạo Hà Nội. Nội dung sinh hoạt đáp ứng yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo với mục đích nâng cao nhận thức cho sinh viên về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật, các quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường liên quan đến sinh viên như: quy định về miễn giảm học phí, mức thu học phí, học bổng khuyến khích học tập…). Nguồn tài liệu học tập Tuần công dân - sinh viên được công bố rộng rãi trên website phòng CTCT-SV và gửi qua email cá nhân sinh viên tạo điều kiện cho các em tiếp cận tài liệu một cách nhanh chóng, thuận tiện nhất. Tổ chức lớp học, lịch học nghiêm túc, hiệu quả. Số sinh viên tham gia sinh hoạt đạt 98%.

Tổ chức hiệu quả buổi Sinh hoạt lớp đầu mỗi học kỳ để đánh giá điểm rèn luyện sinh viên các khóa.

Tổ chức hiệu quả hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Nhà trường với sinh viên: Hội nghị đối thoại là cơ hội để sinh viên bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, giúp sinh viên giải quyết những vướng mắc trong quá trình học tập tại Trường, từ đó giúp Nhà trường có những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Tổ chức có hiệu quả các khóa học Kỹ năng mềm, Kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên toàn Trường, đặc biệt là sinh viên năm đầu và sinh viên năm cuối nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thiện các kỹ năng mềm cần thiết cho sinh viên.

Thường xuyên tuyên truyền, triển khai các thông báo tới sinh viên qua trang web, qua hệ thống các fanpage chính thống của Phòng CTSV và của Nhà trường nhằm hướng dẫn sinh viên khai thác, sử dụng thông tin trên internet, mạng xã hội phục vụ việc học tập, nghiên cứu khoa học, giải trí lành mạnh

6.1.2. Công tác hỗ trợ sinh viên

Tư vấn, hỗ trợ sinh viên có khó khăn trong việc đăng ký ghép lớp, hủy học phần, đăng ký môn học, xin quay trở lại học tập..., đề xuất giải pháp phát hiện cảnh báo sớm học tập sinh viên.

Phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ sinh viên rèn luyện kỹ năng hướng nghiệp.

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động hỗ trợ sinh viên (xử lý các giấy tờ liên quan đến công tác sinh viên, bảo hiểm thân thể …) giải quyết kịp thời chế độ chính sách đối với sinh viên. Trong năm học 2022 - 2023, giải quyết thủ tục miễn giảm học phí cho 287 sinh viên với tổng số tiền miễn giảm hơn 1.3 tỷ đồng.

Tìm kiếm và sử dụng nhiều nguồn học bổng giá trị hỗ trợ sinh viên. Năm học 2022 - 2023 xét duyệt 1.847 suất học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên với tổng giá trị gần 10 tỷ đồng, xét duyệt 30 suất học bổng tài trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Nhà trường.

Công tác hỗ trợ sinh viên trong và sau mùa dịch covit được giải quyết kịp thời, hiệu quả.

6.2. Những tồn tại

a) Công tác quản lý sinh viên

Trong bối cảnh khó khăn của công tác tuyển sinh, việc thắt chặt và quản trị tốt người học để duy trì quy mô đào tạo là hết sức quan trọng, tuy vậy công tác này đang gặp phải một số tồn tại cơ bản:

- Sự thiếu đồng bộ trong toàn bộ hệ thống quản trị của Nhà trường: Xử lý kết quả học tập, kết quả thi chậm, ảnh hưởng đến công tác chuẩn hóa Danh sách sinh viên và rà soát cảnh báo học tập sinh viên. Quy chế đào tạo chưa phù hợp và chưa bám sát bối cảnh thực tế của công tác đào tạo theo tín chỉ; việc đăng ký tự động khối lượng học phần cho sinh viên đã làm loãng Danh sách sinh viên ảo, gây phát sinh các dữ liệu nợ học phí ...

- Thiếu cơ chế, chính sách để tạo động lực cho toàn bộ hệ thống tham gia vào công tác QLSV.

- Sự chưa đồng bộ và thiếu tích cực của một số các khâu tham gia vào công tác QLSV, dẫn tới tình trạng trên chặt, dưới lỏng, cá biệt một số đơn vị còn buông lỏng công tác quản lý sinh viên, dẫn tới những hạn chế lớn trong công tác tư vấn và hỗ trợ người học.

b) Công tác hỗ trợ sinh viên, đảm bảo chế độ chính sách của sinh viên

Dù có nền tảng chuyển đổi số khá tốt, công tác hành chính, công tác hỗ trợ sinh viên đã được quan tâm chỉ đạo, tuy vậy sự hoạt động không đồng bộ ở một số khâu trung gian đã ngăn cản công tác này đạt được hiệu quả cao nhất.

Ngoài ra các văn bản pháp quy của Nhà nước còn chưa được ban hành kịp thời, gây những lúng túng và vướng mắc nhất định cho người học và cho cả các cơ quan quản lý.

6.3. Giải pháp

- Lập kế hoạch các hoạt động của Phòng theo từng giai đoạn, phân công thực hiện nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng để công việc đạt hiệu quả cao.

- Khuyến khích, động viên, tạo điều kiện để toàn thể chuyên viên trong Phòng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Đẩy mạnh cải tiến tổ chức thực hiện công việc, phát huy tính tích cực, chủ động của Cán bộ viên chức nhằm phát huy tối đa hiệu quả công việc được giao.

7. Công tác khoa học - công nghệ, hợp tác quốc tế và xuất bản

7.1. Những kết quả đạt được

7.1.1. Công tác khoa học - công nghệ

a) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất thực hiện:

- 18 nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước, trong đó gồm 04 đề tài độc lập thuộc chương trình cấp Quốc gia, 08 đề tài NCCB trong KHTN (Nafosted), 06 đề tài do Bộ Công Thương quản lý (4 đề tài chuyển tiếp, 02 đề tài triển khai mới).

- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương, gồm: Chủ trì 01 chương trình KHCN cấp Bộ (08 đề tài/nhiệm vụ/01 Chương trình), tham gia 01 chương trình KHCN cấp bộ do Trường Đại học Xây dựng là tổ chức chủ trì (02 đề tài); 35 đề tài, nhiệm vụ chuyển tiếp, 10 đề tài triển khai mới được giao năm 2023, 01 dự án nâng cấp Tạp chí chuyển tiếp; 01 đề tài KH&CN cấp Bộ Xây dựng, 03 đề tài KH&CN do Bộ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ quản, 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Tỉnh, 01 nhiệm vụ HTQT.

Về kết quả thực hiện, năm 2022-2023: đã có 28 đề tài nghiệm thu cấp Quốc gia, cấp Bộ, Tỉnh (03 đề tài Quỹ Nafosted, 02 đề tài Bộ Công Thương, 16 đề tài Bộ Giáo dục và Đào tạo, 01 đề tài Bộ Tài nguyên và Môi trường, 01 đề tài cấp Tỉnh) trong đó có 03 đề tài xếp loại xuất sắc.

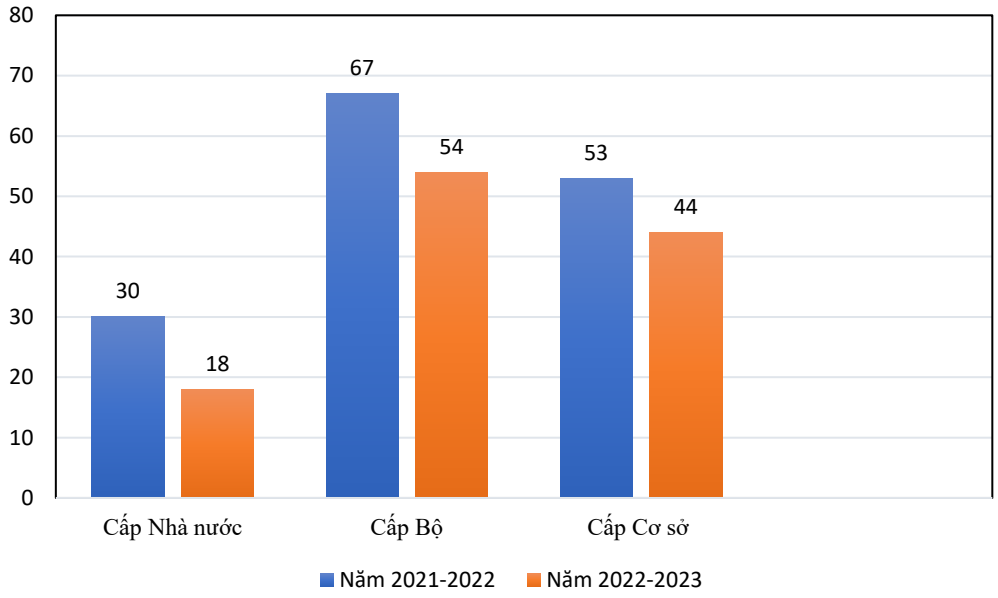
Trường đã gắn mục tiêu thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo. Thông qua các đề tài nghiên cứu đội ngũ CBGD của trường ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn, gắn lý thuyết với thực tế. Kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là tài liệu phong phú đóng góp đáng kể vào việc bổ sung các cơ sở lý thuyết và thực tiễn, nâng cao chất lượng giáo trình, bài giảng phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở đã được Nhà trường đổi mới từ công tác xét duyệt đến tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu. Nhà trường đã ưu tiên, khuyến khích NCS, học viên cao học được tham gia, chủ trì thực hiện các đề tài KHCN dưới nhiều hình thức; bổ sung hình thức thực hiện đề tài cấp cơ sở bằng nguồn kinh phí khác; nhiệm vụ KHCN phục vụ mở mới ngành nghề đào tạo; đánh giá xét chọn có chú ý đến đặc thù của khối ngành kinh tế, khoa học xã hội, nhân văn. Chất lượng các đề tài NCKH cấp cơ sở đã được nâng lên rõ rệt. Đặc biệt, một số đề tài NCKH cấp cơ sở có đăng ký sản phẩm đầu ra là bài báo ISI, Scopus với mức kinh phí hỗ trợ lên đến gần 100 triệu đồng/đề tài. Đa số các đề tài đều thực hiện đúng tiến độ và nghiệm thu, thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước. Năm học 2022-2023, Nhà trường đã tổ chức nghiệm thu 49 đề tài/nhiệm vụ theo đúng quy định của Nhà trường. Năm 2023 nhà trường triển khai mới 44 đề tài nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở với tổng kinh phí hỗ trợ là 1.315.000.000đ.

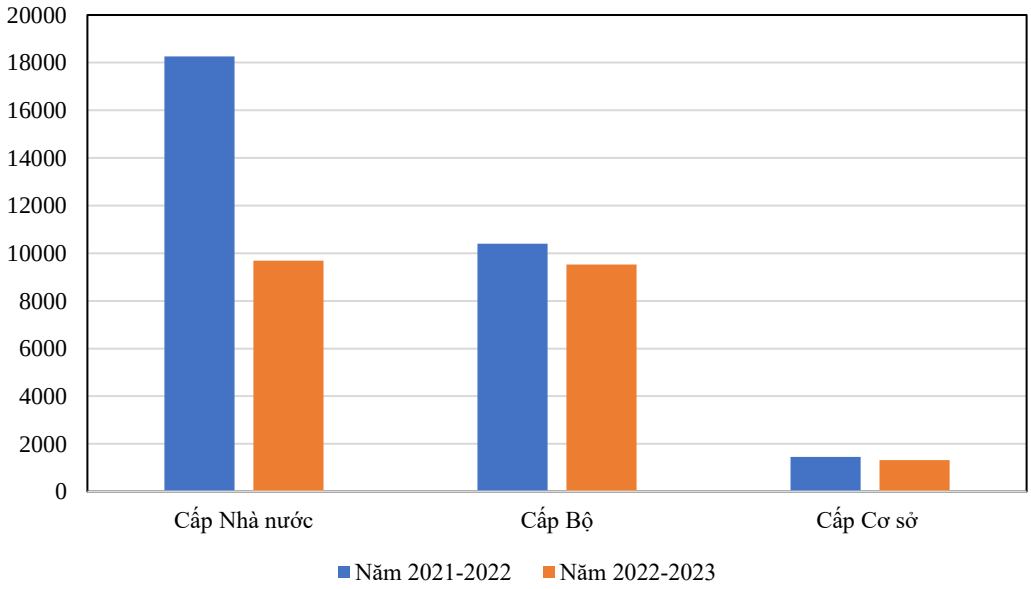
- Bên cạnh việc thực hiện đề tài KHCN các cấp, hoạt động sinh hoạt học thuật của đội ngũ cán bộ giảng dạy vẫn được duy trì tốt và triển khai rộng rãi tại các bộ môn, khoa.

Bảng 28. Số lượng và kinh phí KHCN các cấp

Nội dung	Năm 2021-2022		Năm 2022-2023	
	Số lượng	Kinh phí cấp (triệu đồng)	Số lượng	Kinh phí cấp (triệu đồng)
Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước	30	18,258	18	9,695
Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/tương đương	67	10.401	54	9,530
Nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở	53	1.460	44	1.315



Hình 2. Số lượng đề tài các cấp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023



Hình 3. Kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Bảng 29. Thống kê công tác NCKH theo các đơn vị năm 2022 - 2023

Đơn vị	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ và tương đương	Đề tài cấp cơ sở
Khoa Công nghệ thông tin	3	2	1
Khoa Cơ - Điện	1	1	8
Khoa Dầu khí và Năng lượng	4	4	3
Khoa Khoa học cơ bản	1	4	8
Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất	6	11	3
Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	0	1	5
Khoa Mỏ	2	6	5
Khoa Môi trường	0	2	3
Khoa Lý luận chính trị	1	0	1
Khoa TĐ-BĐ&QLĐĐ	0	11	5
Khoa Xây dựng	0	12	2
Khoa Giáo dục quốc phòng	0	0	0
Khối Hiệu bộ	0	0	0
Tổng	18	54	44

Đánh giá chung: Tổng số nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước giảm so với năm học 2021-2022, bên cạnh đó số kinh phí cũng giảm đáng kể do tiến độ cấp kinh phí của cơ quan quản lý cấp trên bị chậm so với kế hoạch. Số đề tài cấp Bộ tăng về số lượng, tuy nhiên kinh phí thực hiện nhiệm vụ cũng giảm so với năm học 2020-2021. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN của Trường tập trung chủ yếu vào một số đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ. Trong quá trình thực hiện, Nhà trường thường xuyên đôn đốc để các chủ nhiệm đề tài khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành khối lượng nhiệm vụ đặt ra theo đề cương đã được phê duyệt. Nhìn chung, hầu hết các đề tài đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, nội dung chuyên môn. Tuy nhiên, chủ nhiệm và nhóm thực hiện một số đề tài còn chưa tích cực trong thực hiện nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu, chưa đảm bảo chất lượng các sản phẩm trung gian, sản phẩm khoa học của đề tài. Tình trạng chậm tiến độ do không đủ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là công bố bài báo quốc tế là sản phẩm của đề tài vẫn còn xảy ra,

Những tồn tại, hạn chế: Nguồn kinh phí cấp để thực hiện đề tài cấp Nhà nước và cấp Bộ còn chậm. Ý thức tổ chức thực hiện của một số nhóm thực hiện đề tài chưa cao, chưa chủ động.

b) Công tác thông tin khoa học

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường chủ trì tổ chức các Hội nghị, Hội thảo:

- 03 Hội thảo quốc tế: "International Conference on Interlligence of Things" (ICIT 2022) được tổ chức vào tháng 8/2022, "Integrated Petroleum Engineering" (IPE 2022) được tổ chức 6-7/10/2022, "Geo-spatial Technologies and Earth Resources" (GTER 2022) được tổ chức vào tháng 11/2022.

- 02 Hội nghị quốc gia: Hội nghị Khoa học Toàn quốc "Khoa học Trái đất và Tài nguyên với Phát triển bền vững - ERSD 2022); Hội nghị khoa học Quốc gia "Khoa học xã hội với phát triển bền vững - SSSD 2022".

- Ngoài ra các Khoa chủ trì hội thảo khoa học cấp Trường: "Hội nghị Khoa học - đào tạo Địa chất dầu khí"; "Giáo dục quốc phòng và an ninh với phát triển bền vững (DSSD 2022).

Hội nghị khoa học là nơi giao lưu trong nghiên cứu khoa học và đào tạo, đồng thời là cơ hội tốt để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi học thuật, chia sẻ kinh nghiệm, công bố những kết quả nghiên cứu mới trong lĩnh vực khoa học nghiên cứu của Nhà trường.

Từ kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH, các nhà khoa học đã công bố kết quả nghiên cứu trên nhiều tạp chí, tài liệu khoa học trong và ngoài nước. Trong năm 2022, các nhà khoa học

trong Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thưởng 382 triệu đồng cho 144 bài báo khoa học thuộc danh mục Web of Science (WoS) giai đoạn từ 1/2022-12/2022.

Bảng 30. Hội thảo và Công bố khoa học năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Loại hình Hội thảo/công bố khoa học	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023
Hội nghị, hội thảo quốc tế	2	3
Hội nghị, hội thảo trong nước	4	4
Báo cáo khoa học	315	428
Bài báo đăng trên Tạp chí quốc tế	255	187
Bài báo đăng trên Tạp chí trong nước	240	308

Thống kê kết quả công bố khoa học tại các đơn vị trong Nhà trường cụ thể như sau:

Bảng 31. Thống kê công tác thông tin khoa học theo các đơn vị năm học 2022 - 2023

TT	Khoa	Bài báo		Báo cáo khoa học
		Tạp chí Quốc tế	Tạp chí trong nước	
1	Cơ - Điện	8	25	20
2	Công nghệ thông tin	13	22	8
3	Dầu khí và Năng lượng	17	26	44
4	Giáo dục quốc phòng	0	9	22
5	Kinh tế và QTKD	6	47	16
6	Khoa học và kỹ thuật địa chất	22	26	52
7	Khoa học cơ bản	38	27	82
8	Lý luận chính trị	2	9	37
9	Mỏ	21	23	33
10	Môi trường	9	27	50
11	Trắc địa, Bản đồ và QLĐĐ	24	34	25
12	Xây dựng	27	33	39
	Tổng	**187**	**308**	**428**

Trường Đại học Mỏ - Địa chất có mặt trong các bảng xếp hạng Đại học uy tín của thế giới như: Xếp hạng thứ 17 các Trường Đại học của Việt Nam trong bảng xếp hạng của Tổ chức Xếp hạng Đại học thế giới theo thành tựu Học thuật - URAP (University Ranking by Academic Performance) năm 2023 (10/2023); Xếp hạng thứ 15 trong số các Trường Đại học tại Việt Nam theo xếp hạng của Webometrics (7/2023) trên tổng số 186 trường Đại học của Việt Nam được xếp hạng.

c) Hoạt động Sở hữu trí tuệ

Trong năm học 2022-2023 cán bộ, giảng viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã đăng ký thành công 04 sáng chế, 03 giải pháp hữu ích tại Cục Sở hữu trí tuệ (chấp nhận đơn hợp lệ) và 01 chứng nhận bản quyền tác giả.

d) Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

- Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã ra Quyết định công nhận 14 nhóm nghiên cứu (trong đó có 04 nhóm nghiên cứu mạnh) dựa trên cơ sở tập hợp các nhà khoa học trong và ngoài nước, nâng tổng số nhóm nghiên cứu trong toàn trường lên 21 nhóm. Ngoài ra, năm 2023 cũng đã giải thể 02 nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh (Nhóm nghiên cứu Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong Trắc địa - Bản đồ thành lập 5/2018, Trưởng nhóm PGS.TS Nguyễn Quang Minh và nhóm nghiên cứu mạnh Công nghệ thông tin và ứng dụng trong các khoa học Trái đất thành lập 5/2018, trưởng nhóm GS.TS Trương Xuân Luận). Một số nhóm nghiên cứu có hiệu quả hoạt động rất tốt với nhiều công trình khoa học được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín như

nhóm nghiên cứu mạnh ISRM. Nhà trường đã có chính sách hỗ trợ kinh phí cho hoạt động của các nhóm nghiên cứu tích hợp trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường.

- Công tác phát triển đội ngũ nhà khoa học cũng được quan tâm, có chính sách ưu tiên cán bộ trẻ tham gia thực hiện các đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, tính chủ động, tích cực của một bộ phận cán bộ còn chưa cao.

e) Công tác nghiên cứu khoa học và thi Olympic của sinh viên

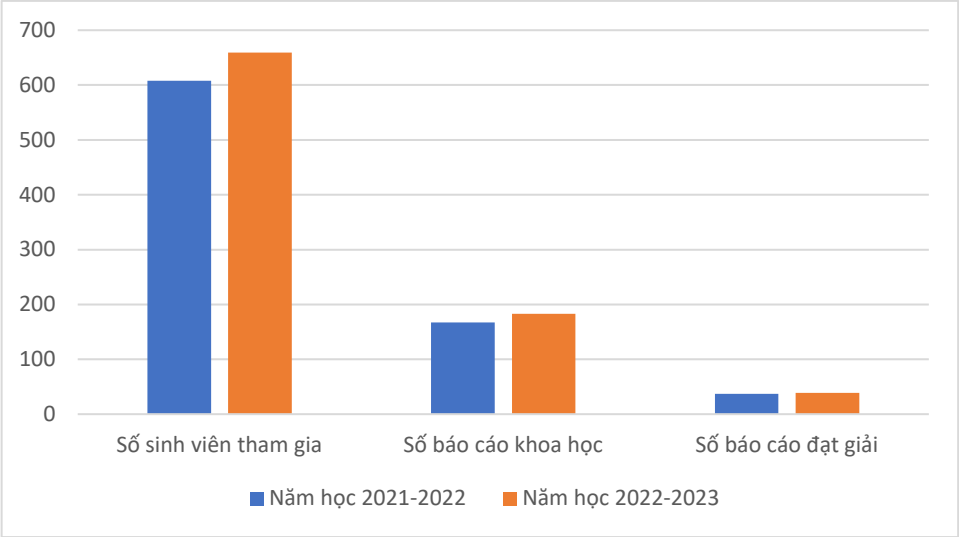
- Hội nghị KHSV Trường lần thứ 36 đã được triển khai ở 23 tiểu ban chuyên môn với tổng số 183 đề tài được báo cáo. Sau khi Hội nghị kết thúc, Nhà trường đã trao 39 giải NCKH sinh viên cấp Tiểu ban cho các đề tài NCKH sinh viên, trong đó có 18 giải Nhất, 17 giải Nhì và 02 giải Ba (21 giải Nhất, 17 giải Nhì và 01 giải Ba) và 03 đề tài NCKH sinh viên đạt giải cấp Trường.

- Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã lựa chọn 01 công trình sinh viên NCKH có ý nghĩa khoa học và thực tiễn cao để gửi tham dự giải thưởng Khoa học Công nghệ dành cho sinh viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất còn tham gia giải thưởng "Sinh viên nghiên cứu khoa học Euréka" lần 25 năm 2023 với 02 đề tài NCKH sinh viên.

- Hoạt động thi Olympic năm học 2022-2023 được Nhà trường tổ chức vào tháng 3/2023 với 805 sinh viên tham dự. Kết quả đã có 235 sinh viên đạt giải cấp Trường (12 giải Nhất, 41 giải Nhì, 67 giải Ba và 115 giải Khuyến khích). Nhà trường đã lựa chọn ra các đội tuyển tham dự thi Olympic cấp Quốc gia các môn Toán (thi vào tháng 06/2023). Sau thành tích xuất sắc đạt được trong kỳ thi Olympic Toán học cấp Quốc gia năm 2022, trong kỳ thi Olympic cấp Quốc gia môn Toán năm 2023 đội tuyển Toán học trường Đại học Mỏ - Địa chất được xếp cùng bảng thi với các Trường khối chuyên Toán. Đây là bước tiến rất lớn của giảng viên và sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, ghi nhận những nỗ lực không ngừng phấn đấu của đội tuyển Olympic Toán học của Trường trong những năm vừa qua. Tuy nhiên, do lần đầu tham gia sân chơi dành cho các Trường khối chuyên, do vậy thành tích đạt được của đội tuyển còn rất khiêm tốn. Kết quả đội tuyển Toán đã đạt được 02 giải Khuyến khích. Cũng trong năm học 2022-2023, đội tuyển Vật lý tham gia kỳ thi Olympic cấp Quốc gia vào 10/2022 và đã đạt thành tích 02 giải Ba và 04 giải Khuyến khích; đội tuyển Hóa học tham gia kỳ thi Olympic cấp Quốc gia năm 2023, đạt thành tích 03 giải Ba và 02 giải Khuyến khích, đội tuyển Cơ học đạt 02 giải Ba môn Cơ học kết cấu.

Bảng 32. Công tác NCKH sinh viên năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Nội dung	Năm học 2021 - 2022	Năm học 2022 - 2023	Tăng/giảm (%)
A. Hội nghị Khoa học sinh viên			
- Số lượng sinh viên tham gia	608	659	8.39%
- Số lượng báo cáo khoa học	167	183	9.58%
- Số báo cáo đạt giải	37	39	5.41%
B. Thi Olympic cấp Trường			
- Số sinh viên tham gia	261	883	238.31%
- Số sinh viên đạt giải	87	225	158.62%
C. Thi Olympic cấp Quốc gia			
- Số sinh viên tham gia	50	50	
- Giải Nhất	8	0	
- Giải Nhì	2	0	
- Giải Ba	2	9	350.00%
- Giải Khuyến khích	7	4	-42.86%



Hình 4. Kết quả hoạt động sinh viên NCKH năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Bảng 33. Thống kê NCKH sinh viên theo Khoa năm học 2022 - 2023

TT	Đơn vị	Hội nghị KHSV Cấp Trường		
		Số sinh viên tham gia	Số BCKH	Số BC đạt giải
1	Khoa Công nghệ thông tin	95	25	6
2	Khoa Cơ - Điện	71	22	4
3	Khoa Dầu khí và Năng lượng	46	12	2
4	Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh	202	44	10
5	Khoa Khoa học & Kỹ thuật địa chất	88	29	6
6	Khoa Mỏ	55	21	4
7	Khoa Môi trường	15	5	1
8	Khoa Trắc địa - Bản đồ và QLĐĐ	53	15	3
9	Khoa Xây dựng	29	9	2
10	Chương trình tiên tiến	5	1	1
	Tổng	**659**	**183**	**39**

Nhìn chung, các nhóm sinh viên rất nhiệt tình tham gia công tác nghiên cứu khoa học. Các hoạt động thu hút sinh viên tham gia NCKH được Nhà trường quan tâm, đầu tư nhiều hơn và bước đầu phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy, hướng dẫn sinh viên, chất lượng sinh viên tham gia các hoạt động này cũng được nâng cao.

g) Công tác quản lý khoa học

- Công tác tổ chức quản lý hoạt động khoa học và công nghệ luôn được nhà trường quan tâm đúng mức. Nhà trường tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN, bám sát mục tiêu, định hướng chiến lược của Nhà trường trong hoạt động KHCN.

- Nhà trường đã Ban hành Quy định liêm chính trong hoạt động khoa học và công nghệ và Đổi mới sáng tạo trong Trường Đại học Mỏ - Địa chất; ban hành Dự thảo Quy định sửa đổi về quản lý hoạt động KHCN của Trường.

- Phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ: http://qlkh.humg.edu.vn) tiếp tục được hoàn thiện cho phép quản lý hiệu quả các công trình khoa học của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường và giúp đơn giản hóa việc thống kê, tính khối lượng giờ khoa học công nghệ hàng năm và là cơ sở quan trọng để đánh giá đúng tiềm lực khoa học công nghệ của Nhà trường.

h. Hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ

Hoạt động NCKH ứng dụng và triển khai công nghệ được chia làm 2 hình thức: Hợp đồng nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ được ký kết trực tiếp về Trường và các hợp đồng được ký kết về các Trung tâm, Công ty thuộc Trường.

Năm 2022, có 02 đề tài, hợp đồng NCKH - triển khai công nghệ chuyển sang từ năm 2021 được thực hiện, với tổng kinh phí quyết toán theo hợp đồng là 716,5 triệu đồng, giảm 28,3% so với năm 2021.

Bảng 34. Đối sánh kết quả các đề tài NCKH - triển khai công nghệ với doanh nghiệp, địa phương trực tiếp ký Trường giai đoạn 2020 - 2022

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tỉ lệ năm 2022/2021 (%)
1	Số lượng hợp đồng	3	2	0	-100
2	Tổng kinh phí quyết toán (Tr.đ)	5595	1.000	716,5	-28.3
3	Số tiền đóng góp cho Trường (Tr.đ)	260	50	35,8	-28,4

i. Hoạt động của các trung tâm nghiên cứu, Công ty CODECO

Năm 2022, hoạt động của các Trung tâm, Công ty của Trường vẫn tiếp tục khẳng định tốt vai trò làm chủ trong công tác NCKH - triển khai công nghệ và đào tạo của đơn vị mình, góp phần vào thành tích chung trong hoạt động KHCN, cùng các Khoa nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời đóng góp một phần kinh phí đáng kể cho hoạt động chung của nhà trường. Kết quả hoạt động của 08 trung tâm nghiên cứu và Công ty CODECO được trình bày trong Bảng 35 và Bảng 36.

Bảng 35. Đối sánh kết quả hoạt động NCKH - triển khai công nghệ của các trung tâm và Công ty CODECO giai đoạn 2020-2022

TT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Tỉ lệ tăng/ giảm 2022/2021 (%)
1	Số lượng hợp đồng	882	900	983	1,09
2	Tổng doanh thu của TT, Cty (Tr.đ)	223.404	249.699	309.937	12,41
3	Số tiền đóng góp về Trường (Tr.đ)	3.351	3.745	4.649	12,41
4	Số tiền thuế đã nộp (Tr.đ)	16.415	18.356	20.314	11,06

Đánh giá chung: Kết quả hoạt động KHCN của công ty, các trung tâm nghiên cứu đã góp phần đưa các ứng dụng công nghệ mới trong các lĩnh vực thăm dò - khai thác khoáng sản, trắc địa - bản đồ, quản lý tài nguyên và môi trường, công nghệ thông tin phục vụ kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp tạo tiền đề cho công tác quy hoạch, hoạch định chính sách về khai thác, quản lý tài nguyên khoáng sản và đất đai, bảo vệ môi trường… ở các địa phương và doanh nghiệp.

Trung tâm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính của trung tâm là nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Một số trung tâm đã tích cực tìm kiếm, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ KHCN từ các Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, các Tỉnh, … như trung tâm Hỗ trợ phát triển Khoa học kỹ thuật, trung tâm Nghiên cứu Cơ điện mỏ, Trung tâm Môi trường Địa chất.

Các trung tâm nghiên cứu và công ty Codeco đã đóng góp cho nhà trường một nguồn

thu đáng kể từ hoạt động khoa học và công nghệ và dịch vụ khoa học và công nghệ. Hai trung tâm có doanh thu và qua đó là đóng góp vào nguồn thu nhiều nhất Trường là Trung tâm HTPT khoa học kỹ thuật, Trung tâm Nghiên cứu Địa kỹ thuật.

Bảng 36. Tổng hợp số liệu hoạt động KHCN của các Trung tâm nghiên cứu, công ty Codeco năm 2022

TT	Trung tâm, Công ty	Số hợp đồng	Kinh phí thực hiện (đồng)		Kinh phí đóng góp về Trường (đồng)			Các loại thuế (đồng)
			Tổng	Đã quyết toán số kinh phí	Mức đóng góp 2022 (1,5%)	Đã nộp	Còn phải nộp	
1	Công ty CODECO	90	28.783.826.825	28.783.826.825	431.757.402	431.757.402		2.320.642.070
2	TT NC Địa kỹ thuật	406	116.292.821.349	116.292.821.349	1.744.392.320	1.744.392.320		3.019.245.555
3	TT Hỗ trợ Phát triển KHKT	212	81.031.979.132	81.031.979.132	1.215.479.687	1.215.479.687		9.185.128.653
4	TT NC Môi trường Địa chất	43	8.192.543.606	8.192.543.606	122.888.154	122.888.154		666.484.090
5	TT KHCN Mỏ và Môi trường	65	11.111.055.452	11.111.055.452	166.665.832		166.665.832	547.247.017
6	TT NC Trắc địa công trình	20	5.981.000.000	5.981.000.000	89.715.000	89.715.000		700.000.000
7	TT NCUD CNM Trắc địa - Bản đồ	52	30.809.819.446	30.809.819.446	462.147.292	462.147.292		2.712.857.463
8	TT NC Cơ điện mỏ	54	15.720.078.567	15.720.078.567	235.801.179	235.801.179		208.318.104
9	TT TK Công nghệ khoáng chất	41	12.014.288.683	12.014.288.683	180.214.330	180.214.330		954.656.818
	Tổng cộng	**983**	**309.937.413.060**	**309.937.413.060**	**4.649.061.196**	**4.482.395.364**	**166.665.832**	**20.314.579.770**

7.1.2. Công tác hợp tác quốc tế

Trong năm học 2022 - 2023, mặc dù còn nhiều khó khăn, Nhà trường tiếp tục thúc đẩy tiến trình quốc tế hóa giáo dục của trường trên cơ sở tôn trọng, hữu nghị và đôi bên cùng có lợi. Một số kết quả đã đạt được như sau:

a) Mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác mới

Từ tháng 9/2022 tới tháng 8/2023, Nhà trường đã ký 21 Biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các trường đại học, viện nghiên cứu từ các nước Pháp, Lào, Hàn Quốc, Vương quốc Anh, Canada, Trung Quốc, Ấn Độ, Đức, Italy, Thụy Điển; tạo cơ sở pháp lý để thực hiện các chương trình hợp tác như: Trao đổi cán bộ và sinh viên, Nghiên cứu và Phát triển, Đào tạo và Tăng cường năng lực, Thực hiện dự án Erasmus+, Xây dựng cơ sở đào tạo và thi sát hạch tiếng Trung, Tài trợ trang thiết bị cho Nhà trường. Cụ thể:

Bảng 37. Các thỏa thuận, chương trình hợp tác ký kết mới năm học 2022 - 2023

TT	Tên đối tác nước ngoài	Nước	Nội dung chương trinh, thỏa thuận hợp tác	Ngày ký kết	Thời hạn hiệu lực
1	Institut polytechnique de Grenoble (Grenoble INP – UGA)	Pháp	MOU	06/9/2022	5 năm
2	Institut polytechnique de Grenoble (Grenoble INP – UGA)	Pháp	Thỏa thuận trao đổi sinh viên	06/9/2022	5 năm

TT	Tên đối tác nước ngoài	Nước	Nội dung chương trinh, thỏa thuận hợp tác	Ngày ký kết	Thời hạn hiệu lực
3	Polytechnic College, Vientiane, Lao PDR	Lào	MOU	29/9/2022	5 năm
4	Korea Natural History Museum	Hàn Quốc	MOU	13/10/2022	5 năm
5	Resources Recycling Science Education Society of Korea	Hàn Quốc	MOU	13/10/2022	5 năm
6	Portsmouth University	VQ Anh	MOU	27/10/2022	5 năm
7	Aix Marseille University	Pháp	Thỏa thuận hợp tác toàn diện	15/11/2022	5 năm
8	Aix Marseille University	Pháp	Thỏa thuận trao đổi sinh viên	15/11/2022	5 năm
9	University of Regina	Canada	MOU	02/12/2022	5 năm
10	University of Regina	Canada	Thỏa thuận trao đổi sinh viên	02/12/2022	5 năm
11	Kangwon National University, Carbon Mineralization Flagship Center, DL E&C Co., Ltd., Carbonco Pte. Ltd.	Hàn Quốc	Thỏa thuận hợp tác Nghiên cứu và Phát triển, Đào tạo và Tăng cường năng lực, Chuyển giao công nghệ và Thương mại hóa về công nghệ CDM	18/01/2023	5 năm
12	Uttaranchal University	Ấn Độ	MOU	09/3/2023	5 năm
13	TU Clausthal	Đức	Thỏa thuận về trao đổi cán bộ và sinh viên		Không thời hạn
14	Helmholtz Centre Potsdam GFZ, German Research Centre for Geosciences	Đức	Thỏa thuận về tài trợ lắp đặt trạm quan trắc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất	04/4/2023	5 năm
15	CADEO Consortium Agreement	Italy, Thụy Điển và Việt Nam	Thỏa thuận về thực hiện dự án Erasmus+ CADEO	22/5/2023	Trong thời gian dự án
16	Học viện công nghệ hóa dầu Bắc Kinh	Trung Quốc	MOU	13/6/2023	5 năm
17	Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp nghề Hà Bắc	Trung Quốc	Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Trung và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học	15/6/2023	3 năm
18	Học viện kỹ thuật nghề Lai Vu	Trung Quốc	Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Trung và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học	17/6/2023	3 năm
19	Trường Đại học nghề Tế Nam	Trung Quốc	Biên bản ghi nhớ hợp tác về xây dựng cơ sở đào tạo tiếng Hán và nghề và các trao đổi học thuật và khoa học	18/6/2023	3 năm

TT	Tên đối tác nước ngoài	Nước	Nội dung chương trinh, thỏa thuận hợp tác	Ngày ký kết	Thời hạn hiệu lực
20	Korea Maritime and Ocean University	Hàn Quốc	Biên bản ghi nhớ hợp tác về nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và công nghệ môi trường	10/7/2023	3 năm
21	Đại học Mỏ Mines d'Alès	Pháp	Thỏa thuận hợp tác về đào tạo và khoa học	25/7/2023	5 năm

Bên cạnh đó, Nhà trường tiếp tục duy trì quan hệ tốt đẹp với các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài tại Việt Nam như Đại sứ quán Ba Lan, Đại sứ quán CHDCND Lào, Đại sứ quán Vương quốc Campuchia, Đại sứ quán Mông Cổ, Đại sứ quán Pháp, Đại sứ quán Hungary, Đại sứ quán Mỹ, Lãnh sự quán Canada tại Thành phố Hồ Chí Minh, Văn phòng Đài Bắc, Trung tâm văn hóa Nga tại Hà Nội, đại diện Cơ quan trao đổi học thuật quốc gia Ba Lan (NAWA), Cơ quan trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD), Campus France và một số doanh nghiệp nước ngoài có trụ sở tại Việt Nam. Sự ủng hộ của các cơ quan, tổ chức này hỗ trợ rất nhiều trong các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường.

b) Thực hiện các dự án hợp tác quốc tế

Hiện nay, Nhà trường đang tham gia thực hiện 2 dự án Erasmus+ về nâng cao năng lực trong giáo dục đại học do EU tài trợ và 1 dự án hợp tác do Hội đồng Anh tài trợ. Cụ thể:

- Dự án Erasmus+ ANGEL "Mạng lưới khởi tạo và lãnh đạo doanh nghiệp xanh của ASEAN" do Cơ quan điều hành Giáo dục, Nghe nhìn và Văn hoá của Liên minh Châu Âu phê duyệt tài trợ từ năm 2021 với sự tham gia của 16 trường đại học tại Hy Lạp, Síp, Malaysia, Indonesia, Lào, Campuchia và Việt Nam. Dự án đang đi vào năm cuối cùng của chương trình, với kết quả là một Văn phòng sáng tạo khởi nghiệp (Angel Hub) được tài trợ thiết bị để hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên.

- Dự án Erasmus+ CADEO "Ứng dụng kỹ thuật quan trắc Trái đất và bản sao số địa không gian trong thích ứng với biến đổi khí hậu" với sự hỗ trợ chuyên môn của Đại học Bách khoa Milan (Italy) và Đại học Lund (Thụy Điển) nhằm xây dựng 4 môn học trình độ sau đại học theo tiêu chuẩn quốc tế, qua đó phát triển cho người học những kỹ năng và kiến thức về khoa học công nghệ trong lĩnh vực không gian địa lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, dự án cũng sẽ phát triển một hệ thống E-Learning dùng chung giữa các đối tác Châu Âu và Việt Nam, cải thiện khả năng học trực tuyến và chu trình học tập suốt đời, giúp sinh viên và giảng viên theo kịp các xu hướng và công nghệ mới nhất.

- Dự án về Khung năng lực nghiên cứu giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, Trường Đại học Portsmounth và Trường Đại học Bournemouth (VQ Anh) tiếp tục được thực hiện với sự tài trợ của Hội đồng Anh nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu cho các trường đại học Việt Nam.

c) Hội nghị, hội thảo quốc tế, khóa học ngắn hạn

Năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tổ chức thành công một số Hội nghị quốc tế có xuất bản quốc tế, số liệu được trình bày trong bảng 38.

Ngoài ra, Nhà trường tích cực kết nối để tổ chức các khóa học miễn phí cho sinh viên. Không chỉ các khóa học có nội dung chuyên môn, các khóa học về lịch sử, văn hóa nhằm nâng cao hiểu biết toàn diện cho sinh viên cũng được tổ chức, như:

- Chuỗi khóa học online về địa chất thủy văn, kỹ thuật dầu khí, địa vật lý, logistic và quản lý chuỗi cung ứng phối hợp với Trường Đại học Công nghiệp Tyument - LB Nga tổ chức từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2022.

- Khóa học về văn hóa và lịch sử Châu Âu do Đại sứ quán Hungary hỗ trợ cử giảng viên giảng dạy cho sinh viên trường liên tục trong thời gian 12/12/2022 - 20/3/2023.

Bảng 38. Các Hội nghị, Hội thảo quốc tế được tổ chức năm học 2022 - 2023

TT	Tên/Chủ đề Hội nghị/Hội thảo	Nội dung hoạt động	SL đại biểu	Đến từ các nước	Thời gian thực hiện
1	Hội nghị khoa học quốc tế "Integrated Petroleum Engineering - IPE3"	Tìm kiếm thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và các hoạt động khác liên quan đến năng lượng	80	Việt Nam, Mỹ, Nga, Hàn Quốc	06/10/2022
2	Hội nghị khoa học quốc tế "Geo-spatial Technologies and Earth Resources (GTER 2022).	Công nghệ địa không gian trong lĩnh vực Khoa học trái đất và Mỏ.	100	Việt Nam, Đức, Ba Lan, Hàn Quốc	13/10/2022
3	Hội nghị vùng Đông Nam Á của của Hội Giáo sư mỏ thế giới	(1) Chuyển đổi số trong ngành khai khoáng, (2) Khai thác mỏ an toàn và có trách nhiệm, (3) Kinh tế tuần hoàn trong ngành khai khoáng	40	Việt Nam, Đức, Mỹ, Indonesia, Ấn Độ	11-12/10/2022
4	Hội thảo hợp tác Tuyển khoáng Việt Nam - Ba Lan hợp tác cùng Viện Kim loại màu Łukasiewicz	Các giải pháp công nghệ trong tuyển khoáng	30	Việt Nam, Ba Lan	14/7/2023

d) Trao đổi cán bộ và sinh viên

Hoạt động trao đổi cán bộ và sinh viên diễn ra sôi nổi trong năm học. Nhà trường tích cực tìm kiếm các cơ hội học bổng và hỗ trợ tài chính cho sinh viên, viên chức giảng dạy và hành chính tham gia các hoạt động trao đổi sinh viên tại nước ngoài nhằm học hỏi / chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, nâng cao kỹ năng đặc biệt là năng lực ngoại ngữ.

Trong năm học 2022-2023, Nhà trường đã cử 5 VCGD và hành chính, 13 sinh viên đi tham gia các chương trình trao đổi ở Ba Lan, Đức, Canada, Romania, Indonesia, LB Nga. Đặc biệt, trong năm 2023, trường đã cử được đoàn vận động viên sinh viên đi dự Đại hội thể thao sinh viên quốc tế tại Nga, là đoàn vận động viên không chuyên duy nhất của Việt Nam dự Đại hội.

Trong năm học, Nhà trường cũng đón 13 lượt giảng viên nước ngoài (từ Ba Lan, Hungary, Italy, Hoa Kỳ, Pháp) đến giảng dạy, làm việc ngắn hạn và 29 sinh viên nước ngoài (Pháp, Đức, Nhật Bản) đến trao đổi, thực tập, học tập ngắn hạn tại Trường; nâng cao uy tín của Nhà trường đối với đối tác quốc tế.

Bên cạnh đó, nhà trường vẫn duy trì các hoạt động trao đổi giảng viên trực tuyến. Trong năm học 2022 - 2023 đã có các giáo viên tham gia các hoạt động trực tuyến như giảng viên dài hạn (1 học kì) tại trường Đại học Khoa học ứng dụng Warsaw Ba Lan, giảng viên cho các khóa ngắn hạn hoặc trại hè tại Trường Đại học Công nghiệp Tyument - LB Nga.

e) Quản lý và đào tạo sinh viên nước ngoài học chính quy

Năm học 2022 - 2023, Trường Đại học Mỏ - Địa chất tiếp tục là địa chỉ đáng tin cậy thu hút sinh viên các nước Lào, Mông Cổ, Campuchia đến học chính quy tại Trường, theo diện Hiệp định và tự túc.

Bảng 39. Số lượng lưu học sinh nước ngoài trong năm học 2022 - 2023

Bậc học	Lưu học sinh			
	Lào	Campuchia	Mông Cổ	Trung Quốc
Đại học	29	18	02	01
Thạc sĩ	5	0	0	0
Tiến sĩ	1	0	0	0

Nhà trường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý: Cục Hợp tác quốc tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý Xuất nhập cảnh – Bộ Công an, Phòng An ninh văn hóa – Công an Thành phố Hà Nội, Đại sứ quán các nước có sinh viên đang theo học để quản lý và đảm bảo các vấn đề an ninh, an toàn cho lưu học sinh trong quá trình sinh sống và học tập tại Việt Nam.

g) Hoàn thiện các quy định quản lý công tác HTQT

Nhà trường đã chỉ đạo phòng chức năng nghiên cứu các chính sách của Đảng, quy định của Nhà nước để soạn thảo và ban hành bổ sung các văn bản quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế của nhà trường đi vào nề nếp:

- Quy định về tiêu chuẩn, thủ tục phong tặng danh hiệu Giáo sư danh dự của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (ban hành theo Quyết định số 946/QĐ-MĐC ngày 23/8/2022);
- Quy định về quản lý và sử dụng hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (ban hành theo Quyết định số 440/QĐ-MĐC ngày 28/4/2023).

7.1.3. Công tác xuất bản

a) Nhiệm vụ quản lý hoạt động tạp chí Khoa học Kỹ thuật Mỏ - Địa chất

Trong năm học 2022 - 2023, đã chủ trì, phối hợp mạng lưới cộng tác viên khoa học và các đơn vị liên quan thực hiện các công việc thuộc quy trình biên tập, xuất bản và phát hành Tạp chí Khoa học kỹ thuật Mỏ - Địa chất (tiếng Việt và tiếng Anh), Hội nghị Nghiên cứu khoa học sinh viên, Hội nghị nghiên cứu khoa học Quốc tế, các ấn phẩm, sách, giáo trình, bài giảng của Trường theo quy định nội bộ của Trường và các quy định của pháp luật.

Về hội nghị, hội thảo: Đã xuất bản Tuyển tập ERSD.

Bảng 40. Thống kê Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

Nhận bài	Phản biện đồng ý đăng	Ban biên tập đánh giá không đạt để phản biện	Phản biện không đồng ý đăng	Tác giả không đồng ý đăng
90	60	17	10	3

Đánh giá chung: Mặc dù nhân lực còn ít nhưng Phòng đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm học 2022 - 2023. Về Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất: Hoàn thành 7 số tạp chí (1 số chuyên đề và 6 số thường niên).

b) Nhiệm vụ in ấn, xuất bản

Tổ chức in và xuất bản theo quy định của pháp luật các tài liệu: sách, giáo trình, bài giảng; Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất; giấy thi phục vụ thi khảo thí, tài liệu phục vụ thi tuyển sinh, hội nghị, hội thảo….

Bảng 41. Thống kê in thực hiện nhiệm vụ năm học 2022 - 2023.

Tên tài liệu	Loại	Số lượng	Đơn vị	Kinh phí (đ)
I. Giáo trình				
1. Xử lý dữ liệu đám mây điểm	Giáo trình NXB	85	Quyển	14.500.000
2. Quản lý bảo vệ tài nguyên nước dưới đất	Giáo trình NXB	50	Quyển	9.120.000
3. Kế toán máy	Giáo trình NXB	50	Quyển	9.640.000
4. Tin học văn phòng nâng cao	Giáo trình NXB	50	Quyển	9.150.000
II. Tạp chí KHKT Mỏ - Địa chất	Tạp chí	6	Kỳ	NSNN

Tên tài liệu	Loại	Số lượng	Đơn vị	Kinh phí (đ)
III. In phục vụ tuyển sinh năm 2023	Tờ rơi, tờ gấp, kẹp file,…	3	Đợt	80.000.000
IV. In tài liệu nội bộ khác	Catalogue, biểu mẫu, thư mời, card visit, banner, pano,…	20	Đợt	20.500.000
Tổng chi phí in:				142.910.000
Trong đó: NSNN là tiền in tạp chí theo đề án nâng cấp tạp chí.				

7.2. Những tồn tại

a) Khoa học - công nghệ

- Chưa hình thành Quỹ khoa học công nghệ theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP về hoạt động khoa học trong cơ sở giáo dục đại học để tập trung nguồn lực tài chính hỗ trợ cho các hoạt động KHCN (tăng kinh phí cho nhóm nghiên cứu, khen thưởng bài báo quốc tế; tăng số lượng và kinh phí cấp cho đề tài cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên; tạo nguồn kinh phí đối ứng cho các đề tài/nhiệm vụ KHCN các cấp, ...).

- Chưa hình thành được hệ thống các tổ chức KHCN (Viện nghiên cứu, nhóm nghiên cứu) phù hợp với nhu cầu thực tế và điều kiện cụ thể của Nhà trường.

- Hệ thống các PTN được sắp xếp hoạt động chủ yếu theo hướng phục vụ hoạt động đào tạo, chưa gắn kết sâu và phục vụ hiệu quả hoạt động KHCN, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

- Số lượng kết quả NCKH của các đề tài/nhiệm vụ KHCN được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế sản xuất còn hạn chế.

- Chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học ngoài trường tham gia hợp tác nghiên cứu khoa học chưa đủ mạnh.

- Nguồn kinh phí dành cho KHCN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, tỷ trọng kinh phí đầu tư từ doanh nghiệp dưới các hình thức nhiệm vụ KHCN đặt hàng để giải quyết các vấn đề đặt ra của thực tiễn sản xuất còn hạn chế. Nguồn kinh phí từ NSNN cấp cho một số đề tài KHCN các cấp không đảm bảo theo kế hoạch thực hiện, do đó hầu hết các đề tài không chủ động thực hiện theo kế hoạch, dẫn tới nhiều đề tài phải kéo dài thời gian thực hiện ngoài mong muốn.

b) Hợp tác quốc tế

- Sự quan tâm và ghi nhận của lãnh đạo về quốc tế hóa giáo dục, sự nhận thức của cán bộ, viên chức trong trường về đổi mới trong hợp tác quốc tế còn chưa đồng đều.

- Việc thiếu nhân lực chuyên trách công tác hợp tác quốc tế cũng gây nhiều khó khăn và hạn chế việc mở rộng quy mô hợp tác cũng như phát triển các chương trình hợp tác.

- Cơ sở vật chất và phương pháp phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu của Trường còn có phần lạc hậu so với khu vực và thế giới. Sự khác nhau về hạ tầng cơ sở cũng gây khó khăn cho việc hợp tác nhất là trong nghiên cứu khoa học.

- Hệ thống văn bản quản lý chưa đầy đủ, chưa rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong thực hiện một số hoạt động hợp tác quốc tế.

- Chưa có chương trình đào tạo được kiểm định quốc tế mặc dù Nhà trường đã tham gia Mạng lưới các trường Đại học Đông Nam Á (AUN), có liên kết đào tạo và một số chương trình đào tạo được nâng cấp theo tiêu chuẩn Châu Âu từ những dự án quốc tế.

c) Xuất bản

- Số lượng giáo trình xuất bản còn thiếu, do các Thầy/cô viết không nhiều.

- Số lượng bài báo Tiếng Anh chất lượng chưa nhiều.

- Nhiều tác giả phàn nàn chờ đăng bái báo mất nhiều thời gian.

7.3. Giải pháp

a) Công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động NCKH - chuyển giao công nghệ

- Sửa đổi Quy định quản lý hoạt động KHCN của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP và thực tế hoạt động KHCN của Trường.

- Nghiên cứu đề xuất một số quy định, quy chế mới nhằm phát huy tính chủ động, năng lực sáng tạo của các nhà khoa học trong hoạt động nghiên cứu, cụ thể: giao khoán đến sản phẩm cuối cùng; chuyển đổi từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm trước mắt đối với đề tài cấp cơ sở dựa trên việc giao khoán, giao các nhóm nghiên cứu chủ động trong chi kinh phí phục vụ hoạt động nghiên cứu trên cơ sở các văn bản quy định của pháp luật và của Trường có liên quan, Nhà trường giữ vai trò kiểm tra việc thực hiện NCKH và giải ngân kinh phí tuân thủ các quy định hiện hành;

- Triển khai Xây dựng phần mềm quản lý đề tài KHCN các cấp.

- Đẩy mạnh việc xây dựng các đề tài phục vụ các doanh nghiệp, địa phương, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, viện nghiên cứu dựa trên năng lực, thế mạnh về lĩnh vực khoa học trái đất và mỏ của các nhà khoa học.

- Tổ chức các hội thảo chuyên đề, hội thảo quốc tế để các nhà khoa học, các nhà quản lý trao đổi, thảo luận về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ ngoại ngữ, nhằm nâng cao vai trò, vị thế của nhà trường.

- Tăng cường hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, gắn với thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Nâng cao hiệu quả, tính tự chủ trong hoạt động của các nhóm nghiên cứu thông qua các nhiệm vụ KHCN, hội thảo, sinh hoạt học thuật, tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế; khoán kinh phí, sản phẩm cho nhóm nghiên cứu dựa trên năng lực, kết quả hoạt động và mục tiêu phát triển của từng nhóm nghiên cứu; tiếp tục thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh, mục tiêu đến 2025 có tối thiểu 01 nhóm nghiên cứu mạnh đáp ứng yêu cầu của Nghị định 109/2022/NĐ-CP; Đẩy mạnh việc đào tạo nguồn nhân lực KHCN có trình độ cao, đặc biệt cán bộ trẻ, NCS, học viên cao học thông qua hoạt động của các nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp với cơ chế tài chính hỗ trợ/tài trợ cho học viên sau đại học có năng lực nghiên cứu tốt.

- Thúc đẩy hợp tác về KHCN với các trường đại học kỹ thuật trong nước, trong đó đặc biệt là các trường trong nhóm G7 trên cơ sở triển khai các nội dung thỏa thuận hợp tác đã ký kết vào tháng 9/2022.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học. Tăng cường mở các đề tài hợp tác với các nước dưới dạng các nhiệm vụ nghị định thư, nhiệm vụ song phương, tổ chức các hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật.

- Trang bị cho các đơn vị nghiên cứu, nhà khoa học công cụ để tự kiểm tra, kiểm tra liêm chính trong NCKH, hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học trong và ngoài nước.

b) Công tác hợp tác quốc tế

- Nâng cao nhận thức cho viên chức và sinh viên về công tác hợp tác quốc tế trong giáo dục đại học, mở rộng mạng lưới tình nguyện viên là các viên chức, sinh viên có thể hỗ trợ các hoạt động của trường, đồng thời tăng cường nhân lực chuyên trách.

- Tiếp tục chủ động tìm kiếm đối tác và cơ hội hợp tác mới, đẩy mạnh việc tiếp cận và đề xuất các dự án hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn tài trợ nước ngoài nhằm phát triển năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường, tăng cường cơ sở vật chất cho Nhà trường.

- Đẩy mạnh công tác tư vấn tuyển sinh ra các nước lân cận và trong khu vực để quảng bá hình ảnh của trường.

- Soạn thảo và lấy ý kiến các đơn vị để ban hành Quy định quản lý các chương trình liên

kết đào tạo với nước ngoài của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Quy định quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Thực hiện kiểm định quốc tế đối với các chương trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, tăng uy tín của Nhà trường, đồng thời thu hút người học.

c) Công tác xuất bản

Phát huy hơn nữa tinh thần chủ động sáng tạo của cán bộ, viên chức Phòng Xuất bản trong các công việc được giao.

8. Công tác tổ chức - cán bộ, thanh tra, cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

8.1. Những kết quả đạt được

8.1.1. Công tác tổ chức - cán bộ

Trên cơ sở Chiến lược phát triển Trường, Nhà trường chú trọng đến việc xây dựng bộ máy và nhân sự của từng giai đoạn, từ đó đề ra kế hoạch quy hoạch, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng từng chức danh CBVC hàng năm cho phù hợp với định hướng phát triển Trường.

a) Công tác tổ chức bộ máy

Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường theo Quyết định số 269/QĐ-MĐC ngày 28/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường gồm:

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất gồm (Hình 5):

1. Đảng ủy;
2. Hội đồng trường;
3. Ban Kiểm soát
4. Ban Giám hiệu;
5. Các đơn vị trong Trường, gồm:

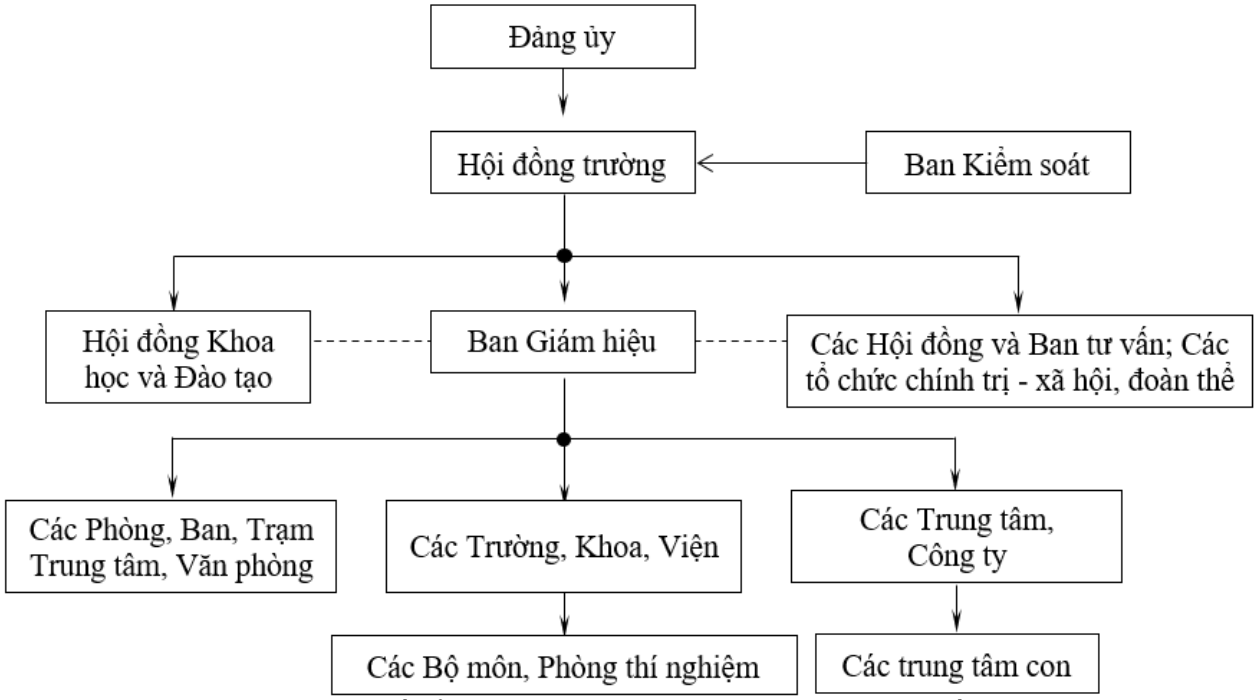
- Các đơn vị hành chính gồm: phòng, ban, trung tâm, văn phòng, trạm.
- Các đơn vị chuyên môn (đào tạo, nghiên cứu khoa học) gồm: trường, khoa, Trung tâm, viện và bộ môn (nếu có).
- Các đơn vị khoa học và công nghệ, dịch vụ gồm: trung tâm; công ty

Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viện và tương đương.

6. Các bộ môn, phòng thí nghiệm thuộc trường, khoa, viên và tương đương.
7. Các trung tâm con thuộc các trung tâm, công ty.
8. Hội đồng Khoa học và Đào tạo; các hội đồng và ban tư vấn khác; các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể.

Cơ cấu tổ chức của Nhà trường thực hiện ở **03** cấp: trường, khoa, bộ môn. Hiện nay Nhà trường có 12 khoa trong đó có 09 khoa chuyên môn và 03 khoa đại cương với **58** bộ môn; 12 phòng và 08 đơn vị chức năng, Văn phòng đại diện tại Quảng Ninh, Đà Nẵng.

Năm học 2022 - 2023, Hiệu trưởng đã trình Hội đồng trường đã ban hành Nghị quyết số 201/NQ-HĐT ngày 30/12/2022, về việc đổi tên khoa Dầu khí thành khoa Dầu khí và Năng lượng và Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 19/01/2023, về việc đổi tên Bộ môn Môi trường cơ sở thành Bộ môn Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



Hình 5. Sơ đồ tổ chức của Trường Đại học Mỏ - Địa chất
(Theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Hội đồng Trường Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

Ghi chú: ———— Quan hệ lãnh đạo
---------- Quan hệ tư vấn, phối hợp

b) Công tác quy hoạch cán bộ, lãnh đạo quản lý

Nhà trường đã triển khai công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 438-QĐ/ĐU, 439-QĐ/ĐU, 440-QĐ/ĐU, 441-QĐ/ĐU ngày 27/02/2023 về việc rà soát, bổ sung quy hoạch các vị trí lãnh đạo, quản lý nhiệm kỳ hiện tại 2020 - 2025 và nhiệm kỳ kế tiếp 2025 - 2030, cụ thể có 316 cán bộ, viên chức được quy hoạch vào các vị trí lãnh đạo, quản lý từ cấp phó trưởng bộ môn và tương đương trở lên ở giai đoạn 2020 - 2025 và 284 cán bộ, viên chức trong giai đoạn kế tiếp 2025 - 2030. Ngày 17/5/2023, Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 89-QĐ/BCSĐ về việc phê duyệt quy hoạch chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2020 - 2025 và 2025 - 2030.

Công tác quy hoạch, phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm bảo đảm tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường.

c) Công tác bổ nhiệm cán bộ, lãnh đạo quản lý, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã bổ nhiệm lãnh đạo cho các đơn vị hết nhiệm kỳ, hết tuổi quản lý đảm bảo tính ổn định, kế thừa và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo. Công tác này ngày càng được chú trọng, chuẩn bị chu đáo, thực hiện đúng quy trình, quy định.

Tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục bổ nhiệm viên chức lãnh đạo, quản lý được thực hiện Luật Viên chức và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường, cụ thể đối với Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Đối với các chức vụ quản lý khác: tiêu chuẩn, nhiệm kỳ, quy trình, thủ tục bổ nhiệm được quy định trong quy định bổ

nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm của Trường, quy chế được ban hành, công khai, phổ biến và triển khai rộng rãi trong toàn Trường. Quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại vị trí lãnh đạo quản lý thực hiện theo trình tự từ việc thống nhất chủ trương cho đến triển khai các bước thực hiện quy trình nhân sự, trước khi thực hiện bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý thì có đầy đủ các nghị quyết, kết luận của Đảng ủy trường, Hội đồng trường.

Ngoài ra các tiêu chuẩn tối thiểu cho từng vị trí việc làm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý cũng được quy định trong đề án vị trí việc làm của Trường. Để nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, Trường tạo điều kiện cho các viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp (hạng I, II), xét đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư; thực hiện các thủ tục bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp giảng viên chính, giảng viên cao cấp theo quy định pháp luật. Hồ sơ bổ nhiệm thực hiện theo đúng quy định của Trường và pháp luật .

Bảng 42. Bảng thống kê số lượng viên chức được bổ nhiệm năm học 2022 - 2023

Năm	Vị trí lãnh đạo, quản lý			Đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh		Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp	
	Cấp Trường	Cấp Phòng, Khoa, Ban và tương đương	Cấp Bộ môn và tương đương	Giáo sư	Phó Giáo sư	Hạng I	Hạng II
2022 - 2023		3	20		5	1	82

d) Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức

Nhà trường luôn chú trọng xây dựng cơ chế phối hợp giữa các đơn vị trong Trường nhằm đảm bảo thống nhất hoạt động cùng hướng tới thực hiện mục tiêu chung của Nhà trường. Trên cơ sở quy hoạch dài hạn đội ngũ cán bộ, viên chức, Nhà trường đã tiến hành xây dựng chương trình phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức để lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cụ thể, sát với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Cơ cấu đội ngũ cán bộ giảng dạy ngày càng được trẻ hóa, có trình độ cao: cán bộ dưới 40 tuổi có 235 cán bộ, chiếm 43.4% tổng số CBGD, từ 41 - 50 có 260 cán bộ, chiếm 47,9% tổng số CBGD và đây cũng là độ tuổi giảng viên có trình độ TS cao nhất.

Tính đến ngày 31/10/2023, tổng số viên chức là 690 người, trong đó viên chức giảng dạy là 485 viên chức, 161 viên chức hành chính, 44 kỹ sư. Trong số viên chức giảng dạy có 282 tiến sĩ (trong đó có 04 giáo sư và 54 phó giáo sư).

Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã giải quyết chế độ hưu trí và tử tuất cho 9 cán bộ, 12 cán bộ chuyển công tác và chấm dứt hợp đồng.

Bảng 43. Thống kê số lượng cán bộ viên chức của Nhà trường

Nội dung	Năm 2022 (đến 30/10/2022)	Năm 2023 (đến 30/10/2022)	Tăng/giảm (%)
1. Tổng số CBVC	711	690	-2.9
- Viên chức giảng dạy	497	485	-2.4
- Viên chức hành chính	169	161	-4.7
- Kỹ sư	45	44	-2.2
2. Viên chức nghỉ hưu	9	9	0
3. Viên chức chuyển công tác	6	12	100
4. Số lượt viên chức được cử đi học cao học	14	0	-100

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm (%)
	(đến 30/10/2022)	(đến 30/10/2022)	
5. Số lượt viên chức được cử đi học NCS	15	10	-33.3
- Trong nước	8	5	-37.5
- Ngoài nước (đề án 89 ....)	7	5	-28.57
6. Số lượt viên chức hoàn thành học tập	20	13	-35
- Trong nước	7	9	28.57
- Ngoài nước (đề án 89 ....)	13	4	-69.23
7. Thỉnh giảng	99	80	-19.19

- Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã cử 05 cán bộ đi nghiên cứu sinh trong nước. Cử đi đào tạo ở nước ngoài 05 nghiên cứu sinh và nghiên cứu sau tiến sĩ.

- Tính đến ngày 31/10/2023, Nhà trường đã làm thủ tục tiếp nhận cho 13 cán bộ hoàn thành học tập về nước, 04 cán bộ ở nước ngoài về nước và 09 cán bộ trong nước, bổ sung thêm nguồn nhân lực chất lượng cao cho Nhà trường.

Bảng 44. Cơ cấu đội ngũ viên chức giảng dạy

Năm	GS		PGS		TS		ThS		ĐH	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2022	4	0.8	50	10.06	217	43.66	219	44.06	7	1.4
2023	4	0.8	53	10.09	225	46.39	196	40.4	7	1.4

Bảng 45. Phân loại đội ngũ viên chức giảng dạy và kỹ sư tại các Khoa theo trình độ (tính đến ngày 31/10/2023)

TT	Đơn vị	Tổng số		Phân loại theo trình độ				
			Trong đó: Nữ	Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sỹ, TSKH	Đại học, Cao đẳng	Thạc sỹ
	Toàn đơn vị:	529	202	4	53	282	12	235
1	Khoa Công nghệ thông tin	58	28	0	3	18	2	38
2	Khoa Cơ - Điện	51	10	0	7	24	2	25
3	Khoa Dầu khí và Năng lượng	50	14	0	8	34	1	15
4	Khoa Khoa học cơ bản	73	42	0	2	28	1	44
5	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất	62	18	1	7	34	5	23
6	Khoa Mỏ	43	10	1	5	28	0	15
7	Khoa Môi trường	30	15	0	2	17	0	13
8	Khoa Lý luận chính trị	16	11	0	0	7	0	9
9	Khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh	44	27	0	3	24	1	19
10	Khoa Trắc địa - Bản đồ và Quản lý đất đai	71	24	1	10	42	0	29
11	Khoa Xây dựng	31	3	1	6	26	0	5

Theo Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng năm 2023 ban hành kèm theo Kế hoạch số 82/KH-MĐC ngày 17/02/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2023 và Công văn số 390/MĐC-TCCB ngày 19/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc điều chỉnh Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động năm 2023; Nhà trường đã mở 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cho 71 viên chức, 01 lớp bồi dưỡng kỹ năng điều hành cuộc họp với 120 viên chức quản lý tham gia và 01 lớp Kỹ năng viết báo cáo cho viên chức hành chính với 50 lượt viên chức tham gia và 74 lượt viên chức tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị, 04 viên chức đi đào tạo Cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung.

e) Công tác xét nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn

Trong năm học 2022 - 2023 Nhà trường đã thực hiện công tác xét nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung và nâng lương trước thời hạn năm 2022 cụ thể như sau:

Đợt 02/2022 nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 82 cán bộ viên chức và người lao động (53 cán bộ giảng dạy trong đó 2 giảng viên cao cấp, 51 giảng viên, giảng viên chính; 25 viên chức hành chính, kỹ sư, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 04 viên chức giảng dạy và hành chính); Nâng bậc lương trước hạn với 59 cán bộ viên chức và người lao động (44 cán bộ giảng dạy trong đó 08 GVCC, 36 GV, GVC; 15 viên chức hành chính, kỹ sư).

Đợt 01/2023 nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 80 cán bộ viên chức và người lao động (49 cán bộ giảng dạy trong đó 9 giảng viên cao cấp, 40 giảng viên, giảng viên chính; 25 viên chức hành chính, kỹ sư; nâng phụ cấp thâm niên vượt khung đối với 06 viên chức giảng dạy và hành chính).

8.1.2. Công tác thanh tra

Nhằm nắm bắt tình hình, phòng ngừa, phát hiện và đề xuất phương án xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hoặc những thiếu sót trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của các đơn vị, cá nhân trong Trường, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 83/KH-MĐC ngày 16/02/2022 về việc ban hành Kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát năm 2022, số 13/KH-MĐC ngày 06/01/2023 về việc ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2023, Thông báo số 29/TB-MĐC ngày 17/01/2023 về việc thông báo Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023. Tuy nhiên do khối lượng công việc các tháng đầu năm 2023 quá lớn nên việc triển khai công tác kiểm tra theo kế hoạch chưa đúng tiến độ, vì vậy tháng 7/2023 Nhà trường ban hành Quyết định số 978/QĐ-MĐC ngày 20/7/2023 về việc điều chỉnh Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2023.

Công tác tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát bao gồm các hoạt động:

a) Giám sát thường xuyên liên tục

- Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên. Hằng tháng, Nhà trường đều tiến hành giám sát việc dạy và học, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ cán bộ khi lên lớp….

- Giám sát chấp hành kỷ luật lao động khối hành chính: trong quá trình hoạt động, Nhà trường đã lắp thiết bị chấm công bằng vân tay phối kết hợp với các tổ giám sát đột xuất việc chấp hành kỷ luật lao động cũng như giám sát ý thức tiết kiệm, bảo quản và giữ gìn tài sản, trang thiết bị được giao cho đơn vị quản lý. Qua các cuộc giám sát cho thấy, CBVC chấp hành tốt ý thức kỷ luật lao động, có ý thức trong việc giữ gìn tài sản chung. Hằng tháng, Phòng Tổ

chức - Cán bộ tổng hợp dữ liệu về giám sát và chấm công tới các đơn vị để kịp thời rà soát và đôn đốc, nhắc nhở các cán bộ có dấu hiệu vi phạm.

b) Kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất:

Căn cứ vào Kế hoạch công tác kiểm tra, giám sát năm 2022 và năm 2023, năm học 2022-2023 Nhà trường đã tiến hành các cuộc kiểm tra bao gồm:

(1) Kiểm tra công tác quản lý tài chính nội bộ

- Ngày 11/8/2022, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 901/QĐ-MĐC ngày 11/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra tài chính Trung tâm Dịch vụ, thời gian kiểm tra từ học kỳ 2 năm học 2018-2019 đến học kỳ 2 năm học 2021 - 2022.

- Ngày 19/10/2022, Nhà trường thông báo kết quả kiểm tra về việc kiểm tra tài chính Trung tâm Dịch vụ theo số 569/TB-MĐC ngày 19/10/2022.

(2) Kiểm tra nội dung các đơn kiến nghị của CBVC Trung tâm Dịch vụ

- Ngày 11/11/2023, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1369/QĐ-MĐC ngày 11/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra nội dung các đơn kiến nghị của CBVC, người lao động của Trung tâm Dịch vụ (theo đơn kiến nghị).

- Ngày 30/12/2022, Nhà trường thông báo kết quả kiểm tra theo thông báo số 732/TB-MĐC ngày 30/12/2022.

(3) Kiểm tra việc thực hiện tự chủ của các đơn vị được giao tự chủ hoạt động (Trung tâm NNTH-HUMG, Trung tâm Dịch vụ, Trung tâm Phân tích TNCNC)

- Ngày 15/12/2022, Nhà trường thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1682/QĐ-MĐC ngày 15/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra việc thực hiện tự chủ của các đơn vị được giao tự chủ hoạt động.

- Do nội dung kiểm tra này có nội dung trùng với nội dung kiểm tra của Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ trường nên đã tạm dừng triển khai, tháng 8/2023, Nhà trường hoàn thành quy trình kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra theo thông báo số 466/TB-MĐC ngày 25/8/2023.

(4) Kiểm tra công tác Y tế học đường, phòng chống dịch bệnh của Trường năm 2023

- Ngày 03/7/2023, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra theo Quyết định số 747/QĐ-MĐC ngày 03/7/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra công tác Y tế học đường, phòng chống dịch bệnh của Trường năm 2023, thời gian kiểm tra từ tháng 7/2023 đến hết tháng 12/2023. Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện quy trình kiểm tra theo quy định. Dự kiến tháng 01/2024 thông báo kết quả kiểm tra.

(5) Kiểm tra đột xuất: kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm

Ngày 07/11/2023, Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm theo Quyết định số 1685/QĐ-MĐC ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc kiểm tra, xác minh dấu hiệu vi phạm quy định, nội quy, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp của Ông Đinh Hữu Khánh và Bà Nguyễn Mai Hà (viên chức Trung tâm Dịch vụ) vào sáng ngày 20/10/2023 (trước và sau có liên quan). Hiện tại, Nhà trường đang thực hiện quy trình kiểm tra theo quy định.

c) Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư phản ánh, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo

Nhà trường đã bố trí phòng tiếp công dân (phòng 2.17 Nhà C12), lịch tiếp công dân theo quy định, tại địa điểm tiếp công dân, Nhà trường đã niêm yết nội quy tiếp công dân, hướng dẫn về quy trình tiếp công dân, quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật và công khai thông tin về việc tiếp công dân và công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường; đồng thời cử viên chức trực phòng tiếp công dân vào giờ làm việc các

ngày trong tuần.

- Ngày 19/6/2023, qua bộ phận tiếp công dân, Nhà trường nhận được đơn kiến nghị, phản ánh của 01 viên chức về các vấn đề liên quan đến dấu hiệu trù dập cá nhân người có tinh thần đấu tranh đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực ... Ngày 30/6/2023, Nhà trường ban hành công văn số 358a/MĐC-TCCB về việc tiếp nhận đơn, hiện đang trong quá trình xử lý thông tin theo quy định.

- Ngày 28/7/2023, Nhà trường nhận được đơn tố cáo về nhân phẩm, tư cách đạo đức của 01 giảng viên, đảng viên. Ngày 21/8/2023, Nhà trường làm việc trực tiếp với người tố cáo. Ngày 11/9/2023 Nhà trường thành lập Tổ kiểm tra giải quyết khiếu nại tố cáo theo Quyết định số 506-QĐ/UBKTĐU; Ngày 23/10/2023, Nhà trường thông báo kết luận giải quyết khiếu nại tố cáo theo thông báo số 63-TB/UBKTĐU.

Trên cơ sở yêu cầu về tiêu chuẩn của viên chức làm công tác thanh tra, Nhà trường đã cử các viên chức, viên chức phụ trách công tác thanh tra đi tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ các đợt do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, nhằm đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định của Nhà nước đã ban hành. Tuy nhiên, hiện tại đội ngũ viên chức thanh tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra thường xuyên, liên tục hơn. 100% viên chức làm công tác thanh tra của Nhà trường đã được cấp chứng chỉ " Cộng tác viên thanh tra giáo dục" theo đúng các quy định của Bộ, các viên chức làm công tác thanh tra tham gia đầy đủ các buổi tập huấn, bồi dưỡng.

Các viên chức làm công tác thanh tra của Nhà trường đa phần là viên chức giảng dạy kiêm nhiệm. Việc giám sát công tác giờ lên lớp của giảng viên nhằm đảm bảo việc ra vào lớp đúng thời gian quy định và đảm bảo việc giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy đã được phân công nhằm nâng cao hiệu quả trong giảng dạy của giảng viên và hiệu quả trong học tập của sinh viên, kết quả các cuộc giám sát cho thấy, đa phần giảng viên thực hiện tốt việc lên lớp đúng giờ, giảng dạy theo đúng kế hoạch, đeo thẻ viên chức khi lên lớp.

Nhà trường tiếp tục chủ động rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới Quy chế dân chủ; ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị tăng cường hoàn thiện các quy chế đảm bảo thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Nhà nước trong quản lý sử dụng vốn ngân sách, quản lý mua sắm sử dụng tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, chế độ hội họp, chi tiêu nội bộ, chế độ chính sách đối với viên chức, viên chức...

Công tác báo cáo về công tác thanh tra, kiểm tra, công tác tiếp dân, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác phòng, chống tham nhũng của trường được báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Thanh tra Bộ GD&ĐT. Đảm bảo trung thực, chính xác, khách quan và công bằng.

8.1.3. Công tác cải cách hành chính

Thực hiện nghiêm túc quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy định nội bộ trên cơ sở các văn bản của Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm học 2022 - 2023 Nhà trường đã ban hành trên 40 văn bản quy định nội bộ Quy định quy chế dân chủ, đánh giá xếp loại cá nhân và tập thể, nâng bậc lương thường xuyên và vượt khung, các quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tiến sĩ, khảo thí, về quyền sở hữu trí tuệ và văn hóa công sở. vv... hàng năm căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Nhà nước có sự điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lý, đội ngũ cán bộ, viên chức từng giai đoạn tạo nguồn bổ sung cho cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Trường. Công tác quy hoạch, phát

triển nguồn nhân lực của Nhà trường được thực hiện một cách nghiêm túc, có chọn lọc nên đội ngũ cán bộ quản lý của Trường đảm bảo về số lượng, có phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình, tâm huyết và trách nhiệm với công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý của Trường được bổ nhiệm theo tiêu chuẩn đối với từng chức danh, chức vụ quản lý theo quy định của Nhà nước và của Trường. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng, Trưởng/Phó Trưởng Khoa, Trưởng/Phó phòng ban chức năng đều đáp ứng đúng về yêu cầu theo quy định về tiểu chuẩn bổ nhiệm như độ tuổi, học vị. Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều có học hàm Phó Giáo sư, Giáo sư, Trưởng các Khoa có đào tạo để cấp văn bằng từ trình độ đại học trở lên đều có trình độ Tiến sĩ. Nhà trường thực hiện phân cấp quản lý giao quyền chủ động triển khai các công việc cho từng thành viên trong Ban giám hiệu, lãnh đạo các đơn vị, các đoàn thể phụ trách, theo dõi, giám sát việc thực hiện, báo cáo Lãnh đạo Nhà trường.

Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Vào đầu mỗi nhiệm kỳ, Nhà trường tổ chức Quy hoạch cán bộ lãnh đạo các phòng, khoa, ban, giữa nhiệm kỳ lại tiến hành công tác rà soát, quy hoạch bổ sung nhằm phát hiện nhân tố mới, có năng lực, trình độ.

Nhà trường đã trình Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án vị trí việc làm năm 2015. Hiện nay, để đáp ứng nhu cầu phát triển trong bối cảnh tự chủ, Nhà trường chủ động đang tiếp tục xây dựng Đề án vị trí việc làm giai đoạn 2. Công tác đổi mới quản lý, quy hoạch cán bộ quản lý của Nhà trường luôn bám sát quy định của pháp luật, đồng thời đảm bảo nguyên tắc dân chủ, công khai. Nhà trường tổ chức công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025 và quy hoạch nhiệm kỳ 2025-2030 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Bộ phận một cửa của Nhà trường đã đi vào hoạt động từ tháng 10/2020 và từng bước hoàn thiện với 39 quy trình giải quyết của các mảng Đào tạo, Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Năm học 2021-2022 Bộ phận một cửa đã giải quyết 8.413 lượt hồ sơ, việc tiếp nhận được giải quyết nhanh chóng thuận tiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc online.

8.1.4. Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng

a) Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường tiếp tục đã có những điều chỉnh kịp thời, hợp lý hơn góp phần đánh giá đúng hiệu quả làm việc của đội ngũ CBVC; đây cũng là cơ sở để xét thi đua khen thưởng năm học.

Kết quả năm học 2022 - 2023, toàn trường có 421 CBVC đạt mức A+, 135 CBVC đạt mức A, 96 CBVC đạt mức B+, 04 CBVC đạt mức C, 55 CBVC không đánh giá xếp loại; 67 tập thể đạt mức A+, 13 tập thể đạt mức A, 11 tập thể đạt mức B+, 0 tập thể đạt mức C.

Bảng 46. Thống kê xếp loại chất lượng viên chức và người lao động năm học 2022 - 2023

TT	Đơn vị	Mức xếp loại				
		A+	A	B	C	KĐG
A	**Khối Khoa**	**326**	**91**	**90**	**3**	**52**
1	Khoa Cơ - Điện	35	7	7	0	4
2	Khoa Công nghệ thông tin	42	9	5	0	5
3	Khoa Dầu khí và Năng lượng	22	9	9	0	12
4	Khoa Giáo dục quốc phòng	9	1	0	0	0
5	Khoa Khoa học cơ bản	38	15	24	0	0
6	Khoa Khoa học và KTĐC	27	9	17	0	9
7	Khoa Kinh tế - QTKD	43	3	1	0	1
8	Khoa Lý luận chính trị	14	2	1	0	0

TT	Đơn vị	Mức xếp loại				
		A+	A	B	C	KĐG
9	Khoa Mỏ	25	10	3	2	4
10	Khoa Môi trường	11	8	7	1	4
11	Khoa Trắc địa - BĐ và QLĐĐ	37	15	14	0	7
12	Khoa Xây dựng	23	3	2	0	6
B	**Khối Phòng, ban, văn phòng, trung tâm**	**95**	**44**	**6**	**1**	**3**
1	Phòng Công tác chính trị - SV	5	2	0	0	0
2	Phòng Cơ sở vật chất	8	6	2	0	1
3	Phòng Đào tạo Đại học	8	3	0	0	0
4	Phòng Đạo tạo sau đại học	3	1	0	0	0
5	Phòng ĐBCLGD	2	1	0	0	0
6	Phòng Hành chính - Tổng hợp	16	6	0	0	1
7	Phòng Hợp tác quốc tế	1	1	0	0	0
8	Phòng KHCN	3	1	0	0	0
9	Phòng Kế hoạch Tài chính	8	2	0	0	0
10	Phòng Quan hệ CC và DN	3	3	0	0	0
11	Phòng Tổ chức - Cán bộ	3	1	0	0	0
12	Phòng Xuất bản	1	1	0	1	0
13	Văn phòng Chương trình tiên tiến	0	0	2	0	1
14	VP Đảng - Đoàn thể	3	1	0	0	0
15	Trạm y tế	3	1	0	0	0
16	Trung tâm dịch vụ	9	8	1	0	0
17	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	2	1	0	0	0
18	Trung tâm PTTN CN cao	1	0	0	0	0
19	Trung tâm Thông tin - Thư viện	11	4	0	0	0
20	Ban quản lý các dự án	4	1	0	0	0
21	Văn phòng Đại diện	1	0	1	0	0
	Tổng cộng	**421**	**135**	**96**	**4**	**55**

b) Công tác thi đua khen thưởng

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường, trong năm qua tập trung vào tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn của Trung ương, của Bộ. Công tác sơ kết, tổng kết được Hội đồng thi đua khen thưởng Trường triển khai chặt chẽ.

Mặt khác, để tăng cường tính hiệu quả cao trong công tác này, Nhà trường đã kết hợp dạy tốt, học tốt, phục vụ tốt; Phong trào đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua như: Phong trào Thi đua dạy tốt, học tốt…Công đoàn Trường phát động phong trào "Giỏi việc Trường đảm việc nhà", tuyên truyền hưởng ứng, thực hiện cuộc vận động "Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo". Bên cạnh đó Nhà trường tổ chức các cuộc thi và khen thưởng cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào Công đoàn. Đoàn thanh niên Trường phát động các phòng trào nghiên cứu khoa học công nghệ trong cán bộ trẻ, sinh viên và có khen thưởng cho tập thể, cá nhân xuất sắc.

Trường đã ban hành Quyết định quy định điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung công nhận và

phân loại sáng kiến tổ chức đánh giá công nhận các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, áp dụng khoa học công nghệ có hiệu quả. Các giải pháp hữu ích, áp dụng sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, cải cách thủ tục hành chính…của tập thể, cá nhân thực sự tiêu biểu, xuất sắc để làm cơ sở cho việc xem xét công nhận các danh hiệu thi đua và biểu dương, khen thưởng cuối năm học.

Các Phòng, Khoa, Ban, Trạm, Bộ môn, Trung tâm, Công ty trực thuộc Trường và các tổ chức đoàn thể tích cực tham gia phòng trào, thường xuyên đề ra chương trình công tác cụ thể hàng tháng, quý, năm để có hướng thực hiện, góp phần thắng lợi nhiệm vụ chung của Nhà trường đã đề ra.

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và đặc điểm, điều kiện của đơn vị, Nhà trường xây dựng tiêu chí hàng năm khen thưởng thường xuyên và khen thưởng đột xuất. Với đặc thù của ngành giáo dục, việc bình xét thi đua phải theo năm học. Nhà trường đã ra Quyết định quy định tiêu chí xét thi đua cho tập thể, cá nhân. Danh hiệu thi đua khen thưởng năm học đối với cá nhân gồm có: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở (trường); Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động; Kỉ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Danh hiệu thi đua khen thưởng đối với tập thể: Tập thể Lao động tiên tiến; Tập thể Lao động xuất sắc; Bằng khen Bộ trưởng; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động.

Năm học 2022 -2023, Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng và xét sáng kiến, thi đua khen thưởng với kết quả cụ thể:

- Khen thưởng cấp trường Tập thể lao động tiên tiến: 80; Chiến sĩ thi đua cơ sở: 101; Lao động tiên tiến: 458; Giấy khen Hiệu trưởng: 114 cá nhân và 20 tập thể.

- Đề xuất Khen thưởng bậc cao : Tập thể Lao động xuất sắc: 62; Bằng khen Bộ trưởng: 95 cá nhân, 18 tập thể; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ: 07 cá nhân; Bằng khen Thủ tướng chính phủ 11 cá nhân; Chiến sĩ thi đua toàn quốc 01 cá nhân; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục: 73 cá nhân.

8.2. Những tồn tại

a) Công tác tổ chức - cán bộ

- Viên chức phụ trách các mảng công việc trong công tác tổ chức, viên chức không được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật các văn bản pháp lý có liên quan một cách thường xuyên nên đôi khi còn gặp khó khăn trong quá trình xây dựng.

- Việc xây dựng phương án tự chủ bộ máy, nhân sự phải gắn với Chiến lược phát triển của Nhà trường tuy nhiên bối cảnh thực tiễn thay đổi thường xuyên khó dự đoán. Các văn bản pháp luật hướng dẫn xây dựng đề án vị trí việc làm còn chung chung, chưa cụ thể dẫn tới mất nhiều thời gian để triển khai xây dựng.

- Chính sách đãi ngộ đối với viên chức theo quy định pháp luật còn thấp dẫn tới khó tuyển dụng cũng như duy trì nhân lực chất lượng cao của Nhà trường. Viên chức giảng dạy tại một số ngành đào tạo thiếu giờ giảng dạy do gặp khó khăn trong công tác tuyển sinh, việc dịch chuyển nghề nghiệp mất nhiều thời gian.

- Hiện nay, nhiều vị trí lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường không có nhân sự quy hoạch do khi triển khai quy hoạch không có nhân sự bảo đảm tỷ lệ % quy định nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỷ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên tại Hội nghị viên chức chủ chốt và ít nhất trên 50% tại Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng so với tổng số người có mặt.

- Quá trình thẩm tra xác minh, thẩm định tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền ảnh hưởng đến thời gian thực hiện quy trình bổ nhiệm/bổ nhiệm lại viên chức quản lý.

- Hiện tại đội ngũ viên chức tham gia công tác kiểm tra, giám sát còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc kiểm tra thường xuyên, liên tục.

- Kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hạn hẹp. Nhiều viên chức, viên chức đi đào tạo trong nước, nước ngoài sau khi được tiếp nhận về Nhà trường làm việc lại làm thủ tục chuyển công tác do thu nhập không bảo đảm cuộc sống.

b) Công tác thanh tra, kiểm tra

Đội ngũ cán bộ thanh tra, kiểm tra còn mỏng, đa phần là kiêm nhiệm chưa đủ thời gian để tiến hành các cuộc thanh tra, kiểm tra thường xuyên, liên tục hơn.

Công tác cải cách hành chính:

- Do hệ thống văn bản hướng dẫn của Nhà nước còn chưa cụ thể, đôi khi còn dẫn đến việc chồng chéo, chưa kịp thời trong công tác cải cách thể chế và cơ cấu tổ chức bộ máy.

- Do nhân viên làm công tác ở bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả phải kiêm nhiệm nhiều việc, do đó ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhân viên thực hiện liên thông các thủ tục hành chính còn hạn chế, trang thiết bị phục vụ cho công tác Cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng theo yêu cầu.

c) Công tác đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng

- Công tác ban hành các quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

- Công tác xét đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức vẫn còn một số hạn chế, chưa đánh giá đầy đủ các hoạt động mà cán bộ, viên chức thực hiện trong năm.

8.3. Giải pháp

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đặc biệt là cán bộ quản lý, cán bộ trong quy hoạch tạo tiền đề cho công tác bổ nhiệm, tăng cường công tác quản trị của Nhà trường.

Tiếp tục nâng cao nhận thức, thực hiện đúng các quan điểm, nguyên tắc, phương châm nội dung và phương pháp của công tác bổ nhiệm, rà soát, quy hoạch cán bộ. Thực hiện nghiêm túc các Hướng dẫn, các văn bản của cấp trên về công tác quy hoạch.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả công tác rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ của nhà trường có đủ các tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, đảm bảo về cơ cấu độ tuổi, có tính kế thừa, phát triển, nhằm đáp ứng các nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý trong thời kỳ CNH-HĐH đất nước và hội nhập quốc tế. Song song với công tác quy hoạch cán bộ nhằm đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, để bố trí công.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát tiêu chuẩn chức danh cán bộ gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao, sự tín nhiệm của cán bộ, đảng viên theo hướng hiệu quả tích cực. Kịp thời kiện toàn tổ chức bộ máy cán bộ của Nhà trường đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực toàn diện về cả số lượng, chất lượng, cơ cấu, nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

Chú trọng phát hiện, tạo nguồn cán bộ, nhất là cần quan tâm đến những cán bộ, viên chức giỏi, có năng lực chuyên môn tốt, có trình độ chuyên môn tốt, nhiệt tình trong công tác, có tư cách và phẩm chất đạo đức tốt, từ đó để chọn nguồn quy hoạch cán bộ lâu dài cho nhà trường.

Thực hiện tốt chế độ, chính sách cán bộ, gắn với khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng. Cải thiện đời sống cán bộ, tăng thu nhập cán bộ, viên chức trong trường theo Chiến lược phát triển của Nhà trường.

Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát trong công tác cán bộ. Qua đó đề ra các giải pháp hiệu quả để phòng ngừa, ngăn chặn sai phạm trong công tác cán bộ.

9. Công tác tài chính, cơ sở vật chất, quản lý dự án

9.1. Những kết quả đạt được

9.1.1. Công tác tài chính

Năm 2022, công tác tài chính của Trường đảm bảo thực hiện đúng theo nguyên tắc quản lý tài chính của Nhà nước và quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Kết quả tài chính năm 2022 được thể hiện tại bảng 47, 48, 49 như sau:

Bảng 47. Thống kê thu, chi tài chính năm 2022

(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

STT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
I	**Thu, chi thường xuyên**	
1	***Thu thường xuyên***	***257.585***
	Thu NSNN cấp chi thường xuyên	40.000
	Thu học phí các hệ đào tạo	186.240
	Thu hoạt động sự nghiệp khác	31.345
2	***Chi thường xuyên***	***162.071***
	Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức	130.280
	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	25.255
	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định	3.577
	Chi khác theo quy định	1.835
	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định	1.124
3	***Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN***	***0***
4	***Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)***	***95.514***
	Chênh lệch thu - chi thường xuyên chưa phân phối (lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2022 chưa về tài khoản Trường trong năm 2022)	7.374
	Phân phối cho các Quỹ	70.266
	Kinh phí cải cách tiền lương	17.874
5	***Trích lập Quỹ cơ quan năm 2022 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên***	***70.266***
	Quỹ khen thưởng	2.108
	Quỹ phúc lợi	15.458
	Quỹ bổ sung thu nhập	35.133
	Trong đó:	*0*
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*31.620*
	+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	*3.513*
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	17.567
6	***Số chi Quỹ cơ quan trong năm 2022 từ chênh lệch thu, chi thường xuyên***	***35.255***
	Quỹ khen thưởng	1.166
	Quỹ phúc lợi	10.507
	Quỹ bổ sung thu nhập	22.894
	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	688
II	**Thu, chi không thường xuyên**	**0**

STT	Nội dung	Số tiền (triệu đồng)
1	***Thu không thường xuyên***	***16.426***
	Thu NSNN cấp chi không thường xuyên	6.664
	Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP	9.762
2	***Chi không thường xuyên***	***15.312***
	Chi NSNN cấp chi không thường xuyên	6.249
	Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP	9.063
3	***Kinh phí hủy dự toán***	***581***
	NSNN cấp chi không thường xuyên	415
	Đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP	166
4	***Kinh phí chuyển năm sau của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP***	***533***
III	**Các khoản thu hộ, chi hộ, Quỹ đặc thù**	**0**
1	***Các khoản thu hộ, Quỹ đặc thù***	***39.150***
1.1	Các khoản thu hộ	34.672
	Thu từ Dự án Eramus +	509
	Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP	23.196
	Các khoản thu hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)*	8.034
	Doanh thu nhận trước	2.933
1.2	Thu các Quỹ đặc thù	4.477
	Quỹ khuyến học	1.194
	Quỹ hỗ trợ sinh viên	3.283
	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ	0
2	***Các khoản chi hộ, Quỹ đặc thù***	***26.229***
2.1	Các khoản chị hộ	23.305
	Chi Dự án Eramus +	509
	Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP	16.480
	Các khoản chi hộ khác *(bảo hiểm y tế sinh viên, khám sức khỏe sinh viên, đặt cọc, bảo lãnh, thẻ sinh viên, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh,….)*	6.315
	Kết chuyển doanh thu nhận trước	0
2.2	Chi các Quỹ đặc thù	2.924
	Chi Quỹ khuyến học	559
	Chi Quỹ hỗ trợ sinh viên	2.365
	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ	0
3	***Chênh lệch các khoản thu hộ - chi hộ, Quỹ đặc thù (3=1-2)***	***12.921***

Bảng 48. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022 (trong đó không bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)

Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2021 (%)	
1	Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động	14.913.000	16.188.000	1.275.000	9
2	Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy	17.161.000	18.600.000	1.439.000	8
3	Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy	10.180.000	11.057.000	877.000	9

Bảng 49. Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022 (trong đó bao gồm thu nhập từ các chương trình, đề tài, dự án)

Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục	Năm 2021	Năm 2022	Tỷ lệ tăng/giảm so với năm 2021 (%)	
1	Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động	16.767.000	17.834.000	1.067.000	6
2	Thu nhập bình quân của viên chức giảng dạy	19.686.000	20.748.000	1.062.000	5
3	Thu nhập bình quân của viên chức hành chính và phục vụ giảng dạy	10.622.000	11.635.000	1.013.000	10

Các khoản thu phí, lệ phí và mức thu sự nghiệp được thực hiện theo quy định tại: Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Nghị quyết 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm 2022 - 2023. Nguồn thu sự nghiệp thực hiện theo đúng quy định của nhà nước và được thu theo các Nghị quyết của Hội đồng trường phê duyệt.

Phòng KHTC là đơn vị chủ trì xây dựng và đã hoàn thành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất theo quyết định số Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022; Tiếp tục sửa đổi các văn bản phục vụ công tác quản lý tài chính cho phù hợp với thực tế.

Báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán năm 2022: Phòng đã báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo đúng thời gian quy định tại công văn số 964/BGDĐT-KHTC ngày 13/3/2023. Mẫu biểu báo cáo lập về cơ bản đầy đủ theo đúng quy định về chế độ báo cáo tài chính đối với đơn vị hành chính sự nghiệp. Phòng sử dụng các chương trình, phần mềm phục vụ công tác kế toán như: phần mềm kế toán, phần mềm lương, phần mềm thu học phí... để phục vụ cho công tác hạch toán kế toán, thống kê số liệu và lập báo cáo trong quá trình quản lý tài chính của Trường.

Công tác chấp hành chế độ, định mức chi: Các nội dung chi của Trường đã bám sát theo nội dung, mức chi quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định khác của Nhà nước. Tổ chức quản lý và khai thác các nguồn thu hiệu quả, quản lý công tác chi đúng quy định, tiết kiệm, chống lãng phí. Các báo cáo tài chính hàng năm được công khai tài chính theo đúng quy định và được kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính cấp trên như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra kho bạc công nhận.

Các khoản thu được thực hiện đúng với văn bản quy định về tài chính của các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nguồn thu của Trường được tập hợp đầy đủ, hợp pháp, chính xác theo đúng dự toán. Phòng KHTC đã chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ về tài chính, kế toán; thực hiện kịp thời các báo cáo tài chính, báo quyết toán tài chính.

Các báo cáo đột xuất khác: Trong năm học 2022 - 2023, phòng KHTC đã chấp hành đầy đủ, nghiêm túc các nội dung cũng như yêu cầu về thời gian của các báo cáo cơ quan thẩm quyền cấp trên.

Công tác tự kiểm tra tài chính, kế toán được Phòng thực hiện hàng năm trước khi Bộ Giáo dục và Đào tạo về duyệt quyết toán theo đúng quy định tại Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại công văn số 5636/BGDĐT-KHTC ngày 06/7/2005.

Thực hiện công văn số 1674/BGDĐT-KHTC ngày 17/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thông báo lịch xét duyệt báo cáo quyết toán năm 2022, đoàn kiểm tra đã làm việc tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất được đánh giá không vi phạm về quản lý tài chính.

Phòng KHTC đã chủ động tham mưu cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu phân bổ sử dụng nguồn tài chính để thực hiện các nhiệm vụ của Trường, thực hiện phân bổ kinh phí cho các đơn vị chủ động triển khai các hoạt động để hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tình hình hoạt động thực tế, Phòng KHTC hoàn thành xây dựng kế hoạch dự toán NSNN năm 2023 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2025.

Thực hiện công khai công khai, minh bạch về tài chính trên Website của Trường, hội nghị viên chức, hội nghị kế hoạch tài chính. Thực hiện dịch vụ công trực tuyến với Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

9.1.2. Công tác cơ sở vật chất

a) Sửa chữa thường xuyên

Phòng họp Từ Liêm và lắp bảng điện tử, Thay mái tôn tầng 2 nhà F, Ký túc xá; Nhà vệ sinh tầng 1 nhà C12 tầng; sửa chữa thấm sàn hệ thống Nhà vệ sinh, hộp kỹ thuật Ký túc xá 9 tầng khu B (KTX D3), Cải tạo nhà A, D tại khu B (cải tạo phòng học); lợp mái tôn chống thấm giảng đường nhà D, hạ tầng, sân, tường bao, đường nội bộ; chống thấm ký túc xá D3; cải tạo cảnh quan trong khuôn viên trường; sửa chữa thay thế trần thạch cao hội trường 300, … và một số công việc sửa chữa thường xuyên khác.

Công tác sửa chữa, cải tạo chủ yếu được thực hiện học kỳ 1 năm học (cuối năm tài chính 2022). Nhìn chung công tác duy tu, sửa chữa được tiến hành đúng tiến độ, đáp ứng kịp thời nhu cầu học tập, làm việc của sinh viên và cán bộ trong toàn Trường.

b) Công tác mua sắm tài sản, thiết bị, dụng cụ, vật tư, hóa chất

Công tác mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo và làm việc gồm: bổ sung máy chiếu, màn chiếu các phòng học lớn, tăng cường một số thiết bị, dụng cụ các phòng thí nghiệm, mua trang thiết bị phục vụ làm việc các đơn vị. Việc mua sắm này được thực hiện vào học kỳ 1 năm học 2022-2023 (tức cuối năm 2022). Học kỳ 2 của năm học (tức đầu năm 2022), công tác mua sắm gần như chưa được thực hiện, việc mua sắm này tập trung vào quý 4/2023.

Công tác Mua sắm dụng cụ vật tư hóa chất các phòng thí nghiệm trong Trường được thực hiện theo kế hoạch.

c) Công tác theo dõi quản lý hoạt động các phòng thí nghiệm

Hiện tại, toàn Trường có 42 phòng thí nghiệm, trong đó: Khoa Trắc địa Bản đồ và Quản lý đất đai: 10 phòng, Khoa Khoa học và Kỹ thuật Địa chất: 06 phòng, Khoa Cơ - Điện: 07 phòng, Khoa Dầu khí và Năng lượng: 06 phòng, Khoa Khoa học cơ bản: 02 phòng, Khoa xây

dựng: 01 phòng, Khoa Môi trường: 02 phòng, Khoa CNTT: 01 phòng, Khoa Kinh tế và QTKD: 01 phòng, Khoa Mỏ: 05 phòng và Trung tâm Phân tích, thí nghiệm Công nghệ cao.

PTN 4.0 do Hitachi tài trợ hiện tại vẫn chưa đưa vào hoạt động.

Theo quy định của Nhà trường, cuối mỗi năm học, các phòng thí nghiệm sẽ thực hiện nộp sổ nhật ký phòng thí nghiệm về Nhà trường, tuy nhiên một số phòng thí nghiệm không nộp sổ nhật ký.

9.1.3. Công tác quản lý các dự án

a) Công tác giải phóng mặt bằng

- Tính đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với khu vực dự án thuộc địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 và một phần diện tích thuộc phường Xuân Đỉnh (*khối lượng công việc đã thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng với diện tích đất đã được thu hồi theo quyết định của UBND quận Bắc Từ Liêm là 8,7ha/147 hộ dân và 01 tổ chức (UBND phường Cổ Nhuế 2) đạt khoảng 37% diện tích dự án nằm trên địa giới hành chính phường Cổ Nhuế 2 (5,7ha/79 hộ dân); nằm trên địa giới hành chính phường Xuân Đỉnh (3,0ha/68 hộ dân*)).

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-HĐT ngày 26/4/2022 về Kế hoạch bồi thường hỗ trợ và tái định cư năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường và Kế hoạch số 02/KH-TTPTQĐ-UBND ngày 02/6/2022 về tiến độ GPMB để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị đại học của Chủ tịch hội đồng GPMB quận Bắc Từ Liêm.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ mặt bằng và chống tái lấn chiếm các khu vực, diện tích đã hoàn thành công tác GPMB.

b) Công tác quản lý thực hiện dự án

- Với nội dung đầu tư công giai đoạn 2021-2025, Ban QLCDA đã tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, nghiên cứu điều chỉnh dự án theo phương án phân kỳ giai đoạn đầu tư và xin gia hạn thời gian thực hiện dự án.

- Về công tác đầu tư xây dựng: Nhà trường tập trung đầu tư vào Khu A1 thuộc dự án Khu Đô thị Đại học để nhanh chóng tạo ra một khuôn viên đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và các công trình trên cơ sở khu chức năng đã được phê duyệt như:

+ Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021-2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ. Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022, dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2025.

+ Tiếp tục bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm để vận hành cùng với Khu Giảng đường tạo ra 1 khu độc lập trong công tác quản lý và khai thác.

- Dự án tăng cường năng lực Phòng thí nghiệm (PTN)

Tiếp tục thực hiện dự án PTN thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0, theo kế hoạch:

+ Phần tài trợ: đã hoàn thành công tác lắp đặt thiết bị, cài đặt phần mềm cho PTN.

+ Phần dịch vụ: Nhà trường đang thực hiện các công tác liên quan đến đào tạo, chuyển giao công nghệ cho cán bộ, viên chức của khoa để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học trong thời gian tới.

c) Công tác quy hoạch cơ sở vật chất

- Tiếp tục chủ động phối hợp với phòng Cơ sở vật chất, Kế hoạch Tài chính tham mưu cho Đảng ủy, Lãnh đạo Nhà trường về công tác quy hoạch phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng 2045 đạt hiệu quả tốt.

- Tiếp tục phối hợp với Ban Quản lý các dự án, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện Quyết định số 2465/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch dự kiến thực hiện các nhiệm vụ tăng cường năng lực, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất từ nguồn ngân sách nhà nước.

9.2. Những tồn tại

9.2.1. Công tác tài chính

- Kế hoạch tài chính của Trường khoảng giữa năm tài chính mới được HĐT phê duyệt ảnh hướng đến hoạt động chung của Trường.

- Thu nhập của viên chức và người lao động còn thấp do nguồn thu của Trường còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân do Trường là đơn vị sự nghiệp có thu tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, mức học phí rất thấp theo khung mức học phí do Nhà nước quy định.

- Chưa thực hiện trích đủ 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi từ nguồn thu dịch vụ để đảm bảo nguồn thực hiện cải cách tiền lương do nguồn thu của trường thấp và phải trang trải nhiều chi phí cho các hoạt động của Trường.

- Còn tồn tại một số khoản nợ của các đơn vị chưa làm các thủ tục hoàn tạm ứng.

9.2.2. Công tác cơ sở vật chất

Xây dựng tạo nguồn tài chính đầu tư CSVC còn hạn chế, trong năm học không có nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Sử dụng điện của các đơn vị vẫn còn hiện tượng lãng phí, công tác điện chiếu sáng, thiết bị phòng học đã cải thiện nhưng vẫn còn ý kiến.

Năm học 2022-2023, một số công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng triển khai vẫn còn tình trạng chậm so với yêu cầu thực thế hoạt động của Nhà trường một phần chờ phê duyệt, một phần do chủ quan chưa thực sự sâu sát dẫn đến chậm.

Về công tác chuyên môn vẫn còn một số sai sót khi triển khai thủ tục văn bản hồ sơ mà được các đoàn làm việc của cơ quan chức năng nhắc nhở.

Chưa thực hiện được thu tục cấp giấy chứng nhận QSD đất 30 Tạ Quang Bửu.

9.2.3. Công tác quản lý các dự án

Quản lý dự án là một lĩnh vực kéo dài về thời gian, trải qua nhiều giai đoạn với những thay đổi về cơ chế, chính sách thường xuyên và liên tục. Việc điều chỉnh theo pháp lý để phù hợp với đặc thù của dự án gặp nhiều khó khăn do nhiều yếu tố (khách quan, nguồn vốn, văn bản pháp lý) nên kết quả một số công việc chưa đảm bảo đúng kế hoạch.

9.3. Giải pháp

9.3.1. Công tác tài chính

- Xây dựng đề án tự chủ về tài chính đơn vị sự nghiệp công lập.

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn và ngắn hạn, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm báo cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn thu nhằm đảm bảo kinh phí thường xuyên cho các hoạt động của Trường.

- Phối hợp với các đơn vị trong Trường tăng thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh: tăng thu từ hoạt động dịch vụ, thu từ hoạt động hợp tác liên kết, thu từ hợp đồng, đề tài, dự án...để bổ sung kinh phí cho hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ, hỗ trợ người học và tăng thu nhập cho viên chức và người lao động.

- Phối hợp với các đơn vị thực hiện các giải pháp đảm bảo đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động theo Nghị quyết của Đảng ủy Trường; Phối hợp với các đơn vị chức năng (đặc biệt phòng Tổ chức cán bộ, phòng Cơ sở vật chất, đơn vị đào tạo, phòng Khoa học công nghệ...) nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho viên chức và người lao động.

- Rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ và phối hợp với các đơn vị thực hiện, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để nâng cao năng lực quản trị Trường.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định của Luật thuế, thực hiện kê khai đầy đủ đối tượng có thu nhập chịu thuế; thực hiện khấu trừ thuế TNCN tại nguồn trước khi chi trả tiền lương, tiền công cho người lao thuộc diện chịu thuế.

- Hoàn thành tốt công tác giải ngân các nguồn kinh phí thường xuyên và không thường xuyên; Thực hiện đúng thời hạn, chính xác việc giải quyết chế dộ cho cán bộ, viên chức và người lao động.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch tài chính (hoặc kế hoạch điều chỉnh, bổ sung nếu có) đã được Hội đồng trường phê duyệt để quản lý chặt chẽ các khoản thu, chi của Trường.

- Thực hiện hạch toán và lập báo cáo quyết toán tài chính theo chế độ kế toán mới thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Thực hiện báo cáo ba công khai theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, tự kiểm tra tài chính nội bộ; Thực hiện công tác báo cáo tài chính định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Bộ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9.3.2. Công tác cơ sở vật chất

Thực hiện tốt công tác CSVC phục vụ đào tạo và NCKH: Tận dụng mọi nguồn lực tài chính để đầu tư CSVC.

Đẩy mạnh công tác quản lý thiết bị, máy móc, quản lý chặt chẽ thiết bị, máy móc giá trị lớn, hiện đại nhằm hạn chế sự hư hỏng, cũng như việc sử dụng kém hiệu quả.

Tiếp tục công tác rà soát hiện trạng CSVC của các đơn vị; tận dụng mọi nguồn lực, tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở ưu tiên các đơn vị đầu tư CSVC thiết thực phục vụ đào tạo và NCKH; công tác vật tư, hóa chất dụng cụ phòng thí nghiệm trên tinh thần đáp ứng đầy đủ để đảm bảo công tác đào tạo đối với tất cả các ngành trong trường; đáp ứng đầy đủ dụng cụ văn phòng dựa trên cơ sở hiệu quả, tiết kiệm.

Nhà trường đã tiến hành nhiều biện pháp bảo quản, khai thác, sử dụng hết công suất các thiết bị để phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã được chú trọng và đạt hiệu quả hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa đơn vị sử dụng tài sản với phòng chức năng để nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng công sản trong Nhà trường.

9.3.3. Công tác quản lý các dự án

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho cán bộ, viên chức phù hợp với chuyện môn nghiệp vụ. Quản lý dự án phải trở thành một nghề mang tính chuyên nghiệp, quản lý rủi ro là nội dung quan trọng hàng đầu của quản lý dự án.

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong và ngoài trường để thực hiện tốt công việc được giao liên quan đến công tác GPMB và dự án đầu tư xây dựng.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật các văn bản pháp luật trong lĩnh vực đầu tư dự án để triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị theo đúng quy định; chủ động, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ trình Hiệu trưởng ban hành nhằm chuẩn hóa và nâng cao hiệu quả liên quan đến chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- Chủ động lập kế hoạch thực hiện nhiệm vụ hàng năm, trong đó phải xác định rõ mục tiêu về chất lượng dự án và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện dự án.

10. Công tác thông tin, thư viện

10.1. Những kết quả đạt được

a) Công tác thư viện

Trong năm 2022 - 2023, Trung tâm TTTV đã thực hiện:

- Mua 77 đầu sách (732 cuốn).
- Mua 02 CSDL điện tử.
- Phòng Xuất bản chuyển cho Thư viện 18 đầu sách (1518 cuốn).
- Nhận tặng 51 đầu sách tiếng Việt (108 cuốn).

- Nhận 294 cuốn luận án/luận văn và 52 cuốn báo cáo tổng kết đề tài KHCN.
- Phục vụ hơn 19.000 nghìn lượt bạn đọc, gần 11.000 nghìn lượt tài liệu.

Bảng 50. Thống kê tài liệu bổ sung năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Năm học	PHÒNG XUẤT BẢN IN				
	Giáo trình			Ghi chú	
	Số lượng				
	Đầu tài liệu	Cuốn			
2021 - 2022	4	1005			
2022 - 2023	18	1518			
Tăng/Giảm	+350%	+51.0%			
Năm học	TRUNG TÂM THÔNG TIN - THƯ VIỆN MUA				
	Tài liệu giấy			Cơ sở dữ liệu điện tử	
	Số lượng		Kinh phí (đồng)	Số lượng	Kinh phí (đồng)
	Đầu tài liệu	Cuốn			
2021 - 2022	123	1.942	565.321.368	02	71.000.000
2022 - 2023	169	1.045	396.114.000	02	71.000.000
Tăng/Giảm	37.4%	-86%	-35%	0%	0%
Năm	TÀI LIỆU ĐƯỢC TẶNG				
	Tiếng Việt			Tiếng Anh	
	Đầu tài liệu	Cuốn		Đầu tài liệu liệu	Cuốn
2021 - 2022	17	1.007		2	2
2022 - 2023	51	108		0	0
Tăng/Giảm	+200%	-89,2%		-100%	-100%

Bảng 51. Nhập, bán sách năm học 2021 - 2022 và 2022 - 2023

Năm	CẤP NHÀ XUẤT BẢN			
	Nhập		Bán	
	Số lượng (cuốn)	Kinh phí (đồng)	Số lượng (cuốn)	Kinh phí (đồng)
2021 - 2022	160	8.700.000	432	14.050.000
2022 - 2023	70	5.625.000	384	12.583.000
Tăng/giảm	-56,25%	-35,34%	-11,11%	-10,44%

b) Công tác công nghệ thông tin

- Đang tổ chức thực hiện đấu thầu qua mạng 01 gói thầu "Mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu A, Trường Đại học Mỏ - Địa chất", tổ chức thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư 01 gói thầu "Mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất" từ nguồn thu sự nghiệp của Nhà trường.

- Đảm bảo công tác kỹ thuật, liên tục cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử và trang Tuyển sinh của Nhà trường. Duy trì thứ hạng TOP 15 Việt Nam của Nhà trường trên bảng xếp hạng Webometrics.

- Quản trị, vận hành hệ thống Microsoft 365 Business Standard (bao gồm công cụ Microsoft Teams), cung cấp đầy đủ bản quyền Microsoft Office, tài khoản e-mail, ổ lưu trữ đám mây OneDrive cho viên chức và người học của Nhà trường.

- Đảm bảo hoạt động của hệ thống mạng Internet. Phối hợp với VinaPhone Hà Nội duy trì wifi miễn phí trong khuôn viên Nhà trường.

- Đảm bảo kỹ thuật cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo trực tuyến trong nước và quốc tế.

- Đã ban hành Quy chế quản lý và sử dụng hộp thư điện tử của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

10.2. Những tồn tại

- Tài liệu giảng dạy, tham khảo cho các ngành đào tạo còn thiếu, đặc biệt là tài liệu tiếng Anh và tài liệu điện tử.

- Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường.

10.3. Giải pháp

- Các khoa, bộ môn nhanh chóng đề xuất giáo trình, sách tham khảo bổ sung cho các ngành đào tạo.

- Tăng cường bổ sung kinh phí cho tài liệu tiếng Anh, tài liệu điện tử.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án mua sắp, lắp đặt hệ thống mạng không dây khu A và khu B, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

11. Công tác y tế

11.1. Những kết quả đạt được

- Năm học 2022 - 2023, Trạm Y tế đã thực hiện tốt công tác y tế, khám cấp cứu đảm bảo công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, viên chức và sinh viên trong toàn Trường.

- Tổ chức thực hiện giám sát vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh: Như dịch sốt xuất huyết, Covid-19...đúng theo hướng dẫn, chỉ đạo của của ngành dọc Bộ Y tế.

- Về vệ sinh an toàn thực phẩm, không có ca ngộ độc thực phẩm tại Nhà trường.

- Tuyên truyền giáo dục sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ tình dục, sức khoẻ tâm thần, tai nạn thương tích, phòng chống HIV - AIDS, các bệnh xã hội. Đặc biệt là dịch bệnh truyền nhiễm, Trạm Y tế đã tham mưu giúp Nhà trường để đưa ra biện pháp giải pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm, phân công cán bộ y tế giám sát tình hình dịch bệnh, điều trị F0 là sinh viên tại ký túc xá khu A, B, điều tra, hướng dẫn cách ly, theo dõi đúng quy định Bộ Y tế, tuyên truyền cho cán bộ và sinh viên phòng, chống dịch bệnh an toàn tuyệt đối.

- Công tác đảm bảo vệ sinh chất lượng nước:

+ Nhà trường có ban hành Quyết định số 810/QĐ-MĐC ngày 21/8/2020 về Quy định kiểm soát chất lượng nguồn nước tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

+ Nguồn nước sinh hoạt chủ yếu là nước sạch Thành phố, có bể chứa đúng tiêu chuẩn quy định, thau rửa bể năm 1 lần (có hợp đồng thau bể), xét nghiệm mẫu nước 6 tháng/lần.

- Tổ chức khám sức khỏe cho sinh viên K66 vào tháng 4/2023: 4.148, K67: 3.106 sinh viên. Việc khám sức khỏe được thực hiện bởi Bệnh viện Xây Dựng, nội dung khám theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn khám sức khoẻ.

- Tuyên truyền Luật BHYT cho các lớp SV Nhà trường để Sv thực hiện đúng Luật BHYT, năm 2022 - 2023 tổng số BHYT là: 10.871 thẻ (thẻ mua 10.167 thẻ, thẻ đối tượng khác 704 thẻ).

11.2. Những tồn tại

- Năm 2022 - 2023 khám sức khoẻ đầu vào sinh viên khóa 66, 67 còn chậm không đúng kế hoạch (do dịch Covid-19 các khoá trước tồn đọng).

- Phải tổ chức 02 đợt làm thẻ BHYT mới đạt 95% sinh viên mua thẻ, nhận thức kém của một số sinh viên về giá trị và tính nhân văn của BHYT.

11.3. Giải pháp

Tiếp tục tuyên truyền cho sinh viên hiểu và nhận thức về giá tri của thẻ BHYT và tính nhân văn của BHYT, Nhà trường có chế tài rõ ràng, xử phạt nghiêm những sinh viên không chấp hành đúng Luật BHYT.

12. Hoạt động dịch vụ

12.1. Những kết quả đạt được

a) Công tác Ký túc xá

- Chất lượng phòng ở sinh viên tại Ký túc xá (KTX) được cải thiện. Tình hình an ninh trật tự, an ninh chính trị trong khu nội trú sinh viên được giữ vững. Các hoạt động hỗ trợ sinh viên được tăng cường và đã đạt được những thành công nhất định, được dư luận xã hội và sinh viên đánh giá cao. Trung tâm cũng đã góp phần vào thành công của kiểm định khảo sát đánh giá ngoài 04 CTĐT của Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Trong đợt phòng dịch Covid-19, Trung tâm đã phối với chặt chẽ các phòng ban liên quan trong Trường để đảm bảo tốt công việc phòng và chống dịch. Ban quản lý KTX đã tuyên truyền cho sinh viên nội trú những khuyến cáo về dịch bệnh và cách phòng chống, liên tục cập nhật và gửi thông tin đến sinh viên dưới nhiều hình thức, đảm bảo sinh viên nắm rõ về tình hình dịch bệnh và có những kiến thức, kỹ năng cơ.

b) Công tác trông giữ xe

- Trong năm học 2022 - 2023, Trung tâm đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không để xảy ra mất mát tài sản.

- Các bãi xe luôn được dọn dẹp sạch sẽ; công tác phòng cháy cháy nổ được đặt lên hàng đầu.

- Công tác thu và quản lý nguồn thu từ các bãi trông giữ xe ô tô, xe máy đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng quy định.

c) Công tác cho thuê cơ sở vật chất

- Hiện Trung tâm đang quản lý việc cho thuê cơ sở vật gồm: Nhà ăn Khu A, Nhà ăn Khu B, KTX khu B, Nhà khách, vị trí đặt máy bán café, nước tự động.

- Các hoạt động cho thuê cơ sở vật chất được trung tâm quản lý chặt chẽ theo đúng hợp đồng ký kết. Hàng tuần, Trung tâm đều có kiểm tra, giám sát việc thuê và sử dụng cơ sở vật chất của Nhà trường đảm bảo tuân thủ đúng hợp đồng.

d) Công tác phát triển dịch vụ

- Theo chiến lược phát triển, Trung tâm phải phát triển đa dạng dạng hóa các loại hình dịch vụ từng bước tạo hệ sinh thái dịch vụ khép kín trong trường, tạo việc làm và tăng nguồn thu cho Nhà trường. Các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí (như sân bóng đá mini cỏ nhân tạo) đã được đưa vào sử dụng. Do điều kiện khách quan nên Trung tâm cũng như chưa hoàn thiện được cơ sở pháp lý nên Trung tâm vẫn đang trong trạng thái lên kế hoạch phát triển các loại hình dịch vụ như: café, ăn nhanh, quà lưu niệm, khu thể thao,…

e) Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài

- Hiện Trung tâm đang quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài gồm: Thuê cắt tỉa cây, thuê vệ sinh công nghiệp, thuê thu gom rác thải, thuê bảo vệ.

- Các dịch vụ thuê bên ngoài đang được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

12.2. Những tồn tại

a) Công tác Ký túc xá

- Chưa khắc phục triệt để được tình trạng nấu ăn trong phòng.

- Vẫn còn hiện tượng cán bộ trực KTX chưa sát sao đến từng sinh viên, còn hiện tượng bỏ trực, bỏ vị trí làm việc hoặc nhờ người trực hộ.

- Vẫn còn tình trạng sinh viên nước ngoài tụ tập ăn uống đêm muộn nên ảnh hưởng đến các nhà dân xung quanh.

b) Công tác trông giữ xe

Bãi xe là nơi có nguy cơ cháy nổ cao và khi xảy cháy rất dễ cháy lan, cháy lớn gây

hậu quả nghiêm trọng do phương tiện đậu san sát, luôn có hơi xăng dầu tích tụ. Nguy hiểm là vậy nhưng công tác phòng cháy chữa cháy còn buông lỏng.

c) Về công tác cho thuê cơ sở vật chất

Vẫn còn một số vấn đề tồn tại, phát sinh trong quá trình thực hiện, như hợp đồng đã hết hạn mà vẫn chưa ký Biên bản thanh lý Hợp đồng.

d) Về công tác phát triển dịch vụ

- Do nhiều lý do khách quan nên nên các dịch vụ mới vẫn chưa được triển khai.
- Các dịch vụ tiện ích và vui chơi giải trí (như sân bóng đá mini cỏ nhân tạo) đã được đưa vào sử dụng.
- Kết hợp với P.CTCTSV, P.QHCC tiếp tục triển khai xây dựng hệ sinh thái phục vụ sinh viên.

e) Về công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài

Việc thuê ngoài có thể đem đến cho tổ chức những nguy cơ tiềm ẩn và có khả năng đặt tổ chức vào những rủi ro pháp lý. Chất lượng dịch vụ cũng thường là vấn đề của giai đoạn chuyển tiếp từ dịch vụ nội bộ sang thuê ngoài. Trong thời gian đầu nhân viên bên được thuê ngoài chưa nắm rõ hệ thống của khách, nên sẽ gây chậm trễ trong giải quyết sự cố hoặc sai sót.

12.3. Giải pháp

a) Công tác Ký túc xá

- Cần phải thay đổi tư duy, cách tiếp cận để có các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng KTX. Nếu không có khả năng tự triển khai thì phải tìm cơ chế xã hội hóa, hợp tác với doanh nghiệp.
- Có chính sách truyền thông, quảng bá để thu hút sinh viên vào ở KTX.
- Hoàn thiện nội quy về ở nội trú cho phù hợp với sự phát triển của Trung tâm theo từng năm học trên cơ sở quy chế học sinh, sinh viên. Những quy định này nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sinh hoạt và hỗ trợ tốt nhất cho việc tự học của sinh viên, đồng thời cũng tạo ra những chuẩn mực cho công tác quản lý.

b) Công tác trông giữ xe

- Để an toàn hệ thống điện cần phải được bảo vệ trong các ống chống cháy. Xe cộ cần phải được xếp ngay ngắn thành hàng và phải chừa lối đi không được để bừa bãi.
- Bình chữa cháy cần trang bị tại các khu vực đó để kịp thời dập lửa tuy nhiên bình chữa cháy chỉ có công dụng với những ngọn lửa mới bắt đầu nhen nhúm, khi ngọn lửa lớn cần phải sử dụng các lăng vòi kịp thời phun nước vào đám cháy.
- Để tăng cường công tác quản lý và đảm bảo an ninh tài sản khu vực để xe cho cán bộ ở nhà xe 2 tầng khu A, cần lắp thêm máy quẹt thẻ tự động dành riêng cho CBVC và NLĐ của Nhà trường.

c) Công tác cho thuê cơ sở vật chất

Rà soát, đánh giá hiện trạng, công năng, hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất được Nhà trường giao quản lý, khai thác.

d) Công tác phát triển dịch vụ

Khi Trung tâm tự chủ về hoạt động có chức năng pháp lý, có con dấu, tài khoản sẽ giúp hoạt động linh hoạt, thuận lợi trong các lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.

e) Công tác quản lý các dịch vụ thuê bên ngoài

Thực hiện các nhiệm vụ hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết thông qua tuyển chọn, đấu thầu đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng pháp luật.

13. Các công tác khác

13.1. Những kết quả đạt được

13.1.1. Thực hiện quy chế dân chủ

Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu Nhà trường đã triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, đảng viên trong thực hành dân chủ. Nghiêm túc thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tiếp dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại và giải quyết kịp thời những phản ánh, kiến nghị hợp pháp, chính đáng của cán bộ, viên chức, người lao động và người học; tiếp nhận và giải quyết, dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ.

Tạo điều kiện để cán bộ, viên chức, người lao động tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia góp ý, phản ảnh những điểm còn chưa hợp lý trong việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các đơn vị, những nội dung còn chưa hợp lý trong các nội quy, quy chế của Nhà trường để đề xuất, kiến nghị bổ sung cho phù hợp.

Hiện nay, Nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy định trong mọi lĩnh vực quản lý quan trọng của Trường: Quy chế Tổ chức và hoạt động; Quy định về quan hệ giữa Đảng ủy và Ban Giám hiệu; Đề án Vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong Trường Đại học Mỏ-Địa chất; Quy chế tài chính, Quy định chi tiêu nội bộ; Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động; Quy định về nâng lương; Quy định về quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác khảo thí, công tác nghiên cứu khoa học; Thi đua khen thưởng; Đánh giá, phân loại, cán bộ, viên chức; …Các quy định được ban hành đầy đủ, phù hợp đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Trường, đảm bảo sự dân chủ trong công tác quản lý.

Mặt khác Nhà trường đã triển khai lấy ý kiến toàn thể cán bộ, viên chức, người học cho các quy chế, quy định, sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển Trường, quy chế Tổ chức hoạt động, Quy định tuyển dụng, sử dụng, quản lý và xử lý kỷ luật viên chức, người lao động, Nội quy lao động, Quy định văn hóa công sở, Quy định tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, Quy chế dân chủ, Quy chế lương, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ... qua các thông báo số 01a/TB-MĐC, 17/MĐC-TCCB, 134/MĐC-TCCB, 286/MĐC-TCCB, 357/MĐC-VPĐĐ, 305/MĐC-TCCB, 446/MĐC-TCCB, 535/MĐC-TCCB, 574/MĐC-KHTC, 584/MĐC-KHTC..... và khảo sát qua đường link, qua web của Nhà trường.

- Bên cạnh việc triển khai các văn bản hiện có, Nhà trường liên tục cập nhật các quy định pháp luật nhằm sửa đổi, bổ sung, thay thế kịp thời các văn bản đã có. Cụ thể trong tháng 3, tháng 11/2021 Nhà trường đã sửa đổi, bổ sung ban hành quy định nâng lương, tháng 9/2021 ban hành Quy chế dân chủ, tháng 6/2022 ban hành quy định chi tiêu nội bộ và một số văn bản khác đang tiếp tục được sửa đổi, bổ sung để ban hành.

Kết quả việc thực hiện quy chế dân chủ đã từng bước nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, viên chức, người lao động và người học trong việc thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Nhà trường.

13.1.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương

Trong năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã thực hiện và hoàn thành tốt công tác quân sự địa phương, Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên, cụ thể là:

- Xây dựng và thực hiện đầy đủ các kế hoạch trong năm theo quy định Ban chỉ huy quân sự quận như: Kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Kế hoạch công tác Đảng, công tác chính trị đảm bảo đúng chất lượng, đúng thời gian quy định. Đồng thời, thực hiện tốt công tác báo cáo, tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ban chỉ huy quân sự quận và cấp trên tổ chức.

- Đăng ký, quản lý cán bộ, viên chức trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, sẵn sàng nhập ngũ. Đăng ký quản lý sĩ quan dự bị, quân nhân dự bị hạng 1, hạng 2, nữ có chuyên môn kỹ thuật cần cho Quân đội, phương tiện kỹ thuật.

- Tiếp nhận và giới thiệu di chuyển nghĩa vụ quân sự cho nam sinh viên nhập học, tốt nghiệp ra trường, thôi học về địa phương theo quy định.

- Lập kế hoạch và tổ chức huấn luyện lực lượng tự vệ tại chỗ theo đúng nội dung, chương trình đã được Ban chỉ huy quân sự quận phê chuẩn. Tổ chức huấn luyện bổ sung cho Đội hội thao tự vệ tham gia Hội thao lực lượng dân quân tự vệ quận; kết quả đạt giải Ba đồng đội môn Kỹ thuật, giải Ba toàn đoàn khối tự vệ quận, bảo đảm an toàn về người và vũ khí trang bị.

- Tuyển chọn 18 nam sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2023 đi đào tạo sĩ quan dự bị đảm bảo chất lượng chính trị đúng quy đinh.

- Cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường và 04 cán bộ tham gia tập huấn cán bộ DQTV; cử 01 cán bộ Ban CHQS Trường và 01 cán bộ tự vệ tham dự lễ ra quân huấn luyện vào ngày 01/3/2023; cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường tham gia tập huấn về công tác quốc phòng, quân sự, lực lượng tự vệ. Tháng 10/2023; cử 02 cán bộ Ban CHQS Trường tham gia tập huấn về công tác quốc phòng, quân sự và phòng, chống khủng bố do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tại Quân khu 5.

- Động viên 01 SQDB đi huấn luyện tại Kho 190, Cục Xăng dầu, Tổng cục Hậu cần; 01 SQDB đi tập huấn tại Trung đoàn Pháo binh 452, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo đúng thành phần được triệu tập.

- Năm học 2022 - 2023, đã triển khai giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho khoảng 6.654 sinh viên khóa 66 và 67. Quá trình dạy và học bảo đảm thực hiện nghiêm túc các yêu cầu, quy định của môn học, chấp hành tốt kỷ luật học tập trên giảng đường và bãi tập, quản lý chặt chẽ về quân số và thời gian, bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn tuyệt đối với người và vũ khí trang bị. Thông qua quá trình đào tạo trang bị cho sinh viên một số kỹ năng quân sự, sử dụng thành thạo một số loại vũ khí bộ binh; đặc biệt trong quá trình giảng dạy đã lồng ghép các nội dung cơ bản với xây dựng cho sinh viên tính tự giác, nếp sống văn minh, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần tập thể trong quá trình học tập.

- Năm học 2022 - 2023, khoa đã phối hợp với các phòng, ban chức năng của Nhà trường hoàn thiện cơ sở vật chất tại khu B đảm bảo cho việc học tập, ăn, ở, sinh hoạt tập trung môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên tại cơ sở ngày càng tốt hơn.

- Để đảm bảo hoàn thành tốt hơn công tác GDQP&AN tập trung theo đề án tự chủ, đáp ứng yêu cầu giảng dạy cho SV của Nhà trường theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng cao, trong năm 2022 khoa đã được bổ sung thêm 01 cán bộ sĩ quan biệt phái về làm công tác giảng dạy môn học GDQP&AN cho SV, hiện nay, khoa đã phối hợp chặt chẽ với các phòng, ban chức năng trong nhà trường để xây dựng phương án tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên của nhà trường để tiếp tục giảng dạy cho sinh viên khi Binh chủng Pháo Binh rút sĩ quan biệt phái theo đề án của Bộ Quốc phòng.

13.1.3. Công tác Công đoàn

a) Công tác tuyền truyền giáo dục

- Tuyên truyền Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về *"Phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*.

- Phối hợp với chính quyền tổ chức và chi giải thưởng Giải Bóng đá nam cán bộ, Hội diễn văn nghệ Trường nhân dịp kỷ niệm 56 năm ngày thành lập Trường và 40 năm ngày Nhà giáo Việt Nam; Tổ chức Giải Bóng bàn cán bộ, viên chức năm 2023 chào mừng Đại hội công đoàn các cấp.

- Tổ chức đợt cao điểm tuyên truyền Đại hội XVI Công đoàn Giáo dục Việt Nam (tháng 8-10/2023).

- Thăm, tặng quà và trao học bổng cho học sinh Trường Tiểu học Thành Yên và Trường Trung học cơ sở Thạch Lâm, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá với tổng giá trị: 55.000.000 đồng (tháng 4/2023); tổ chức trao đổi kinh nghiệm hoạt động công đoàn, bồi dưỡng về công tác chuyển đổi số trong giáo dục, trao tặng máy tính tại huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai với tổng giá trị 55.000.000 đồng (tháng 7/2023); vận động ủng hộ các nạn nhân, gia đình trong vụ hỏa hoạn chung cư số 37, ngách 29/70, phố Khương Hạ, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội 70.050.000 đồng (tháng 9/2023).

- Phối hợp với Nhà trường thăm Đồn biên phòng xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang và đón nhận Quốc kỳ đã được treo trên Cột cờ Quốc gia Lũng Cú về trưng bày tại phòng truyền thống của Trường Đại học Mỏ - Địa chất; trao tặng Đồn biên phòng kinh phí mua

10 lá cờ mới trị giá 30.000.000 đồng kinh phí ủng hộ của một số Công ty, Trung tâm và cá nhân trong Trường (tháng 8/2023).

b) Công tác tham gia quản lý

- Hướng dẫn, cử Đại biểu tham dự Hội nghị Đại biểu viên chức các đơn vị và phối hợp với Chính quyền tổ chức Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49 đúng quy định.

- Tham gia cùng chính quyền tổ chức hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với các đơn vị trong Trường; hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường với viên chức trẻ.

- Đề xuất với Nhà Trường chi tiền cho toàn thể CBNGNLĐ nhân dịp Đại hội Công đoàn Trường lần thứ XXIV (700.000đồng/người).

c) Thực hiện chế độ, chính sách và đời sống

- Xét trợ cấp khó khăn cho 55 cán bộ với số tiền 32.000.000 đồng; Chi hỗ trợ toàn thể công đoàn viên nhân dịp tết Nguyên đán Quý Mão 2023 (300.000 đồng/người).

- Đề xuất Nhà trường cấp áo nhận diện cho toàn thể cán bộ, viên chức để quảng bá thương hiệu và hình ảnh của Nhà trường.

- Thành lập đoàn cán bộ tham gia Giải thể thao giao lưu Khối thi đua số 2 chào mừng Đại hội công đoàn các cấp (tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân) môn bóng đá nam và tennis.

d) Công tác nữ công

- Tổ chức thăm quan thực tế cho nữ cán bộ tại Hà Nam nhân ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10/2022; Tổ chức du xuân năm 2023 tại Chùa Mía - Làng cổ Đường Lâm - Thành cổ Sơn Tây - Chùa Khai Nguyên (tháng 2/2023).

- Phối hợp cùng Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tổ chức Tọa đàm "Bình đẳng giới và xây dựng gia đình hạnh phúc" nhân dịp kỳ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3/2023.

- Tổng kết phong trào "Giỏi việc Trường - Đảm việc nhà"; vinh danh nữ Phó Giáo sư, nữ cán bộ đã bảo vệ thành công Luận án Tiến sĩ; tuyên dương khen thưởng nữ cán bộ đạt thành tích xuất sắc trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nữ cán bộ xuất sắc khối hành chính văn phòng và nữ sinh viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, NCKH và rèn luyện năm học 2021 - 2022; 2022 - 2023.

- Nhân dịp Tết thiếu nhi 1/6, chi quà cho con cán bộ 100.000 đồng/cháu với số tiền 81.600.000 đồng; khen thưởng các cháu đạt giải trong kỳ thi HSG các môn văn hóa cấp quận, huyện trở lên và đạt danh hiệu HSG toàn diện năm học 2022 - 2023 với tổng số tiền 50.350.000 đồng.

e) Công tác xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh

- Tổ chức thành công Đại hội Công đoàn Trường Đại học Mỏ - Địa chất lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Phân công nhiệm vụ các Ban chuyên môn của công đoàn; hoàn thành bàn giao công tác công đoàn nhiệm kỳ 2017 - 2023 và nhiệm kỳ 2023 - 2028.

- Bổ nhiệm Kế toán trưởng công đoàn nhiệm lỳ 2023 - 2028.

g) Công tác khen thưởng

Bằng khen Công đoàn Giáo dục Việt Nam: 03 tập thể, 04 cá nhân

13.1.4. Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên

Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Trường hiện nay quản lý trực tiếp 10 Liên Chi đoàn, 10 Liên chi Hội và 03 Chi đoàn Cán bộ trực thuộc, 26 Câu lạc bộ sinh viên với hơn **10.000** đoàn viên thanh niên (ĐVTN), được học tập và sinh hoạt tại nhà trường với truyền thống lịch sử hơn 56 năm phát triển và trưởng thành.

Các nội dung, hình thức hoạt động và các phong trào thi đua được Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Ban chấp hành Hội Sinh viên Trường triển khai thống nhất về mặt tổ chức giữa các cấp của Đoàn trường, dựa trên tinh thần đoàn kết, trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn của đội ngũ cán bộ Đoàn các cấp trong toàn Trường; góp phần tạo nên phong trào sôi nổi, thiết thực

trong Trường và đạt được những kết quả đáng ghi nhận và hoàn thành xuất sắc phần lớn các mục, nhiệm vụ Đảng ủy – Ban Giám hiệu và Đoàn cấp trên giao.

a) Hoạt động tình nguyện vì cộng đồng: Các hoạt động tình nguyện trong năm học 2022 - 2023đã thể hiện rõ nét tính tiên phong và vai trò của tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Các hoạt động tiếp tục mở rộng về quy mô, ngày càng thiết thực, hiệu quả, thực sự là môi trường rèn luyện của tuổi trẻ. Các đợt hoạt động cao điểm hàng năm: Tháng Thanh niên, Chiến dịch Thanh niên tình nguyện Hè, Chương trình Tiếp sức đến trường, Tình nguyện mùa đông, được Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất triển khai thông qua các hoạt động tình nguyện tại chỗ, cũng như các hoạt động tại các tỉnh, thành trên cả nước. Cùng với đó là Chiến dịch Tiếp sức Mùa thi 2023 tại các điểm thi THPT Quốc gia trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm và các tỉnh thành nơi Trường Đại học Mỏ - Địa chất được giao nhiệm vụ chủ trì công tác coi thi. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ Hội đồng hương Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh cùng thường xuyên tích cực thực hiện các chương trình tình nguyện về địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh hàng năm. Chiến dịch Mùa hè tình nguyện trong năm học 2022 – 2023 của Đoàn trường đã thu hút hơn 800 tình nguyện viên tham gia, tham gia xây dựng và trao tặng 04 công trình thanh niên tại Ba Vì - Hà Nội, Quan Hóa - Thanh Hóa, Thanh Chương - Nghệ An và Hương Khê - Hà Tĩnh với tổng số tiền trên 120 triệu đồng.

Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khẳng định được tinh thần chủ động, xung kích, tiên phong, không ngại khó, ngại khổ khi tham gia các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội như: đội hình Thanh niên xung kích trong Ký túc xá.... Tuổi trẻ Trường Đại học Mỏ - Địa chất luôn sẵn sàng ứng trực thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, cấp bách khi Thành phố giao.

b) Hoạt động Tuổi trẻ sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học: Trong năm học 2022 - 2023, Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã khơi dậy và phát huy mạnh mẽ tiềm năng, sức sáng tạo của đoàn viên Thanh niên tham gia học tập và nghiên cứu khoa học nhằm khẳng định vị thế của Trường Đại học Mỏ - Địa chất qua hơn 56 năm xây dựng và phát triển, tổ chức nhiều hoạt động phù hợp với các ĐVTN, lĩnh vực công tác với nội dung thiết thực, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên phát huy vai trò xung kích đạt được nhiều kết quả ấn tượng. Nhiều phong trào hoạt động trong cán bộ giảng viên đã được triển khai nhằm tạo môi trường thuận lợi để Đoàn viên thanh niên phát huy vai trò xung kích trong việc góp phần tăng chất lượng, hiệu quả công tác giảng dạy và học tập: các buổi hội thảo khoa học về việc nâng cao đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng giảng dạy được tổ chức; nhiều đoàn viên là cán bộ giảng viên được học tập nâng cao trình độ trong và ngoài nước; các buổi sinh hoạt chuyên đề cho học sinh sinh viên về kỹ năng tìm học liệu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết CV, kỹ năng xin việc và phỏng vấn được tổ chức thường xuyên...

Đoàn Thanh niên đã có những hành động thiết thực nhằm hỗ trợ Đoàn viên giáo viên trong việc thực hiện chuẩn hóa trình độ sau đại học: tuyên truyền, vận động Đoàn viên giáo viên trẻ trong việc nâng cao ý thức phát triển trình độ chuyên môn, tìm kiếm các học bổng chuyên ngành có uy tín để theo học nhằm nâng cao cơ hội cọ sát, tìm hiểu về văn hóa, môi trường giáo dục các nước tiên tiến, từ đó, nâng cao khả năng tiếp cận với các trường đại học uy tín. Nhiều đề tài, giải pháp, sáng kiến có tính thực tiễn cao đã được Đoàn thanh niên "ươm mầm", ứng dụng vào thực tiễn đời sống, phát huy tác dụng. Nhiều CLB sinh viên nghiên cứu khoa học, CLB chuyên ngành, học thuật tiếp tục hoạt động hiệu quả.

Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã tích cực tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu tạo cơ chế, môi trường, điều kiện thuận lợi để hỗ trợ đoàn viên thanh niên, sinh viên, cán bộ, giảng viên trẻ học tập, nghiên cứu khoa học. Chủ động, tích cực tổ chức thường xuyên các diễn đàn, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm học tập; tổ chức các sân chơi, cuộc thi gắn liền với chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo. Thành lập và duy trì các câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ

nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên và cán bộ, giảng viên trẻ; chủ động, tích cực tìm kiếm các nguồn lực xã hội để xây dựng, phát triển quỹ học bổng hỗ trợ sinh viên, đặc biệt là sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp Hội Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất làm tốt việc bình xét, giới thiệu sinh viên nhận các giải thưởng, danh hiệu của Trung ương và Thành phố, như: *"Sao tháng giêng", "Sinh viên 5 tốt", Thủ khoa xuất sắc tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hà Nội…*

Hoạt động tư vấn, hỗ trợ ĐVTN về nghề nghiệp, việc làm đã được triển khai đa dạng. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất tập trung đẩy mạnh các hoạt động hướng nghiệp, tổ chức các buổi giao lưu, đối thoại nghề nghiệp với các tập đoàn, công ty, trung tâm lớn, vừa và nhỏ, có uy tín trong nước.... Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng thường xuyên cử ĐVTN tham dự Ngày hội việc làm, tư vấn tuyển sinh và hướng nghiệp do Thành đoàn Hà Nội tổ chức hàng năm.

Hoạt động tạo ra cầu nối giữa doanh nghiệp và sinh viên tiếp tục được Đoàn thanh niên đẩy mạnh. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp tổ chức kết nghĩa với các Công ty thuộc Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, Công ty Fecon, Đoàn Thanh niên Viện Dầu khí Việt Nam... để từ đó sinh viên có cơ hội thực hành nghề nghiệp và khởi nghiệp.

c) Hoạt động văn nghệ - thể thao dành cho sinh viên: Các hoạt động văn nghệ, thể thao luôn được quan tâm, tổ chức thường xuyên, phục vụ nhu cầu, nguyện vọng chính đáng, lành mạnh của Đoàn viên thanh niên, … Qua đó đã mang lại cho Đoàn viên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, nâng cao ý thức rèn luyện sức khỏe, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Bên cạnh các hoạt động do Trường Đại học Mỏ - Địa chất chủ động tổ chức, các hoạt động do Trung ương đoàn, Thành đoàn phát động cũng được ĐVTN Trường Đại học Mỏ - Địa chất hưởng ứng với tinh thần sôi nổi. Trong năm học 2022 - 2023vừa qua, Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên Trường đã tổ chức nhiều sự kiện đặc biệt dành cho sinh viên HUMG và được đông đảo sinh viên hưởng ứng nhiệt thành như Gala Breaking 2022 - Connected, Cuộc thi Khoa tôi là Nhất năm 2023… Đây là những sự kiện được tổ chức tại HUMG nhằm mục đích tạo sân chơi giúp sinh viên Nhà trường tự tin thể hiện bản thân, tạo không khí vui tươi, bổ ích dành cho sinh viên.

d) Công tác xây dựng tổ chức Đoàn - Hội: Với hơn 10.000 Đoàn viên, công tác phát triển và quản lý đoàn viên - hội viên được thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ Đoàn, Hội. Đoàn Thanh niên luôn quan tâm theo dõi sát sao và hỗ trợ kịp thời, đặc biệt đã phối hợp với Hội Sinh viên tổ chức được nhiều hoạt động lớn dành cho cho sinh viên, góp phần tạo ra nhiều khởi sắc trong hoạt động của Hội Sinh viên Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng đã giới thiệu cán bộ Đoàn ưu tú tham gia vào các vị trí chủ chốt của Hội Sinh viên; phát huy vai trò nòng cốt chính trị trong việc chỉ đạo thành công Đại hội đại biểu Hội Sinh viên Trường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2023 - 2025.

Trong năm học 2022 - 2023, công phát triển Đảng trong đoàn viên sinh viên tiếp tục được tăng cường và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các liên chi đoàn, chi đoàn trực thuộc Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã triển khai cuộc vận động *"Xây dựng tổ chức cơ sở Đoàn vững mạnh, đoàn viên thanh niên phấn đấu trở thành Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam"*, mỗi năm Đoàn Thanh niên phối hợp cùng văn phòng Đảng – Đoàn thể tổ chức lớp học Bồi dưỡng nhận thức về Đảng cho hơn 150 Đoàn viên, kết nạp 58 Đoàn viên ưu tú đứng vào hàng ngũ của Đảng.

13.1.5. Công tác hoạt động của Hội Cựu chiến binh

Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã phối hợp cũng như chủ trì thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiều nhiệm vụ trọng yếu, đặc biệt là công tác hoạt động theo qui định của Điều lệ hội. Năm qua, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Hội CCB lần thứ V, hoạt

động của Hội là chủ động, tích cực, toàn diện đúng với tính chất, mục đích nhiệm vụ của Hội. Các chi hội và hội viên đã nêu cao được tinh thần trách nhiệm, đoàn kết gương mẫu thực hiện và đã hoàn thành tốt các mặt công tác của Hội. Kết quả đạt được là tương đối toàn diện và có hiệu quả thiết thực, giữ vững là tổ chức Hội trong sạch vững mạnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Nhà trường.

- Ngày 22/12/2022, Hội đã phối hợp cùng Khoa Quốc phòng chủ trì tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 33 năm ngày Hội quốc phòng toàn dân,78 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 33 năm ngày thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam và 22 năm ngày Hội Cựu chiến binh Trường Đại học Mỏ Địa chất.

- Hội đã phối hợp với các đơn vị đoàn thể trong và ngoài trường làm tốt các phong trào hoạt động do các cấp phát động, như phong trào vận động đóng góp xây dựng và ủng hộ đề án 03 (xây nhà tình nghĩa do Hội CCB Thành phố Hà Nội phát động) và quỹ hỗ trợ các gia đình khó khăn gặp hạn,...

- Trong năm qua Hội đã thực hiện hai chục lượt tham dự các sự kiện của các Hội CCB trong Hội CCB thành phố Hà Nội, các đơn vị Hội CCB ở các địa phương ngoài thành phố và các đơn vị khác ngoài Hội làm tốt công tác quảng bá hình ảnh của Nhà trường nói chung và của Hội CCB trường Đại học Mỏ Địa chất nói riêng.

- Trong năm qua Hội cũng đã duy trì và làm tốt công tác tham hỏi các gia đình chính sách, gia đình khó khăn,.... đặc biệt là công tác tham hỏi việc hiếu hỷ của các gia đình hội viên.

- Nhân dịp ngày 27/7 Hội đã chủ trì tổ chức lễ tri ân các anh hùng liệt sĩ, các thầy trò của nhà trường tham gia nhập ngũ bảo vệ tổ quốc, với sự tham gia của đại diện Đảng uỷ, Ban giám hiệu và các phòng khoa ban trong Trường.

- Hội đã tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng, chính quyền giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở; triển khai hoạt động có hiệu quả 4 Đề án, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ V (nhiệm kỳ 2022-2027). Tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn, hoàn thành các công tác phân công chỉ đạo, chỉ thị, thông báo của Hội CCB Thành phố. Tình hình chính trị tư tưởng cán bộ hội viên ổn định, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng, tham gia thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của Trường.

13.2. Những tồn tại

13.2.1. Thực hiện quy chế dân chủ

Nhà trường đã thực hiện tốt QCDC đặc biệt đối với các hoạt động ở cấp Trường, song ở các đơn vị cơ sở vẫn còn có những hiện tượng:

- Việc triển khai thực hiện dân chủ ở cơ sở trong hoạt động của một số đơn vị còn mang tính hình thức.

- Vẫn còn khá nhiều CBVC chưa dám phản ánh, kiến nghị, tâm lý ngại va chạm hoặc còn thờ ơ, chưa xem việc thực hiện dân chủ ở cơ sở là trách nhiệm của mình đối với đơn vị.

- Một số cấp ủy, chính quyền chưa tập trung chỉ đạo, thiếu đôn đốc; chưa cụ thể hóa các quy chế, quy định, quy trình công khai, dân chủ ở cơ sở; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm...,vẫn còn một số đơn vị chưa phát huy tốt vai trò giám sát.

- Có hiện tượng thông tin không được thông suốt, một số ít CBVC còn chưa thực sự quan tâm với công việc chung của Nhà trường nên chưa nắm bắt đầy đủ được những công việc, chủ trương của Nhà trường đã làm. CBVC, người lao động còn chưa chủ động, sáng tạo, thiếu tính khoa học trong công việc được đơn vị giao, tâm lý e ngại trong phê bình, ngại góp ý vẫn còn tồn tại ở một số cá nhân. Lãnh đạo các tổ chức đoàn thể làm việc kiêm nhiệm nên việc kiểm tra, giám sát còn hạn chế.

- Công tác khen thưởng, nhân rộng các điển hình trong thực hiện QCDC chưa được thực hiện kịp thời.

- Thời gian đầu tư cho các buổi sinh hoạt chuyên đề tuyên truyền các văn bản về thực hiện QCDC ở cơ sở chưa nhiều.

13.2.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương

- Việc huy động CBVC là quân nhân dự bị hạng 2 (nam CBVC từ đủ 28 tuổi đến hết 45 tuổi chưa qua phục vụ tại ngũ) đi huấn luyện dự bị động viên hoặc khi có lệnh triệu tập của cấp trên còn gặp nhiều khó khăn.

- Nhà trường vẫn còn một số CBVC đối tượng 3 (trưởng, phó các khoa, phòng, ban, trạm, trung tâm) và một số CBVC đối tượng 4 chưa được bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.

- Công tác kế hoạch, phân công giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên có thời điểm chưa phù hợp, còn trùng môn học khác.

- Nhiều nội dung trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh chưa có giáo trình thống nhất.

13.2.3. Công tác Đoàn thanh niên, Hội sinh viên

Một số cán bộ Đoàn - Hội năng lực và kết quả học tập còn hạn chế, uy tín không cao đối với tập thể làm ảnh hưởng đến công tác. Một bộ phận cán bộ, giảng viên trẻ thiếu quan tâm đến hoạt động Đoàn - Hội. Kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn - Hội của nhiều cán bộ chủ chốt ở cấp Liên chi đoàn và chi đoàn cần được tiếp tục củng cố.

Nguồn tài lực, vật lực (kinh phí, vật chất) phục vụ cho công tác tình nguyện vì cộng đồng chủ yếu còn do kinh phí của trường cấp và từ nguồn đóng góp của CBVC, ĐVSV và các đơn vị trong trường, sự huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức kinh tế, xã hội bên ngoài còn hạn chế. Vì vậy, nguồn lực vật chất còn bất cập so với yêu cầu của công tác.

Công tác tuyển sinh các năm gần đây của nhà trường và giữa các khoa có sự suy giảm và chênh lệnh nhiều về chỉ tiêu, vấn đề này sẽ tạo ảnh hưởng lớn đến lượng đoàn viên của Đoàn trường, tạo ra sự chênh lệch đoàn viên lớn giữa các liên chi khiến cho việc triển khai đồng bộ nhiệm vụ công tác Đoàn gặp những khó khăn nhất định. Tất cả các vấn đề trên có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất, đòi hỏi Đoàn Thanh niên Trường Đại học Mỏ - Địa chất phải nỗ lực vượt bậc để thu hút, tập hợp, giáo dục ĐVTN theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Đoàn.

13.3. Giải pháp

13.3.1. Thực hiện quy chế dân chủ

Tiếp tục tổ chức quán triệt các văn bản của Trung ương, Quốc hội và của Chính phủ về thực hiện QCDC ở cơ sở để không ngừng nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ đảng viên, viên chức về dân chủ và thực hành dân chủ. Những vấn đề "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng" phải được cụ thể hóa thực hiện nghiêm túc trên mọi lĩnh vực của đời sống. Mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ gìn kỷ cương, trật tự.

Tiếp tục duy trì, phát huy quyền làm chủ của cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Trường. Duy trì việc đối thoại giải quyết khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo thường được các đơn vị trong toàn Trường phối hợp để giải quyết kịp thời.

Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để phù hợp với tình hình thực tế. Điều chỉnh những nội quy, quy trình mang tính phối hợp còn chồng chéo, bất cập (nếu có).

Thông qua các cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, làm tốt công tác phê bình, tự phê bình, chống các biểu hiện tham nhũng, lãng phí.

Tổ chức đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức công bằng, công khai, chú trọng công tác

khen thưởng để tạo động lực cho toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục thực hiện công tác đối thoại định kỳ, lắng nghe những đóng góp, ý kiến của cán bộ, viên chức và người lao động nhằm giải quyết nhanh chóng, kịp thời phù hợp với quy định.

13.3.2. Công tác giáo dục quốc phòng - quân sự địa phương

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, viên chức và sinh viên nắm chắc quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Động viên, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tích cực tham gia huấn luyện và thực hiện các nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Đồng thời, có chế tài xử phạt đối với các trường hợp chấp hành chưa nghiêm túc việc điều động tham gia huấn luyện theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Hội đồng Giáo dục quốc phòng và An ninh quận và thành phố cử cán bộ lãnh đạo các đơn vị đi bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh; mở lớp bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, viên chức đối tượng 4 tại Trường theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa các đơn vị trong Trường để xây dựng kế hoạch giảng dạy môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh phù hợp, đảm bảo đúng quy định, chất lượng hiệu quả dạy và học.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giờ giảng, bài giảng của các giảng viên, qua đó kịp thời nắm bắt, đánh giá đúng thực chất kết quả giảng dạy và nhận thức của người học.

- Tiếp tục biên soạn giáo án, bài giảng, tài liệu tham khảo và tổ chức các buổi sinh hoạt học thuật thống nhất nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và phục vụ công tác khảo thí môn học kể cả trực tiếp và online**.**

13.3.4. Công tác Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên

Cần xác định công tác xây dựng tổ chức Đoàn là trọng tâm, trong đó cán bộ là khâu then chốt. Từ đó, lựa chọn đội ngũ cán bộ Đoàn phải là những người trẻ, có sức khoẻ, có trình độ, tâm huyết, nhiệt tình với phong trào, có năng lực tổ chức các hoạt động thực tiễn, biết đoàn kết nội bộ, phát huy trí tuệ tập thể nâng cao chất lượng hoạt động đoàn. Đoàn trường cần phải trực tiếp hoặc tham mưu với lãnh đạo trường, lãnh đạo Khoa, Trung tâm chăm lo đến đội ngũ cán bộ Đoàn. Trong từng điều kiện cụ thể cần đề xuất và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cán bộ Đoàn; có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ Đoàn kế cận.

Các hoạt động của Đoàn phải thiết thực, xuất phát từ nhu cầu, lợi ích chính đáng của ĐVTN, phát huy mạnh mẽ tinh thần xung kích, tình nguyện và hỗ trợ ĐVSV trong học tập, rèn luyện, tự khẳng định và phát triển khả năng. Tích cực khai thác nguồn lực của xã hội phục vụ công tác Đoàn và phong trào thanh niên của Trường.

Trong công tác chỉ đạo thể hiện tính sáng tạo, nhạy bén, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, bám sát nhiệm vụ chính trị của Trường, xác định mục tiêu, phương hướng, kế hoạch và biện pháp thực hiện cụ thể, khoa học cho công tác Đoàn và phong trào thanh niên trong cả nhiệm kỳ và từng giai đoạn cụ thể.

Cần phân cấp giao nhiệm vụ cụ thể cho từng chi đoàn, từng bộ phận để tổ chức Đoàn các cấp phát huy được trí tuệ, tài năng, sức sáng tạo của đội ngũ, cán bộ, đoàn viên trong toàn trường.

Tích cực và chủ động hơn nữa trong công tác tham mưu, tranh thủ sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, và lãnh đạo các Khoa, Phòng, Ban vàTrung tâm trong trường.

Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp, chương trình phù hợp để phát huy thế mạnh của lực lượng ĐVSV đông đảo của trường.

14. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết HNĐB viên chức Trường lần thứ 49

Từ các kết quả hoạt động nêu trên, chúng ta có thể khẳng định rằng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã từng bước thể hiện được vai trò, vị trí của Trường đại học kỹ thuật đa ngành có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Thành lập nhiều nhóm nghiên cứu và nghiên cứu mạnh; tích cực nâng cao về số lượng, chất lượng các đề tài khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và tương đương. Cán bộ giảng viên chủ động tham gia viết bài cho các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế.

Tuy vậy, trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học, việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra vẫn còn một số nhiệm vụ còn chưa hoàn thành (Bảng 52).

Bảng 52. So sánh mục tiêu đặt ra và thực hiện mục tiêu năm học 2022 - 2023

Tiêu chí	Mục tiêu	Thực hiện	Đánh giá
Quy mô đào tạo	16.000	18.262	Vượt
Mở mới ngành đào tạo: - Bậc đại học - Thạc sĩ - Tiến sĩ	 5 0 1	 0 0 1	 Không đạt Hồ sơ đang trình Bộ GD&ĐT
Đề tài KHCN mới: - Cấp Nhà nước - Cấp Bộ và tương đương	 3 10	 18 54	 Vượt Vượt
Bài báo và báo cáo khoa học quốc tế	150	187	Vượt
Hội nghị khoa học quốc tế	3	3	Đạt
Xây dựng các nhóm nghiên cứu: - Nhóm nghiên cứu mạnh - Nhóm nghiên cứu	 1 5	 4 10	 Vượt Vượt
Mở các khóa đào tạo ngắn hạn	2	5	Vượt
Xuất bản giáo trình	10	14	Vượt
Tự đánh giá 3 chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ: Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa bản đồ	3	3	Tiếp tục thực hiện
Hoàn thành báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng đối với 4 CTĐT: Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh	4	4	Đã thực hiện, chưa hoàn thành
Triển khai công tác tự đánh giá Trường			Đang thực hiện
Triển khai cải tiến chất lượng 1 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA	1	0	Chưa thực hiện
Thi đua	85% LĐTT		Đạt

Trong quá trình hoạt động, Nhà trường còn bộc lộ những hạn chế cần khắc phục đó là:

Chất lượng đào tạo ở một số ngành của Nhà trường vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; Chưa tìm được cách tiếp cận thực sự phù hợp, hiệu quả trong công tác tư vấn tuyển sinh ở một số ngành truyền thống, các khoa chuyên môn và các bộ môn còn gặp khó khăn trong việc mở mới các ngành đào tạo; công tác tư vấn tuyển sinh nhiều khi chưa kịp thời, chất liệu truyền thông chưa phong phú; chưa có kế hoạch tổng thể về công tác giáo trình, bài giảng trong toàn trường; chưa xây dựng được hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Nhà trường, việc cải tiến sau kiểm định các chương trình đào tạo còn chậm; một bộ phận giảng viên và cán bộ quản lý chưa đáp ứng được trong thời kỳ mới, thiếu hụt nhân lực giảng viên chất lượng cao; chưa triển khai công tác tuyển dụng ở 1 số đơn vị trong điều kiện khối lượng công việc ngày càng gia tăng; cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của tự chủ đại học; bộ máy tổ chức còn cồng kềnh; thu nhập của cán

bộ, viên chức còn chưa cao đặc biệt là khối cán bộ hành chính; chiến lược phát triển Nhà trường chưa tính hết được sự thay đổi nhanh chóng của chính sách và xã hội.

Các giải pháp về việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ và đầu tư cho cơ sở vật chất còn gặp khó khăn chưa đáp ứng quy mô phát triển của Nhà trường, chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo theo tín chỉ, công tác quản lý đào tạo còn nhiều bất cập cần khắc phục. Cơ sở vật chất còn tương đối hạn chế nên đã gây khó khăn cho việc xây dựng kế hoạch đào tạo, tổ chức đào tạo một cách khoa học.

Công tác chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, xác định vị trí việc làm chưa được xây dựng và triển khai hiệu quả nên phần nào ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc của một bộ phận cán bộ viên chức, một số đơn vị.

Công nghệ thông tin chưa được ứng dụng mạnh và sâu trong tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý mọi hoạt động và quản trị Nhà trường. Hệ thống hạ tầng CNTT còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu sử dụng ngày càng cao và công tác chuyển đổi số của Nhà trường

Các đơn vị chưa thực sự chủ động trong hoạt động của mình; Chương trình đào tạo được cập nhật nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội và có tính cạnh tranh.

Công tác quản lý, sử dụng công sản làm chưa thật hiệu quả, chưa kiên quyết xử lý, khắc phục yếu kém trong các lần kiểm tra, chưa tận dụng hết công năng các thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị phục vụ đào tạo của Nhà trường vừa thiếu vừa cũ; hệ thống phòng thí nghiệm chủ yếu hoạt động theo hướng hoạt động đào tạo, chưa gắn với các nhóm nghiên cứu khoa học.

Kế hoạch tài chính của Trường khoảng giữa năm tài chính mới được Hội đồng Trường phê duyệt làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của Trường

Công tác đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, xét thi đua còn chậm so với yêu cầu nhiệm vụ năm học.

Công tác tuyên truyền, giáo dục về chính trị, tư tưởng, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa nắm bắt tốt tâm tư, nguyện vọng của sinh viên; chưa tạo ra động lực để trò giúp thầy thay đổi, chưa nâng cao được ý thức và văn hóa học đường trong Nhà trường.

PHẦN II
NHIỆM VỤ CỦA NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2023 - 2024

1. Bối cảnh và thách thức đối với Nhà trường trong năm học 2023 - 2024

Năm học 2023 - 2024 là năm học ngành giáo dục tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, văn bản của Bộ GD&ĐT về giáo dục đại học; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; Căn cứ Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23/8/2023 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm NH2023 - 2024 của ngành Giáo dục; Căn cứ Công văn số 5155/BGDĐT-GDĐH ngày 22/9/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn nhiệm vụ NH2023 - 2024 đối với GDĐH. Trên cơ sở đó Trường Đại học Mỏ - Địa chất xác định nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024 là "Thúc đẩy quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các hoạt động cho các cá nhân, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Nhà trường", nhằm tuân thủ triết lý giáo dục "Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập", phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm học 2023 - 2024

2.1. Triển khai thực hiện chiến lược phát triển Trường, tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại và hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Trường theo định hướng phát triển trường, đẩy mạnh tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong từng cá nhân, đơn vị của Nhà trường. Hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Quy chế làm việc của Hội đồng Trường và các quy định nội bộ khác của Nhà trường trong đó quy định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp giữa Hội đồng Trường và Ban Giám hiệu theo đúng quy định; Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các đơn vị chủ động xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thúc đẩy chuyển đổi số, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý của Nhà trường.

2.2. Nâng cao chất lượng chuyên môn và đạo đức của đội ngũ cán bộ, viên chức Nhà trường; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm cán bộ, viên chức đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; bảo đảm số lượng và chất lượng cán bộ, viên chức đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Trường. Phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với các tổ chức đoàn thể để phát huy truyền thống đoàn kết, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và sinh viên. Tăng cường thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, viên chức và người học của Nhà trường.

2.3. Triển khai cải tiến chất lượng Nhà trường giữa chu kỳ kiểm định (2018 - 2023). Đẩy mạnh xây dựng các chương trình đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội. Thúc đẩy kiểm định chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học và sau đại học. Triển khai hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning hiệu quả.

2.4. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp chiến lược phát triển của Nhà trường. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế

giới. Tăng cường công tác xuất bản, đặc biệt là công bố khoa học quốc tế để nâng cao vị thế của Nhà trường và đáp ứng mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu.

2.5. Thực hiện hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên thông qua các hoạt động giáo dục và trải nghiệm; xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa Nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho sinh viên. Nâng cao vai trò trách nhiệm của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý sinh viên.

2.6. Tổ chức thực hiện kế hoạch trung hạn phát triển khu đô thị đại học giai đoạn 2021 - 2025 hoàn thành việc lập qui hoạch chi tiết các công trình xây dựng Khu A1 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; tổ chức thực hiện công tác đầu tư xây dựng các công trình theo từng giai đoạn, hạng mục công việc thành phần thuộc Khu A1 và tiếp tục thực hiện giải phóng mặt bằng khu Đô thị đại học. Triển khai từng bước chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm khai thác mỏ tại phường Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

2.7. Tiếp tục đẩy mạnh, tăng tính chuyên nghiệp và tính hiệu quả trong hoạt động truyền thông, đa dạng và đổi mới liên tục về hình thức và cách thức tiếp cận nhằm phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị, hướng đến sự phát triển bền vững qua việc xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Nhà trường.

2.8. Tiếp tục tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao, phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0; xây dựng và sắp xếp lại hệ thống phòng thí nghiệm, thực nghiệm để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo. Xây dựng các phương án huy động vốn (vốn ngân sách Nhà nước, vay nợ, viện trợ, các nguồn vốn hợp pháp khác) dành cho đầu tư khu A1 trình cấp thẩm quyền phê duyệt; tiếp tục nâng cấp phòng học như lắp máy điều hòa nhiệt độ, trang thiết bị phục vụ quản lý đào tạo, hệ thống wifi, phần mềm quản lý, cải tạo cơ sở vật chất, chống xuống cấp; quy hoạch và nâng cấp các phòng thí nghiệm, cải tạo giảng đường phù hợp với hoạt động đào tạo và cơ cấu sinh viên của trường.

3. Các chỉ tiêu cơ bản

- Quy mô đào tạo hệ chính quy >13.000 sinh viên
- Quy mô đào tạo sau đại học: 1000, trong đó có 100 NCS và 900 học viên cao học.
- Mở mới 05 ngành, chuyên ngành đào tạo hệ đại học. Mở mới 01 ngành đào tạo trình độ tiến sĩ (Kỹ thuật xây dựng).
- Tự đánh giá 03 CTĐT trình độ thạc sĩ (Khai thác mỏ, Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật trắc địa-bản đồ); Hoàn thành báo cáo giữa kỳ KĐCL đối với 04 CTĐT (Kỹ thuật địa chất, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kế toán, Quản trị kinh doanh; triển khai công tác Tự đánh giá Trường; Triển khai cải tiến chất lượng 01 CTĐT Kỹ thuật hóa học theo chuẩn AUN-QA.
- 100% giảng viên hoàn thành định mức NCKH được giao; 100% số đề tài NCKH nghiệm thu đúng tiến độ.
- Đề tài triển khai mới: 03 đề tài cấp NN; 10 đề tài cấp Bộ GD&ĐT.
- Bài báo Quốc tế: 150 bài (trong đó bài báo khoa học thuộc danh mục WoS: 100 bài).
- Hội nghị Khoa học quốc tế, quốc gia: 03 Hội nghị.
- Xây dựng các nhóm nghiên cứu: 3 nhóm nghiên cứu/nhóm nghiên cứu mạnh.
- Mở khóa học ngắn hạn: ít nhất 2 khóa.
- Xuất bản 10 Giáo trình trong đó mỗi khoa chuyên môn: 01 giáo trình.
- Thi đua: 85% cán bộ viên chức đạt Lao động tiên tiến

4. Các giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024

4.1. Ban hành hệ thống chính sách thúc đẩy việc hoàn thành các mục tiêu đề ra trong

chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nhà trường định hướng cho các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn. Thí điểm triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho một số đơn vị của Nhà trường theo yêu cầu của Luật GDĐH sửa đổi và các quy định pháp luật. Triển khai thực hiện tái cấu trúc trường và tái cấu trúc các đơn vị theo chiến lược phát triển, triển khai Đề án vị trí việc làm, Đề án thành lập Trường, Viện trực thuộc Trường. Thành lập các trung tâm, doanh nghiệp khoa học công nghệ thuộc, trực thuộc Trường.

4.2. Hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức có nguyện vọng chuyển đổi chuyên môn đào tạo, nâng cao năng lực ngoại ngữ, kỹ năng mềm cho cán bộ, viên chức như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề, nâng cao năng lực viên chức làm công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác truyền thông .... Tăng nguồn thu từ các hoạt động của Nhà trường, cân đối, bố trí hợp lý các khoản chi nhằm dành nguồn lực tài chính cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong Nhà trường.

4.3. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định của Nhà trường theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường. Thí điểm xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, quyền lợi khác của một số chức danh lãnh đạo, quản lý trong Nhà trường theo vị trí việc làm, theo kết quả, hiệu quả công việc. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc, quy chế giảng dạy, học tập; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm các quy định, quy chế.

4.4. Xây dựng thí điểm chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học và sau đại học. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, khảo sát cơ cấu, đặc điểm của thị trường lao động; gắn đào tạo theo nhu cầu xã hội; chuẩn bị các nguồn lực về nhân sự, cơ sở vật chất để xây dựng các chương trình đào tạo mới, chương trình chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế, chương trình phục vụ nhu cầu doanh nghiệp, triển khai đồng bộ hệ thống đào tạo E-Learning và Blended Learning ... nhằm đa dạng hóa loại hình, phương pháp đào tạo, gắn liền đào tạo với nhu cầu của xã hội và theo các quy định mới về đào tạo trực tuyến. Tiếp tục triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo của Nhà trường. Triển khai kiểm định chất lượng 01 chương trình đào tạo đại học theo chuẩn AUN-QA.

4.5. Kết nối các phần mềm quản lý của Nhà trường tạo thành một hệ thống quản lý đồng nhất. Tổ chức rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường. Tiếp tục tăng số lượng thủ tục giải quyết ở bộ phận một cửa như đối với các thủ tục kế toán, tài chính, tổ chức cán bộ, đào tạo đại học, sau đại học, công tác chính trị sinh viên ... Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ tại Nhà trường. Tăng cường giao lưu học thuật quốc tế. Ban hành chính sách khuyến khích viên chức công bố khoa học quốc tế. Tiếp tục thúc đẩy thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh trong Nhà trường thông qua việc ưu tiên giao, đặt hàng triển khai các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, ưu tiên đầu tư trang thiết bị, điều kiện nghiên cứu ... Tiếp tục cải tiến phương thức tuyển chọn đề tài khoa học theo hướng nâng cao chất lượng, phục vụ các yêu cầu thiết thực và có sản phẩm chất lượng cao; Triển khai thực hiện định hướng hoạt động KHCN phù hợp với chiến lược phát triển KHCN và đổi mới sáng tạo Quốc gia; đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

4.6. Tiếp tục cải tiến và nâng cao chất lượng công tác quản lý sinh viên, rà soát và cải tiến quy trình quản lý, quy chế phối hợp giữa đào tạo - quản lý sinh viên- kế hoạch tài chính - khoa nhằm khắc phục tối đa các hạn chế ảnh hưởng tới người học; tăng cường công tác giáo dục nhận thức, đạo đức lối sống, kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm; tiếp tục nâng cao vai

trò và trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể, các mô hình câu lạc bộ sinh viên trong Nhà trường trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và các hoạt động của sinh viên. Tổ chức khóa tập huấn cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập, tiến hành lấy ý kiến sinh viên về công tác giáo viên chủ nhiệm.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và thu hút các nguồn lực đầu tư dành cho phát triển cơ sở vật chất, đẩy mạnh công tác xã hội hóa cho cơ sở vật chất, tập trung khai thác hiệu quả hệ thống các phòng thí nghiệm công nghệ cao và xây dựng đề án một số phòng thí nghiệm chuyên sâu để từng bước đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học và đào tạo chất lượng cao. Đầu tư xây dựng Khu Giảng đường tại khu A1 (2021 - 2025): Hoàn thành công tác đầu tư xây dựng 01 Khu Giảng đường trong khu A1 (06.CQ3 - 5,5ha), đảm bảo có thể độc lập vận hành, khai thác và quản lý như một dự án độc lập với tổng mức đầu tư là 73 tỷ VNĐ. Dự án này đã được Bộ giáo dục và Đào tạo phê duyệt chủ trương tại quyết định số 2834/QĐ-BGDĐT ngày 03/10/2022, dự kiến công trình sẽ bàn giao đưa vào sử dụng vào năm 2025. Tiếp tục bám sát các Bộ, Ban ngành về đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng Khu nhà đa năng, Giảng đường và Phòng thí nghiệm để vận hành cùng với Khu Giảng đường tạo ra 1 khu độc lập trong công tác quản lý và khai thác

4.8. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng và triển khai chiến lược truyền thông có tính chuyên nghiệp cao; tiếp tục đề xuất và triển khai các giải pháp để quảng bá tuyên truyền hình ảnh Nhà trường; đổi mới và nâng cao chất lượng tư vấn tuyển sinh các bậc học, loại hình đào tạo; thực hiện và mở rộng các hoạt động quảng bá quốc tế để thu hút sinh viên quốc tế ở các nước láng giềng và khu vực khác; tiếp tục mở rộng và tăng cường gắn kết giữa Nhà trường với doanh nghiệp trong và ngoài nước để quảng bá hình ảnh, tham gia đào tạo và tạo điều kiện cho sinh viên ra trường có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo, đồng thời tạo ra các nguồn tài trợ mới cho Quỹ khuyến học và nguồn kinh phí cho các hoạt động khác của Nhà trường; Xây dựng chương trình phối hợp với các đối tác để tổ chức các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp, việc làm, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho sinh viên.

4.9. Sắp xếp lại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm để nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà trường. Triển khai xây dựng mô hình bộ máy tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cho Phòng thí nghiệm thông minh ứng dụng công nghiệp 4.0 để quản lý, sử dụng có hiệu quả trong công tác đào tạo, khoa học công nghệ của Nhà trường.

4.10. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức các phong trào thi đua *"Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương sáng về đạo đức, tự học, tự sáng tạo"* và phong trào *"Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác"*; đẩy mạnh các hoạt động giáo dục chính trị, tuyên truyền; thể dục thể thao, văn nghệ trong cán bộ, viên chức và người học tạo không khí phấn khởi, chung sức, chung lòng, đồng tâm hiệp lực thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ năm học 2023 - 2024.

PHẦN III. CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO:

Bảng 53. Thống kê thu, chi thường xuyên và phân phối chệnh lệch thu chi thường xuyên năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 54. Thống kê thu, chi không thường xuyên năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 55. Thống kê các khoản thu hộ - chi hộ của Trường năm 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Bảng 56. Thống kê trích các quỹ và trích nguồn cải cách tiền lương năm 2022 2022 (Trích Báo cáo tài chính đã Bộ GD&ĐT thẩm định).

Phụ lục I. Tổng hợp kết quả thực hiện các ý kiến của Hội nghị Đại biểu viên chức Trường lần thứ 49.

Phụ lục II. Tổng hợp giải trình các ý kiến của Hội nghị Viên chức các đơn vị gửi Nhà trường năm 2023.

Bảng 53 . Thống kê thu, chi thường xuyên
và phân phối chênh lệch thu chi thường xuyên năm 2022
(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
A	**Thu, chi thường xuyên năm 2022**		**0**		
1	**Thu thường xuyên**	**212.440**	**257.585**	**121%**	
1.1	***Thu NSNN cấp chi thường xuyên***	***40.000***	***40.000***	***100%***	
1.2	***Thu học phí các hệ đào tạo***	***152.922***	***186.240***	***122%***	
	Thu học phí từ đào tạo Đại học	136.619	159.628	117%	
	Thu học phí từ đào tạo Sau đại học	16.303	26.612	163%	
1.3	***Thu hoạt động sự nghiệp khác***	***19.518***	***31.345***	***161%***	
	Thu lệ phí ký túc xá	2.513	1.309	52%	
	Thu lệ phí nhập học		1.056		
	Thu lệ phí, học phí bồi dưỡng thi chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học; Lệ phí tuyển sinh	1.754	2.035	116%	
	Thu đóng góp các trung tâm, công ty	2.500	3.052	122%	
	Thu từ các dự án, hợp đồng NCKH		1.033		
	Thu đóng góp các dịch vụ (nhà xe sinh viên, KTX, gửi xe ô tô ...)	793	997	126%	
	Thu tổ chức các lớp bồi dưỡng thi cao học, thi chuẩn đầu ra tiếng Anh…		1.720		
	Các dịch vụ khác (thuê mặt bằng, đặt máy bán nước tự động…)	1.505	2.338	155%	
	Thu từ lãi tiền gửi ngân hàng	10.053	15.561	155%	*và lãi tiền gửi từ khoản thu học phí vào quỹ hỗ trợ sinh viên: 3.284 trđ. Tổng lãi năm 2022: 15.561+3.284 = 18.845 trđ (Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch: 187%). Trong đó, lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2022 chưa về tài khoản Trường trong năm 2022: 7.375 trđ*
	Thu khác (bồi thường kinh phí đào tạo, học bổng tài trợ, Thanh lý tài sản, liên kết đào tạo, Thuê quân tư trang GDQP & AN, Đào tạo LHS Lào tự túc, Chương trình đào tạo, liên kết)	400	2.244	561%	
2	**Chi thường xuyên**	**186.398**	**162.020**	**87%**	
2.1	***Chi tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho viên chức và sinh viên***	***139.607***	***129.564***	***93%***	
2.1.1	Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp	91.298	87.420	96%	
	Lương theo ngạch, bậc		49.322		
	Phụ cấp lương: phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên, phụ cấp giảng dạy, phụ cấp vượt khung		16.632		
	Phụ cấp công tác Đảng		80		
	Các khoản đóng góp theo lương: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN		13.079		
	Tiền hỗ trợ ăn trưa		3.942		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
	Tiền phụ cấp hành chính quản lý		2.520		
	Lương khoán tại khu ĐTĐH		240		
	Phụ cấp làm đêm, thêm giờ		1.400		
	Phụ cấp công tác Ban chỉ huy quân sự		16		
	Chi khác (Khoán điện thoại cho cán bộ quản lý, khoán CTP, khoán VPP..)		187		
2.1.2	Các khoản chi khác cho viên chức và sinh viên	48.309	42.144	87%	
a	Chi phí hoạt động nghiệp vụ đào tạo	35.176	30.554	87%	*và chi từ nguồn không thường xuyên: 1.529 trđ*
	Chi tiền vượt giờ giảng định mức cho VCGD		20.470		
	Hợp đồng thỉnh giảng		343		
	Biên soạn, viết giáo trình, mở ngành, XD bài giảng Elearning		3.232		
	Giảng dạy và tổ chức thi tại trung tâm Ngoại ngữ, Tin học		1.734		
	Hỗ trợ giảng dạy GDQP, GDTC		192		
	Chi tổ chức tuyển sinh đại học, sau đại học		285		
	Tổ chức các lớp bồi dưỡng thi cao học, thi chuẩn đầu ra tiếng Anh…		2.394		
	Tiền hội đồng luận văn tốt nghiệp cao học, NCS		1.189		
	Kiểm tra thi TNTHPT 2022		56		
	Giảng dạy tuần công dân sinh viên		269		
	Chi khác (tổ chức học kỳ 3, công tác tổ chức các lớp học đào tạo lại, bồi dưỡng thu điện nước, ký túc xá…)		391		
b	Chi phí hoạt động nghiên cứu khoa học	2.578	1.128	44%	
	Thuê khoán chuyên môn của đề tài cấp cơ sở		448		
	Hỗ trợ bài báo		180		
	Hội thảo EMA, khoa học với phát triển bền vững				
	Thi Olympic và NCKHSV		220		
	Hội đồng nghiệm thu, tư vấn tuyển chọn đề tài		192		
	Chi khác (biên tập, rà soát, hiệu đính tài liệu…)		88		
c	Chi học bổng cho sinh viên	9.975	9.910	99%	
d	Chi, đánh giá chương trình đào tạo, tư vấn tuyển sinh, tập luyện văn nghệ, thể thao, ban tổ chức, thư ký, dẫn chương trình và hỗ trợ khác, hội nghị viên chức	580	552	95%	
2.2	***Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý***	***35.716***	***25.920***	***73%***	
2.2.1	Dịch vụ công cộng	2.644	2.259	85%	*và chi từ nguồn không thường xuyên: 27 trđ*
	Tiền điện		1.557		
	Tiền nước		114		
	Tiền nhiên liệu		588		
2.2.2	Vật tư văn phòng	2.524	2.857	113%	*và chi từ nguồn không thường xuyên: 38 trđ*
	Văn phòng phẩm		1.401		
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng		905		
	Vật tư văn phòng khác		552		
2.2.3	Thông tin tuyên truyền liên lạc	2.930	1.450	49%	
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax		69		
	Cước phí bưu chính		160		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
	Thuê bao kênh vệ sinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng		253		
	Tuyên truyền, quảng cáo		856		
	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện		68		
	Khác		44		
2.2.4	Hội nghị, hội thảo	2.862	538	19%	
2.2.5	Công tác phí	1.349	1.280	95%	
	Tiền vé máy bay, tàu, xe		643		
	Phụ cấp công tác phí		324		
	Tiền thuê phòng ngủ		313		
2.2.6	Chi phí thuê mướn	5.094	5.007	98%	
	Thuê phương tiện vận chuyển		170		
	Thuê cơ sở vật chất (trả cho các đơn vị liên kết đào tạo)		143		
	Thuê thiết bị các loại		285		
	Thuê chuyên gia và giảng viên nước ngoài		112		
	Thuê lao động trong nước (chăm sóc cây xanh, phun thuốc hóa chất y tế, viết kịch bản cho các cuộc thi, dịch vụ bảo vệ khu B, đóng mở cửa lớp học, vận chuyển bàn ghế, thu gom vận chuyển rác thải……..)		483		
	Thuê đào tạo lại cán bộ		689		
	Chi phí thuê mướn khác (vệ sinh môi trường, thuê mướn khác…)		3.126		
2.2.7	Đoàn ra	950	662	70%	
2.2.8	Đoàn vào	630	59	9%	
2.2.9	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	11.097	8.671	94%	
	Ô tô dùng chung		175		
	Nhà cửa		3.407		
	Các thiết bị công nghệ thông tin		1.017		
	Tài sản và thiết bị văn phòng		231		
	Đường điện, cấp thoát nước		1.952		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		875		
	Dự án đô thị đại học (Khu A1) (thiết kế bản vẽ thi công chống tái lấn chiếm, báo cáo KTKT, thi công, tư vấn, giám sát thi công...)		1.014		
2.2.10	Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	5.636	3.137	56%	*và chi từ nguồn không thường xuyên: 185 trđ*
	Chi mua hàng hóa, vật tư (vật tư hóa chất phòng TN, in ấn giáo trình, sách, hóa chất y tế phòng COVID, in ấn, phô tô tài liệu đánh giá ngoài.., sách giá trình, sách tham khảo cho thư viện...)		2.022		
	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động		379		
	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành		320		
	Chi khác (hội đồng tốt nghiệp, lễ khai giảng, trao bằng, công tác tư vấn tuyển sinh, công tác tổ chức thi NN, TH, chi thường xuyên tại cơ sở VT, chi công tác đánh giá ngoài …….)		416		
2.3	***Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định***	***4.062***	***3.577***	***88%***	
2.4	***Chi khác theo quy định***	***6.001***	***1.835***	***31%***	
	Chi các khoản phí và lệ phí		303		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
	Bảo hiểm tài sản, phương tiện		81		
	Tiếp khách		719		
	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của viên chức, chi khác…..		733		
2.5	***Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định***	***1.012***	***1.124***	***111%***	
3	**Kinh phí giảm trong năm do tiết kiệm chi thường xuyên nộp trả NSNN**		**0**		
4	**Chênh lệch thu - chi thường xuyên (4=1-2-3)**	**26.042**	**95.514**	**367%**	
	Chênh lệch thu - chi chưa phân phối *(lãi tiền gửi dự thu tính đến 31/12/2022 chưa về tài khoản Trường trong năm 2022)*		7.375		
	Phân phối sử dụng các quỹ		70.266		
	Kinh phí cải cách tiền lương		17.874		
B	**Phân phối chênh lệch thu - chi thường xuyên năm 2022**	**26.042**	**70.266**		Chi tiết tại bảng 56
1	Quỹ khen thưởng	781	2.108		
2	Quỹ phúc lợi	5.729	15.458		
3	Quỹ bổ sung thu nhập	13.021	35.133		
	Trong đó:				
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*11.719*	*31.620*		
	+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	*1.302*	*3.513*		
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	6.511	17.566		

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng	**Kế toán trưởng**	**Người lập**
GS.TS Trần Thanh Hải	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	ThS. Cao Thu Hoài

Bảng 54 . Thống kê thu, chi không thường xuyên năm 2022

(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng) (theo NSNN cấp)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
I	**Thu không thường xuyên**	**16.426**	**16.426**	**100%**	
1	***Thu NSNN cấp chi không thường xuyên***	***6.664***	***6.664***	**100%**	
	- Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	906	906	100%	
	- Kinh phí đào tạo lưu học sinh hiệp định (LHS Mông Cổ)	298	298	100%	
	- Kinh phí dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025	495	495	100%	
	- Kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia	4.965	4.965	100%	
2	***Thu đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP***	***9.762***	***9.762***	***100%***	
II	**Chi không thường xuyên**	**16.128**	**15.312**	**95%**	
1	***Chi NSNN cấp chi không thường xuyên***	***6.366***	***6.249***	***98%***	
1.1	Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập	906	906	100%	
1.2	Kinh phí đào tạo lưu học sinh hiệp định (LHS Mông Cổ)	298	112	38%	
1.3	Kinh phí dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025	495	347	70%	
1.4	Kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia	4.965	4.884	98%	
	- Chi học bổng cho LHS nước ngoài		2.762		
	- Chi các ngày lễ, bảo hiểm, vé máy bay, thuê xe và các hoạt động của LHS		323		
	- Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp: *thanh toán tiền giảng dạy vượt định mức, viết giáo trình*		1.529		
	- Dịch vụ công cộng: *Tiền điện, nước, xăng dầu*		29		
	- Vật tư văn phòng: *Văn phòng phẩm*		38		
	- Thông tin tuyên truyền liên lạc: *Cước phí Internet*		3		
	- Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng: *bảo trì thang máy*		15		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: *Vật tư phòng thí nghiệm*		185		
2	***Chi đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP***	***9.762***	***9.063***	***93%***	
2.1	***Đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP đã quyết toán***		***8.800***		
	- Dịch vụ công cộng: *Tiền điện, nước*		184		

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng) (theo NSNN cấp)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch (%)	Ghi chú
	- Vật tư, văn phòng phẩm: *Văn phòng phẩm*		133		
	- Hội nghị, hội thảo: *Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên, thuê phiên dịch, biên dịch, chi bù tiền ăn, chi phí khác*		216		
	- Công tác phí: *Tiền vé máy bay, tàu, xe, phụ cấp công tác phí, tiền thuê phòng ngủ*		496		
	- Chi phí thuê mướn: *Thuê phương tiện vận chuyển, thuê thiết bị, thuê lao động trong nước, thuê phiên dịch, biên dịch, Chi phí thuê mướn khác*		403		
	- Đoàn ra		94		
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành: *Chi mua hàng hóa, vật tư, chi khoán thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học*		7.047		
	- Chi các khoản khác		227		
2.2	***Đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP đang tạm ứng***		***263***		
III	**Kinh phí hủy dự toán trong năm**		**581**		
1	***Hủy NSNN kinh phí không thường xuyên***		***415***		
	- Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập		0		
	- Kinh phí đào tạo lưu học sinh hiệp định (LHS Mông Cổ)		186		
	- Kinh phí dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025		148		
	- Kinh phí đào tạo lưu học sinh Lào, Campuchia		81		
2	***Hủy NSNN kinh phí của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP***		***166***		
IV	**Kinh phí chuyển năm sau của đề tài, dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP**		**533**		
V	**Chênh lệch thu - chi không thường xuyên (V=I-II-III-IV)**		**0**		

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng	Kế toán trưởng	Người lập
GS.TS Trần Thanh Hải	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	ThS. Cao Thu Hoài

Bảng 55 . Thống kê các khoản thu hộ - chi hộ của Trường năm 2022

(Trích Báo cáo tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
I	**Số dư đầu năm 2022**		**31.985**	
1	***Số dư đầu năm các khoản thu hộ - chi hộ***		***16.125***	
1.1	Dự án Eramus +		0	
1.2	Đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP		12.719	
1.3	Thu hộ khác		3.406	
	Bảo hiểm y tế sinh viên		*491*	
	Khám sức khỏe sinh viên		*1.762*	
	Thẻ sinh viên		*0*	
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh		*44*	
	Đặt cọc, bảo lãnh		*1.088*	
	Công đoàn phí, BHTT, trợ cấp ốm đau, thai sản của CBVC		*0*	
	Các hoạt động ủng hộ, áo ấm mùa đông		*21*	
1.4	Doanh thu nhận trước		0	
2	***Số dư đầu năm của Quỹ đặc thù***		***15.860***	*Chi tiết tại bảng 56*
2.1	Quỹ khuyến học		3.280	
2.2	Quỹ hỗ trợ sinh viên		12.396	
2.3	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ		184	
II	**Số thu trong năm 2022**		**39.150**	
1	***Thu các khoản thu hộ***		***34.672***	
1.1	Thu từ Dự án Eramus +		509	
1.2	Thu từ đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP		23.196	
1.3	Các khoản thu hộ khác		8.034	
	Thu bảo hiểm y tế sinh viên		*5.266*	
	Thu khám sức khỏe sinh viên		*1.392*	
	Thu thẻ sinh viên		*211*	
	Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh		*321*	
	Thu đặt cọc, bảo lãnh		*52*	
	Thu công đoàn phí, BHTT, trợ cấp ốm đau, thai sản của CBVC		*792*	
	Thu các hoạt động ủng hộ, áo ấm mùa đông		*0*	
1.4	Doanh thu nhận trước		2.933	
2	***Thu Quỹ đặc thù của Trường***		***4.477***	*Chi tiết tại bảng 56*
2.1	Quỹ khuyến học		1.194	
2.2	Quỹ hỗ trợ sinh viên		3.283	
2.3	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ		0	
III	**Số chi trong năm 2022**		**26.229**	
1	***Các khoản chi hộ***		***23.305***	
1.1	Chi Dự án Eramus +		509	
1.2	Chi đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP		16.480	
1.3	Chi hộ khác		6.315	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2022 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (triệu đồng)	Ghi chú
	Chi bảo hiểm y tế sinh viên		*5.269*	
	Chi khám sức khỏe sinh viên		*0*	
	Chi thẻ sinh viên		*47*	
	Chi chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh		*295*	
	Chi đặt cọc, bảo lãnh		*16*	
	Chi công đoàn phí, BHTT, trợ cấp ốm đau, thai sản của viên chức		*688*	
	Chi các hoạt động ủng hộ, áo ấm mùa đông		*0*	
1.4	Kết chuyển doanh thu nhận trước		0	
2	***Chi Quỹ đặc thù của Trường***		***2.924***	*Chi tiết tại bảng 56*
2.1	Quỹ khuyến học		559	
2.2	Quỹ hỗ trợ sinh viên		2.365	
2.3	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ		0	
IV	**Số dư cuối năm 2022 (IV=I+II-III)**		**44.906**	
1	***Số dư cuối năm các khoản thu hộ - chi hộ***		***27.492***	
1.1	Dự án Eramus +		0	
1.2	Đề tài, dự án không bao gồm đề tài dự án do Bộ GD&ĐT cấp KP		19.434	
1.3	Thu hộ, chi hộ khác		5.125	
	Bảo hiểm y tế sinh viên		*488*	
	Khám sức khỏe sinh viên		*3.155*	
	Thẻ sinh viên		*164*	
	Chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám chữa bệnh		*70*	
	Đặt cọc, bảo lãnh		*1.124*	
	Công đoàn phí, BHTT, trợ cấp ốm đau, thai sản của CBVC		*103*	
	Các hoạt động ủng hộ, áo ấm mùa đông		*21*	
1.4	Doanh thu nhận trước		2.933	
2	***Số dư cuối năm Quỹ đặc thù của Trường***		***17.413***	*Chi tiết tại bảng 56*
2.1	Quỹ khuyến học		3.914	
2.2	Quỹ hỗ trợ sinh viên (I.2.2+II.2.2-III.2.2)		13.315	
2.3	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ (II.2.3-III.2.3)		184	

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng	Kế toán trưởng	Người lập
GS.TS Trần Thanh Hải	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	ThS. Cao Thu Hoài

Bảng 56. Thống kê các quỹ và trích lập nguồn cải cách tiền lương năm 2022

(Trích Báo cáo Tài chính đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Các Quỹ	Số dư đầu năm (Theo báo cáo tài chính năm 2022)	Số tăng trong năm					Số giảm trong năm				Số dư cuối năm
			Số quỹ tăng trong năm	Từ nguồn khác (Khen thưởng của Bộ GDĐT, kinh phí tiết kiệm của các đề tài)	Tăng trích Khấu hao TSCĐ, đầu tư, mua sắm, TSCĐ	Điều chỉnh quỹ để nộp thuế GTGT, TNDN, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo kết luận của KTNN	Cộng	Số quỹ giảm trong năm	Từ nguồn khác (Khen thưởng của Bộ GDĐT, kinh phí tiết kiệm của các đề tài)	Giảm trích Khấu hao TSCĐ, đầu tư, mua sắm, TSCĐ	Cộng	
A	B	1	2	3	4	5	6=2+3+4+5	7	8	9	10=7+8+9	11=1+6-10
I	**Quỹ cơ quan**	**382.403**	**70.266**	**510**	**9.289**	**-11.068**	**68.998**	**35.255**	**541**	**9.289**	**45.086**	**406.315**
1	Quỹ khen thưởng	19.262	2.108	510		-332	2.287	1.166	541		1.707	19.841
2	Quỹ phúc lợi	75.155	15.458			-2.435	13.023	10.507			10.507	77.672
3	Quỹ bổ sung thu nhập	89.179	35.133	0	0	-5.534	29.599	22.894	0	0	22.894	95.884
	Trong đó						*0*				*0*	
	+ Quỹ bổ sung thu nhập	*53.437*	*31.620*			*-4.981*	*26.639*	*22.894*			*22.894*	*57.182*
	+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	*35.742*	*3.513*			*-553*	*2.960*				*0*	*38.702*
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	198.807	17.567		9.289	-2.767	24.089	688		9.289	9.978	212.918
II	**Quỹ đặc thù của Trường**	**15.860**	**4.477**	**0**	**0**		**4.477**	**2.924**	**0**	**0**	**2.924**	**17.413**
5	Quỹ khuyến học (thu hộ - chi hộ)	3.280	1.194				1.194	559			559	3.914
6	Quỹ hỗ trợ sinh viên:	12.396	3.283				3.283	2.365			2.365	13.315
7	Quỹ giải thưởng khoa học công nghệ	184	0				0	0			0	184
III	**Trích lập nguồn cải các tiền lương**		**17.874**			**10.403**	**28.277**					**28.277**
	Cộng	**398.263**	**92.617**	**510**	**9.289**	**-665**	**101.752**	**38.179**	**541**	**9.289**	**48.010**	**452.005**

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng	Kế toán trưởng	Người lập
GS.TS. Trần Thanh Hải	ThS. Phạm Thị Thu Thủy	ThS Cao Thu Hoài

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC Ý KIẾN
CỦA HỘI NGHỊ ĐẠI BIỂU VIÊN CHỨC TRƯỜNG LẦN THỨ 49

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
1. Những vấn đề chung của Nhà trường					
1.	Các Nghị quyết của HĐT phê duyệt cần đảm bảo đủ thông tin, có tính thực tế, kịp thời để các đơn vị triển khai thực hiện.	Phòng KHTC	Phòng TCCB	Bộ phận tham mưu Hiệu trưởng trình Hội đồng trường lấy ý kiến cần đảm bảo đủ thông tin, có tính thực tế và bảo đảm cho Hội đồng trường có thời gian nghiên cứu, triển khai kế hoạch lấy ý kiến theo quy định.	Đã bảo đảm trình Hội đồng trường đầy đủ thông tin kèm theo; quy định HĐT họp định kỳ 03 tháng/lần nên các đơn vị cần có kế hoạch xin ý kiến HĐT hợp lý để không ảnh hưởng đến việc triển khai các công việc của Nhà trường (trong năm học 2022 - 2023, HĐT vẫn triển khai lấy ý kiến đột xuất các nội dung cần thiết cho hoạt động của Nhà trường).
2.	Nhà trường sớm đưa ra quy chế khoán (tỉ lệ đóng góp với Nhà trường khi cõ lãi) đối với từng mảng hoạt động của Trung tâm để Trung tâm có căn cứ triển khai và thực hiện nghĩa vụ với Nhà trường	TT PTTN CNC	Phòng KHTC, TCCB	Trung tâm thực hiện theo đúng các quy định trong đề án tự chủ hoạt động mà Nhà trường đã phê duyệt. Trường hợp có khó khăn, bất cập, Trung tâm đề xuất Nhà trường sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tiễn hoạt động của đơn vị.	Đã triển khai kiểm tra tự chủ hoạt động tại 03 trung tâm (trong đó có trung tâm PTTN CNC) qua đó làm rõ khó khăn, và các định hướng để khắc phục khó khăn liên quan đến cơ chế tự chủ hoạt động (Quyết định số 1682/QĐ-MĐC ngày 15/12/2022).
3.	Đề nghị Nhà trường tìm mọi nguồn lực để nâng cao đời sống cán bộ viên chức trong nhà trường. Cần có giải pháp nâng cao mức lương, thu nhập cho cán bộ khối hành chính.	Khoa MT, Phòng ĐTĐH	Phòng TCCB	Nâng cao đời sống cán bộ, viên chức luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay (bảo đảm thu nhập CBVC tăng 10% hằng năm). Quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều giải pháp để tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức; tuy nhiên cũng sẽ tiếp tục sửa đổi để nâng cao đời sống	Đã triển khai chi trả phụ cấp nhân viên hành chính gắn với trách nhiệm trong công việc của nhân viên hành chính theo Khoản 6, Điều 3, Chương 2, Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				CBVC Nhà trường. Quy chế chi tiêu nội bộ đã có giải pháp để từng bước nâng cao mức lương, thu nhập cho cán bộ khối hành chính bảo đảm nguyên tắc gắn với hiệu quả, chất lượng làm việc (theo hạng nhân viên)	
4.	Đề nghị Nhà trường xem xét đầu tư phòng thí nghiệm mạng máy tính.	Khoa CNTT	Phòng CSVC	Khoa xây dựng Dự án đầu tư gửi phòng CSVC để tổng hợp báo cáo Nhà trường.	Các đề xuất DA đã được phòng tổng hợp báo cáo Nhà trường, hiện tại Nhà trường đã phê duyệt và đang triển khai các Tiểu dự án trong đó có Khoa CNTT
5.	Nhà trường cần phải đầu tư cơ sở vật chất cho chương trình CNTT CLC: phòng học, cải tiến cách thức quản lý phòng học cũng như phối hợp làm việc của các phòng ban trong trường.	Khoa CNTT	Phòng CSVC	Phòng CSVC sẽ phối hợp với Khoa, phòng Đào tạo Đại học, Chương trình tiên tiến để đưa ra giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn.	Đã có một hai cuộc họp liên quan đến vấn đề tăng cường trang thiết bị cho đào tạo chương trình Chất lượng cao, nhưng đến nay chưa thống nhất cuối cùng và chưa có đề xuất danh mục chính thức từ Khoa.
6.	Đề nghị Nhà trường hỗ trợ thêm kinh phí cho hoạt động của Khoa (do đặc thù của khoa không có quản lý sinh viên cũng như không có hoạt động sản xuất kinh doanh)	Khoa KHCB	Phòng KHTC	Trường vẫn tiếp tục sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ nên đơn vị có ý kiến gửi đề xuất phương án chi cho đơn vị đầu mối (phòng KHTC) để tổng hợp, họp ban Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, lấy ý kiến các đơn vị trong toàn trường và báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định.	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 có hiệu lực từ năm học 2022-2023, nên năm học 2023-2024 Trường sẽ rà soát, điều chỉnh QCCTNB đề nghị Khoa có ý kiến bằng văn bản (căn cứ văn bản, thực trạng, nội dung đề xuất…) gửi về đơn vị đầu phối (phòng KHTC) để tổng hợp, họp ban Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, lấy ý kiến các đơn vị trong toàn trường và báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
7.	Đề nghị nhà trường xem xét tính toán trả thu nhập theo đúng công sức và khối lượng công việc mà giảng viên của Khoa đã hoàn thành cụ thể là cần có điểm khuyến khích cho cán bộ giảng dạy làm công tác quản lý; cán bộ giảng dạy làm công tác giáo viên chủ nhiệm; tư vấn tuyển sinh	Khoa KTQTKD	Phòng TCCB	Quy chế chi tiêu nội bộ đã có quy định chi cho công tác giáo viên chủ nhiệm; chi cho hoạt động tuyển sinh đại học, sau đại học, nhập học, hỗ trợ tư vấn tuyển sinh ..., tiếp tục sẽ hoàn thiện các mức chi để phù hợp với thực tiễn của Nhà trường Điểm khuyến khích cán bộ giảng dạy làm công tác quản lý có trong hướng dẫn đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân nhóm 3.	Điểm khuyến khích cho cán bộ giảng dạy làm công tác quản lý đã có quy định trong đánh giá, xếp loại chất lượng (viên chức nhóm 3); đồng thời tiếp tục phân cấp cho Khoa trong việc đánh giá, xếp loại KPIs_QL của nhóm 3E và sửa đổi những bất cập trong quy định đánh giá, xếp loại chất lượng (Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023). - Đối với giáo viên chủ nhiệm: theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã có phần kinh phí hỗ trợ cho công tác giáo viên chủ nhiệm.
8.	Về việc quản lý cán bộ học tập ngoài nước như hiện nay gây rất nhiều khó khăn cho Bộ môn trong việc quy hoạch cán bộ. Nhà trường cần có khung giới hạn thời gian học tập và nghiên cứu với các NCS đã hoàn thành xong luận án TS thời gian quay trở lại Trường làm việc để Bộ môn chủ động trong công tác cán bộ	Khoa XD	Phòng TCCB	- Hiện nay việc quản lý cán bộ học tập ngoài nước thực hiện theo quy định của Nhà trường, một số CBVC không quay về làm việc sẽ có phương hướng xử lý chấm dứt hợp động làm việc để không ảnh hưởng đến hoạt động của Bộ môn sau khi đề án vị trí việc làm được thông qua. Nhà trường thực hiện gia hạn thời gian học tập và nghiên cứu với các NCS đã hoàn thành xong luận án TS căn cứ vào đề nghị của Bộ môn, Khoa	- Thường xuyên tiến hành rà soát viên chức đi học sau đại học quá hạn để quản lý viên chức tại các đơn vị theo đề án vị trí việc làm đã được Hội đồng trường phê duyệt (Công văn số 247/MĐC-TCCB ngày 09/5/2023; Công văn số 501/MĐC-TCCB ngày 12/9/2023). - Nhà trường thực hiện gia hạn thời gian học tập, phê duyệt cử đi PostDoc ... đều có ý kiến đề nghị phê duyệt của cá nhân, đơn vị đề xuất.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
2. Công tác TCCB, CCHC, đánh giá phân loại, TĐKT					
9.	Cho phép cán bộ đang có đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc	Phòng QHCC	Phòng TCCB	Nhà trường luôn hỗ trợ theo quy định cho CBVC đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm nguyên tắc phù hợp với vị trí việc làm và chuyển dịch nghề nghiệp.	Năm học 2022 - 2023, Nhà trường đã cử 5 viên chức đi đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước, 33 viên chức tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác ... đối với các viên chức đi học tập các CTĐT phục vụ việc chuyển dịch nghề nghiệp đều được Nhà trường hỗ trợ 100% học phí theo mức học phí của Nhà trường.
10.	Điều kiện thiết bị cũng như mặt bằng của Xưởng hiện không đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Đề xuất chuyển đổi Xưởng thành 1 Bộ môn/Trung tâm thực hành của Khoa.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Khoa cần xây dựng đề án để các cấp có thẩm quyền xem xét quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức	Khoa chưa triển khai, đề xuất
11.	Về công tác cán bộ, trong năm học vừa qua Bộ môn tôi đã có 2 cán bộ trẻ chuyển công tác, 1 cán bộ sẽ về hưu trong năm học tới. Hiện tại Bộ môn chưa tìm được nguồn nhân lực thay thế do những khó khăn về cơ chế, chính sách đặc biệt là chế độ lương chưa phù hợp. Rất mong Nhà trường xem xét thay đổi các cơ chế về thu nhập để Bộ môn và Khoa có thể tuyển dụng.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Nâng cao đời sống cán bộ, viên chức luôn là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn hiện nay (bảo đảm thu nhập CBVC tăng 10% hằng năm). Quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều giải pháp để tăng thu nhập cho cán bộ, viên chức; tuy nhiên cũng sẽ tiếp tục sửa đổi để nâng cao đời sống CBVC Nhà trường. Việc tuyển dụng viên chức sẽ thực hiện sau khi đề án vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.	Theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều cải tiến để nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức như phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức lãnh đạo quản lý, chi bổ sung thu nhập cho Khoa ...); đồng thời xây dựng kế hoạch về chế độ đãi ngộ lao động và vị trí việc làm (mục 4.3.5 theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 08/3/2023) (việc triển khai thực hiện sẽ căn cứ vào tình hình tài chính của Nhà trường).
12.	Cần có cơ chế kinh phí cho cán bộ chuyên viên trong việc gửi Hồ sơ nghiệm thu (một số Nhà khoa học ngoài trường ở xa) cho các thành viên trong Hội đồng.	Phòng KHCN	Phòng KHTC; TCCB	Các Chủ nhiệm đề tài hết hạn nghiên cứu mà không làm các thủ tục để nghiệm thu đề tài có xem xét	Về cơ chế kinh phí cho cán bộ chuyên viên trong việc gửi Hồ sơ nghiệm thu (một số Nhà khoa học ngoài trường ở xa) cho các thành

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	Cần có hình thức xử lý các Chủ nhiệm đề tài hết hạn nghiên cứu mà không làm các thủ tục để nghiệm thu đề tài. Cần cử cán bộ trong đơn vị đi học các lớp về công tác đấu thầu trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu để có kiến thức trong chuyên môn. Cần có chính sách hỗ trợ thu nhập cho nhân viên khối hành chính để cải thiện đời sống			vào việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm. Nhà trường không hạn chế và luôn hỗ trợ theo quy định của Nhà trường cho CBVC đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Quy chế chi tiêu nội bộ đã có giải pháp để từng bước nâng cao mức lương, thu nhập cho cán bộ khối hành chính bảo đảm nguyên tắc gắn với hiệu quả, chất lượng làm việc (theo hạng nhân viên)	viên trong Hội đồng: PHÒNG KHTC: ý kiến bằng văn bản (căn cứ văn bản, thực trạng, nội dung đề xuất…) gửi về đơn vị đầu phối (phòng KHTC) để tổng hợp, họp ban Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, lấy ý kiến các đơn vị trong toàn trường và báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định. - Cần có hình thức xử lý các Chủ nhiệm đề tài hết hạn nghiên cứu mà không làm các thủ tục để nghiệm thu đề tài: trong quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đã có mức điểm trừ KPIs. - Cần cử cán bộ trong đơn vị đi học các lớp về công tác đấu thầu trong thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu để có kiến thức trong chuyên môn: trong năm học 2022 - 2023 chưa nhận được đề nghị từ các đơn vị, tiếp thu sẽ triển khai thông báo đăng ký mở lớp liên quan đến công tác đấu thầu trong năm học 2023 - 2024. - Cần có chính sách hỗ trợ thu nhập cho nhân viên khối hành chính để cải thiện đời sống: đã triển khai chi trả phụ cấp nhân viên hành chính gắn với trách nhiệm trong công việc của nhân viên hành chính theo Khoản 6,

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
					Điều 3, Chương 2, Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022.
13.	Đề nghị tuyển Bác sĩ cho Trạm Y tế	Trạm Y tế	Phòng TCCB	Đã xây dựng quy chế thu hút nhân lực chất lượng cao (trong đó có vị trí Bác sĩ); việc tuyển dụng chỉ thực hiện sau khi đề án VTVL được cấp có thẩm quyền thông qua.	- Vị trí việc làm bác sĩ đã có trong quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 106/NQ-HĐT ngày 26/4/2022). - Nhà trường đã thông qua chỉ tiêu tuyển dụng bác sĩ, tuy nhiên Bộ GDĐT chưa thông qua đề án VTVL nên chưa triển khai kế hoạch, thông báo tuyển dụng.
14.	Giám đốc Trung tâm được toàn quyền quyết định việc điều động tạm thời cán bộ trong trung tâm giữa 2 bộ phận KTX và Nhà xe.	TTDV	Phòng TCCB	Thực hiện theo đúng quy định chức năng, nhiệm vụ. Việc điều động cần phù hợp với vị trí việc làm, quy định Nhà trường, pháp luật và thực tiễn của đơn vị.	Đang phối hợp với TTDV để hoàn thiện hồ sơ theo Công văn số 5846/C06-P5 ngày 14/8/2023 để TTDV triển khai các quy định trong cơ chế tự chủ hoạt động đã được Nhà trường phê duyệt.
15.	Đề nghị có chính sách tăng thu nhập cho khối hành chính, đảm bảo hài hòa thu nhập giữa khối hành chính và khối giảng dạy khi lượng công việc tăng lên.	Phòng KHTC	Phòng TCCB	Quy chế chi tiêu nội bộ đã có giải pháp để từng bước nâng cao mức lương, thu nhập cho cán bộ khối hành chính bảo đảm nguyên tắc gắn với hiệu quả, chất lượng làm việc (theo hạng nhân viên), đồng thời bảo đảm hài hòa thu nhập giữa khối hành chính và khối giảng dạy.	Đã triển khai chi trả phụ cấp nhân viên hành chính gắn với trách nhiệm trong công việc của nhân viên hành chính theo Khoản 6, Điều 3, Chương 2, Quyết định số 508/QĐ-MĐC
16.	Về KPIs đề nghị nhà trường nên xem xét đánh giá công khai, minh bạch và công bằng. Năm học 2020-2021 ở một đơn vị trong trường có cá nhân vi phạm pháp luật nhưng đơn vị đó vẫn được đánh giá mức A+- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Năm học 2021-2022 cá nhân đó đã bị xử lý hình sự và đã có quyết định chấm dứt hợp đồng	Phòng KHTC	Phòng TCCB	Ngày 09/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mới quyết định 01 cá nhân của Nhà trường vi phạm Bộ luật hình sự tính từ ngày 29 tháng 7 năm 2021 do vậy không thể đánh giá đơn vị quản lý viên chức đó trong năm học 2021 - 2022. Năm học 2020 - 2021, các quyết	(Đã giải trình cụ thể)

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	làm việc tại trường nhưng nếu đơn vị đó vẫn được đánh giá thi đua ở mức A+- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, như vậy là không công bằng đối với toàn bộ viên chức người lao động trong toàn Trường. Nếu như đơn vị đó năm học 2020-2021 không bị xét đánh giá đối với sự việc trên thì năm học 2021-2022 sẽ phải bị xét trong phân loại đánh giá vì cá nhân đó vi phạm vào cuối tháng 7/2021 mà kết quả đánh giá phân loại tính từ tháng 8 năm 2021 đến hết tháng 7 năm 2022. Đề nghị phòng Tổ chức Cán bộ, Công đoàn Trường phản hồi ý kiến về vấn đề này			định về đánh giá, xếp loại chất lượng của cá nhân, tập thể và xếp loại chất lượng Nhà trường đã gửi Bộ GDĐT trước ngày 05/12/2021 (trong khi ngày 09/5/2022 mới có quyết định của Tòa án).	
17.	Tuyển dụng bổ sung 01 người có chuyên môn về công tác lập kế hoạch cho phòng KHTC	Phòng KHTC	Phòng TCCB	Việc tuyển dụng chỉ thực hiện sau khi đề án VTVL được cấp có thẩm quyền thông qua.	- Nhà trường đã thông qua chỉ tiêu tuyển dụng theo đề nghị của phòng KHTC, tuy nhiên Bộ GDĐT chưa thông qua đề án VTVL nên chưa triển khai kế hoạch, thông báo tuyển dụng. - Nhà trường đã đồng ý điều chuyển tạm thời 01 viên chức có trình độ phù hợp làm việc tại phòng KHTC. Sau thời gian điều chỉnh tạm thời, căn cứ ý kiến nhận xét của phòng KHTC, Nhà trường sẽ xem xét, quyết định điều chỉnh chỉnh thức làm việc tại phòng KHTC.
18.	Sau khi thực hiện, Nhà trường có đánh giá hiệu quả của KPIs không? Kết quả KPIs sau khi áp dụng có đạt hiệu quả như kì vọng không? KPIs đang áp dụng còn nhiều bất cập, vậy việc khắc phục những bất cập như	Khoa KHCB	Phòng TCCB	- Sau khi thực hiện, Nhà trường luôn có đánh giá hiệu quả của KPIs, do vậy cũng đã có nghị quyết sửa đổi, bổ sung quy định xếp loại chất lượng.	Hệ thống đánh giá, xếp loại chất lượng theo KPIs thường xuyên rà soát, sửa đổi, đến nay đã sửa đổi, bổ sung 03 lần (Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	thế nào?			- Việc áp dụng KPIs đã từng bước khắc phục được khó khăn, mất cân đối của Nhà trường trong những năm vừa qua do nhu cầu đào tạo của xã hội thay đổi; bất kỳ CBVC nào của Nhà trường đều có cơ hội đạt mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên. - Hệ thống KPIs đã áp dụng từ năm học 2020 - 2021, sau kết quả xếp loại chất lượng của năm học 2021 - 2022, Nhà trường đã gửi công văn đề nghị các đơn vị góp ý để tiếp tục tiếp thu chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp thực tiễn các đơn vị nếu các chỉnh sửa, bổ sung đem lại lợi ích chung cho toàn thể CBVC và Nhà trường.	24/10/2023)
19.	Căn cứ vào Nghị quyết của Đảng ủy Trường, mỗi năm tăng tối thiểu 10% cho đơn giá vượt giờ. Vì thế, đề nghị Nhà trường điều chỉnh đơn giá vượt giờ năm học 2021-2022 cho phù hợp thực tiễn	Khoa LLCT	Phòng TCCB	Mục tiêu thu nhập bình quân CBVC hằng năm tăng 10%.	-Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022 (không bao gồm thu nhập từ các chương trình đề tài, dự án): 16.188.000 đồng/tháng (tăng 9% so với năm 2021) - Thu nhập bình quân của viên chức và người lao động năm 2022 (bao gồm thu nhập từ các chương trình đề tài, dự án): 17.834.000 đồng/tháng (tăng 5% so với năm 2021)

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
20.	Hiện nay khối lượng giảng dạy trong Khoa quá lớn (bình quân 1.500 giờ/1 giảng viên), để đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo, đề nghị Nhà trường khẩn trương phê duyệt Đề án Vị trí việc làm của Khoa để các Bộ môn trong Khoa có thể tuyển dụng viên chức giảng dạy	Khoa LLCT	Phòng TCCB	Tiếp thu ý kiến, đang khẩn trương hoàn thiện đề án VTVL trình Hội đồng trường xem xét quyết định để làm cơ sở tuyển dụng viên chức.	Nhà trường đã ban hành đề án vị trí việc làm (Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 21/4/2023).
21.	Hiện nay thu nhập của khối cán bộ giảng dạy đã được nâng cao hơn tuy nhiên thu nhập của khối hành chính thì vẫn không có nhiều thay đổi, cần phải có giải pháp.	Khoa TĐBĐ&QL ĐĐ	Phòng TCCB	Quy chế chi tiêu nội bộ đã có giải pháp để từng bước nâng cao mức lương, thu nhập cho cán bộ khối hành chính bảo đảm nguyên tắc gắn với hiệu quả, chất lượng làm việc (theo hạng nhân viên)	Đã triển khai chi trả phụ cấp nhân viên hành chính gắn với trách nhiệm trong công việc của nhân viên hành chính theo Khoản 6, Điều 3, Chương 2, Quyết định số 508/QĐ-MĐC
22.	-Tiếp tục cải tiến chính sách về thu nhập, đánh giá phân loại để khuyến khích giảng viên tích cực giảng dạy, ổn định cuộc sống yên tâm công tác. - Có chính sách, cơ chế khuyến khích hỗ trợ các đơn vị trong các công tác quản lý.	Khoa CNTT	Phòng TCCB	Trên cơ sở áp dụng quy chế chi tiêu nội bộ, quy định KPIs ... các hạn chế sẽ tiếp thu để khuyến khích giảng viên tích cực giảng dạy, ổn định cuộc sống yên tâm công tác; khuyến khích hỗ trợ các đơn vị trong các công tác quản lý	- Theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều cải tiến để nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức như phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức lãnh đạo quản lý, chi bổ sung thu nhập cho Khoa, chi trả phụ cấp giáo viên chủ nhiệm ...); đồng thời xây dựng kế hoạch về chế độ đãi ngộ lao động và vị trí việc làm (mục 4.3.5 theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 08/3/2023). - Điểm khuyến khích cho viên chức giảng dạy làm công tác quản lý đã có quy định trong đánh giá, xếp loại chất lượng (viên chức nhóm 3); đồng thời tiếp tục phân cấp cho Khoa trong việc đánh giá, xếp loại KPIs_QL của nhóm

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
					3E và sửa đổi những bất cập trong quy định đánh giá, xếp loại chất lượng (Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023).
23.	Tình hình sinh viên tuyển sinh thấp, ảnh hưởng đến tâm tư đời sống cán bộ và đánh giá, xếp loại thi đua. Nhà trường có thể bổ sung việc tính toán thi đua, sáng kiến với cả những bài báo có tính điểm từ 0,5 điểm để khuyến khích cán bộ	Khoa MT	Phòng HCTH	Theo Nghị quyết sô 114/NQ-HĐT ngày tháng năm 2022 về việc sửa đổi một số khoản tại Điều 4, chương II của Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã quy định tại mục 6 Điều 4 không tính điểm bài báo chỉ cần là tác giả của 01 hoặc đồng tác giả của 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành là được xem xét để tính như một sáng kiến cấp cơ sở.	Nhà trường đã ban hành Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày tháng năm 2022 về việc sửa đổi một số khoản tại Điều 4, chương II của Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã quy định tại mục 6 Điều 4 không tính điểm bài báo chỉ cần là tác giả của 01 hoặc đồng tác giả của 02 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành là được xem xét để tính như một sáng kiến cấp cơ sở.
24.	Cách đánh giá KPIs như hiện nay còn nhiều bất cập. điểm KPIs khoa học và KPIs giảng dạy đều ở mức A, nhưng kết quả tổng hợp lại được xếp loại B, trong khi có những cá nhân khác KPIs giảng dạy A, khoa học B nhưng tổng hợp lại lại xếp loại A.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Quy định mức điểm để đạt mức xếp loại A căn cứ vào mục tiêu, phương hướng phát triển hằng năm của Nhà trường.	Đã sửa đổi quy định đánh giá, xếp loại chất lượng (Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023)
25.	Tiêu chí để bị trừ điểm KPIs khi bị thanh tra, kiểm tra là như thế nào	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Tiêu chí đã có trong các quy định KPIs; khi CBVC có dấu hiệu vi phạm Nhà trường đều gửi tới các đơn vị để tránh việc sai sót khi trừ điểm công việc khác.	Đã quy định cụ thể trong Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
26.	KPIs hiện nay đang thực hiện việc đăng kí trọng số với các giảng viên, tuy nhiên theo tôi thì mỗi Khoa cũng cần lựa chọn 1 phương án trọng số khác nhau	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Việc lựa chọn phương án trọng số do cá nhân, đơn vị quyết định trên cơ sở kế hoạch phát triển của đơn vị trong năm học.	- Như đã giải trình trong nhiều cuộc họp, phương án trọng số phản ánh bản chất của hệ thống quản trị mục tiêu (KPIs), tạo cơ hội cho cán bộ, viên chức tại các đơn vị đặt mục tiêu phù hợp với năng lực của cá nhân. - Ngoài ra đã sửa đổi phương án trọng số KPIs_QL (Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023)
27.	Quy chế đánh giá KPIs còn nhiều bất cập, KPIs hiện nay tập trung nhiều hơn vào giảng viên, điểm khoa học và giảng dạy là rõ ràng, trong khi đó về định lượng công việc của khối hành chính và kỹ sư lại chỉ dựa vào việc chấm công. KPIs xây dựng chung cho toàn trường nhưng tỷ lệ lại chia về từng khoa là không hợp lý.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Điểm KPIs của khối hành chính dựa trên mức độ hoàn thành các công việc mà nhân viên hành chính đạt được trong tháng chứ không chỉ dựa vào chấm công. Mức điểm, ngưỡng xếp loại theo KPIs thực hiện theo nguyên tắc chung cho toàn trường theo đúng quy định xếp loại chất lượng và Hội đồng xếp loại thông qua.	- Đối với khối hành chính, hiện qua giám sát nhận thấy nhiều đơn vị không triển khai đúng quy định KPIs (giao việc, đánh giá kết quả công việc hằng tháng), hiện Nhà trường đang triển khai xây dựng phần mềm KPIs để làm cơ sở quản lý việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức nói chung và khối hành chính nói riêng (Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng). - Tỷ lệ % mức xếp loại đánh giá chung toàn trường theo kết quả KPIs chứ không chia về từng Khoa.
28.	Hiện nay, để bổ sung nhân sự, Bộ môn có thể tìm được người nhưng chưa có đề án VTVL. Trong khi Nhà trường đang phải chờ các đơn vị đang gặp khó khăn về việc xây dựng đề án VTVL thì các đơn vị như Bộ môn lại đang rất cần và đã có phương án	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Việc tuyển dụng chỉ thực hiện sau khi đề án VTVL được cấp có thẩm quyền thông qua.	Nhà trường đã ban hành đề án vị trí việc làm (Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 21/4/2023), tuy nhiên hiện Bộ GDĐT chưa phê duyệt nên chưa triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	lại không tuyển dụng được				
29.	Là 1 cán bộ trẻ, NCS mới về nước, mức lương hiện tại thực sự rất thấp, không xứng đáng với những cống hiến của bản thân. Nhà trường cần có những cơ chế, biện pháp hỗ trợ đối với cán bộ nói chung và cán bộ trẻ nói riêng. Để tạo động lực học tập nghiên cứu với các cán bộ trẻ.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để nâng cao thu nhập cho CBVC.	Theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều cải tiến để nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức như phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức lãnh đạo quản lý, chi bổ sung thu nhập cho Khoa, chi trả phụ cấp giáo viên chủ nhiệm ...); đồng thời xây dựng kế hoạch về chế độ đãi ngộ lao động và vị trí việc làm (mục 4.3.5 theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 08/3/2023) (tuy nhiên cũng còn phụ thuộc vào tình hình tuyển sinh, tình hình tài chính của Nhà trường).
30.	Về hoạt động của Xưởng, hiện nay đang đảm nhận công việc thực hành, thực tập của sinh viên. Trong khi diện tích Xưởng không lớn, mà khối lượng sinh viên thực hành, thực tập rất lớn, lại không phân bổ đồng đều về thời gian. Cán bộ của Xưởng phụ trách hướng dẫn phải chia ca làm việc, nên việc thực hiện chế độ chấm công như hiện nay không hợp lý.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB	Đơn vị đề xuất và có kế hoạch làm việc cụ thể của Xưởng để công tác quản lý viên chức có hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu ý kiến sẽ làm việc với các đơn vị liên quan rà soát việc thực hiện chế độ chấm công với viên chức của Xưởng.
31.	Đề xuất chia các khoản thu nhập tăng thêm của cán bộ hàng năm vào tiền lương hàng tháng.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB, KHTC	Thu nhập tăng thêm của cán bộ công chức được quy định tại Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;	Tiếp thu ý kiến, hiện phòng TCCB đã đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng tăng mức tạm ứng thu nhập tăng thêm hàng tháng.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				Thu nhập tăng thêm là khoản thu nhập từ lợi nhuận sau thuế và được phân phối theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị theo nguyên tắc gắn với hiệu quả và kết quả công việc của tường người. Thu nhập tăng thêm là khoản chi thuộc Quỹ bổ sung thu nhập. Mức trích lập quỹ bổ sung thu nhập và mức chi thu nhập tăng thêm do Thủ trưởng đơn vị quyết định sau khi thống nhất ý kiến với tổ chức công đoàn cơ quan và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chi thu nhập tăng thêm tại Trường đang thực hiện theo quy định tại mục e điều 21 của Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành tại QĐ số 508/QĐ-MĐC ngày 3/6/2022: - Hàng tháng, Trường tạm ứng theo lương một phần thu nhập tăng thêm cho viên chức có đủ điều kiện để hưởng thu nhập tăng thêm của năm hiện tại, mức tạm ứng bằng 50% mức thu nhập tăng thêm của năm trước liền kề. (Mức tạm ứng thu nhập tăng thêm từ T8/2022: 650.000 đ/tháng tương ứng với mức xếp loại chất lượng hoàn thành nhiệm vụ - hệ số =1) - Nhà trường thực hiện quyết toán thu nhập tăng thêm theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của năm học trước liền kề theo kết quả	

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				tài chính năm trước liền kề làm 02 đợt: + Đợt 1: thanh toán trước ngày 31/12 hàng năm nội dung chi thu nhập tăng thêm từ ngày 01/8 đến 31/12. + Đợt 2: thanh toán trước ngày 30/6 hàng năm nội dung chi thu nhập tăng thêm từ ngày 01/01 đến 31/7. Như vậy, hiện nay Trường đang tạm ứng khoản thu nhập tăng thêm hàng tháng theo quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ; Phòng tiếp thu ý kiến để tăng dần mức tạm ứng thu nhập tăng thêm cho viên chức và người lao động.	
32.	Về tuyển sinh cao học: Nhà trường phải có điểm KPIs_KK đối với các đơn vị có lớp tuyển sinh cao học	Khoa CNTT	Phòng TCCB	Hệ thống KPIs đã có điểm khuyến khích cho công tác tuyển sinh sau đại học.	Đã quy định cụ thể trong Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng (KPIs_KK_7)
33.	Hiện nay, các lãnh đạo đơn vị chỉ có điểm trừ KPIs quản lý, Nhà trường cần có cả điểm cộng cho người đứng đầu đơn vị nếu đơn vị có thành tích tốt	Khoa CNTT	Phòng TCCB	Hệ thống KPIs đã có điểm cộng cho viên chức quản lý (điểm khuyến khích).	Đã quy định về KPIs_KK_10 trong Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng.
34.	Các cán bộ trẻ đang học NCS: không trừ điểm KPIs đối với các NCS bị quá hạn 1-2 năm. Các cán bộ có học hàm học vị cao Nhà trường cần có chế độ đãi ngộ để thu hút các cán bộ yên tâm công tác	Khoa CNTT	Phòng TCCB	Những NCS bị quá hạn do nguyên nhân khách quan đều được Nhà trường xem xét, đảm bảo hài hòa lợi ích và phải bảo đảm đúng quy định pháp luật. Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để có chế độ đãi ngộ,	Theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ đã có nhiều cải tiến để nâng cao thu nhập cho cán bộ, viên chức như phụ cấp trách nhiệm đối với viên chức lãnh đạo quản lý, chi bổ sung thu nhập cho Khoa, chi trả

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				nâng cao thu nhập cho CBVC.	phụ cấp giáo viên chủ nhiệm ...); đồng thời xây dựng kế hoạch về chế độ đãi ngộ lao động và vị trí việc làm (mục 4.3.5 theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐT ngày 08/3/2023) (tuy nhiên cũng còn phụ thuộc vào tình hình tuyển sinh, tình hình tài chính của Nhà trường).
35.	Xây dựng cơ chế cho sinh viên và giảng viên tham gia các chương trình đào tạo liên kết với các Trường ĐH ngoài nước: sinh viên năm cuối tham gia được tính tương đương thời gian và khối lượng học tập của học phần Thực tập doanh nghiệp, đồ án tốt nghiệp; Giảng viên tham gia quản lý sinh viên và đồng hướng dẫn đồ án được hưởng khối lượng như sinh viên học tập trong nước. Có quy định cụ thể về quyền lợi, trách nhiệm của Doanh nghiệp, Khoa, Bộ môn đối với học phần Thực tập doanh nghiệp.	Khoa CNTT	Phòng ĐTĐH; TCCB	Trong quy chế đào tạo 08 của Bộ GDĐT chưa có nên sẽ đề xuất với Bộ Giáo dục và Đào tạo khi nào có sẽ cập nhật. Còn thực tập doanh nghiệp đã có tính giờ cho thầy cô theo Quy định 210	Phòng ĐTĐH: Hiện khi có sinh viên thuộc đối tượng này Nhà trường đều xét tương đương theo đề nghị của BM , Khoa chuyên môn. Việc tính khối lượng hướng dẫn đồ án được thực hiện theo quy định 210. Phòng TCCB: Thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của viên chức giảng dạy.
36.	- Cần xem lại tính khối lượng giờ cho khối Giảng viên, tính lại khối lượng trả quá giờ cho các lớp Cao học có từ 5-9 học viên. - Ngoài khối lượng giảng dạy, khối lượng NCKH cần xem xét cho các giảng viên về việc thực hiện hoạt động khác của Bộ môn và của Khoa để tính giờ hoàn thành.	Khoa KH&KTĐC	Phòng ĐTSĐH; TCCB	- Theo Khoản 1 Điều 15 Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021: số lượng học viên tối thiểu lớp cao học (lớp chuẩn) để tính khối lượng vượt giờ là 10 hv (lớp nhỏ hơn 10 hv tính hệ số vượt giờ là 0,8. - Quy định KPIs, chế độ làm việc giảng viên đã có xem xét đến việc thực hiện hoạt động khác của đơn vị; Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của	- Các lớp Cao học có từ 5-9 học viên đã tính hệ số vượt giờ là 0,8. - Ngoài khối lượng giảng dạy, khối lượng NCKH cần xem xét cho các giảng viên về việc thực hiện hoạt động khác của Bộ môn và của Khoa để tính giờ hoàn thành: đã quy định về KPIs_CVK trong Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				Nhà trường để tính đúng, tính đủ các hoạt động khác của CBVC.	loại chất lượng.
37.	Xem xét lại chế độ của giảng viên đối với các sinh viên học ghép, giải quyết cho sinh viên năm cuối	Khoa KHCB	Phòng TCCB	- Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để có chế độ cho giảng viên đối với các sinh viên học ghép. - Năm học 2021 - 2022, Hội đồng xếp loại đã có kết luận về việc tính toán khối lượng cho các giảng viên giảng dạy sinh viên năm cuối ...	Thực hiện theo quy định về chế độ làm việc của viên chức giảng dạy. Quy chế 210 đã có tính khối lượng theo hệ số lớp đông. Khi ghép lớp các Thầy/Cô đã được tính hệ số này.
38.	Đề nghị Nhà trường xem xét có các khoản riêng đối với những trường hợp đặc biệt do thiếu giờ do khách quan	Khoa KHCB	Phòng TCCB	Quy định KPIs đã có nhiều tiêu chí để các giảng viên thiếu giờ do nguyên nhân khách quan vẫn có cơ hội xếp loại chất lượng từ hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành tốt nhiệm vụ.	Đã quy định trong Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023 về việc đánh giá, xếp loại chất lượng thông qua đăng ký phương án trọng số phù hợp
39.	Công tác KPI mỗi năm tính khác nhau. Nhà trường xem xét đưa ra mức điểm xét phân loại từ đầu năm để các cán bộ ước lượng khối lượng thực hiện.	Khoa MT	Phòng TCCB	Quy định KPIs đã có mức điểm cụ thể cho từng mức xếp loại chất lượng; Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung KPIs theo hướng công bố ngưỡng cho từng hoạt động giảng dạy, NCKH ... vào đầu năm học.	Để áp dụng năm học 2023 - 2024, tiếp thu ý kiến, đã lấy góp ý sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá, xếp loại chất lượng vào tháng 11/2022 (Công văn số 624/MĐC-TCCB ngày 16/11/2022). Nhà trường ban hành Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá, xếp loại chất lượng (áp dụng cho năm học 2023 - 2024). - Việc đưa ra mức điểm xét xếp loại từ đầu năm không khả thi (quy định hiện nay chỉ để mức điểm sàn) do vướng quy định trần tỷ lệ % mức xếp loại A+.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
40.	Các NCS rất khó để hoàn thành đúng hạn, nhà trường nên xem xét khuyến khích chứ không đưa vào điều kiện xét nâng lương và trừ điểm KPI.	Khoa MT	Phòng TCCB	Việc hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn các hoạt động đào tạo là nhiệm vụ của viên chức; trường hợp chưa hoàn thành do nguyên nhân khách quan đều đều Nhà trường xem xét quyết định trong khi xét nâng lương, trừ điểm KPIs ... và phải bảo đảm quy định pháp luật	Việc xét nâng lương, xếp loại chất lượng ... phải thực hiện theo đúng quy định pháp luật.
41.	Cán bộ đi trông thi các môn cơ sở không thuộc các bộ môn, khoa Môi trường phụ trách, nhà trường nên có cơ chế khuyến khích hỗ trợ các cán bộ đi trông thi. Đề nghị cộng điểm khuyến khích cho các cán bộ hoạt động phong trào.	Khoa MT	Phòng TCCB	Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để có chế độ cho cán bộ đi trông thi các môn cơ sở không thuộc các bộ môn, khoa phụ trách. Quy định KPIs đã có cộng điểm khuyến khích cho các cán bộ hoạt động phong trào	Triển khai lấy ý kiến về hỗ trợ kinh phí công tác coi thi (Công văn số 704/MĐC-TCCB ngày 23/12/2022) và đã thực hiện thanh toán hỗ trợ công tác coi thi.
42.	- Đối với các cán bộ thiếu giờ giảng dạy so với giờ chuẩn quy định thì nhà trường có cơ chế thu tiền lại như thế nào? - Cần có sự thống cách tính KPI từ đầu kì để cán bộ đăng kí trọng số cho hợp lý	Khoa MT	Phòng TCCB	- Đối với các cán bộ thiếu giờ giảng dạy việc thu lại kinh phí đã có quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ. - Quy định KPIs được thống nhất từ đầu kỳ, việc áp dụng hiệu lực trở về trước chỉ thực hiện khi đem lại lợi ích chung cho toàn thể CBVC và Nhà trường.	- Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, Nhà trường đã ban hành Công văn số 496/MĐC-TCCB ngày 11/9/2023 về việc triển khai một số điều của quy chế chi tiêu nội bộ liên quan đến thu nhập cán bộ, viên chức và người lao động. - Để áp dụng năm học 2023 - 2024, tiếp thu ý kiến, đã lấy góp ý sửa đổi, bổ sung quy định đánh giá, xếp loại chất lượng vào tháng 11/2022 (Công văn số 624/MĐC-TCCB ngày 16/11/2022) và ban hành Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 26/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
					định đánh giá, xếp loại chất lượng cá nhân, tập thể trong Trường.
43.	Về viết giáo trình cần nhiều thầy cô và nhiều thời gian. Tuy nhiên, khi tính điểm thưởng chỉ tính cho chủ biên mà không tính cho cán bộ tham gia có điểm thưởng. Vì vậy, trong quá trình tính điểm KPI rất bị thiệt. Các giáo trình những năm trước mà chưa được tính điểm khuyến khích cho thành viên tham gia, sau khi thay đổi quy chế thì có được tính cho các năm sau không	Khoa MT	Phòng ĐTĐH	Sẽ tổng hợp ý kiến và bổ sung khi có điều chỉnh quy định, quy chế. Giáo trình được tính theo năm học nên sau khi có sự thay đổi quy định thì không nên truy lại các năm trước.	Cần điều chỉnh quy chế đánh giá phân loại. Còn việc viết giáo trình đã được nhà trường thanh toán bằng tiền theo quy chế chi tiêu nội bộ
44.	Về việc viết giáo trình: nguyên nhân chưa đạt được chỉ tiêu đăng ký là do chưa có chính sách khuyến khích các giảng viên viết giáo trình; chế độ thanh toán thấp; không được tính vào khối lượng khoa học	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH	Căn cứ quy định quy chế chi tiêu nội bộ, và đã được lấy ý kiến công khai.	Không có trong các quy định hiện tại Cần bổ sung tăng đơn giá vào quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở xây dựng được định mức kinh tế kỹ thuật cho các linh vực
45.	Nhà trường xem xét cân nhắc động viên đối với các cán bộ tham gia vào các hoạt động văn thể.	Khoa CNTT	Phòng TCCB	Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để có cơ chế động viên đối với các cán bộ tham gia vào các hoạt động văn thể; phù hợp với sức khỏe, độ tuổi ... của CBVC Nhà trường.	Đã có KPIs_KK_9 cho hoạt động đoàn thể, cộng đồng (văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023).
3. Công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng					
46.	Các lớp xa trường đã có hiện tượng bỏ học, nợ học phí, Nhà trường nên có qui định về tham gia quản lý của khoa chuyên môn	Khoa Mỏ	Phòng ĐTĐH	Với những lớp số lượng sinh viên >=20 và tại đó không có Cơ sở liên kết thì Khoa đề xuất giáo viên chủ nhiệm lớp cho các lớp xa trường.	Đã có quy định về việc giáo viên CN các lớp liên kết xa trường
47.	Các lớp cao học Nhà trường nên có qui định về tham gia quản lý của khoa chuyên môn	Khoa Mỏ	Phòng ĐTSĐH	Điều 15 quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường năm 2021 đã quy định rõ về Quản lý các lớp cao học và học viên	Hiện tại các lớp cao học đều có cán bộ của Khoa/Bộ môn chuyên môn phụ trách quản lý.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
48.	Mở rộng mạng lưới TTDN, tiếp tục đề nghị với NT có cơ chế cho GV hỗ trợ cho SV đi TTDN	Khoa CNTT	Phòng ĐTĐH	Tiếp thu nghiên cứu quy định quy chế để bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ	Đang điều chỉnh bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ
49.	Hiện nay một số ngành truyền thống cũng như ngành mở mới có ít sinh viên đăng ký theo học, tuy nhiên nhu cầu xã hội về ngành nghề Dầu khí còn rất lớn. Vậy đề nghị nhà trường có cơ chế linh hoạt để vẫn duy trì mở lớp trong thời gian nhất định.	Khoa DK&NL	Phòng ĐTĐH	Đã có nghị quyết HĐT về duy trì lớp ít sinh viên trong 03 năm	Đã có NQ HĐT về duy trì lớp ít trong 03 khóa tuyển sinh
50.	Hiện nay Nhà trường đã có cơ chế linh hoạt tổ chức mở lớp với một số học phần có số lượng sinh viên đăng ký <05 và cán bộ giảng dạy đồng ý dạy nhưng không tính khối lượng. Khi đó sinh viên vẫn phải đóng học phí cho Nhà trường, trong khi giảng viên không được tính giờ hoàn thành nhiệm vụ hoặc có chế độ gì. Trong các cuộc họp hội nghị viên chức trước, đã có những ý kiến đề nghị Nhà trường đưa ra cơ chế tính giờ hoàn thành nhiệm vụ mà không tính vào khối lượng vượt giờ cho giảng viên. Tuy nhiên, chưa có văn bản chính thức nào của Nhà trường về vấn đề này.	Khoa DK&NL	Phòng ĐTĐH	Tiếp thu và nghiên cứu bổ sung quy định	Đã có NQ HĐT về duy trì lớp ít trong 03 khóa tuyển sinh
51.	Khi xếp lịch giảng dạy, học tập môn học GDQP&AN cần theo đúng quy định, không trùng với các môn học khác gây khó khăn cho sinh viên khi học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.	Khoa GDQP	Phòng ĐTĐH	Tiếp thu ý kiến của Khoa. Trong điều kiện thực tế về mỗi đợt học Cơ sở giáo dục của Nhà trường chỉ tiếp nhận được 350 sinh viên mà K66 rất đông nhưng đến hiện đã giải quyết được phần lớn nhu cầu học tập của sinh viên. Trong thời gian tới Phòng rất mong có sự phối hợp chặt chẽ để có kế hoạch phù hợp với Khoa và sinh viên học môn GDQP&AN	Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa QS và phòng do số lượng sinh viên lớn, giảng viên ít

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
52.	Nhiều bài giảng E-learning đã được nghiệm thu, nhưng chưa được thanh toán. Đề nghị Nhà trường thanh toán và có kế hoạch triển khai sử dụng bài giảng ngày	Khoa DK&NL	Phòng ĐTĐH	Nhà trường đang triển khai chế độ thanh toán một cửa đề nghị các thầy/cô làm việc trực tiếp với bộ phận liên quan	Đã thanh toán. Chậm chễ do phòng KHTC
53.	Sinh viên năm thứ nhất (K67) học theo sự phân công của nhà trường theo khoa, nhóm ngành nên sẽ thuân lợi hơn cho việc xếp TKB. Nhà trường nên xem xét sắp xếp thời khóa biểu cho sinh viên năm thứ nhất hợp lý hơn, tránh trường hợp như có lớp của K67 học 1,2 tiết đầu buổi sáng rồi lại nghỉ và học vài tiết cuối buổi chiều, hoặc học tiết quá muộn vào buổi tối (ảnh hưởng tâm lý của sinh viên năm 1). Khi Nhà trường sử dụng phòng học vào việc đột xuất thì cần báo cho giáo viên và sinh viên để có kế hoạch thay thế kịp thời (ví dụ như vừa rồi Phòng ĐBCLGD sử dụng phòng học để phục vụ cho công tác đánh giá ngoài các chương trình đào tạo của Nhà trường nhưng không báo cho giảng viên và sinh viên)	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH, ĐBCLGD	- Phòng ĐTĐH: Do lượng Sv K66 67 tăng đột biến quá tải về số phòng học nên có một số HP phải học T12,13. Nhà trường sẽ điều chỉnh khi có điều kiện phù hợp và Bộ phận xếp TKB sẽ phối hợp đối đa để tạo điều kiện thuận lợi cho các thầy cô cũng như các em sinh viên. - Phòng ĐBCLGD: Phòng xin nghiêm túc tiếp thu, sửa chữa. Đoàn ĐGN tổ chức phỏng vấn các bên liên quan ngày 28/10/2022. Nhà trường đã có thông báo kế hoạch phỏng vấn theo Thông báo số 589/MĐC-ĐBCL ngày 19/10/2022 và trên Lịch công tác tuần 24-30/10/2022 đều có đầy đủ thông tin phòng phỏng vấn.	Đã xếp lịch phù hợp trên cơ sở vật chất hiện có của Trường. Hiện tượng này sẽ đc giải quyết trong năm tới khi khu đô thị đại học được hoàn thành.
54.	Để đảm bảo sức khỏe giảng viên và sinh viên cũng như chất lượng giảng dạy đề nghị Nhà trường không xếp giờ giảng vào tiết 12, tiết 13	Khoa LLCT	Phòng ĐTĐH	Do lượng SV K66 67 tăng đột biến quá tải về số phòng học nên có một số HP phải học T12 13. Nhà trường sẽ điều chỉnh khi có điều kiện phù hợp và Bộ phân xếp TKB sẽ phối hợp đối đa để tạo điều kiện thuận lợi cho các thầy cô cũng như các em sinh viên.	Quy chế của Bộ quy định giờ dạy từ 6h45-20h30 Nhà trường cũng có chế độ cho các tiết muộn
55.	Công tác xuất bản giáo trình còn nhiều thủ tục rườm rà gây khó khăn cho các thầy cô biên soạn	Khoa TĐBĐ&QL ĐĐ	Phòng ĐTĐH	Theo đúng quy định của GDĐT	Đã làm đúng quy định của Bộ và 748 của Nhà trường.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
56.	Đề nghị mở lớp học phần tối đa 40 SV/1 nhóm.	Khoa CNTT	Phòng ĐTĐH	Khi lên kế hoạch xếp Thời khoá biểu phải căn cứ vào nhiều yếu tố: Số lượng sinh viên, số tín chỉ theo chương trình đào tào, cơ sở vật chất phòng học, đội ngũ giảng viên, số lượng tiết học trong một ngày học. Như Khoa CNTT đề nghị tổ chức lớp 40 SV/ nhóm sẽ dẫn đến thiếu phòng học và không đủ đội ngũ giảng viên để giảng dạy	Như Khoa CNTT đề nghị tổ chức lớp 40 SV/ nhóm sẽ dẫn đến thiếu phòng học và không đủ đội ngũ giảng viên để giảng dạy
57.	Viết Giáo trình: Nhà trường cần nới lỏng điều kiện, cho phép ThS làm chủ biên.	Khoa CNTT	Phòng ĐTĐH	Theo đúng quy định của Bộ GDĐT	Đúng quy định của Bộ và 748 của Nhà trường sau khi nhiều lần lấy ý kiến trong toàn trường
58.	Một số giải pháp cho tuyển sinh sau đại học: SV sau khi bảo vệ DATN sẽ cho đăng ký dự kiến học cao học.	Khoa CNTT	Phòng ĐTSĐH	- Theo QĐ số 1346 /QĐ-MĐC ngày 28/12/2021 của Hiệu trưởng về việc Ban hành Quy chế Đào tạo trình độ thạc sĩ, **Khoản 5 Điều 3:** Sinh viên đang học chương trình đào tạo đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) hết năm học thứ 3 và có học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên được phép đăng ký học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của ngành tương ứng với ngành đào tạo trình độ đại học mà sinh viên đang học. - **Điểm a) Khoản 1 Điều 4** của Quy chế quy định về điều kiện dự tuyển: Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt	Đã thực hiện và có một số sinh viên đã học trước một số học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy định.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.	
59.	Môn học Giáo dục thể chất của trường không phù hợp do cắt 05 môn xuống còn 03 môn và mỗi môn chỉ 15 tiết	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của BGD (Chương trình giáo dục thể chất có thời lượng từ 3 đến 5 tín chỉ).	Nhà trường thực hiện theo đúng quy định của BGD (Chương trình giáo dục thể chất có thời lượng từ 3 đến 5 tín chỉ). Bộ môn cần mở rộng các HP đáp ứng nhu cầu xã hội
60.	03 tín chỉ là đảm bảo yêu cầu tuy nhiên thực thiện 1 tín chỉ (15 tiết) thu học phí như lý thuyết	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Để đạt được Chứng chi Giáo dục thể chất Hội đồng Khoa học nhà trường quyết định chọn mức 03 tín chỉ và khi thu học phí của sinh viên cũng bằng mức 03 tín chỉ như các học phần khác. Nếu tính chi tiết theo quy định khi thực hiện giờ thực hành, thực tập cần 2 giờ ngoài thực địa quy đổi thành 1 giờ lý thuyết (Hiện tại Nhà trường đang tính 1 giờ thực hành = 1 giờ lý thuyết)	Để đạt được Chứng chi Giáo dục thể chất Hội đồng Khoa học nhà trường quyết định chọn mức 03 tín chỉ và khi thu học phí của sinh viên cũng bằng mức 03 tín chỉ như các học phần khác. Nếu tính chi tiết theo quy định khi thực hiện giờ thực hành, thực tập cần 2 giờ ngoài thực địa quy đổi thành 1 giờ lý thuyết (Hiện tại Nhà trường đang tính 1 giờ thực hành = 1 giờ lý thuyết)
61.	Nhà trường xem xét cộng điểm khuyến khích theo số lượng bài báo và số lượng giáo trình. Xem xét tính giờ cho các cán bộ dạy các lớp sĩ số nhỏ hơn 5 sinh viên.	Khoa MT	Phòng ĐTĐH	Quy định KPIs đã có cộng điểm khuyến khích theo số lượng bài báo và số lượng giáo trình Tiếp thu và trao đổi với các phòng ban liên quan để đề xuất BGH	Đã có quy định của HĐT về duy trì lớp ít cho các ngành khó TS trong 03 năm ts.
4. Công tác tài chính, cơ sở vật chất					
62.	Đề nghị Nhà trường quan tâm đầu tư máy in và hệ thống đường truyền mạng để phục vụ in đề thi với số lượng lớn. Đề nghị Nhà trường quan tâm, bố trí lại chỗ ngồi làm việc của viên chức trong Phòng để có thêm	Phòng ĐBCL	Phòng CSVC	Tiếp nhận ý kiến đơn vị đề xuất về máy in công nghiệp, phòng CSVC báo cáo Ban Giám hiệu Nhà trường xem xét để đưa vào kế hoạch tài chính. Còn về sắp xếp lại không gian	Đã đầu tư máy in nhanh

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	không gian phục vụ các công việc chung. Phòng đã đề nghị Nhà trường cấp máy in công nghiệp mấy năm nay, đã đề nghị bố trí lại không gian làm việc nhưng vẫn chưa được xem xét và giải quyết.			làm việc, Phòng CSVC đã khảo sát và cần ý kiến thống nhất về sắp xếp với Phòng ĐBCL trước khi triển khai.	
63.	Điều kiện sân bãi của môn học GDTC còn rất thiếu, cần được đầu tư tốt hơn nữa	Khoa KHCB	Phòng CSVC	Nhà trường đã có kế hoạch nâng cấp, mở rộng điều kiện sân bãi. Nội dung công việc này đã trao đổi với lãnh đạo và một số GV bộ môn GDTC.	Đã hoàn thành nâng cấp sân tập GDTC tại khuB, đã san ủi làm sân tapm học điền kinh tại khu Đô thị Đại học.
64.	Về đề xuất nâng cấp cơ sở vật chất PTN, trong đợt ĐGN CTĐT vừa qua, trong đoàn cựu sinh viên về thực hiện phỏng vấn, đã có những đề xuất hỗ trợ, tặng lại một số thiết bị máy móc đã qua sử dụng của doanh nghiệp. Tuy nhiên các thiết bị này để có thể đưa vào sử dụng tại PTN cần có nguồn kinh phí để sửa chữa, duy tu lại, rất mong Phòng KHTC và BGH Nhà trường xem xét xử lý	Khoa Cơ - Điện	Phòng CSVC	Trong trường hợp các đơn vị trong Khoa được cho tặng mà cần kinh phí sửa chữa, duy tu thì đề xuất Nhà trường để xem xét. Chú ý những tài sản này cũng phải báo cáo Nhà trường khi được cho tặng để đưa vào danh mục quản lý theo dõi.	Cho đến nay chưa thấy Khoa báo cáo được các đơn vị nào cho tặng trang thiết bị.
65.	Cơ sở vật chất PTN phòng TN KTCK hiện nay đã rất cũ, không đảm bảo điều kiện sử dụng. Rất mong muốn Nhà trường tập trung các nguồn lực hiện có để nâng cấp PTN. Chúng ta có thể xã hội hóa, hoặc trường tập trung nguồn lực vào một số PTN chủ lực.	Khoa Cơ - Điện	Phòng CSVC	Hiện nay một số đơn vị đã xây dựng DA Phòng thí nghiệm, trong đó có một số DA của Khoa Cơ – Điện, Phòng CSVC đã tổng hợp báo cáo lãnh đạo Nhà trường, tuy nhiên do điều kiện kinh phí mà sự đầu tư chưa được thực hiện. Các đơn vị chưa xây dựng DA cần tiếp tục xây dựng gửi Nhà trường để tổng hợp được nhu cầu của các đơn vị nhằm phục vụ tốt công tác đào tạo. Từ đó Lãnh đạo Nhà trường có các quyết sách trong đầu tư.	Hiện nay Khoa Cơ Điện đã được Nhà trường phê duyệt và đang triển khai 03 Tiểu dự án, trong đó mảng KTCK 02 Tiểu DA.
66.	Tiếp tục củng cố cơ sở vật chất tại Cơ sở GDQP&AN tại Khu B để đảm bảo tốt hơn nơi	Khoa GDQP	Phòng CSVC	Điều kiện CSVC phục vụ học tập trung GDQP&AN tại khu B về cơ bản	Phòng phối hợp với Khoa và đáp ứng kịp thời, cơ bản điều kiện

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	ăn, ở cũng như đời sống, sinh hoạt, học tập khi học GDQP&AN tập trung của sinh viên đáp ứng được yêu cầu mặt bằng chung.			đáp ứng. Phòng CSVC sẽ phối hợp với khoa GDQP làm tốt hơn nữa vấn đề này.	CSVC phục vụ đào tạo là đảm bảo.
67.	Sớm nâng cấp, bổ sung, thay thế trang thiết bị hỗ trợ công việc cho các chuyên viên trong phòng, đặc biệt là các trang thiết bị đã hết thời gian khấu hao, không đáp ứng được công việc hiện tại	Phòng ĐTĐH	Phòng CSVC	Việc trang bị, thay thế thiết bị đã hết thời gian khấu hao, không đáp ứng được công việc tại các đơn vị chậm và muộn do tháng 8/2022 mới được phê duyệt kế hoạch tài chính, ngoài ra việc mua sắm trang thiết bị phải tuân thủ quy trình thời gian trong đấu thầu.	Đã đáp ứng cơ bản nhu cầu của các đơn vị nói chung, phòng ĐTĐH nói riêng
68.	- Khu vực để xe máy trong trường hiện quá lộn xộn và quá tải, cần có sự sắp xếp, bố trí lại cho thuận tiện hơn, cho cả cán bộ và sinh viên. - Nhà D đã lắp điều hòa thì nên sử dụng hợp lý hơn, tránh trường hợp quá lãng phí nhưng cũng không quá tiết kiệm làm ảnh hưởng không khí trong lớp học (ngày nóng mà tắt điều hòa sớm nên phòng nhỏ nóng và bí). - Đề nghị Nhà trường quan tâm, thúc đẩy nhanh quá trình trang bị cho các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo và nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực Hóa-Hóa dược & Vật liệu nano. - Sử dụng phòng học vào các công việc khác cần có thông báo cho giảng viên và sinh viên - Về cơ sở vật chất, lớp đông, lớp học quá dài, lớp lắp 02 máy chiếu không hợp lý - Cơ sở vật chất phòng thí nghiệm hóa do nghỉ dịch xong giờ lại đông sinh viên, thiết bị hỏng nhiều nhưng thủ tục sửa chữa rườm rà, phức tạp và chậm. Đề nghị được sự quan	Khoa KHCB	Phòng CSVC	- Phòng CSVC sẽ trao đổi với TTDV để xử lý - Phòng CSVC tiếp thu ý kiến điều chỉnh phù hợp - Bm Hóa đã xây dựng DA PTN Hóa dược, phòng CSVC đã tổng hợp báo cáo lãnh đạo Nhà trường. Việc đầu tư còn phụ thuộc vào khả năng kinh phí, việc này sẽ do Lãnh đạo Nhà trường xem xét. - Hiện nay không có việc sử dụng phòng học đã xếp lịch học vào công việc khác mà không có kế hoạch thông báo. Có chăng đây là hoạt động tự phát của các câu lạc bộ trong trường, … - Các phòng học lớn (ghép 2 phòng học cũ) tại Nhà A, nhà B hiện nay khá bất cập. Phòng CSVC phối hợp	- Trung tâm Dịch vụ đã xử lý - Đã tiếp thu điều chỉnh - Đã được phê duyệt và đang triển khai tiểu dự án - Không có việc sử dụng phòng học vào mục đích khác mà ảnh hưởng đến kế hoạch học tập. - Đã thực hiện phương án tốt nhất dịch chuyển máy chiếu phía cuối phòng sang hai bên.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	tâm của Nhà trường để giảng viên có điều kiện tối thiểu thực hiện nhiệm vụ giảng dạy			với phòng Đào tạo, Ban thanh tra đã khảo sát nghiên cứu giải pháp nhưng cũng thấy khó có phương án cải thiện tốt hẳn, hiện tại đã thống nhất dịch chuyển máy chiếu phía cuối phòng sang hai bên. - Ý kiến nêu thủ tục sửa chữa rườm rà, phức tạp là không đúng. Còn về chậm thì Phòng CSVC nhận trách nhiệm vì có 2 nguyên nhân, thứ nhất phải chờ KHTC phê duyệt (8/2022), thứ 2 việc sửa chữa thiết bị cũ hỏng không thể thực hiện nhanh.	- Đã phối hợp chặt chẽ với BM sửa chữa trang thiết bị phù hợp.
69.	Cơ sở vật chất các lớp học khu B nên lắp thêm đèn chiếu sáng	Khoa KHCB	Phòng CSVC	Đã có kế hoạch triển khai	Đã bổ sung điều chỉnh phù hợp.
70.	Đầu tư cơ sở vật chất cho phòng thí nghiệm để phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học của cán bộ, sinh viên và học viên cũng như NCS	Khoa MT	Phòng CSVC	Khoa MT đã xây dựng DA PTN, phòng CSVC đã tổng hợp báo cáo lãnh đạo Nhà trường. Việc đầu tư còn phụ thuộc vào khả năng kinh phí, việc này sẽ do Lãnh đạo Nhà trường xem xét. Hiện tại để phù hợp với khả năng kinh phí, Khoa nên xây dựng các Tiểu dự án.	Đã được phê duyệt và đang triển khai Tiểu dự án.
71.	Đầu tư cơ sở vật chất cho chương trình chất lượng cao, đầu tư các thiết bị mạng cho chuyên môn quản trị mạng, bảo mật	Khoa CNTT	Phòng CSVC	Khoa viết Đề xuất Dự án gửi lên Nhà trường để Phòng CSVC tổng hợp báo cáo.	Các đề xuất DA đã được phòng tổng hợp báo cáo Nhà trường, hiện tại Nhà trường đã phê duyệt và đang triển khai các Tiểu dự án trong đó có Khoa CNTT
72.	Hệ thống hút bụi (bụi mịn); chất thải rắn, lỏng được thải ra sau khi thí nghiệm, Nhà trường có qui hoạch hay hướng dẫn?	Khoa Mỏ	Phòng CSVC	PTN Tuyển khoáng Khoa Mỏ làm báo cáo việc phát sinh chất thải về mức độ, lượng, thành phần khi tiến hành thí nghiệm. Trên cơ sở đó	Đã làm việc với Bm tuyển khoáng, tuy nhiên hiện nay các khoáng sản thải Bm vẫn còn để rất bề bôn trong khu thực tập.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				Phòng CSVC sẽ làm việc với PTN cũng như các PTN khác trong Trường để có kế hoạch xử lý.	
73.	Đề nghị Phòng KH-TC cung cấp dữ liệu cập nhật nợ học phí có thời hạn cụ thể. Tránh đến gần ngày thi vẫn cập nhật dữ liệu nợ học phí, đổi lại Danh sách phòng thi. Bị động khi phục vụ kỳ thi.	Phòng ĐBCL	Phòng KHTC	Hiện phòng KHTC đang thực hiện công tác thu học phí và thực hiện thống kê nợ học phí theo quyết định số 1615/QĐ-MĐC ngày 27/11/2019. Do tình trạng sinh viên nợ học phí quá nhiều, nên ngoài thời gian quy định nộp học phí theo thông báo, sau khi hết thời hạn đóng học phí từng kỳ, phòng vẫn thống kê số nợ gửi các đơn vị có liên quan theo thời gian hàng tuần để có sự hỗ trợ đôn đốc, nhắc nhở sinh viên, hạn chế thất thu cho Trường và linh hoạt trong việc áp dụng các chế tài đối với người học chưa hoàn thành học phí. Chính vì vậy, phòng ĐBCLGD có thể lựa chọn, cập nhật danh sách nợ sát nhất với thời gian tổ chức thi theo kế hoạch tổ chức thi cho các kỳ thi và vẫn đảm bảo quyền lợi của sinh viên sau khi hoàn thành học phí trước thời gian thi, đúng theo quy định của Nhà trường.	Phòng KHTC đã thực hiện theo đúng như giải trình: sau khi hết thời hạn đóng học phí từng kỳ, phòng vẫn thống kê số nợ gửi các đơn vị có liên quan theo thời gian hàng tuần để có sự hỗ trợ đôn đốc, nhắc nhở sinh viên, hạn chế thất thu cho Trường và linh hoạt trong việc áp dụng các chế tài đối với người học chưa hoàn thành học phí.
74.	Nhà trường xem xét có chính sách tạm ứng cho các đề án mở ngành.	Khoa MT	Phòng KHTC	Việc thực hiện tạm ứng cho các đề án mở ngành vẫn đang được Trường thực hiện đối với những ngành đã có đủ thuyết minh và chứng từ khác liên quan đến nội dung đề nghị tạm ứng.	Đề nghị Khoa Môi trường nghiên cứu văn bản để làm thủ tục tạm ứng theo đúng quy định: Quy chế chi tiêu nội bộ (Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022; Quy định các thủ tục hành chính giải quyết ở bộ phận một cửa về thanh toán tài chính của Trường

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
					Đại học Mỏ- Địa chất (Quyết định số 440/QĐ-MĐC ngày 18/5/2022).
75.	Hỗ trợ phụ cấp độc hại cho cán bộ viên chức và người lao động làm việc tại Nhà xe.	TTDV	Phòng TCCB	Phụ cấp độc hại thực hiện theo quy định của Nhà nước (công việc trông xe không có trong Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của Nhà nước); Tiếp thu ý kiến để tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Nhà trường để có chế độ cho cán bộ trông xe, tuy nhiên Trung tâm cần làm rõ những khó khăn trong việc triển khai cơ chế tự chủ hoạt động theo quyết định của Nhà trường để chủ động những khoản chi hỗ trợ cho cán bộ trông xe bảo đảm quy định pháp luật.	Phụ cấp độc hại thực hiện theo quy định của Nhà nước (công việc trông xe không có trong Danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm của Nhà nước) Đang phối hợp với TTDV để hoàn thiện hồ sơ theo Công văn số 5846/C06-P5 ngày 14/8/2023 để TTDV triển khai các quy định trong cơ chế tự chủ hoạt động đã được Nhà trường phê duyệt, qua đó có nguồn kinh phí chủ động thanh toán cho CBVC và người lao động làm việc tại nhà xe.
76.	Hiện thủ tục thanh quyết toán biên soạn giáo trình do Phòng Đào tạo Đại học và Đào tạo sau đại học thực hiện, đề nghị chuyển về Phòng Xuất bản thực hiện	Phòng ĐTSĐH	P.ĐTĐH	Việc thanh toán đã có trong quy định bài giảng giáo trình số 748 của Nhà trường đã được công khai lấy ý kiến nhiều lần.	Việc thanh toán đã có trong quy định bài giảng giáo trình số 748 của Nhà trường đã được công khai lấy ý kiến nhiều lần.
77.	Đề nghị Phòng Kế hoạch - Tài chính phối hợp, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong việc mua báo, tạp chí tiếng Việt	TT TTTV	Phòng KHTC	Phòng KHTC cam kết phối hợp với TT TTTV thực hiện công việc của Trường. Nếu có vướng mắc trong việc mua báo, tạp chí Tiếng Việt đề nghị TTTV gửi văn bản và phòng KHTC sẽ phối hợp thực hiện và trường hợp không xử lý được sẽ cùng đơn vị báo cáo cấp trên để xin phương án giải quyết.	Phòng KHTC đã giải ngân các khoản thanh toán tiền mua báo, tạp chí Tiếng Việt và cho đến điểm này không có khoản thanh toán nào không giải ngân được.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
78.	Có chính sách hợp lý về tỉ lệ phần trăm trích nộp về Nhà trường từ các hoạt động dịch vụ của Trung tâm, đánh giá phân loại phù hợp để khuyến khích cán bộ viên chức tích cực làm việc, ổn định cuộc sống và yên tâm công tác	TT NNTH	Phòng KHTC	Theo kiến nghị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Kiểm toán Nhà nước, phòng KHTC là đầu mối soạn thông báo gửi các Trung tâm thuộc và trực thuộc Trường xây dựng phương án tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, sau đó sẽ rà soát, kiểm tra trình HĐT phê duyệt phương án tự chủ tài chính của từng đơn vị. (trong đó bao gồm tỷ lệ phần trăm trích nộp về Trường)	Đến thời điểm này Trung tâm Ngoại ngữ tin học chưa có các báo cáo: Đề án tự chủ tài chính của Trung tâm, Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm để Nhà trường làm việc theo quy định.
79.	Thứ 7 là ngày làm việc của giảng viên, đề nghị Nhà trường không tắt điều hòa của văn phòng bộ môn.	Khoa CNTT	Phòng CSVC	Phòng CSVC tiếp thu ý kiến, nhưng cũng khó thực hiện vì Nhà C12 hỗn hợp làm việc cả khối HC.	Hiện nay chỉ mở thứ 7 trong trường hợp cần thiết.
80.	Khoa Mỏ, hoặc bộ môn nên được trang bị máy tính chuyên dụng đáp ứng được phần mền mô phỏng	Khoa Mỏ	Phòng CSVC	Khoa hay Bộ môn làm đề xuất gửi Nhà trường xem xét.	Không thấy có đề xuất cụ thể
81.	Đề nghị phòng Cơ sở vật chất thiết kế đường nước khu nhà F tạo điều kiện cho các bộ môn ở nhà F được sử dụng đường nước sạch Sông Đà để sinh hoạt. Phòng thí nghiệm ở nhà F bộ môn Kỹ thuật môi trường quản lý chật hẹp, không đủ để bố trí các thiết bị và hóa chất. Đề nghị quy hoạch lại vị trí các phòng thí nghiệm.	Khoa MT	Phòng CSVC	Phòng CSVC tiếp thu ý kiến về việc cung nước sạch. Việc sắp xếp lại PTN hiện nay đã trình Nhà trường. Sau khi có quyết định sẽ tiến hành bước tiếp theo là sắp xếp lại phòng sử dụng và trang thiết bị.	Đã lắp nước sạch khu nhà F
82.	Hiện nay phòng thí nghiệm của bộ môn Kỹ thuật môi trường không đủ diện tích để đựng hóa chất và thiết bị thí nghiệm, Khoa MT đề nghị Nhà trường xem xét cấp thêm phòng	Khoa MT	Phòng CSVC	Việc sắp xếp lại PTN hiện nay đã trình Nhà trường. Sau khi có quyết định sẽ tiến hành bước tiếp theo là sắp xếp lại phòng sử dụng và trang thiết bị.	Chưa thực hiện việc sắp xếp lại PTN
83.	Có cơ chế chi trả thù lao hợp lý cho cán bộ tham gia công tác báo cáo viên, diễn giả,	Phòng QHCC&DN	Phòng KHTC	Trường vẫn tiếp tục sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ nên đơn vị có ý kiến	Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường theo Quyết định số

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	người truyền cảm hứng trong công tác truyền thông tư vấn tuyển sinh			gửi đề xuất phương án chi cho đơn vị đầu mối (phòng KHTC) để tổng hợp, họp ban Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, lấy ý kiến các đơn vị trong toàn trường và báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định.	508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 có hiệu lực từ năm học 2022-2023, nên năm học 2023-2024 Trường sẽ rà soát, điều chỉnh QCCTNB đề nghị Phòng QHCC ý kiến bằng văn bản (căn cứ văn bản, thực trạng, nội dung đề xuất…) gửi về đơn vị đầu phối (phòng KHTC) để tổng hợp, họp ban Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, lấy ý kiến các đơn vị trong toàn trường và báo cáo các cấp thẩm quyền theo quy định.
5. Công tác khoa học - công nghệ					
84.	Đề nghị nhà trường nghiên cứu và có cơ chế chuyển đổi giờ NCKH sang giờ giảng dạy để giảng viên có đủ giờ, ít nhất là giờ quy định về định mức khối lượng.	Khoa MT	Phòng ĐTĐH	Trong quy chế 20 Bộ GDĐT không cho phép	Trong quy chế 20 Bộ GDĐT không cho phép
85.	- Đăng bài báo thuộc danh mục ISI chi phí lớn, đề nghị Nhà trường xem xét hỗ trợ tương ứng.	Khoa MT	Phòng KHCN, Phòng ĐTĐH	Theo quy chế chi tiêu nội bộ ban hành theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/06/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chính sách thưởng đối với các bài báo công bố trên tạp chí quốc tế uy tín (SCI/SCIE,SSCI/AHCI/Scopus đã được nâng lên đáng kể so với quy chế cũ, với mức hỗ trợ tối đa 100 triệu/bài báo. Ngoài ra cách tính để hỗ trợ cho từng tác giả trong bài báo cũng được thay đổi để đánh giá đúng và có mức thưởng tương xứng với sự đóng góp của từng tác giả. Mức thưởng hiện nay của Nhà trường	Trong quy chế 20 BGDĐT không cho phép

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	- Đối với các khoa ít sinh viên, giờ dạy thiếu, Nhà trường xem xét chuyển đổi giờ khoa học của các bài báo ISI, Scopus sang giờ giảng dạy.			tương đương hoặc cao hơn so với một số trường kỹ thuật có cùng quy mô và đặc thù như Trường ĐH GTVT, Trường ĐH Xây dựng, Trường ĐH Thủy lợi, … Trong thực tế, bên cạnh các tạp chí quốc tế mà tác giả phải nộp tiền để đăng bài (thường là các tạp chí Open access) thì vẫn còn rất nhiều tạp chí quốc tế có uy tín không yêu cầu nhóm tác giả phải nộp kinh phí. Vì vậy, nhóm tác giả hoàn toàn có thể lựa chọn các tạp chí này để gửi bài. - Trong quy chế 20 BGDĐT không cho phép	
6. Các công tác khác					
86.	Biển báo điện tử và thực tế về chỗ để xe ô tô của CBVC chưa khớp nhau, còn sai lệch. Nên phân bổ chỗ để xe cho CBVC nhiều hơn nữa so với chỗ để xe của khách	Khoa Mỏ	Phòng HCTH	Theo Quy định về việc đỗ xe ô tô trong khuôn viên khu A của Nhà trường ký ngày 31/12/2021, để hài hòa giữa việc cho xe ô tô vào trong Trường và cảnh quan, môi trường làm việc, Nhà trường đã bố trí 74 chỗ đỗ ô tô trong sân trường (trong đó 12 chỗ dành cho khách, 9 chỗ đỗ xe của Nhà trường và Lãnh đạo, 53 chỗ dành cho CBVC trong toàn trường). Kể từ ngày áp dụng quy định (1/5/2022), xảy ra nhiều bất cập vì số lượng xe của CBVC của Nhà trường gấp nhiều lần so với số chỗ đỗ được phép. Sau 3 tháng triển khai nhận thấy một số bất cập, Phòng	Đã sửa chữa và khắc phục những lỗi cơ bản thường gặp của hệ thống quản lý đỗ xe ô tô. Phòng HCTH đã phối hợp cùng Phòng CSVC đi khảo sát lại chỗ đỗ xe và đề xuất lên Nhà trường tăng số chỗ đỗ từ 74 lên 94 chỗ nhưng chưa được Nhà trường chấp thuận vì ảnh hưởng đến cảnh quan và PCCC.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
				HCTH đã đề xuất với BGH cho phép giảm bớt chỗ đỗ của khách xuống còn 7 chỗ, dành 5 chỗ còn lại cho CBVC trong Trường. Nhưng thực sự vẫn không thể đáp ứng hết được nhu cầu của CBVC, nên rất mong nhận được sự chia sẻ và thông cảm của CBVC với công việc của P. HCTH, vui lòng mang xe ô tô ra khu Đô thị ĐH để khi trong sân trường không còn chỗ đỗ. Vừa rồi hệ thống kiểm soát xe ra vào có một số trục trặc trong việc nhận biết, kiểm đếm xe ra vào nên đôi lúc khiến cho số hiển thị không thực sự chính xác. Phòng HCTH đã đề nghị với P. CSVC liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ để sửa chữa, bảo trì.	
87.	Về công tác giáo viên chủ nhiệm: Nên ra quyết định sớm ngay từ đầu năm học để các thầy cô triển khai nhiệm vụ với lớp	Khoa TĐBĐ&QL ĐĐ	Phòng CTSV	Xin tiếp thu ý kiến đóng góp. Với khóa cũ hoàn toàn có thể thực hiện được. Với tân sinh viên cần bám sát kế hoạch tổ chức đào tạo, do vậy có thể sẽ có chậm trễ về kỹ thuật do những lý do khách quan.	Năm nay công tác ra QĐ đã thực hiện sớm và khá nhịp nhàng, đồng bộ với công tác phân chuyên ngành. Tiến độ phân công GVCN đã phù hợp với yêu cầu thực tế quản lý lớp SV
88.	Đối với các hoạt động văn thể cấp Khoa, có thể trao quyền quyết định việc tổ chức hoặc không tổ chức cho Khoa (hội thao Khoa, văn nghệ Khoa…) nhất là những khoa có số lượng cán bộ, sinh viên ít có khó khăn trong tổ chức và kinh phí hoạt động.	Khoa MT	Phòng CTSV	Hoàn toàn đồng ý với ý kiến của Khoa Môi trường. Thực tế vận hành đang diễn ra đúng như thế, các đơn vị có thể căn cứ nguồn lực, tiềm năng của đơn vị để lựa chọn các hình thức văn thể phù hợp.	Ý kiến này đã và đang thực hiện trong năm nay đúng như góp ý của Khoa.
89.	Công tác quản lý sinh viên: đề nghị Nhà trường có cơ chế cho sinh viên năm cuối tham gia chương trình đào tạo liên kết ở	Khoa CNTT	Phòng CTSV	Các cơ chế đều là mở, tuy vậy do hạn chế về kinh phí nội tại nên số lượng SV được tham gia các chương	Trong năm vừa qua, mọi hoạt động liên kết đào tạo đã được triển khai đồng bộ, bài bản, SV

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023
	nước ngoài cũng như có cơ chế cho các giảng viên tham gia vào chương trình này			trình liên kết từ nguồn lực tài chính của Nhà trường là còn khiêm tốn. Phòng CTCTSV sẽ phối hợp với phòng HTQT để tìm kiếm thêm các cơ hội tham gia cho sinh viên các khóa, trong đó có SV khóa cuối.	được tham gia đầy đủ vào các chương trình do phòng HTQT và các GV kết nối.
90.	Trong giải bóng đá sinh viên toàn quốc không may có sự cố không đáng tiếc xảy ra với vận động viên sinh nhưng chế độ Nhà trường chưa đảm bảo với sinh viên thi đấu vì thành tích Nhà trường.	Khoa KHCB	Phòng CTSV	Phòng xin tiếp thu và sẽ có tham vấn thêm với Lãnh đạo Nhà trường với các trường hợp tương tự. Đây là chuyện xảy ra chưa có tiền lệ, chưa thể tham chiếu vào các điều khoản trong các Quy định nội bộ để thực hiện, do vậy xuất hiện độ vênh giữa chính sách và thực tế.	Hiện phòng đã rà soát và đưa ra quy định cũng như đảm bảo 100% các VĐV tham gia thi đấu phải có BHYT cũng như được trang bị các bảo hộ cần thiết khi thi đấu ngoài trường.
91.	Công tác quản lý sinh viên: hiện nay số lượng SV không có số điện thoại liên lạc rất lớn cần phải cập nhật ngay để kịp thời hỗ trợ cho SV.	Khoa CNTT	Phòng CTSV	Xin tiếp thu và Phòng chức năng sẽ cố gắng khắc phục. Tuy vậy số điện thoại liên lạc được coi là dữ liệu cá nhân của sinh viên, Sinh viên hoàn toàn có quyền từ chối cung cấp hoặc thay đổi số điện thoại mà không cần báo phòng chức năng. Trong thời gian tới việc triển khai đăng nhập Web đào tạo có kết hợp xác thực bằng số điện thoại sẽ cơ bản khắc phục được vấn đề này.	Hiện tại Web đào tạo đã cập nhật đủ các thông tin cần thiết, một số ít và hãn hữu các SV bị thủng dữ liệu là các SV ảo hoặc SV đã không còn học tập tại trường. Phòng sẽ sớm phối hợp cùng GVCN các Khoa chuyên môn rà soát để cập nhật 100% dữ liệu này.
92.	Hiện nay, rất nhiều sinh viên mặc trang phục đến trường chưa đúng quy định, văng tục chửi bậy rất nhiều. Đề nghị Nhà trường cần có biện pháp xử lý và tuyên truyền.	Khoa CNTT	Phòng CTSV	Phòng chức năng xin tiếp thu và sẽ phối hợp với ĐTN, các Khoa chuyên môn, GVCN để cải thiện hạn chế này.	Kết quả có cải thiện nhưng chưa đạt được 100% Sv có ý thức về trang phục học đường.
93.	Nghiên cứu giảm bớt các báo cáo cho các khoa (báo cáo tuần, tháng, quý, chuyên đề...) vì quá nhiều	Khoa MT	Phòng HCTH	Để nắm bắt được việc thực hiện công việc của các đơn vị trong toàn trường để báo cáo lãnh đạo Nhà trường và làm căn cứ để đánh giá KPIs xếp loại các đơn vị trong	Để nắm bắt được việc thực hiện công việc của các đơn vị trong toàn trường, các đơn vị cần phải thực hiện báo cáo để phòng HCTH báo cáo lãnh đạo Nhà

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023	
				trường, Phòng HCTH hàng tuần cần các đơn vị báo cáo các công việc của tuần tới và hàng tháng phải báo cáo các công việc đã hoàn thành của tháng và các công việc sắp triển khai của tháng tới. Báo cáo Quý và Chuyên đề là báo cáo các đơn vị phải báo cáo Đảng ủy Trường.	trường và làm căn cứ để đánh giá KPIs xếp loại các đơn vị trong trường.	
94.	Nhà trường cần đưa lên trang web các số liệu thường xuyên được sử dụng trong các loại báo cáo về công tác đào tạo - kế hoạch - tài chính...và được update thường xuyên để thuận tiện cho tra cứu và thực hiện làm báo cáo của các đơn vị (hiện nay mỗi khi làm báo cáo thì phải xin số liệu ở các đơn vị liên quan gây mất thời gian và công sức)	Phòng ĐTSĐH	TT TT - TV	1) Các số liệu phục vụ đánh giá các chương trình đào tạo do Phòng ĐBCLGD phụ trách, các thông tin khác do phòng Hành chính tổng hợp các báo cáo từ các đơn vị đăng tải lên cổng thông tin. TTTTTV chỉ hỗ trợ phần kỹ thuật 2) Do có một số dữ liệu nhạy cảm không được public lên cổng thông tin. Nhà trường đã có website tdg.humg.edu.vn do phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục quản lý. Các số liệu của các đơn vị được phòng đảm bảo chất lượng thường xuyên yêu cầu update vào các đợt đánh giá các chương trình đào tạo. (Vừa qua cũng do một số cán bộ ở một số chương trình đào tạo họ ngại vào phần mềm tự đánh giá tìm minh chứng và họ đi xin số liệu trực tiếp, họ bảo cho nó nhanh đỡ phải tìm, nên các số liệu liên quan đến TTTTTV chúng tôi cũng cung cấp đủ cả offline lẫn online, còn số liệu của các phòng	Nhà trường đã ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Mỏ - Địa chất", trong đó nêu rõ trách nhiệm cập nhật thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách của các đơn vị trên Cổng TTĐT. Trong năm học 2023-2024, Trung tâm TTTV và Phòng QHCC&DN tiếp tục rà soát, chỉnh sửa và tích hợp thêm nội dung để hoàn thiện quy chế này.	

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung đã giải trình	Kết quả đã thực hiện trong năm học 2022-2023	
				ban khác tôi cũng thấy up lên phần mềm đủ cả)		

PHỤ LỤC II
TỔNG HỢP GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN
CỦA HỘI NGHỊ VIÊN CHỨC CÁC ĐƠN VỊ GỬI NHÀ TRƯỜNG NĂM 2023

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
1. Những vấn đề chung của Nhà trường				
1.	Đề nghị Nhà trường có kế hoạch tìm kiếm các nguồn đầu tư khác ngoài nguồn NSNN để thực hiện đầu tư dự án.	Ban QLCDA		Lãnh đạo Nhà trường sẽ trả lời trực tiếp tại Hội trường.
2. Công tác TCCB, CCHC, đánh giá phân loại, TĐKT				
1.	Đề nghị tuyển Bác sĩ cho Trạm Y tế.	Trạm Y tế	Phòng TCCB	- Vị trí việc làm bác sĩ đã có trong quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 106/NQ-HĐT ngày 26/4/2022). - Nhà trường đã thông qua chỉ tiêu tuyển dụng bác sĩ, tuy nhiên Bộ GDĐT chưa thông qua đề án VTVL nên chưa triển khai kế hoạch, thông báo tuyển dụng.
2.	Đề nghị Nhà trường sớm ra quyết định bổ sung chuyên viên hành chính cho vị trí văn phòng khoa.	Khoa LLCT	Phòng TCCB	Hiện đang tìm phương án điều chuyển tạm thời 01 viên chức trong Trường.
3.	Đề nghị Nhà trường bổ nhiệm nhân sự Kế toán trưởng có chuyên môn trong việc xây dựng, hoạch định chính sách, quản lý tài chính.	Trung tâm NN-TH	Phòng TCCB	- Vị trí việc làm Kế toán trưởng tại Trung tâm NN-TH đã có trong đề án VTVL (Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 21/4/2023). - Nhà trường đã thông qua chỉ tiêu tuyển dụng vị trí Kế toán trưởng tại Trung tâm NN-TH, tuy nhiên Bộ GDĐT chưa thông qua đề án VTVL nên chưa triển khai kế hoạch, thông báo tuyển dụng.
4.	Đối với những cán bộ đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, nghiên cứu ở nước ngoài nhưng không quay trở lại Trường, bộ môn công tác, Nhà trường cần phải đưa ra khỏi danh sách cán bộ cơ hữu của đơn vị.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng TCCB	Thường xuyên tiến hành rà soát viên chức đi học sau đại học quá hạn để quản lý viên chức tại các đơn vị theo đề án vị trí việc làm đã được Hội đồng trường phê duyệt (Công văn số 247/MĐC-TCCB ngày 09/5/2023; Công văn số 501/MĐC-TCCB ngày 12/9/2023). Căn cứ kết quả rà soát của các đơn vị, hiện đang triển khai các thủ tục đưa ra khỏi danh sách cán bộ cơ hữu của đơn vị, tuy nhiên do việc tạm dừng thực hiện quyền tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh từ ngày 18/9/2023 nên cần thận trọng để không ảnh hưởng đến việc tuyển sinh giai đoạn tới.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
5.	Có chính sách, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các khoa trong công tác: tổ chức đào tạo, sắp xếp lớp học, tài chính, công tác quản lý đối với các đơn vị quản lý sinh viên đông.	Khoa CNTT	Phòng TCCB, ĐTĐH, KHTC	Phòng TCCB: đã có KPIs_KK trong việc đánh giá, xếp loại chất lượng (Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023); chính sách hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm theo số lượng sinh viên/lớp (Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ).
6.	- Bộ môn có nguồn, xin chỉ tiêu nhưng không được. - Đề nghị nhà trường, sớm triển khai công tác tuyển dụng.	Khoa KT- QTKD	Phòng TCCB	Nhà trường đã ban hành đề án vị trí việc làm (Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 21/4/2023), tuy nhiên hiện Bộ GDĐT chưa phê duyệt nên chưa triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức.
7.	Quy mô đào tạo những năm tới sẽ giảm, giải pháp như thế nào để ổn định tâm lý CBVC.	Khoa KT- QTKD	Phòng TCCB	Trong giai đoạn tới nhiều quy định pháp luật thay đổi ảnh hưởng đến tâm lý CBVC (tạm dừng thực hiện quyền tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh, tỷ lệ % A+ bị giới hạn ...), tiếp thu ý kiến xem xét đề xuất các giải pháp để ổn định tâm lý CBVC như tăng tạm ứng các khoản chi cho CBVC, thúc đẩy hoàn thành dự án xây dựng Khu giảng đường tại Khu A1 (khu đô thị đại học), xây dựng môi trường làm việc tích cực, chuyên nghiệp (không gian làm việc, thiết bị làm việc, văn hóa công sở, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp ...).
8.	Đề nghị Nhà trường xem xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho các cá nhân tham gia xây dựng các đề xuất dự án quốc tế được phê duyệt tài trợ từ nước ngoài, bởi vì những dự án này có đóng góp không nhỏ cho Nhà trường: tài trợ cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ và sinh viên tham gia, mở rộng mạng lưới hợp tác quốc tế.	Phòng HTQT	Phòng HCTH	Phòng HCTH sẽ tổng hợp ý kiến này của phòng HTQT, sau đó báo cáo trình lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng xét sáng kiến Trường nếu lãnh đạo Nhà trường, Hội đồng xét sáng kiến Trường đồng ý đưa nội dung này xin ý kiến toàn trường để đưa vào nội dung sửa đổi Nghị quyết sô 114/NQ-HĐT ngày tháng năm 2022 về việc sửa đổi một số khoản tại Điều 4, chương II của Quy định về tiêu chuẩn sáng kiến và quy trình xét công nhận sáng kiến của Trường Đại học Mỏ - Địa chất ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐT ngày 30/9/2021 của Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Các đơn vị đồng ý nội dung này là sáng kiến cấp cơ sở Phòng HCTH sẽ trình Ban giám hiệu và Hội đồng trường để đưa vào Quy chế xét sáng kiến của năm học 2023 -2024.
9.	Cần nâng cao thu nhập cho khối hành chính.	Phòng ĐTĐH	Phòng TCCB, KHTC	Tiếp tục triển khai chi trả phụ cấp nhân viên hành chính gắn với trách nhiệm trong công việc của nhân viên hành chính theo Khoản 6, Điều 3, Chương 2, Quyết định số 508/QĐ-

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				MĐC ngày 03/6/2022 và đề án vị trí việc làm (Nghị quyết số 19/NQ-HĐT ngày 21/4/2023). Phòng KHTC phối hợp với các đơn vị chức năng (đặc biệt phòng Tổ chức cán bộ, phòng Cơ sở vật chất, đơn vị đào tạo, phòng Khoa học công nghệ...) để tìm cách tăng nguồn kinh phí để tăng thu nhập cho viên chức khối hành chính.
10.	Tại sao nhân viên hành chính phải chấm công còn khối viên chức giảng dạy không phải chấm công.	Phòng ĐTĐH	Phòng TCCB	Việc quản lý viên chức giảng dạy thực hiện theo quy định chế độ làm việc của viên chức giảng dạy (Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020).
11.	Hồ sơ thỉnh giảng nhiều thủ tục, đầu năm ký hợp đồng, cuối năm mới được thanh toán.	Khoa Cơ - Điện	Phòng TCCB, ĐTĐH, KHTC	Phòng TCCB: hồ sơ thỉnh giảng thực hiện theo quy định pháp luật. Phòng KHTC: Đối với hợp đồng thỉnh giảng thì Nhà trường sẽ thanh toán sau khi giảng viên thỉnh giảng hoàn thành công tác giảng dạy với Nhà trường. Thủ tục thanh toán thực hiện theo quy định.
12.	Xem xét cách tính tỷ lệ % thi đua nên xét theo toàn trường chứ không nên theo từng đơn vị.	Khoa Cơ - Điện	Phòng HCTH	Để đảm bảo mọi đơn vị, cá nhân trong trường đều được bình đẳng trong việc xét thi đua khen thưởng, Nhà trường áp dụng việc xét thi đua khen thưởng theo từng đơn vị chứ không áp dụng cách tính tỷ lệ % thi đua xét theo toàn trường. Việc áp dụng tính thi đua theo từng đơn vị vẫn đảm bảo việc xét thi đua và tỷ lệ % thi đua của Nhà trường đồng thời đảm bảo đúng quy định.
13.	Rà soát các công việc tại phòng thí nghiệm để có chế độ phụ cấp độc hại cho cán bộ. Việc cung cấp đồ bảo hộ lao động cần giải quyết sớm cho các đơn vị	Khoa KHCB	Phòng TCCB	Độc hại: thực hiện theo quy định pháp luật về phụ cấp độc hại (đối với giảng viên các cơ sở giáo dục đại học chưa có quy định). Bảo hộ: phải thực hiện đấu thầu theo quy định, hiện ko có đơn vị đủ năng lực tiến hành thẩm định giá cho các danh mục đồ bảo hộ mà Nhà trường yêu cầu (theo báo cáo của phòng CSVC).
14.	Nhà trường cần có chính sách hỗ trợ cho việc VCGD đi học nâng cao trình độ phục vụ cho đào tạo các ngành mới, chuyển dịch nghề nghiệp.	Khoa Mỏ	Phòng TCCB	Đối với các viên chức đi học tập các CTĐT nâng cao trình độ phục vụ cho đào tạo các ngành mới, chuyển dịch nghề nghiệp đều được Nhà trường hỗ trợ 100% học phí theo mức học phí của Nhà trường.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
15.	Xem lại phương pháp phân hạng các bộ môn.	Khoa TĐ, BĐ&QLĐĐ	Phòng TCCB	Thực hiện theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ. Tiếp thu ý kiến, qua quá trình triển khai nếu bất cập sẽ đề xuất sửa đổi, bổ sung cho hợp lý.
3. Công tác đào tạo, đảm bảo chất lượng				
16.	Khi xếp lịch giảng dạy, học tập cần hài hòa với các môn học khác, ưu tiên sinh viên khóa cũ học trong thời gian hè để tránh bị chồng chéo các môn học khác gây khó khăn cho sinh viên khi học GDQP&AN.	Khoa GDQP	Phòng ĐTĐH	Sẽ nghiên cứu để phù hợp với người dạy và người học.Trong thời điểm lên kế hoạch giảng dạy chúng tôi rất có được sự trao đổi từ Khoa GDQP&AN để có được Thời khoá biểu phù hợp và tối ưu nhất.
17.	Phối hợp chặt chẽ với các phòng, khoa, ban trong Trường để tổ chức tuyên truyền cho sinh viên khóa cuối về công tác tuyển chọn nam sinh viên đi đào tạo SQDB một cách thường xuyên liên tục trong cả năm học.	Khoa GDQP	Phòng CTCT-SV	Công tác này vẫn đang được thực hiện tốt. Năm học 2023-2024 có vấn đề tồn tại do DS của Khoa GDQP gửi đến các Khoa rất gấp, công tác hỗ trợ các SV rất bị động, chúng tôi sẽ khắc phục trong thời gian tới.
18.	Đề nghị Nhà trường chỉ đạo các đơn vị chức năng liên quan phối hợp với Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG trong việc tuyên truyền, đôn đốc, nhắc nhở, nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc nâng cao trình độ tiếng Anh và công nghệ thông tin nhằm đảm bảo đạt Chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp.	Trung tâm NN-TH	Phòng CTCT-SV	Các nội dung này đã được lồng ghép trong tuần CDSV, riêng năm học 2023-2024 thậm chí đã thực hiện tập huấn và hội thảo để SV năm được quy định, quy trình và các yêu cầu với CĐR ngoại ngữ, tin học. Thời gian tới công tác này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh và quan tâm chỉ đạo sát sao.
19.	Kính đề nghị lãnh đạo nhà trường xem xét, đưa công tác KĐCLGD vào nhiệm vụ của chuyên viên/giảng viên/cán bộ quản lý trong thành phần các tổ ĐBCLGD của Nhà trường.	Phòng ĐBCLGD	Phòng TCCB, ĐTĐH	Đối với giảng viên trong quy định chế độ làm việc giảng viên đã có "Tham gia công tác đánh giá kiểm định các chương trình đào tạo" (Bảng 3, quy định 210/QĐ-MĐC ngày 26/3/2021); đối với chuyên viên: đề nghị các đơn vị đưa vào KPIs hằng tháng để đánh giá; đối với cán bộ quản lý thì đơn vị phụ trách sẽ bị trừ điểm KPIs nếu không hoàn thành nhiệm vụ công tác năm/quý theo kế hoạch Nhà trường giao.
20.	Xem xét cấp quyền truy cập vào hệ thống phần mềm Edusoft cho lãnh đạo các bộ môn để lãnh đạo bộ môn nắm được tình hình chung của sinh viên.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng ĐTĐH	Đã phân cấp đến Khoa để nắm được tình hình điều hành chung trong đơn vị.
21.	Các ngành đào tạo truyền thống mang tính cốt lõi đối với sự phát triển kinh tế xã hội cần phải duy trì đào tạo kể cả với số lượng sinh viên nhỏ hơn 5.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng ĐTĐH	Đã có nghi quyết của HĐT duy trì ngành ít sinh viên tối đa trong 03 năm.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
22.	Rất nhiều bài giảng E-Learning đã được xây dựng nhưng vẫn chưa được đưa lên hệ thống triển khai loại hình đào tạo này.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng ĐTĐH	Nhà trường đang tiếp tục hoàn hiện hạ tầng công nghệ thông tin.
23.	Ngành Kỹ thuật Khí thiên nhiên tuyển sinh khóa đầu tiên từ năm học 2021-2022, nhưng hiện nay trong quá trình sinh viên đăng ký học phần cho học kỳ 2 năm học 2023-2024 trên hệ thống daotaodaihoc.humg.edu.vn của Nhà trường tồn tại một số học phần có mã học phần đúng theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt nhưng tên của học phần lại không tương ứng đúng theo mã học phần đó, điều này gây ảnh hưởng tới việc đăng ký học phần của sinh viên cũng như quá trình giảng dạy của giảng viên sau này. Nhà trường nên tiến hành rà soát lại toàn bộ mã và tên học phần tương ứng trên hệ thống đào tạo theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt nhằm giúp sinh viên đăng ký đúng học phần theo chương trình đào tạo của học kỳ 2 năm học 2023-2024	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng ĐTĐH	Khi có sai lệch đề nghị phản hồi ngay bằng văn bản để phòng kiểm tra, rà soát và cập nhật nếu có lỗi.
24.	Với các ngành có nhiều chuyên ngành, tồn tại một số khóa mà sinh viên khi học tới học kỳ 2 của năm thứ 2 vẫn chưa được phân vào chuyên ngành đào tạo. Nhà trường, nên tiến hành phân chuyên ngành cho sinh viên chậm nhất vào học kỳ 1 của năm thứ 2, giúp sinh viên ổn định học tập theo chuyên ngành mong muốn và kế hoạch đào tạo của nhà trường.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng ĐTĐH	Theo quy định xây dựng CTĐT của nhà trường các ngành sẽ học đến hết phần Cơ sở ngành sẽ vào chuyên ngành. Do đó căn cứ vào đặc thù của từng ngành, Khoa và Bộ môn đề xuất, Phòng sẽ triển khai việc phân lớp.
25.	Nhà trường cần quản lý tốt việc đăng kí học ghép lớp, không để sinh viên chính quy học ghép với các lớp của hệ vừa làm vừa học. Hiện nay, sinh viên chính quy có thể đăng kí vào học với các lớp của hệ vừa làm vừa học.	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Phòng tiếp thu và có hướng xử lý về kỹ thuật để chăn việc sinh viên chính quy đăng kí vào các lớp hệ vừa làm vừa học, các lớp tổ chức ở các điểm ngoài Hà Nội. Mặt khác rất mong giáo viên chủ nhiệm, thầy cô giảng dạy chuyên môn nhắc sinh viên làm đúng theo nội dung của thông báo. (Thông báo đã cảnh báo cấm sinh viên chính quy đăng kí vào nhóm VLVH, hoặc nhóm xa trường).
26.	Nhà trường cần quản lý tốt việc cho phép sinh viên học dự thính: cấp MSSV tạm thời để quản lý trên hệ thống khi học dự thính; cập nhật, quản lý hệ thống khi đã trở thành sinh viên chính thức,… Hiện nay vẫn còn tình trạng thầy cô chủ nhiệm lớp, bộ môn quản lý ngành, phòng ĐTĐH, sinh viên	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Tiếp thu và sẽ tăng cường công tác phối hợp quản lý giữa Khoa, Bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và Phòng.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
	hỏi các thầy cô điểm các học phần học từ năm 1 khi sinh viên đã chuẩn bị tốt nghiệp..			
27.	Đề nghị phòng ĐTĐH chỉ xếp các lớp thí nghiệm vật lý tối đa 30 sinh viên để đảm bảo an toàn phòng thí nghiệm, đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, vẫn có các lớp được xếp đến 43 sinh viên vào PTN chưa đến 50 m^2. Việc giảm số sinh viên trong lớp xuống sẽ làm tăng số lớp lên, điều này không làm tăng số giờ giảng dạy tính cho giảng viên (vì giờ thí nghiệm đang được tính cho mỗi sinh viên là 0,5 giờ), mà chỉ tăng lượt giảng viên giảng dạy. Bộ môn Vật lý đã đề nghị rất nhiều lần mà đến nay vẫn chưa được xử lí triệt để.	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Đã quy định rất cụ thể trong Quy chế đào tào 768. Đề nghi Khoa bộ môn lên danh sách sinh viên để làm việc cụ thể với Phòng.
28.	Đề nghị Nhà trường quản lý được việc sinh viên đăng kí các học phần theo đảm bảo điều kiện tiên quyết, điều kiện học trước của các học phần. Hiện nay, vẫn còn tình trạng sinh viên chưa học Tiếng Anh 1 vẫn được đăng kí và theo học Tiếng Anh 2, thậm chí chưa học Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2 mà vẫn được học và hoàn thành môn Tiếng Anh chuyên ngành. Mặc dù điều kiện tiên quyết của học phần Tiếng Anh 2 là Tiếng Anh 1.	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Phòng sẽ nghiên cứu, tiếp thu từng bước đưa điều kiện tiên quyết của các học phần vào thực hiện.
29.	Thỉnh giảng nhưng không được thanh toán các hệ số lớp đông, buổi tối ...	Khoa KHCB	Phòng ĐTĐH	Đề nghị cho thông tin cụ thể giảng viên không được tính để kiểm tra với các phòng ban chức năng liên quan.
30.	Đề nghị Nhà trường có giải pháp khi không còn được tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH	Phòng đã đề xuất nhiều giải pháp cho lãnh đạo Nhà trường từ 01 năm trước khi có quyết định về việc này.
31.	Việc bố trí lịch dạy chưa hợp lý, phòng ĐTĐH cần sắp xếp thời gian giảng dạy phù hợp hơn, hạn chế xếp vào thời gian dạy buổi tối.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH	3 năm vừa qua số lượng SV vào một số ngành lớn, giảng viên ít, lại tách lớp theo yêu cầu nên một số học phần bố trí vào giờ tối theo quy định. Phòng tiếp thu để xếp TKB tối ưu nhất cho người dạy và người học, trên cơ sở này xin đề xuất với Nhà trường cần có phương án xây dựng thêm phòng học thì mới có thể đáp ứng được nhu cầu thực tế (do trong 02 năm 2021, 2022 tăng thêm 19 ngành, hiện tại là 41 ngành; Như vậy thì chúng ta thấy nhu cầu về phòng rất lớn, nhưng thực tế phòng học trong 2 năm qua không thêm được là mấy ngoài việc cải tạo khu nhà cấp 4, và chuyển 03 phòng thí nghiệm sang làm lớp học tạm thời).

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
32.	Các điểm dạy sinh viên hệ vừa học vừa làm còn gặp trục trặc trong việc quản lý điểm, cần có cơ chế quản lý điểm thống nhất. Nhà trường tạo điều kiện mở những lớp riêng cho sinh viên đến hạn tốt nghiệp còn nợ môn để sinh viên kịp ra trường.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH	-Tiếp thu và xử lý theo đơn đề nghị của Bộ môn và Giáo viên chủ nhiệm. - Việc mở lớp riêng đã được quy đinh chi tiết trong quy chế đào tạo 768.
33.	Về công tác khảo thí: trước khi lên lịch cần thông báo cho Bộ môn để bố trí phòng thi phù hợp.	Khoa KT - QTKD	Phòng ĐBCLGD	Mỗi học kỳ, Phòng ĐBCLGD đều có thông báo kế hoạch khảo thí: khối lượng bài thi; thời hạn rà soát hình thức thi; cập nhật đề thi, câu hỏi đề thi – đáp án và thông báo Lịch thi khoảng 4 – 5 tuần trước kỳ thi. Khoa/Bộ môn có yêu cầu riêng về điều kiện xếp lịch thi học phần chủ động gửi đề nghị sớm để Phòng ĐBCLGD có đủ thời gian sắp xếp, điều chỉnh lịch thi trong điều kiện của Nhà trường.
34.	Xem cách thức đưa tên giảng viên giảng dạy học phần để sinh viên đăng ký học sao cho hợp lý.	Khoa LLCT	Phòng ĐTĐH	Theo quy định cần đưa tên GV để sinh viên có quyền lựa chọn.
35.	Đối với các lớp ít sinh viên, cần có giải pháp mở lớp sao cho hợp lý, thuận tiện cho người học.	Khoa Môi trưởng	Phòng ĐTĐH	-Tiếp thu và xử lý theo đơn đề nghị của Bộ môn và Giáo viên chủ nhiệm . - Việc mở lớp riêng đã được quy đinh chi tiết trong quy chế đào tạo 768.
36.	Nhà trường yêu cầu cung cấp hồ sơ phục vụ kiểm định khá gấp, nhiều kinh phí phát sinh nhưng không được thanh toán, cần có giải pháp hỗ trợ các đơn vị.	Khoa Cơ - Điện	Phòng ĐTĐH, KHTC	Phòng ĐTĐH: Do các đơn vị không triển khai ngay có Thông báo của Nhà trường. Công văn và email gửi đến các Khoa từ ngày 21/7. Đến nay Khoa vẫn chưa hoàn thành. Phòng KHTC: Nội dung này không đủ thông tin để phòng KHTC trả lời.
37.	Xem xét giảm định mức giờ chuẩn giảng dạy cho các đơn vị có số sinh viên thấp do quy định pháp luật từ 200 - 300 giờ.	Khoa KH&KTĐC	Phòng ĐTĐH	Cần nghiên cứu sau khi xây dựng được định mức kinh tế cho các ngành, lĩnh vực.
38.	Các lớp ít sinh viên (mở lớp do sinh viên thiếu điểm) nên tính giờ để VCGD đủ giờ chuẩn.	Khoa KH&KTĐC	Phòng ĐTĐH	Tính giờ căn cứ quy định, Thông tư 20 của BGD và quy định chế độ làm việc của viên chức giảng dạy QĐ số 210 ban hành ngày 26/3/2021.
39.	Các công việc khác mà VCGD thực hiện cũng nên quy đổi ra giờ giảng dạy để VCGD đủ giờ chuẩn.	Khoa KH&KTĐC	Phòng ĐTĐH, TCCB	Phòng TCCB: thực hiện theo quy định chế độ làm việc của viên chức giảng dạy. Phòng ĐTĐH: Không có trong quy định của Bộ giáo dục và quy định chế độ làm việc của viên chức giảng dạy QĐ số 210 ban hành ngày 26/3/2021.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
40.	Xem lại cách tính giờ hướng dẫn thực tập cho hợp lý (tính theo quy định hiện nay giảm nhiều so với trước đây).	Khoa KH&KTĐC	Phòng ĐTĐH	Thực hiện đúng theo quy định của BGD và quy định chế độ làm việc của viên chức giảng dạy QĐ số 210 ban hành ngày 26/3/2021.
41.	Giải pháp của Nhà trường cho việc tuyển sinh ĐH và SĐH ngày càng khó khăn (do các Khoa sẽ rất khó có những giải pháp hữu hiệu).	Khoa Mỏ	Phòng ĐTĐH, SĐH	Phòng ĐTĐH: Phòng đã đề xuất nhiều giải pháp cho lãnh đạo Nhà trường từ 01 năm trước khi có quyết định về việc này. Phòng ĐTSĐH: Công tác tuyển sinh nói chung và tuyển sinh sau đại học nói riêng trong những năm qua và trong những năm tiếp theo sẽ ngày càng khó khăn, đặc biệt là tuyển sinh cao học. Nguyên nhân cơ bản là do nhu cầu xã hội hiện nay đối với các ngành đào tạo truyền thống của Nhà trường giảm mạnh, sinh viên ra trường không làm việc đúng chuyên môn được đào tạo nên nguồn tuyển hạn chế và các trường đại học có cùng ngành đào tạo với Nhà trường mở rộng tuyển sinh. Mặt khác, việc thay đổi Quy chế tuyển sinh và đào tạo, yêu cầu tiêu chí về ngoại ngữ đầu vào và đầu ra cao hơn. Trong những năm qua, phòng Đào tạo Sau đại học đã tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường đưa ra nhiều giải pháp để giữ ổn định quy mô đào tạo sau đại học với gần 1000 học viên cao học và trên 100 NCS. Trong thời gian tới sẽ tiếp tục các giải pháp đã thực hiện như phổ biến rộng rãi hơn thông tin tuyển sinh tới đối tượng dự tuyển; phối hợp tốt hơn nữa giữa phòng Đào tạo Sau đại học với các bộ môn, khoa chuyên môn; linh hoạt và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người học trong tổ chức đào tạo. Đặc biệt là công tác đánh giá chuẩn năng lực ngoại ngữ đầu vào và đầu ra.
42.	GVCN các lớp văn bằng 2 không được tính miễn giảm.	Khoa Xây dựng	Phòng ĐTĐH, TCCB	Phòng TCCB: Theo Điểm a, Khoản 16, Điều 8, Mục 2 Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ: "a) Viên chức kiêm nhiệm giáo viên chủ nhiệm khi có đủ 2 điều kiện sau: - Có quyết định bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm của Hiệu trưởng đối với các lớp chưa ra trường.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm theo xác nhận của Phòng công tác Chính trị - Sinh viên." Vậy đề nghị Khoa Xây dựng gửi đề xuất bổ nhiệm GVCN các lớp văn bằng 2 về phòng CTCT-SV rà soát, trình Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm (qua phòng TCCB) làm cơ sở thanh toán chế độ hỗ trợ GVCN. Phòng ĐTĐH: GV chủ nhiệm có quyết định là được tính phụ cấp và được tính hỗ trợ không căn cứ B1 hay B2. Phòng CTCT-SV: Hiện tại các lớp VB2 ở HN có rất ít SV, việc hỗ trợ đang vướng quy chế chi tiêu nội bộ. Ở các điểm xa trường GVCN thuộc biên chế quản lý của điểm liên kết đào tạo, chúng tôi kiến nghị các thầy CVHT (lãnh đạo các bộ môn chủ quản) tiếp tục hỗ trợ SV như hiện tại, về cơ chế hỗ trợ sẽ xin ý kiến của Lãnh đạo Nhà trường để tìm giải pháp phù hợp.
43.	Số lượng sinh viên các lớp cần bố trí hợp lý (có lớp quá chật, không đủ chỗ cho sinh viên học).	Khoa CNTT	Phòng ĐTĐH	Số lượng phòng học lớn hạn chế, khoa lại có số lượng sinh viên lớn, giảng viên ít.
4. Công tác tài chính, cơ sở vật chất				
44.	Tìm mọi nguồn lực để nâng cao đời sống cán bộ viên chức trong Nhà trường.	Khoa Môi trường	Phòng TCCB, KHTC	Phòng TCCB: tiếp thu ý kiến, phối hợp các đơn vị liên quan để có giải pháp tăng nguồn thu cho Nhà trường. Phòng KHTC phối hợp với các đơn vị tăng thu từ hoạt động dịch vụ, thu từ hoạt động hợp tác liên kết, thu từ hợp đồng, đề tài, dự án...để bổ sung kinh phí cho nâng cao đời sống viên chức và người lao động.
45.	Hồ sơ thanh toán mở ngành gặp nhiều khó khăn.	Khoa Môi trường	Phòng KHTC	Tại điều 9, khoản 2, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định về các nội dung và mức chi về xây dựng đề án mở ngành đào tạo đại học và SĐH. Từ năm 2022, Nhà trường cũng đã thực hiện thanh quyết toán kinh phí mở ngành cho các ngành mới đã được phép tuyển sinh từ năm 2021. Hiện tại, phòng KHTC vẫn chưa nhận được hồ sơ mở ngành của Khoa Môi trường, nên không biết được khó khăn về hồ sơ thanh toán của Khoa. Đề nghị Khoa nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ và gửi phòng KHTC trước ngày 30/11/2023 để kịp xử lý trong thời gian Quyết toán tài chính năm 2023.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
46.	Có chính sách hợp lý về tỉ lệ phần trăm trích nộp về Nhà trường từ các hoạt động dịch vụ của Trung tâm, đánh giá phân loại phù hợp để khuyến khích cán bộ viên chức tích cực làm việc, ổn định cuộc sống và yên tâm công tác.	Trung tâm NN-TH	Phòng TCCB, KHTC	Phòng TCCB: - Trung tâm căn cứ kết luận kiểm tra theo Quyết định số 1682/QĐ-MĐC ngày 15/12/2022 đề xuất các giải pháp cụ thể để khắc phục khó khăn liên quan đến cơ chế tự chủ hoạt động của đơn vị. - Hệ thống đánh giá, xếp loại chất lượng theo KPIs thường xuyên rà soát, sửa đổi, đến nay đã sửa đổi, bổ sung 03 lần (Văn bản hợp nhất số 147/VBHN-HĐT ngày 24/10/2023) Phòng KHTC: Trung tâm nộp hồ sơ về Trường để có căn cứ các đơn vị chức năng làm việc.
47.	Đề nghị hỗ trợ Trung tâm về tài chính đặc biệt trong giai đoạn đầu thực hiện tự chủ. Hướng dẫn Trung tâm xây dựng đề án tự chủ tài chính và lộ trình từ tự chủ một phần đến tự chủ toàn bộ. Hướng dẫn Trung tâm xây dựng quy chế tài chính và phê duyệt quy chế chi tiêu nội bộ do Trung tâm đề xuất đảm bảo Trung tâm hoạt động theo đúng quy chế của Nhà trường và các quy định của pháp luật.	Trung tâm NN-TH	Phòng KHTC	Việc tự chủ của Trung tâm, đề nghị Trung tâm Ngoại ngữ xây dựng đề án tự chủ, quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ… và trình Ban Giám hiệu, Hội đồng trường xem xét, phê duyệt. Các năm đã thực hiện đề nghị Trung tâm báo cáo và trình Ban Giám Hiệu, Hội đồng trường phê duyệt mức thực hiện nghĩa vụ với Trường.
48.	Tăng cường cơ sở vật chất cho Trung tâm sử dụng hiệu quả và hợp lý.	Trung tâm NN-TH	Phòng CSVC	Trung tâm cần có đề xuất lên Nhà trường.
49.	Tiếp tục củng cố cơ sở vật chất tại cơ sở GDQP&AN để đảm bảo tốt nơi ăn ở cũng như đời sống sinh hoạt của sinh viên đáp ứng yêu cầu mặt bằng chung.	Khoa GDQP	Phòng CSVC	Phòng CSVC đã và đang phối hợp với khoa GDQP đáp ứng tốt công tác CSVC cho việc học tập tập trung.
50.	Nhà trường và các phòng chức năng đẩy nhanh thủ tục giúp Trung tâm trong việc đấu thầu các hạng mục sửa chữa thiết bị và mua vật tư đã được HĐT phê duyệt trong năm, tránh trường hợp để lâu sẽ gây ra hiện tượng hỏng dây chuyền thiết bị.	Trung tâm PTTN Công nghệ cao	Phòng CSVC	Phòng CSVC đã rất có trách nhiệm triển khai, hiện nay một số nội dung có phần triển khai chậm là do phải làm việc thống nhất về mặt chuyên môn với Trung tâm.
51.	Đầu tư CSVC cho chương trình chất lượng cao, đầu tư các thiết bị mạng cho chuyên môn quản trị mạng, bảo mật.	Khoa CNTT	Phòng CSVC	Việc đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo là cần thiết, tình trạng thiếu là tình hình chung trong Nhà trường, việc đầu tư trang thiết bị cho chương trình chất lượng cao đã được bàn thảo trong một hai cuộc họp, tuy nhiên đến nay chưa có sự thống nhất và chốt danh mục cần trang bị. Khoa và các Bộ môn trong khoa cần làm đề xuất dưới dạng Dự án hoặc Tiểu dự án lên Nhà trường.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
52.	Thực hiện bóc tách đơn giá đào tạo, xây dựng mức học phí phù hợp cho từng ngành.	Khoa CNTT	Phòng KHTC	Phòng KHTC và các đơn vị liên quan sẽ thực hiện khi Nhà trường giao nhiệm vụ.
53.	Các khoản chi như làm chương trình chất lượng cao nhưng giờ dừng vậy các chi phí đó Nhà trường sẽ thanh toán như thế nào?	Khoa KT - QTKD	Phòng ĐTĐH, KHTC	Đơn vị đầu mối thẩm định và xác nhận các nội dung thanh toán cho mở chương trình là Phòng ĐTĐH. Hiện tại quy định về các nội dung chi cho chương trình chất lượng cao chưa được quy định tại QCCTNB của Trường.
54.	Nhà trường yêu cầu rà soát chương trình đào tạo 2018, 2020, 2023 chi phí in ấn rất nhiều nhưng không được chi trả.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH, KHTC	Phòng ĐTĐH: Rà soát CTDT theo quy chế chi tiêu nội bộ có kinh phí hỗ trợ. Phòng KHTC: Tại điều 9, khoản 4, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định "Rà soát chương trình đào tạo: Nội dung và định mức chi bằng 10% định mức chi đề án mở ngành". Phòng ĐTĐH là đơn vị đầu mối thẩm định và xác nhận các nội dung thanh toán.
55.	Nhà trường cần có chế độ thanh toán trong việc in ấn, thuê chuyên gia thẩm định.	Khoa KT-QTKD	Phòng KHTC	Tại điều 9, khoản 2, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường có quy định về các nội dung và mức chi về xây dựng đề án mở ngành đào tạo đại học và sau đại học. Nhà trường hiện tại vẫn đang lấy ý kiến đóng góp bổ sung cho QCCTNB. Nếu cần bổ sung nội dung, định mức thanh toán, Khoa đề xuất bằng văn bản gửi về Ban Quy chế nội bộ của Trường.
56.	Tiền hỗ trợ kinh phí tuyển sinh văn bằng 2, liên thông 300.000đ/hồ sơ chưa được Nhà trường thanh toán. Cần có sự phối hợp giữa phòng ĐTĐH và phòng KHTC để thuận lợi trong việc thanh toán.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH, KHTC	Phòng ĐTĐH: Khi nhận được hồ sơ phòng sẽ xác nhận danh sách trúng tuyển, để các Ngành thanh toán theo quy chế chi tiêu nội bộ (300000đ/ hồ sơ với hệ VLVH, VB2, LT). Phòng KHTC: Đơn vị đầu mối thẩm định, xác nhận số lượng SV và các nội dung thanh toán cho hỗ trợ kinh phí tuyển sinh VB2, liên thông là Phòng ĐTĐH. Điều 8, khoản 11, mục d, QCCTNB của Trường quy định "Hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh đại học liên kết đào tạo hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông chính quy cho khoa, bộ môn mức hỗ trợ: 300.000 đồng/hồ sơ nhập học". Hiện tại chưa có bảng xác nhận số lượng sinh viên và kinh phí dự toán được phê duyệt của BGH cho nội dung trên để thực hiện thanh toán cho các Khoa và Bộ môn.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
57.	Cần đẩy nhanh công việc thanh toán, cần có biểu mẫu hướng dẫn làm thanh toán phù hợp.	Khoa KT-QTKD	Phòng KHTC	Nhà trường đã ban hành Quy định các thủ tục hành chính giải quyết ở bộ phận một cửa về thanh toán tài chính của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Nghị quyết số 95/NQ-HĐT ngày 26/4/2022; quyết định số 440/QĐ-MĐC ngày 18/5/2022). Tại quy định này đã phân định rất rõ thời gian thực hiện và có biểu mẫu chi tiết hướng dẫn cho người thanh toán.
58.	Đề nghị phòng KHTC phối hợp, hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc trong việc mua tài liệu và báo, tạp chí tiếng Việt. Điển hình là mỗi nhà cung cấp chỉ được 1 quý một lần, yêu cầu phòng KHTC nêu rõ công văn Nhà nước quy định về vấn đề này.	Trung tâm TTTV	Phòng KHTC	Phòng HCTH kiểm tra lại nội dung này, Phòng KHTC không yêu cầu như nội dung này đưa ra.
59.	Theo Quy chế chi tiêu nội bộ, khi làm quá giờ 8 tiếng tại Trường, đối với cán bộ viên chức hệ số 3.0 thì được hưởng khoảng 400.000đ. Đối với công tác tư vấn tuyển sinh, ví dụ như tư vấn tại Đại học Bách Khoa, hơn 8 tiếng thì được 100.000đ (Trước đây được hưởng 200.000đ, tại sao 2 năm nay lại giảm như vậy mà phòng QHCC liên tục đòi hỏi quyền lợi cho giảng viên, cán bộ Khoa, phòng ban tham gia tư vấn tuyển sinh chưa được đáp ứng).	Phòng QHCC&DN	Phòng KHTC, TCCB	Phòng TCCB: Đã có quy định về hồ sơ thanh toán chế độ làm thêm giờ. Phòng KHTC: "Theo Quy chế chi tiêu nội bộ, khi làm quá giờ 8 tiếng tại Trường, đối với cán bộ viên chức hệ số 3.0 thì được hưởng khoảng 400.000đ"- tại điều 3 khoản 10, QCCTNB của Trường quy định rõ về tiền lương làm thêm giờ và làm việc vào ban đêm nhưng không quy định như nội dung phòng QHCC phản ánh. Tại điều 17, khoản 2, biểu 43, mục I QCCTNB của Trường quy định mức chi cho cán bộ, SV tham gia công tác TVTS tại Hà Nội. Hiện tại Nhà trường đang thực hiện theo đúng quy định.
60.	Hỗ trợ kinh phí tuyển sinh thì các Khoa được hưởng nhưng tại sao các phòng liên quan không có.	Phòng ĐTĐH	Phòng QHCC&DN	Phòng làm công tác tư vấn tuyển sinh, còn kinh phí tuyển sinh phòng cũng không biết đơn vị nào quản lý.
61.	Nên bố trí hệ thống giám sát giảng dạy phù hợp trên lớp học để thuận tiện quản lý viên chức giảng dạy	Phòng ĐTĐH	Phòng CSVC	Điều này là rất tốt, tuy nhiên việc này phải làm đồng bộ từ các đơn vị quản lý trực tiếp đào tạo và cũng phải xuất phát từ các đơn vị này, phòng CSVC là đơn vị phối hợp thực hiện.
62.	Cần có thanh toán công tác GVCN cho các lớp dưới 5 sinh viên; chưa có kinh phí hỗ trợ GVCN các lớp VB2.	Khoa Mỏ, Xây dựng	Phòng TCCB, CTCT-SV	- Về ý kiến " chưa có kinh phí hỗ trợ GVCN các lớp VB2": theo Điểm a, Khoản 16, Điều 8, Mục 2 Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ:

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				"a) Viên chức kiêm nhiệm giáo viên chủ nhiệm khi có đủ 2 điều kiện sau: *- Có quyết định bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm của Hiệu trưởng đối với các lớp chưa ra trường.* *- Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm theo xác nhận của Phòng công tác Chính trị - Sinh viên."* Vậy đề nghị Khoa Xây dựng gửi đề xuất bổ nhiệm GVCN các lớp văn bằng 2 về phòng CTCT-SV rà soát, trình Hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm (qua phòng TCCB) làm cơ sở thanh toán chế độ hỗ trợ GVCN. - Về ý kiến "Cần có thanh toán công tác GVCN cho các lớp dưới 5 sinh viên": phòng TCCB tiếp thu, đề xuất sửa đổi bổ sung chế độ GVCN các lop dưới 5 sinh viên cho hợp lý. Phòng CTCT-SV: Tiếp thu ý kiến và sẽ trình lãnh đạo Nhà trường xử lý trong thời gian sớm nhất.
63.	Sinh viên học văn bằng 2 đã đóng học phí nhưng phần mềm vẫn báo chưa đóng; hỗ trợ tuyển sinh VB2 tại trường chưa có.	Khoa Xây dựng	Phòng ĐTĐH, KHTC	Phòng ĐTĐH: Nghiên cứu, kiểm tra và đề xuất Nhà trường Phòng KHTC: Điều 8, khoản 11, mục d, QCCTNB của Trường quy định "Hỗ trợ công tác tư vấn tuyển sinh đại học liên kết đào tạo hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông chính quy cho khoa, bộ môn mức hỗ trợ: 300.000 đồng/hồ sơ nhập học.
64.	Công tác khởi nghiệp trong quy chế chi tiêu nội bộ có quy định 30 giờ nhưng không rõ giờ dạy hay giờ NCKH, và thanh toán, xác nhận thế nào.	Khoa Xây dựng	Phòng ĐTĐH, KHCN, TCCB	Phòng KHTC: Phòng KHTC không có đủ thông tin về nội dung này để trả lời khoa Xây dựng. Phòng ĐTĐH: Trong quy chế 210 theo thông tư 08 của Bộ cũng không có thành phần này nên theo ý hiểu đây là giờ NCKH.
65.	Thanh toán kinh phí cho các Hội đồng hệ SĐH cần nhanh hơn.	Khoa Xây dựng	Phòng KHTC, SĐH	Công tác thanh toán kinh phí cho một số Hội đồng sau đại học vừa qua bị chậm là do nhiều Khoa/Bộ môn gửi hồ sơ bảo vệ tốt nghiệp về phòng Đào tạo Sau đại học muộn hơn quy định; học viên làm thủ tục thanh toán ra trường còn chậm chễ; nhầm lẫn thông tin về số tài khoản của một số cán bộ tham gia Hội đồng; các ngành đào tạo bảo vệ tốt nghiệp không cùng một đợt thậm chí cùng một lớp của một ngành bảo vệ tốt nghiệp làm nhiều lần trong một tháng dẫn

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				đến việc hoàn tất hồ sơ tài chính thanh quyết toán rất mất thời gian. Tiếp thu ý kiến góp ý của khoa Xây dựng, trong thời gian tới, phòng Đào tạo Sau đại học sẽ rà soát, kiểm tra chặt chẽ hơn việc hoàn thành hồ sơ các Hội đồng bảo vệ và phối hợp với các bộ môn, khoa chuyên môn và phòng Kế hoạch Tài chính tốt hơn nữa để công tác thanh toán kinh phí cho các Hội đồng hệ sau đại học nhanh chóng, dứt điểm.
66.	Về học phí đối với sinh viên ngành Quản lý công nghiệp đang thu theo sinh viên kỹ thuật, đề nghị xem xét vậy có hợp lý không.	Khoa KT-QTKD	Phòng KHTC, ĐTĐH	Phòng ĐTĐH: Đã xử lý xong, sinh viên ngành Quản lý công nghiệp đóng học phí theo khối ngành Kinh tế. Phòng KHTC: Trường đang thực hiện thu học phí căn cứ vào mức thu theo Nghị quyết Hội đồng trường phê duyệt, do đó đề nghị Khoa KT-QTKD phối hợp với phòng ĐTĐH trình HĐT phê duyệt mức thu đối với việc đào tạo sinh viên ngành Quản lý công nghiệp để có văn bản thực hiện nếu mức thu không theo Nghị quyết HĐT đã phê duyệt.
5. Công tác khoa học - công nghệ				
67.	Cần đẩy nhanh việc thanh toán kinh phí cho các đề tài NCKH.	Khoa KT-QTKD	Phòng KHCN	Có 3 đơn vị liên quan chủ yếu đến công tác tạm ứng, thanh toán kinh phí cho đề tài NCKH: Phòng KHCN phụ trách các vấn đề chuyên môn quá trình thực hiện đề tài (triển khai, kiểm tra đánh giá, nghiệm thu, thanh lý); phòng KHTC phụ trách hướng dẫn và làm thủ tục tạm ứng, thanh quyết toán sau khi có xác nhận hoàn thành nội dung chuyên môn từ phòng KHCN; Phòng CSVC phụ trách công tác đấu thầu liên quan đến đề tài. *Đối với đề tài NCKH các cấp của giảng viên:* Công tác tạm ứng - thanh quyết toán đề tài được Nhà trường triển khai ngay sau khi có Quyết định phân bổ kinh phí của Cơ quan chủa quản. Chủ nhiệm đề tài các cấp thực hiện các nội dung theo đúng tiến độ theo Thuyết minh được duyệt, công tác giải ngân tài chính được thực hiện sau khi Ngân sách Nhà nước chuyển đến tài khoản của Nhà trường. Phòng KHTC là đơn vị đầu mối hướng dẫn các nội dung tạm ứng - thanh quyết toán đối với các đề tài các cấp thực hiện trong năm học (phòng KHCN là đơn vị phối hợp). Chủ

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				nhiệm đề tài các cấp ngoài việc cần hoàn thiện các nội dung chuyên môn cần phải hoàn thiện đúng các Biểu mẫu về Tài chính đề tài theo Quy định của Nhà trường. Để công tác tạm ứng - thanh toán kinh phí được thực hiện đúng theo thời gian quy định, chủ nhiệm đề tài cần tuân thủ các mốc thời gian trong các chứng từ tài chính và theo deadline các văn bản hướng dẫn về thời gian thực hiện – thời gian nghiệm thu – thời gian kiểm tra tiến độ thực hiện các đề tài để đảm bảo các nội dung đề tài được thực hiện đầy đủ và đúng theo thời gian quy định. Hiệ nay, nguyên nhân việc thanh toán kinh phí chậm muộn được xác định như sau: 1. Các đề tài thực hiện không đảm bảo tiến độ theo TM được duyệt (đa phần thiếu sản phẩm theo đúng đăng ký trong TM) và xin gia hạn cũng như nghiệm thu muộn. 2. Chủ nhiệm đề tài tiếp cận chưa thật sát sao các biểu mẫu cũng như các yêu cầu thay đổi trong quá trình thực hiện thanh quyết toán đề tài (có thể có những thay đổi trong quá trình thực hiện mới phát sinh do có sự điều chỉnh quy trình cũng như biểu mẫu thanh toán từ phía Kho bạc Nhà nước), do đó dẫn đến nhiều sai sót trong các chứng từ để phục vụ Thanh quyết toán 3. Chủ nhiệm đề tài chưa chủ động triển khai và kết hợp với các phòng chức năng thực hiện các nội dung giải chi kinh phí, đặc biệt các đề tài có nội dung liên quan đến công tác Đấu thầu thiết bị cũng như công việc mua bán vật tư hoá chất, nguyên – nhiên vật liệu và các hợp đồng thuê thí nghiệm mẫu,v.vv… 4. Một số chủ nhiệm đề tài không nộp sản phẩm theo đúng thời gian yêu cầu của Thuyết minh được duyệt và của phòng chức năng, dẫn đến việc thẩm định sản phẩm cũng như xác nhận biên bản bàn giao sản phẩm đối với các đề tài bị chậm trễ hơn, ảnh hưởng đến thời gian nộp và xử lý hồ sơ. 5. Việc thanh toán các đề tài thường diễn ra vào tháng 12

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				hàng năm, cũng là thời điểm Khoá sổ thanh toán với nhiều nội dung của các đơn vị trong Trường, một số đề tài nộp thanh toán không đúng theo thời gian quy định của phòng KHTC, dẫn đến thời gian xử lý đối với các hồ sơ nêu trên không đáp ứng được yêu cầu về thời gian chung do Kho bạc quy định. *Đối với đề tài NCKH SV:* Năm học 2022-2023 là năm đầu tiên triển khai thực hiện chuyển khoản qua tài khoản kinh phí thực hiện đến thành viên thực hiện trong đề tài (từ hình thức chi trả ban đầu là lĩnh tiền mặt sang hình thức chuyển khoản). Tại thời điểm bắt đầu triển khai các thủ tục tạm ứng, kinh phí sẽ được chuyển đến 01 sinh viên đại diện nhóm (người được uỷ quyền), tuy nhiên do có sự điều chỉnh từ Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện Thu chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước và Ngân hàng, kinh phí sẽ được chuyển đến từng sinh viên thực hiện đề tài. Do vậy các Khoa tập hợp số tài khoản của toàn bộ sinh viên và sau khi Hội nghị kết thúc, kinh phí sẽ được chuyển đến sinh viên thực hiện đề tài đạt yêu cầu. Số tài khoản sinh viên trong Trường mặc dù được Nhà trường thiết lập cho các em, tuy nhiên số lượng sinh viên dùng số tài khoản ngoài BIDV còn rất nhiều, dẫn đến việc kiểm soát thông tin về số tài khoản của sinh gặp nhiều khó khăn, không chuyển khoản được đến các SV sai số tài khoản và Nhà trường phải cập nhật, chuyển lại đúng theo danh sách tra soát sai sót của Kho bạc Nhà nước gửi về, dẫn đến việc một số sinh viên sẽ nhận kinh phí chậm hơn các bạn cùng nhóm. Để khắc phục tình trạng trên, trong năm học 2023-2024 Nhà trường đã yêu cầu sinh viên đăng ký thực hiện đề tài kê khai đầy đủ số tài khoản vào Phiếu đăng ký thực hiện đề tài, các Khoa tập hợp và rà soát để hạn chế sai sót trong kê khai của sinh viên.

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
68.	Quy định khen thưởng các bài báo quốc tế còn chưa hợp lý.	Khoa Cơ - Điện	Phòng KHCN	Trong thực tế, Nhà trường đã có cơ chế hỗ trợ thưởng các bài báo quốc tế xuất bản trên các tạp chí quốc tế uy tín năm trong danh mục Web of Science (WoS), Scopus ban hành theo Quyết định số 1517/QĐ-MĐC ngày 01/11/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất (áp dụng đối với các bài báo đăng trước thời điểm 1/8/2022) và Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất, có hiệu lực từ ngày 01/8/2022 (áp dụng đối với các bài báo đăng sau thời điểm 1/8/2022 - nay). Mức chi tưởng tối đa cho công bố quốc tế là 100 triệu đồng. Mức chi thưởng của Nhà trường được nghiên cứu và xây dựng dựa trên mặt bằng chi thưởng chung của các Cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo nói chung và các Trường Đại học kỹ thuật nói riêng. Mức chi hiện nay của Trường ĐH Mỏ - Địa chất cao hơn bình quân các trường có cùng đặc thù như Trường ĐH Xây dựng Hà Nội, Trường ĐH GTVT. Đối với các công bố khoa học quốc trên các tạp chí quốc tế uy tín thuộc danh mục WoS và Scopus ngoài việc hưởng mức khen thưởng theo quy định của Nhà trường còn có cơ hội nhận được Khen thưởng từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo nguồn phân bổ không thường xuyên của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Quy tắc phân chia kinh phí chi thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo tuân thủ theo Quyết định số 508/QĐ-MĐC ngày 03/6/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất và được dự thảo, lấy ý kiến đóng góp của Cán bộ - Giảng viên toàn Trường trước khi ra Quyết định chi thưởng. Sự chênh lệch kinh phí thưởng của Bộ Giáo dục và Đào tạo so với Mức thưởng của Nhà trường đối với một công bố khoa học phụ thuộc nhiều vào:

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				1. Phân hạng Q của bài báo trong Lĩnh vực nghiên cứu (Subject); 2. Vai trò của tác giả trong bài báo, số tác giả HUMG có trong bài báo; 3. Số đơn vị mà tác giả đứng tên trong bài báo; 4. Bài báo có phải sản phẩm của đề tài ngoài Trường hay không? Kinh phí cấp hàng năm của Bộ chi thưởng cho các bài báo quốc tế thuộc WoS của Trường.
6. Các công tác khác				
69.	Nhà trường và các phòng chức năng sớm duyệt Quy chế chi tiêu nội bộ của Trung tâm (đã nộp lên Trường) để đưa ra quy chế khoán đối với từng mảng hoạt động của Trung tâm để Trung tâm có căn cứ triển khai và thực hiện nghĩa vụ với Nhà trường.	Trung tâm PTCN Công nghệ cao	Phòng TCCB, KHTC	Phòng KHTC : Việc tự chủ của Trung tâm, đề nghị Trung tâm Phân tích công nghệ Cao xây dựng đề án tự chủ, quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ… và trình Ban Giám hiệu, Hội đồng trường xem xét, phê duyệt. Các năm đã thực hiện đề nghị Trung tâm báo cáo và trình HĐT phê duyệt mức thực hiện nghĩa vụ với Trường theo số liệu thực tế.
70.	Về vấn đề viết giáo trình chưa hoàn thành theo kế hoạch năm học vừa rồi, nguyên nhân là do khối lượng công việc của các thầy cô nhiều, cơ chế chính sách chưa đủ để khuyến khích các thầy cô viết; cơ chế trả thấp; chưa tạo động lực.	Khoa KT-QTKD	Phòng ĐTĐH, KHTC	Phòng ĐTĐH: Về giáo trình đã có quy định QĐ số 748 ban hành ngày 28/6/2022. Chế độ hỗ trợ các thầy cô viết giáo trình theo quy chế chi tiêu nội bộ. Phòng KHTC: Năm học 2022-2023, Trường tiếp tục rà soát, sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ. Nếu cần bổ sung nội dung, định mức thanh toán, Khoa đề xuất bằng văn bản gửi về Ban Quy chế nội bộ của Trường.
71.	Đề nghị có chế độ cho Faculty advisor của SPE - HUMG Chapter (trực thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất). SPE - HUMG Chapter với thành viên đến từ các khoa trong toàn Trường, hoạt động rất hiệu quả nhiều năm nay nhưng Faculty advisor không được hưởng bất kỳ quyền lợi nào.	Khoa Dầu khí và Năng lượng	Phòng TCCB, QHCC&DN	Phòng TCCB: Cần rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, KPIs của Faculty advisor của SPE - HUMG, đồng thời phù hợp với hoạt động của các viên chức giảng dạy khác trong việc hướng dẫn, cố vấn, đào tạo ... các cá nhân, tổ chức trong và ngoài Trường liên quan đến chuyên môn của giảng viên. Phòng QHCC&DN: Chế độ cho Faculty advisor của SPE - HUMG Chapter phòng QHCC&DN không quản lý nên không được biết.
72.	Đề nghị phòng HCTH kiểm tra lại số xe trên bảng điện tử và số xe thực tế đỗ trong trường và có giải pháp gì để tăng chỗ đỗ xe cho CBVC.	Khoa Mỏ	Phòng HCTH	*Về cơ bản thì số lượng xe trên bảng điện tử phản ánh chính xác số lượng xe của CBVC có mặt trong Trường. Tuy nhiên,*

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
				có những trường hợp đặc biệt khiến cho số lượng xe có mặt trong Trường có thể lớn hơn so với số chỗ đỗ theo quy định: - Những hôm thời tiết mưa bão, Tổ bảo vệ linh động cho xe ô tô của CB vào trường nhiều nhất có thể để CBVC đi lại đỡ vất vả. - Một số trường hợp đặc biệt đã được BGH cho phép từ trước được phép ưu tiên vào Trường vì điều kiện sức khỏe yếu. - Một số đầu xe của các Trung tâm, Công ty trong Trường (Codeco, Trung tâm KHKT Mỏ - Địa chất, Trung tâm Địa kỹ thuật...) mặc dù các vị trí đỗ quy định trong Trường đã hết nhưng vẫn được vào Trường vì đây là tài sản của các Công ty và cũng là của Nhà trường. - Những hôm Nhà trường có những Hội nghị, Hội đồng bảo vệ... khách vào nhiều. *- Phòng HCTH đã phối hợp cùng Phòng CSVC đi khảo sát lại chỗ đỗ xe và đề xuất lên Nhà trường tăng số chỗ đỗ từ 74 lên 94 chỗ nhưng chưa được Nhà trường chấp thuận vì ảnh hưởng đến cảnh quan và PCCC.*
73.	Cần có giải pháp xử lý khủng hoảng truyền thông hợp lý, kịp thời.	Khoa Cơ - Điện	Phòng HCTH, QHCC&DN	Nhất trí cần kịp thời và yêu cầu đưa vào quy chế nội bộ.
74.	Tình hình tuyển sinh thấp, ảnh hưởng đến tâm tư đời sống cán bộ và đánh giá, xếp loại thi đua, đề nghị Nhà trường hỗ trợ công tác tuyên truyền, tư vấn tuyển sinh cho khoa.	Khoa Môi trường	Phòng QHCC&DN	Phòng luôn hỗ trợ công tác truyền thông và TVTS cho khoa Môi trường cũng như các khoa khác, cán bộ khoa Môi trường vẫn tham gia đầy đủ các chương trình TVTS của Nhà Trường.
75.	Đối với các hoạt động văn thể cấp khoa, có thể trao quyền quyết định việc tổ chức hoặc không tổ chức cho Khoa (hội thao Khoa, văn nghệ Khoa…) nhất là khoa có số lượng cán bộ, sinh viên ít, có khó khăn trong tổ chức và kinh phí hoạt động. Đề nghị phân chia kinh phí ở mức tối thiểu có thể tổ chức được các hoạt động sau đó mới căn cứ số lượng sinh viên để phân tích kinh phí theo tỉ lệ bởi khoa nhiều hay ít sinh	Khoa Môi trường	Phòng CTCT-SV	Hiện tại công tác văn thể vẫn đang vận hành theo mô hình này, các Khoa được quyền tự quyết định việc tổ chức hay không tổ chức các hoạt động tương ứng có liên quan đến sinh viên. Về kinh phí phải thực hiện theo hướng dẫn của phòng KHTC và Quy chế chi tiêu nội bộ, do vậy những hạng mục nào phải thanh quyết toán theo số lượng SV tương ứng với dự trù kinh phí sẽ không thể làm khác được, còn các hạng

TT	Nội dung	Đơn vị ý kiến	Đơn vị giải trình	Nội dung giải trình
	viên đều tổ chức số lượng hoạt động như theo chỉ đạo của Nhà trường.			mục có liên quan đến đầu nội dung công việc, phòng sẽ tiếp thu và có điều chỉnh tương ứng trong các VB hướng dẫn sắp tới.